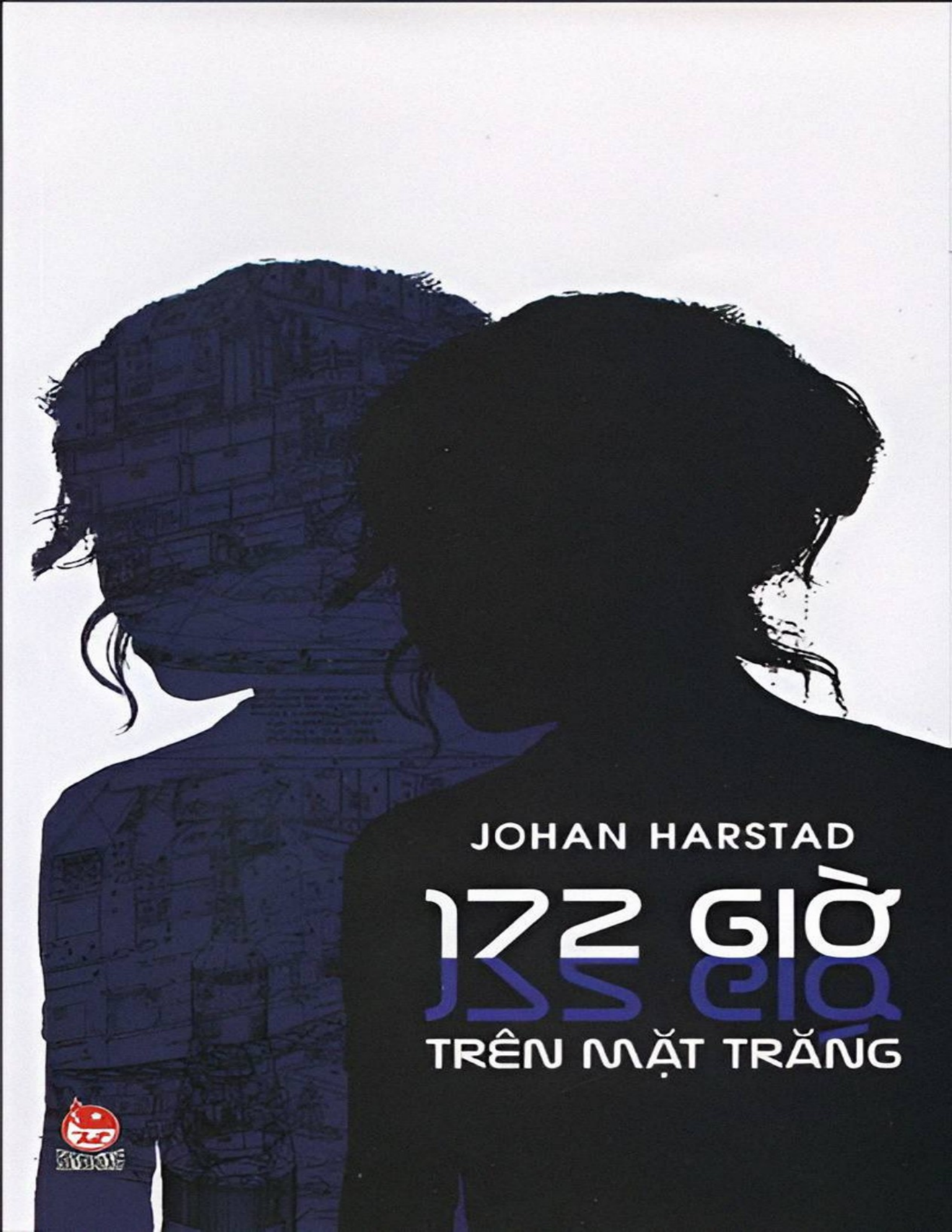




JOHAN HARSTAD

172 GIỜ
TRÊN MẶT TRĂNG



JOHAN HARSTAD

172 GIỜ TRÊN MẶT TRĂNG

Dịch từ bản dịch tiếng Anh của

Tara F. Chace

Người dịch: Nguyễn Hương

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG





172 giờ trên Mặt Trăng (được xuất bản ở Na Uy với tên DARLAH 2: 172 timer på månen) là cuốn tiểu thuyết cho thanh thiếu niên đầu tiên của nhà văn Na Uy Johan Harstad. Tập sách được Giải thưởng Brage năm 2008, một trong những giải thưởng văn học danh giá nhất Na Uy.

Cuốn sách hiện đã được xuất bản tại mười nước châu Âu, châu Á và châu Mỹ.

Darlah – 172 timer på månen

Copyright © CAPPELEN DAMM AS 2008

Xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa
CAPPELEN DAMM AS và Nhà xuất bản Kim Đồng, 2014

Bản quyền bản tiếng Việt thuộc về Nhà xuất bản Kim Đồng 2014

Bản quyền hình ảnh:

Trang 5, 22, 127, 163, 245, 251, 320, 330, 351

Trang 42: Ryan McVay/Getty Images; © Getty Images

Trang 60, 61, 95, 130, 340 © LaCkTr

Trang 197, 198, 282 © Rodeo Architects

Trang 262: ESA – European Space Agency

Trang 278: The Ohio State University Radio Observatory

Trình bày bìa: **Diep Colour**

MỞ ĐẦU: THÁNG HAI, 2010

“Kính thưa các ngài, đã đến lúc rồi,” Tiến sĩ □□□ nói, ánh mắt quét một vòng qua bảy con người đóng bộ chỉnh tề ngồi quanh bàn họp. Những nhân vật thuộc hàng quyền lực nhất đất nước này đang tụ họp lại trong phòng họp lớn nhất của trụ sở NASA ở thủ đô Washington, vào lúc gần mười một giờ đêm.

Họ sẽ phải sớm đưa ra quyết định.

“Quyết định của các ngài là gì?” Tiến sĩ □□□ nôn nóng hỏi.

Khói thuốc lá giăng dày đặc trong căn phòng, khiến bầu không khí càng thêm u ám. Mọi điều luật cấm hút thuốc trong công sở đã bị gạt sang bên khi thần kinh căng thẳng đến cực hạn.

“Hừm,” một trong bảy người cất lời, miệng vẫn gặm đầu bút chì, “Ngài phải hiểu rằng đó là một đề xuất cực kì mạo hiểm. Liệu có đáng không?”

“Công chúng đã hoàn toàn hết hứng thú với các nhiệm vụ thám hiểm Mặt Trăng từ trước lần phóng gần đây nhất vào năm 1972,” một người khác nói. “Sao ngài lại nghĩ họ sẽ ủng hộ chúng ta quay trở lại?”

“Chuyện đó có thể giải quyết được,” người thứ ba nói. “Chúng ta có thể nói với họ rằng có nhiều khả năng ta sẽ tìm thấy một lượng lớn tantalum 73¹ ở cực nam Mặt Trăng.”

Cả căn phòng lập tức xôn xao, sự căng thẳng bắt đầu tăng dần.

“Hãy tin tôi, các vị không muốn quay trở lại cực nam đâu.”

“Tất nhiên là không.”

“Chết người đấy.”

“Tôi biết điều đó.”

“Nếu là tôi thì tôi sẽ không đụng đến nơi đó nữa.”

“Thưa các ngài,” Tiến sĩ □□□ ngắt lời, “các ngài có biết việc phát hiện ra tantali 73 có tầm quan trọng đến mức nào không? Hầu hết các công nghệ ngày nay đều phụ thuộc vào chất này. Người ta sẽ đổ tiền vào tài trợ chúng ta.”

“Vậy là chúng ta sẽ lên đó để tìm tài nguyên thiên nhiên ư? Tôi cứ tưởng...” một người nói.

Tiến sĩ □□□ lại ngắt lời. “Không, chúng ta không lên đó tìm tài nguyên thiên nhiên.”

Vị Tổng Tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ hắng giọng.

“Cho phép tôi nói thẳng với các vị. Chúng ta sẽ không đến cực nam Mặt Trăng, và việc có hay không có tantali 73 trên Mặt Trăng hoàn toàn không quan trọng.”

Sự bối rối lan khắp phòng họp.

“Tôi tin rằng một số trong các ngài đã nghe nói đến Dự án Đường Chân Trời?” Tổng Tham mưu trưởng nói tiếp.

Người lên tiếng đầu tiên trả lời, “Ngài muốn nói đến nghiên cứu đã hoàn thành vào cuối những năm năm mươi? Đó là kế hoạch

xây dựng một căn cứ quân sự trên Mặt Trăng phải không? Tôi tưởng nó đã bị bãi bỏ rồi mà.”

Tiến sĩ □□□ lắc đầu. “Đó không phải căn cứ quân sự.” Ông ta nhìn vị Tổng Tham mưu trưởng. “Đó chỉ là một trạm nghiên cứu thôi. Đúng không ạ?”

Vị Tổng Tham mưu trưởng không trả lời. Ông ta nhìn vị tiến sĩ bằng ánh mắt thân thiện. “Nó được gọi là DARLAH 2. Nó được xây dựng trong những năm năm mươi dưới tên gọi Chiến dịch DP7.”

“Nhưng vì sao... không một ai trong chúng tôi từng được nghe về việc này?”

“Mọi thông tin liên quan đến DARLAH 2 đều là thông tin tuyệt mật cho đến mãi gần đây. Vì lí do an ninh.” Tổng Tham mưu trưởng dừng lời giây lát, băn khoăn không biết có nên nói thêm không.

Vị tiến sĩ đã kịp lên tiếng giải thích trước, “DARLAH 2 được xây dựng từ năm 1974 đến 1976. Nhưng căn cứ này nằm trong Biển Yên Bình², nơi mà, như các ngài đã biết, Armstrong và Aldrin đã hạ cánh vào năm sáu chín. Ngoài ra ở đó không có cuộc hạ cánh nào khác.”

“Vì sao lại xây căn cứ đó?” Một người nãy giờ vẫn yên lặng, hỏi.

“Chúng tôi tìm thấy một thứ,” Tiến sĩ □□□ trả lời.

“Ngài nói rõ hơn được không?”

“Chúng tôi không biết thứ đó là gì. Kế hoạch của chúng tôi là tiếp tục nghiên cứu và cử người lên trực tại căn cứ trên Mặt Trăng, nhưng các ngài cũng đã biết, sau năm 1976 chúng ta bị cắt nguồn

kinh phí. Và như tôi đã nói trước đó, ngân quỹ không phải là lí do duy nhất khiến chương trình trên Mặt Trăng bị hủy bỏ. Sự thật là... thứ chúng tôi phát hiện thấy trên đó không phải loại phát hiện mà chúng ta có thể nhận được tiền để nghiên cứu tiếp. Chúng tôi được lệnh không can thiệp vào việc đó nữa. Vậy nên chúng tôi coi như nó chưa từng tồn tại... và, đằng nào thì tín hiệu của thứ đó cũng đã biến mất.”

“Cho đến khi nó xuất hiện trở lại vào mùa thu năm ngoái,” Tổng Tham mưu trưởng tiếp lời.

“*Tín hiệu?* Nó? Nó là cái gì cơ chứ?” Một trong số các cử tọa đang bối rối kêu lên. Tiến sĩ □□□ nhìn người vừa hỏi, rồi với tay lôi thứ gì đó ra khỏi cặp tài liệu. Ông ta đặt một tập tài liệu lên bàn và lôi ra một tấm ảnh cỡ bốn nhân sáu.

“Bức ảnh này được James Irwin của *Apollo 15* chụp trên Mặt Trăng. Viên phi hành gia trong ảnh là David R. Scott.”

“Thế còn... người ở đằng sau là ai?” Một người hỏi.

“Chúng tôi không biết.”

“Các ngài *không biết* ư? Chuyện quái gì thế này?”

“Việc gì cũng có lúc của nó, thưa các ngài. Mọi thông tin các ngài đang hỏi sẽ được trả lời sau khi chúng ta đã bỏ phiếu công khai cho việc tiếp tục tiến hành kế hoạch, mà, tôi phải nhắc các ngài nhớ rằng, đích thân tổng thống hoàn toàn ủng hộ. Nào, giờ hãy thảo luận xem chúng ta sẽ giải thích như thế nào về việc chúng ta có một căn cứ bỏ không trên Mặt Trăng suốt bốn mươi năm mà không ai được biết.”

“Bỏ không? Ngài muốn nói là chưa từng có ai ở tại căn cứ đó ư?” Một trong số các phi hành gia có mặt trong phòng hỏi. “Vậy còn những người đã xây dựng nó thì sao?”

“Họ chưa bao giờ vào trong. Các bộ phận được lắp ráp trên bề mặt Mặt Trăng bằng máy, không phải bằng sức người.”

Một người đã ủng hộ kế hoạch đứng dậy, mỉm cười tự tin: “Chúng ta sẽ nói là chúng ta đã kiểm tra căn cứ này suốt bốn mươi năm, để đảm bảo nó hoạt động tốt.”

“Vậy nó có hoạt động tốt thật không?” Một người khác hỏi.

“Trên nguyên tắc thì có,” người nọ trả lời, dù nụ cười trên mặt không còn tự tin như trước nữa.

“Trên nguyên tắc thì chưa đủ đâu.”

“Phải chấp nhận thôi. Chúng ta phải quay trở lại đó trong vòng một thập kỉ, trước khi có người đến đó trước.”

Một vài người có mặt vẫn có vẻ hoài nghi, nếu không muốn nói là sống sót.

“Nhưng các ngài định cử ai lên đó? Họ sẽ làm gì?”

“Chuyến đầu tiên sẽ thực hiện ba nhiệm vụ đơn giản. Một: Họ phải kiểm tra căn cứ để bảo đảm nó hoạt động đúng như yêu cầu. Hai: Họ phải nghiên cứu khả năng khai thác những kim loại hiếm trên Trái Đất có thể giúp Hoa Kỳ chiếm ưu thế trên thị trường sản xuất công nghệ. Và ba – và cũng là nhiệm vụ quan trọng nhất, thưa các ngài – họ phải thu hút sự chú ý của truyền thông, và việc đó sẽ bảo đảm cho chúng ta nguồn tài trợ kinh phí đủ để tiếp tục nghiên cứu và... loại bỏ mọi... vấn đề.”

“Vấn đề thế nào?” Có người hỏi.

Tiến sĩ □□□ đưa tay lên như thế để ngăn lại lời của đối phương. “Như tôi đã nói, chúng ta sẽ nói về chuyện đó sau. Ý tưởng của chúng tôi là biến cả kế hoạch này thành một cuộc ăn mừng kỉ niệm năm mươi năm ngày con người đặt chân lên Mặt Trăng. Chúng ta sẽ xây dựng một phiên bản mới, hiện đại của các tên lửa trong chương trình Apollo kinh điển từ những năm sáu mươi và bảy mươi. Chúng sẽ khiến mọi người có cảm giác hoài cổ.”

“Nhưng có ai dưới tuổi bốn mươi lăm còn nhớ những nhiệm vụ Apollo đó đâu?”

Tiến sĩ □□□ đợi một hồi lâu trước khi lên tiếng. Ông ta là một người thông minh, và phải giải thích từng chi tiết cho những kẻ tai to mặt lớn lồ bịch này khiến ông ta mất dần bình tĩnh. May mắn là ông ta đã tập dượt trước cuộc đối thoại này trong đầu rất nhiều lần, và đã có câu trả lời cho bất kì câu hỏi nào, kể cả về ý tưởng hoàn hảo trong việc thu hút sự quan tâm của cả *thế giới* vào nhiệm vụ này. “Thưa các vị, nếu chúng ta cử một vài thiếu niên lên đó thì sao?”

Không ai trả lời. Tất cả bọn họ chỉ ngồi đó, chờ ông ta cười vì họ cho rằng ông ta đang nói đùa.

Nhưng ông ta không nói đùa.

“Ngài định cử *trẻ con* lên đó? Vì lí do quý quái gì mà ngài lại muốn cho trẻ con lên Mặt Trăng?” Một người hỏi.

Tiến sĩ □□□ nở một nụ cười kẻ cả và trả lời. “Nếu chúng ta chọn ba người trẻ tuổi, ba thiếu niên, đi cùng các phi hành gia, chúng ta sẽ khiến cả thế hệ trẻ hứng thú về thám hiểm vũ trụ. Việc đó sẽ tạo ra một cơn sốt tầm cỡ toàn cầu.”

“Nhưng... mới một phút trước ngài còn đang nói rằng có thứ gì đó... *chưa xác định* trên đó. Rằng không một ai có thể nói chắc thứ đó là gì hay có những hậu quả tiềm tàng nào ta sẽ phải đối mặt. Thế mà ngài lại định cử những thiếu niên vô tội, chưa qua đào tạo lên đó như kiểu *chuột bạch* vậy sao?”

“Lợi ích nhiều hơn rủi ro,” Tiến sĩ □□□ trả lời. “Nguy cơ có chuyện xảy ra trong chương trình lần này là rất nhỏ, mà các phi hành gia sẽ có cơ hội lắp đặt các thiết bị quan trọng và thực hiện những nghiên cứu cần thiết. Nói một cách đơn giản, tôi nghĩ nên coi đây là hai nhiệm vụ trong một. Thứ nhất – phần của chúng ta – là tìm được mỏ tantali 73 tiềm năng...”

“Tôi tưởng ngài vừa bảo thực chất chúng ta không hề tìm tantali?”

“Đúng vậy.” Tiến sĩ nói tiếp. “Phần thứ hai sẽ là nhiệm vụ của các thiếu niên, và chúng sẽ không mất mấy công sức đâu. Giới truyền thông sẽ tự động dồn sự chú ý về phía chúng. Chúng sẽ thể hiện nhiệm vụ này như thể một chuyến tham quan Disneyland, chỉ có điều là một phiên bản tuyệt diệu diễn ra ngoài không gian mà thôi. Và, trên hết, bản thăm dò sơ bộ của tôi cho thấy rằng một số tập đoàn lớn hầu như chắc chắn sẽ tài trợ, tức là chúng ta sẽ có đủ số tiền cần thiết cho một nhiệm vụ thứ hai.”

“Còn có cả nhiệm vụ thứ hai nữa ư?”

“Tôi e là vậy.”

“Ngài muốn bọn trẻ tham gia cả chuyến thứ hai nữa ư?”

“Không.”

Tiến sĩ □□□ giơ lên hai phong bì dày đánh dấu tối mật. “Thiếu niên lên Mặt Trăng, thưa các vị, chính là giải pháp chúng ta đang tìm kiếm. Đó là chiếc chìa khóa mở cánh cửa.”

“Nhưng làm thế nào để quyết định ai sẽ là người đi?”

Tiến sĩ lại nở một nụ cười còn ranh mãnh hơn trước, và trả lời, “Chúng ta sẽ rút thăm.”

1

TRÁI ĐẤT

CƠ HỘI - 2018

“Con chưa từng nghe chuyện gì ngu xuẩn đến vậy,” Mia Nomeland trả lời bố mẹ kèm một cái nhìn lãnh đạm. “Không đời nào.”

“Nhưng Mia, con à, con không nghĩ đây là một cơ hội tuyệt vời hay sao?”

Bố mẹ cô đang ngồi cạnh nhau trên ghế sofa, như thể hai người bị dính chặt lấy nhau. Tờ quảng cáo họ cắt ra từ một tờ báo đang nằm trên bàn nước trước mặt họ. Bất kì góc ngách nào trên thế giới cũng đều đã được nhìn thấy nó dưới dạng này hay dạng khác. Chiến dịch quảng cáo này đã phát ra rả suốt nhiều tuần trên tivi, đài báo và internet, và cái tên NASA đang trên đường trở thành cái tên nổi tiếng khắp toàn cầu, sánh ngang với Coca-Cola và McDonald.

“Cơ hội để làm gì cơ chứ ạ? Để biến mình thành đứa ngốc à?”

“Thì con cứ thử cân nhắc đi đã.” Mẹ cô vẫn cố thuyết phục. “Một tháng nữa mới hết hạn đăng kí mà.”

“Không! Con không muốn cân nhắc. Con chẳng có việc gì trên ấy cả. Bất kì nơi nào cũng đều có việc gì đó cho con làm *ngoại trừ* trên Mặt Trăng.”

“Nếu mẹ là con thì mẹ đã đăng kí ngay tại chỗ rồi,” mẹ cô nói.

“Vâng ạ, thế nên con bảo đảm lũ bạn con đều rất mừng vì mẹ không phải là con đấy.”

“Mia!”

“Được rồi, con xin lỗi. Nhưng vấn đề là con... con không *quan tâm*. Chuyện đó khó hiểu với bố mẹ lắm ư? Bố mẹ vẫn luôn bảo con rằng thế giới có đầy cơ hội và con phải chọn lấy cái này còn bỏ qua những cái khác. Và rằng cuộc đời một con người luôn có thừa cơ hội cơ mà. Đúng không bố?”

Bố cô ậm ừ trả lời và nhìn đi nơi khác.

Mẹ cô thở dài. “Mẹ sẽ để tờ quảng cáo trên mặt đàn piano này ít lâu nhé, phòng khi con đổi ý.”

Lúc nào cũng thế, Mia vừa nghĩ vừa rời khỏi phòng khách. Họ chẳng chịu nghe gì cả. Họ chỉ chờ cho mình nói xong rồi làm theo ý họ.

Mia lên phòng của mình trên gác mái và bắt đầu tập. Riêng trong chuyện âm nhạc, cô không bao giờ lười biếng. Cô đã tập đàn guitar suốt hai năm, và trong một năm rưỡi qua cô là giọng hát chính của ban nhạc Rogue Squadron, một cái tên mang âm hưởng từ những năm bảy mươi nhưng vẫn phù hợp với một ban nhạc punk rock có hơi hướng của một kỉ nguyên khác, có lẽ là năm 1982, hoặc là năm 1984. Dù không phải lúc nào cô cũng nhớ làm hết bài tập về nhà, nhưng cô luôn bảo đảm mình biết rõ về lịch sử thứ âm nhạc của mình hơn bất cứ ai.



BẠN CÓ MUỐN LÊN

MẶT TRĂNG?

BẠN CÓ ĐANG Ở TUỔI TỪ 14 ĐẾN 18?

HÃY CÙNG TRẢI NGHIỆM 172 GIỜ TRÊN MẶT TRĂNG
TẠI TRẠM VŨ TRỤ MẶT TRĂNG DARLH 2



TRỞ LẠI MẶT TRĂNG

NASAMOONRETURN.COM

Phát hiện mới nhất của cô là ban nhạc Talking Heads³, một ban nhạc đang dần dần nhưng chắc chắn chiếm được cảm tình của cô. Hay nói cách khác là cô đang cố gắng hết sức để yêu thích họ, vì cô biết nhạc của họ rất hay. Cô vẫn thấy khá khó khăn khi phải nghe lâu. Và cô không biết chắc nhạc của họ là post - punk hay rock hay chỉ là pop, khiến cho mọi chuyện càng phức tạp hơn. Nhưng nó mang cái âm hưởng điện tử lạnh lẽo của những năm tám mươi, khiến cô biết nó sẽ rất hợp với mình, miễn là cô làm quen được với nó.

Cô tập đàn trong một giờ và soạn một bài hát mới cóp nhặt vài đoạn từ một số bài hát mà cô chắc chưa ai từng nghe. Như vậy là đủ để mang tới tập với ban nhạc trong buổi tập ngày mai. Sau khi chơi thử bài hát năm lần và tin là mình đã ghi nhớ giai điệu, cô đặt cây đàn guitar xuống, cắm tai nghe vào bộ dàn stereo, và ấn nút *play*. Nhạc của ban nhạc mà cô đã quyết định sẽ yêu thích tràn ngập hai tai cô. Cô nằm xuống giường và nhắm mắt lại.

“Con đang nghe gì thế Mia?” Bố cô vừa hỏi vừa nhấc một bên tai nghe ra. Ông đang cố gắng xoa dịu dư âm khó chịu từ cuộc nói chuyện khi nãy.

“Talking Heads ạ,” cô trả lời.

“Hồi bố còn trẻ ban nhạc này được yêu thích lắm đấy.”

Mia nhìn bố nhưng không trả lời.

“Đó là một cơ hội tuyệt diệu, Mia ạ, Mặt Trăng ấy. Bố - *cả bố lẫn mẹ* - chỉ muốn điều tốt nhất cho con thôi. Con biết điều đó mà.”

Cô than thầm trong bụng nhưng vẫn cố mỉm cười. “Bố, con xin bố đấy. Đừng nói về chuyện này nữa, được không?”

Nhưng bố cô vẫn không chịu thôi.

“Và cho cả ban nhạc của con nữa, con đã từng nghĩ đến chưa? Chẳng lẽ mấy đứa không muốn được nổi tiếng sao? Bố nghĩ hình ảnh của Rough Squadron trong công chúng sẽ được lợi khi ca sĩ chính là một phi hành gia nổi tiếng thế giới.”

“Rogue Squadron ợ,” cô sửa lại.

“Nói chung là,” ông đáp, “con hiểu bố muốn nói gì rồi đấy.” Rồi ông ra khỏi phòng, cẩn thận đóng cửa lại.

Mia lại nằm xuống giường. Liệu lời ông nói có lí không nhỉ? Không, chẳng có lí chút nào cả. Nói cho cùng thì cô là nhạc sĩ chứ đâu phải người muốn trở thành phi hành gia. Cô lại bật nhạc, và giọng ca sĩ chính David Byrne vang lên: “*Bạn mong đợi gì khi dán mắt vào tivi. Muốn dập lửa hãy chơi với lửa.*”⁴

Đã sắp vào tháng Năm, nhưng ở Na Uy trời vẫn còn lạnh buốt. Hai hàng cây ven đường trơ trụi và héo hon, chỉ trừ có vài búp chồi nở sớm lác đác đây đó. Hai tuần đã trôi qua từ khi bố mẹ Mia đưa ra đề xuất ngớ ngẩn nọ.

Cô đang đứng ngoài cổng trường đợi Silje đi vệ sinh, hai chân đi bốt lơ đãng di đi di lại trên mặt đất. Giờ nghỉ trưa sắp hết, và quanh cô học sinh lũ lượt quay lại lớp học vì sợ muộn giờ. Nhưng Mia chẳng vội. Đằng nào thì giáo viên vẫn luôn vào lớp muộn vài phút mà. Họ còn đang ngồi trong phòng giáo viên ăn bánh quy Ritz, uống cà phê đen và nói xấu học sinh cá biệt.

Mia cảm thấy trường của cô là nơi mà ngoài một vài trường hợp là tử tế, các giáo viên đáng lẽ nên chọn bất kể nghề nào khác, trừ nghề dạy học. Nghề lao công chẳng hạn, hay là trông coi

nghĩa trang cũng được. Một công việc nào đó mà họ không phải tiếp xúc với người sống. Hầu hết bọn họ chỉ lải nhải cho qua tiết học những bài soạn đã có từ hàng trăm năm trước. Họ có quyền lực tuyệt đối ở nơi này, và họ tận dụng mọi cơ hội để nhắc lủ học sinh nhớ điều đó – vì họ đều biết rằng quyền lực của họ sẽ tan biến như sương dưới ánh mặt trời ngay giây phút họ rời khỏi sân trường và bước chân vào thế giới thực, nơi họ buộc phải tiếp xúc với những người bằng vai phải lứa với họ.

Khi Silje đi ra từ nhà vệ sinh, cô và Mia là hai người duy nhất chưa quay vào lớp.

“Đôi tốt đẹp đấy,” Silje khen.

“Ngày nào tớ chẳng mang đôi này,” Mia đáp, giọng khô khốc. “Cậu không nhận ra sao?”

“Đến giờ mới thấy lần đầu. Cậu kiếm đâu ra vậy?”

Mia cúi nhìn đôi boot da đen cũ sờn buộc dây lên đến mắt cá của mình. “Trên mạng. Boot lính dù của Ý.”

“Hoành tráng,” Silje nhận xét. “Vào lớp thôi nhỉ?”

“Giờ tới cậu học môn gì?”

“Toán,” Silje đáp.

“Tớ học tiếng Đức. Với ‘Lông Xù,’” Mia vừa đáp vừa thở dài.

Họ quay vào và leo cầu thang lên tầng hai.

“Tối nay có tập không?” Silje hỏi ngay trước khi hai người chia tay.

“Chắc là có. Leonora sẽ gọi cho tớ nếu cậu ấy đi được.”

“Báo tớ biết với nhé? Phải bảy giờ tớ mới đến được.”

“Bây giờ là được rồi. À, tối qua tớ vừa viết một bài hát mới đấy.”

“Thế à? Tên là gì?”

“Đang định để là ‘Dội bom lên Hiroshima lần nữa’. Tớ chưa quyết định.”

“Nghe ổn đấy,” Silje cười đáp. “Gặp lại sau nhé.”

Mia đi tiếp lên tầng ba và bước vào lớp. Giáo viên vẫn chưa đến nên cô lướt qua sách tiếng Đức để xem đáng lẽ tối qua mình phải đọc trước thứ gì.

Lông Xù lướt vào lớp cùng một mô hình Mặt Trăng làm từ quả bóng trên tay. Mia đảo tròn mắt. *Lạy Chúa, không phải cả cô cũng thế chứ.*

Nhưng đúng là như thế, Lông Xù – cô giáo có thân hình bé choắt và mái tóc xù bông to tướng – đã bị nhiễm cơn sốt Mặt Trăng. Bà ta chui lọt thỏm vào sau bàn giáo viên và bắt đầu thao thao bất tuyệt bằng tiếng Đức về sự kiện nóng hổi này và rằng sẽ tuyệt biết bao nếu học sinh của bà được chọn.

Mia lại đảo mắt. Mọi người đều biết rằng Lông Xù đã dạy ở trường quá lâu. Bà chỉ dạy mỗi tiếng Đức và nữ công gia chánh. Và bà ta có một bí mật lớn mà mọi người đều đã biết nhưng bà lại cứ nghĩ là mình luôn giữ kín: Lông Xù chưa bao giờ đi Đức. Bà mới chỉ ra khỏi Na Uy đúng một lần để tới Thụy Điển, từ tận hồi mùa hè năm 1986, và về nước ngay sau bốn ngày.

Nhưng có lẽ việc bà đang đứng trước lớp cùng mô hình Mặt Trăng kẹp bên sườn cũng không phải chuyện gì kì lạ lắm. Cả thế giới đã phát sốt lên trong mùa đông năm nay. Ngày nào báo chí,

đài phát thanh, tivi, và mạng internet cũng ngập lụt trong cơn lũ Mặt Trăng này, từ những thông tin chính thống lẫn vụn vặt của các chuyên gia và giáo sư đại học cùng phi hành gia đến những cuộc thi mà bạn có thể tham gia để giành đủ loại giải thưởng chỉ bằng cách trả lời những câu hỏi dễ ợt về du hành không gian. Trong khi đó, hàng triệu thiếu niên bận rộn đăng nhập trang web hoặc xếp hàng ở bàn đăng kí tại các siêu thị và trung tâm thương mại ở gần như mọi thành phố trên thế giới để ghi tên mình vào danh sách tham gia rút thăm.

Vì lí do an toàn, NASA quyết định rằng ba thiếu niên được chọn để lên Mặt Trăng ít nhất phải đủ mười bốn tuổi và không quá tuổi mười tám. Họ còn phải có chiều cao từ một mét sáu mươi hai cho đến một mét chín mươi ba, phải vượt qua vòng kiểm tra tâm lí do một bác sĩ được cấp phép tại địa phương thực hiện, và vượt qua vòng kiểm tra thể lực để giành được một “thẻ xanh” về tình trạng sức khỏe. Tất cả những người đăng kí tham gia phải có thị lực 20/20 và huyết áp khi ngồi không quá 140/90. Ngoài ra còn đủ những bài kiểm tra và rèn luyện khác mà họ phải trải qua nếu họ may mắn nằm trong số ít ỏi những người được chọn.

Dù những yêu cầu nói trên đã hạn chế đáng kể số lượng người đăng kí, vẫn có tới hàng triệu cái tên được ghi danh cho cuộc rút thăm hoành tráng này, và với mỗi ngày rồi mỗi tuần trôi qua, mọi người gần như sắp nổ tung vì háo hức. Dân cá cược đặt tiền xem ba kẻ may mắn sẽ đến từ những nước nào, và liệu trong số họ sẽ có nhiều nam hơn hay nữ hơn. Các chương trình tọa đàm trên truyền hình mời chuyên gia tới để bàn luận những điều nhảm nhí như tác động của việc nhìn thấy Trái Đất từ ngoài không gian lên tâm lí của người trẻ tuổi. Thế rồi đến vô số những cuộc tranh luận bất tận về cái căn cứ trên Mặt Trăng mà chưa một ai từng được

nghe nhắc đến. Nó là căn cứ gì? Vì sao lại có nó? Nó có chức năng gì? Liệu người ta có thể tin tưởng rằng nó được xây dựng vì mục đích hòa bình hay không?

Lông Xù đi đến đoạn kết bài diễn thuyết của mình và chuyển sang nói bằng thứ tiếng Na Uy dứt đoạn bà ta luôn mắc phải mỗi khi nói tiếng Đức quá lâu. “Nhưng các em nghe này. Một người đại diện của NASA – đúng vậy, *chính là* NASA – đã gọi cho trường chúng ta để xác nhận về số học sinh đăng kí tham gia rút thăm. Như các em hẳn đã biết, trường nào có một trăm phần trăm học sinh thuộc diện hợp lệ đăng kí tham gia sẽ có cơ hội được tài trợ để nâng cấp trang thiết bị công nghệ. Đại diện của NASA đã cho biết rằng tới chín mươi một phần trăm số học sinh từ khối lớp các em đã đăng kí, và đề nghị chúng tôi khuyến khích số còn lại làm theo. Nhưng chỉ có năm người trong lớp tiếng Đức của tôi đã nắm bắt lấy cơ hội tuyệt vời này.”

Không một ai lên tiếng.

“Các em giỏi lắm, Petter, Stine, Malene, và Henning.”

Bốn học sinh đã đăng kí mỉm cười vẻ tự mãn.

“Và Mia, thật ngạc nhiên. Chúc mừng em.”

Mia gồng cứng toàn thân, “Em chẳng đăng kí gì cả.”

“Ồ, nhưng theo NASA em đã đăng kí mà.”

Mia rướn người về phía trước và cao giọng, “Thế thì chắc chắn là đã có nhầm lẫn rồi! Em *không hề* đăng kí cho cái giải rút thăm ngu ngốc đó.”

“Bình tĩnh nào Mia. Không có gì phải ngượng ở đây cả.”

“Em không ngưng. Chỉ đơn giản là chuyện đó không đúng sự thật. Và ngay cả đúng chẳng nữa, đáng lẽ NASA không được phép công bố thông tin đó cho bất cứ ai.”

Lông Xù phẩy tay ra ý không quan trọng và nháy mắt với Mia, như thể hai người đang có chung một bí mật gì đó. “Rõ ràng trong các điều kiện của quy trình đăng kí em đã cho phép NASA tiết lộ danh tính của em trong số những người tham gia rút thăm. Nhưng chúng ta không cần đặt nặng vấn đề này làm gì. Mỗi người được tự quyết định họ có muốn tham gia hay không mà.”

“Ý cô muốn nói gì ạ?” Mia gằn như gào lên, cơn giận dâng lên trong cô. “Em đã nói là em không đăng kí tham gia cái trò đó. Em làm quái gì ngoài vũ trụ mới được chứ? Cô tưởng em không có việc gì hay hơn để làm chắc? Quỷ tha ma bắt Mặt Trăng đi!”

“Chúng ta không nói năng như thế trong lớp của tôi, Mia!”

“Không, *chúng em* chẳng bao giờ được nói trong lớp của cô cả. Chỉ có cô tự độc thoại suốt cả giờ về bất cứ thứ nhảm nhí nào mà cô muốn!”

Cô giáo đứng dậy và chỉ ra cửa. “Em không cần học giờ của tôi nữa, Mia. Tôi không muốn có mặt em ở đây. Em có thể ra ngoài hành lang mà đợi.”

Mia không phản đối. Cô gạt cuốn sách tiếng Đức khỏi mép bàn cho nó rơi vào ba lô, đứng dậy và ra ngoài. Hành lang vắng tanh, và từ xung quanh cô có thể nghe thấy những mẫu bài giảng rời rạc của các lớp tiếng Na Uy, toán và tiếng Anh. Không kịp suy nghĩ, cô lại mở cửa lớp học của mình và nhìn thẳng vào Lông Xù.

“Nhân tiện, mọi người đều biết là cô chưa đi Đức bao giờ. Có lẽ đó là chuyện mà cô nên thấy ngưng đấy nhỉ?” Trong một nửa

giây sau đó khuôn mặt người giáo viên thuần ra buồn bã, như thể bà vừa bị xử chung thân cho một tội ác nghiêm trọng mà chính bà đã quên mất.

Mia nghe thấy hàng tràng reo hò vang lên từ phía học sinh trước khi cô đóng sầm cánh cửa và bước xuống cầu thang để ra sân trường. Cô cuốc bộ tới đường chạy nằm cạnh phòng tập thể dục, ngồi xuống hàng rào, và lôi điện thoại ra gọi cho mẹ. Một nỗi nghi ngờ khó chịu bắt đầu thành hình trong đầu cô.

Sau lưng Mia, khoảng ba mươi học sinh đang chạy dọc theo đường chạy. Mia không cần nhìn cũng biết đây là trò của bà giáo viên thể dục điên rồ của họ. Bà ta khoảng gần năm mươi tuổi, có một hàng rìa quanh miệng, và đã dạy ở đây từ đời nào đời nào. Bà ta không chấp nhận khái niệm xin nghỉ tập; kể cả bạn có bị bán thân bất toại, bà ta vẫn yêu cầu bạn phải có phong độ theo chuẩn Olympic. Trong đám học sinh đang lặc lè tập chạy, mấy đứa chạy cuối cùng rõ ràng đã tái mét, có đứa mặt đã xanh lè, và sớm muộn gì chúng nó cũng sẽ đổ gục và nôn ọe.

Ngay khi đứa đầu tiên dốc cả cái dạ dày của nó ra đường chạy thì mẹ Mia nhấc máy.

“Mia, chào con. Có chuyện gì vậy? Con đang ở trường cơ mà?”

“Mẹ, có phải mẹ đăng kí tên con vào cái vụ lên Mặt Trăng đó không?”

Đầu dây bên kia im lặng. Hết sức im lặng.

“Mẹ?”

“Mẹ... cả bố và mẹ... nghĩ sau này con sẽ hối tiếc. Thế nên, ừm, bố mẹ...”

Mia gay gắt cắt ngang. “Mẹ có đăng kí tên con không?”

Một quãng im lặng nữa, nhưng lần này ngắn hơn. “Có.”

Mia rên lên. “Bố mẹ *nghĩ cái gì* vậy không biết?”

“Mia, mọi người ở tuổi con đều nghĩ đây là một cơ hội tuyệt vời. Tại sao...”

“Nhưng con không phải mọi người, đúng không ạ? Bố mẹ chẳng hề tôn trọng thực tế là con có ý kiến khác với bố mẹ. Nếu bố mẹ háo hức đến thế thì sao bố mẹ không tự đi đi? Vì vấn đề chính là thế, đúng không? Vì bố mẹ không đủ điều kiện tham gia nên bố mẹ ghi tên con vào để thay thế. Bố mẹ nghĩ nhờ thế nhà mình sẽ giàu có và nổi tiếng chẳng? Đúng thế không?”

“Mia, mẹ thấy con bắt đầu nói chuyện vô lí rồi đấy.”

“Vô lí ạ? Điều vô lí là tự ý làm việc đó sau lưng con đấy.”

“Mia...”

Nhưng Mia đã cúp máy. Hai học sinh đổ vật trên nền cỏ với một tiếng “huých” sau lưng cô. Vài giây sau bà giáo viên thể dục chạy tới lôi chúng dậy trong khi chúng nôn đầy ra bộ đồ tập.

Thể dục.

Mia thậm chí không thích cả cái từ đó. Mà chuyện đó không liên quan gì đến thể lực của cô. Cô có thể dễ dàng vượt mặt hầu hết lũ học sinh đang ở trên đường chạy. Cô có thể bơi nhiều vòng trong bể trong khi vẫn mặc nguyên quần áo và lấy được cái hình nộm ngớ ngẩn nằm dưới đáy bể theo yêu cầu mà chẳng hề thấy mệt.

Nhưng tất cả chỉ lãng phí thời gian. Thực ra, nếu so với môn thể dục, một chuyến lên Mặt Trăng có vẻ còn có lí hơn.

ÔNG LÃO HIMMELFARB

Ông lão ngồi run rẩy trên ghế sofa bên cửa sổ và bối rối nhìn quanh căn phòng. Người già ngồi khắp nơi quanh ông, trên sofa, trên ghế tựa. Một bà lão trông phải gần trăm tuổi kéo lê thân mình trên sàn nhà trải thảm với chiếc khung đỡ đằng trước.

Mấy ông bà già này đang làm quái gì trong nhà mình thế này?
Ông lão tự hỏi.

Tên ông là Oleg Himmelfarb. Và nếu không phải ông đã bị lẫn nặng, thì ông sẽ hiểu rằng ông không còn ở nhà mình nữa, và rằng những người già này ở đây là vì họ đều sống chung trong một viện dưỡng lão với ông. Và rõ ràng ông sẽ hiểu rằng chính ông cũng là một ông già, và rằng ông chỉ còn sống được một năm nữa.

Nhưng ông không biết điều đó. Oleg Himmelfarb gần như chẳng còn biết gì nữa.

Chưa đầy sáu năm về trước, ông vẫn còn là một người hoàn toàn khỏe mạnh bình thường, một người ông đáng mến và một người chồng yêu vợ tặng hoa cho bà vào mỗi Thứ Bảy. Trong suốt sự nghiệp dài của mình, Himmelfarb đã từng là một nhân viên quản lý có thứ bậc an ninh cao nhất tại Khu Liên hợp Truyền thông Không gian sâu Goldstone của NASA nằm giữa Sa mạc Mojave.

Nhưng tất cả giờ đã vào quên lãng.

Được trông nom và canh giữ an toàn tại Viện Dưỡng Lão Parson nằm ngoài Miami, ông Himmelfarb một thời thông tuệ đã biến

thành một bị thọt nhẵn nheo, một món đồ không ai biết phải gửi đi đâu.

Ông ngồi đó trên sofa suốt mấy phút đồng hồ, tay đặt ngoan ngoãn trên đùi, cho đến khi điều dưỡng viên bước vào phòng. Một trong số y tá nâng ông lên khỏi ghế sofa và giúp ông đứng dậy.

“Ông đứng vững chưa nào?” Cô ta hỏi ông mà không cần đợi câu trả lời. Himmelfarb đứng đó, hai tay duỗi thẳng bên mình trong khi đợi người ta bảo ông di chuyển. Viên y tá vẫy tay với ông và ông bắt đầu bước về phía cô ta đang chỉ. Tốt nhất là nên như vậy. *Đừng kháng cự, chỉ việc làm như người ta bảo.* Ít nhất như vậy ông sẽ đỡ phải suy nghĩ, vì mỗi lần ông suy nghĩ, ông sẽ bị đau đầu. Như thế bộ não của ông không còn chịu đựng nổi cơn căng thẳng khi phải quyết định xem cơ thể ông nên làm gì.

“Ông có đi không, ông Himmelfarb?”

Đoàn người già lữ lượt được đưa vào phòng và đặt ngồi trên các hàng ghế xếp thành nửa vòng tròn quanh chiếc tivi. Một vài người giật mình sợ sệt khi màn hình bật sáng. Một điều dưỡng viên nói, “Các ông bà kính mến, hôm nay là một ngày quan trọng, nên chúng ta sẽ xem một chương trình chúng ta không hay xem. Có được không ạ?”

Không ai đáp lại câu hỏi của cô ta. Có vài tiếng lầm bầm vang lên trong số bệnh nhân, nhưng không thể biết được chúng có liên quan gì đến điều cô ta vừa nói không hay chỉ là những điều riêng họ hiểu được.

“Tốt,” cô điều dưỡng viên nói tiếp. “Chắc hẳn các ông bà còn nhớ lần hạ cánh lên Mặt Trăng vào năm 1969 chứ ạ? Chúng ta sắp sửa quay lại đó. Ngay trong khi chúng ta đang nói chuyện, một

cuộc rút thăm dành cho thiếu niên đang được tổ chức trên toàn cầu. NASA đã dành cho họ ba chỗ trong chuyến bay sắp tới. Scott, con trai tôi, đã đăng kí rồi đấy. Vì vậy, biết đâu đấy – có thể con trai tôi sẽ được chọn làm phi hành gia năm nay!”

“Bật kênh Thời tiết đi!”, một người già rên rỉ.

Người điều dưỡng viên giả bộ như không nghe thấy và mỉm cười. Bài phát biểu sắp tới của tổng thống, và đặc biệt là cơ may rằng con trai cô có thể sẽ là một trong những người chiến thắng, có ý nghĩa rất lớn với cô. Cô nắm chặt bàn tay trong túi áo và chờ đợi.

Thế rồi khuôn mặt của tổng thống xuất hiện trên màn hình. Ông nói về sự mở đầu của một kỉ nguyên mới trong lịch sử du hành không gian. Ông nói về ba người trẻ tuổi sẽ lên Mặt Trăng trên con tàu *Ceres*, và ông trưng ra những bản vẽ về căn cứ Mặt Trăng DARLAH 2, nơi họ sẽ sống trong thời gian ở trên đó. Ông cố gắng làm ra vẻ như việc chính phủ đã giữ bí mật về căn cứ này suốt bao năm qua là một chuyện hoàn toàn không đáng nói.

Ông Himmelfarb ngồi thẳng người trên ghế và tập trung vào người đàn ông đang phát biểu, nhưng ông không thể hiểu nổi ông ta đang nói gì. Tuy vậy, dường như có một cái công tắc nhỏ xíu nằm sâu trong não ông đã bật lên khi tổng thống đưa ra những bản vẽ về khu căn cứ Mặt Trăng. Ông đã từng nhìn thấy những hình vẽ đó. Nhưng ở đâu? Và vì sao nó lại khiến ông lo sợ thế này?

Đột nhiên, cả cơ thể ông gồng cứng lại. Ông không thể thở nổi.

Ngay giây phút đó, ông đã nhớ lại rõ ràng mình đã nhìn thấy những bản vẽ đó ở đâu, và khuôn mặt ông đã chuyển từ vẻ thờ ơ, vô cảm sang sợ hãi đến tột cùng.

Ông thét lên.

Tiếng thét vang vọng ra tận ngoài đường cái.

Đó là tiếng thét của một người vừa nhận ra rằng tất cả hi vọng đã tan biến.

SHIBUYA, NHẬT BẢN

Midori Yoshida đang đứng ngoài trung tâm thương mại Shibuya 109 ở Tokyo với đồng túi xách kẹp giữa hai chân, vừa kiểm tra tin nhắn trên điện thoại vừa đợi hai người bạn gái Mizuho và Yoshimi mua sắm. Đồng hồ đã điểm quá năm giờ, không khí tháng Tư ẩm áp bên ngoài dễ chịu hơn hẳn không gian chật chội và bức bối của phòng thử đồ.

Mẹ cô vừa gọi. Midori định gọi lại cho bà nhưng rồi lại đổi ý. *Không*. Cô sẽ gọi lại sau. Chắc chắn là chẳng có chuyện gì quan trọng. Có bao giờ có gì quan trọng đâu. Mỗi khi bố mẹ cô gọi điện, thì đều là để căn nhắc rằng đáng lẽ cô phải làm cái này hay cái khác. Hoặc họ gọi khi tức giận vì cô vẫn chưa về nhà. Điều đó chẳng có gì lạ khi họ sống mãi tận Yokohama cách ga Shibuya hoặc Shinjuku gần bốn mươi phút ngồi tàu điện, chưa kể giờ cao điểm.

Kể từ khi bước sang tuổi mười ba gần hai năm rưỡi trước, mỗi tuần Midori luôn vào nội thành Tokyo ít nhất hai lần vào thứ Tư và thứ Bảy. Sau giờ học thứ Tư cô đi săn lùng quần áo – cũ hoặc mới – cùng vải vóc, giày dép, mũ, vòng tay, và những món đồ linh tinh mà cô biết mình không cần đến nhưng vẫn thích. Từng yên kiếm được từ công việc làm thêm buổi tối ở nhà kho siêu thị của chú đều bị cô nướng cả vào những đợt mua sắm này. Bố mẹ cô nghĩ cô đang quăng qua cửa sổ món tiền mà vài năm nữa cô sẽ cần đến. Nhưng trong cách nhìn của Midori, thì nghĩ như vậy thật

là vô lí. Có nghĩa lí gì khi sống tốt trong năm sáu năm nữa nếu ngay lúc này cô không sống tốt?

Sự thực là Midori mới chỉ vừa bắt đầu cảm thấy mình đang được tận hưởng cuộc sống, và cô sẽ không chịu từ bỏ điều đó vì bất cứ thứ gì. Cô không bao giờ hiểu được vì sao đám anh chị trong trường luôn chọn cô làm mục tiêu bắt nạt ngay từ khi còn học tiểu học, vì rõ ràng là chẳng có lí do nào giải thích được điều đó. Không có ý khoe khoang, nhưng so với hầu hết con gái trong lớp cô xinh xắn hơn hẳn. Cô không nói chuyện khác người hay tỏ ra chơi trội dưới bất kì hình thức nào. Gu âm nhạc của cô có thể hơi khác với những người khác, nhưng cô cũng đâu có nói nhiều về chuyện đó.

Tình trạng bắt nạt theo cô suốt cả thời tiểu học, và khi cô lên trung học nó vẫn đi theo, như thể đó là một phần nhân dạng của cô vậy. Những trò bắt nạt không quá nghiêm trọng bọn họ không bao giờ đánh cô, và ít nhất chỉ có lũ con gái thường trút giận lên cô. Bọn con trai hầu như chẳng quan tâm. Nhưng như vậy cũng đủ để khiến Midori không thể hoàn toàn thoải mái khi ở trường. Cô chưa bao giờ được sống đúng như mình muốn.

Nhưng từ khi cô thành thiếu nữ thì chuyện đó đã thay đổi. Cô đã được nghe về một nơi ở trung tâm Tokyo gọi là Harajuku, nơi những thiếu niên lạc điệu tụ tập lại vào các Chủ Nhật và hoàn toàn chiếm cứ cả khu vực này trong mấy giờ đồng hồ. Họ đến từ mọi nơi trong thành phố, và tất cả đều có chung một nhu cầu là thể hiện sự khác biệt của mình. Hầu hết quần áo họ mặc là do họ tự may lấy, một tổ hợp màu sắc và phức trang lộn xộn. Một số người trông như từ tương lai đến, một số khác lại ăn vận như những cô hầu châu Âu từ thế kỉ mười chín. Có những người theo

tuýp rock-n'-roll của những năm năm mươi, có siêu anh hùng, dân gíp-xi, và những đứa mặc quần áo hay nhuộm tóc như cá bảy màu. Tất cả những ai không thể hòa mình vào bất cứ nơi nào khác đều có ở đây. Tụ tập cùng nhau.

Chỉ sau vài tháng cô đã kết được nhiều bạn tới mức trước đây ngay cả mơ cô cũng không dám, và cứ như vậy, cuộc sống của cô đã thay đổi hoàn toàn. Giờ thì dù đám con gái trong lớp có nghĩ hay nói gì với cô, cô cũng chẳng quan tâm. Và hơn thế, cô bắt đầu trả đũa lại vào ngay điểm yếu của chúng: tụi con trai. Cô thấy vui khi chơi bóng rổ hay đi uống nước với tụi bạn trai vào giờ nghỉ trưa. Cô có thể nói chuyện với bọn họ về âm nhạc hay chia sẻ những tin tức mới nhất về các ban nhạc sắp đến Tokyo.

Cô biết rõ rằng rồi cuối cùng những cậu trai đó cũng sẽ rơi vào cuộc sống hoàn toàn khác với ước vọng của họ. Từng người trong số họ rồi cũng sẽ trở thành một người làm công ăn lương, cầm thùng đeo cà vạt, làm việc bên bàn giấy từ chín giờ sáng tới năm giờ chiều, trước khi ngủ gật vì kiệt sức trên chuyến tàu về nhà với người vợ cáu kỉnh của mình. Còn những bà vợ cáu kỉnh kia thì sao? Họ chính là lũ con gái tẻ ngắt trong lớp cô, những người đang lãng phí cuộc đời mình bằng chính việc đến trường. Trong thâm tâm, họ biết rõ rằng họ sẽ có cùng một kết cục như biết bao phụ nữ Nhật Bản khác. Họ sẽ phải kết hôn ở tuổi hai mươi lăm. Họ sẽ phải bỏ việc và ở nhà trông nom nhà cửa. Và họ sẽ ngồi đó, ngay ngắn và gọn gàng trong căn hộ tồi tàn của mình, nấu ăn và đợi chồng trở về sau khi làm thêm giờ và lê la ở quán rượu cùng mấy cô gái làng chơi đắt tiền không có bộ ngực xệ tới tận đầu gối. Họ sẽ ngồi đó và ước mình đang ở một nơi hoàn toàn khác, sống một cuộc đời hoàn toàn khác.

Midori sẽ không trở thành một trong số họ. Chắc chắn là như vậy.

Cô có kế hoạch khác.

Và những con người trẻ tuổi ở Harajuku chính là chiếc vé của cô. Họ giúp cô nhớ ra rằng tất cả đều có quyền lựa chọn và rằng họ được tự do làm điều mình muốn với cuộc đời của mình.

Chị gái của Midori, Kyoko, lớn hơn cô bảy tuổi, chắc chắn chưa bao giờ tham gia vào màn tiệc Harajuku này, nhưng chị ấy đã làm một việc trong khả năng của mình để tránh phải rơi vào cái mà chị gọi là “cái bẫy Nhật Bản”. Chị ấy đã trốn thoát. Chị tới Luân Đôn học khi mười chín tuổi và kể từ đó chị chỉ về thăm nhà mỗi năm hai lần. Nhưng chuyện không chỉ có vậy. Mỗi lần trở về trông chị lại có vẻ hạnh phúc hơn. *Rất đơn giản, Midori ạ. Kyoko từng nói với cô. Không chỉ có mỗi Nhật Bản. Có cả một thế giới rộng lớn ngoài kia. Em có thể đi bất cứ đâu em muốn. Chỉ cần em quyết tâm là được.*

Và Midori đã hạ quyết tâm. Vào ngày cô tròn mười tám và đã tốt nghiệp, cô sẽ rời khỏi Yokohama, rời khỏi Tokyo, rời bỏ cái đất nước ồn ã đang cố hết sức để trở nên hiện đại nhưng vẫn cứ ôm khư khư lấy quá khứ bảo thủ này.

New York, cô thầm nghĩ. *Rõ ràng phải là New York.* Nhưng cô không hiểu vì sao. Có lẽ là vì những bộ phim cô đã xem. Những tấm ảnh. Âm nhạc. Cô tưởng tượng ra mình, Mizuho, Yoshimi, và có thể cả những người bạn Harajuku khác sẽ cùng nhau vượt Thái Bình Dương. Họ sẽ là những neo-modan garus, những cô gái mới của thời hiện đại. Họ sẽ tìm lấy một căn gác lớn trong một tòa nhà cũ, và họ sẽ phải đi bằng một cỗ thang máy cũ kỹ hoen gỉ để

lên đến đó. Họ sẽ luôn có bạn đến thăm, những người bạn từ Nhật Bản. Họ sẽ vẽ tranh, may quần áo, soạn nhạc, làm phim, mọi thứ. Họ sẽ già đi bên nhau, không bao giờ kết hôn, không bao giờ biến thành những phụ nữ trung niên héo hon buồn tẻ. Tất nhiên họ sẽ hẹn hò và những người bạn trai của họ sẽ có thể đến sống cùng cộng đồng nhỏ bé của họ một thời gian, miễn là họ bảo đảm sẽ rời đi trước khi thực sự bám rễ ở nơi đó.

Tương lai sẽ là như thế. Chỉ chưa đầy ba năm nữa thôi.

Cô chỉ phải cố gắng chờ đến ngày đó.

“Midori!”

Cô quay về phía tiếng gọi và thấy hai người bạn bước ra khỏi Shibuya 109 với một đồng túi đằng trước khiến họ bước đi cũng có vẻ chật vật. Cô mỉm cười và bước lại với họ.

“Các cậu có để lại gì cho khách hàng khác không vậy?” Cô hỏi.

“Chắc, bọn tớ chưa mua phòng thử đồ mà. Với cả cái máy tính tiền. Đây, cầm đỡ mấy cái túi đi!” Yoshimi đưa tay ra và Midori đỡ giúp cô một phần từ đồng đồ.

“Tớ đợi các cậu dài cả cổ. Nếu là con trai thì chắc đã mọc râu rồi đấy.” Midori cười.

“Tại cậu mua đồ quá nhanh đấy chứ, đâu phải tại bọn tớ,” Mizuho phản đối.

“Này nhé, ba tiếng đồng hồ *không hề* ‘quá nhanh’ đâu nhé!”

“Được rồi, thì bọn tớ mất thời gian hơn dự tính,” Mizuho đáp.
“Nhưng có lẽ cái này đền bù được đấy.” Mizuho đưa một cái túi

nữa. Họ đã mua cho cô đôi bột mà cô đã muốn có suốt mấy tháng nay.

“Các cậu điên rồi!” Cô vui sướng kêu lên và ôm chầm lấy họ.

“Bọn mình đi uống nước rồi hãy lên tàu nhé?” Mizuho đề nghị.

Midori do dự. “Tớ không biết nữa, cũng bắt đầu muộn rồi. Bố mẹ tớ vừa gọi...”

“Cậu đã phải về nhà rồi sao?” Yoshimi hỏi.

“Ừ.”

“Nhưng đằng nào thì cậu cũng đã muộn rồi còn gì, có về ngay thì cũng đâu có ở nhà đúng giờ được, đúng không?”

“Chắc vậy,” Midori nói. “Được rồi, đi uống nước một tẹo thôi nhé.”

Họ tiến về cửa hàng Starbucks và ngồi bên một cửa sổ lớn ở tầng hai, nơi họ có thể nhìn ra những màn hình quảng cáo cực lớn trên những tòa nhà bên kia đường. Bên dưới chúng là dòng người tấp nập đi lại qua các ngã tư lớn.

“Cà phê thực ra không tốt cho bọn mình đâu,” Yoshimi nói. “Nhưng ngon thế này thì biết làm sao được?”

“Sao lại không tốt cho bọn mình?” Midori tò mò hỏi.

Yoshimi và Mizuho đồng thanh trả lời: “Vì nó hạn chế chiều cao.”

Midori uống một ngụm lớn. “Mình là người Nhật mà. Đằng nào mình cũng đâu có khả năng cao tới mét chín đâu. Cụng ly nào!”

Họ nâng ba chiếc cốc dùng một lần lên và chạm vào nhau. Và đúng vào giây phút đó Midori nghe tiếng nhạc.

Một bản nhạc cổ điển, vang lên rất to và kịch tính. Cô thấy mọi người trên phố dừng hẳn lại bèn quay ra nhìn.

“Nhanh lên, bắt đầu phát rồi kìa!” Yoshimi ré lên phấn khích và trong nháy mắt đã chạy xuống cầu thang.

“Phát cái gì cơ?” Midori vừa kịp hỏi trước khi vợ lấy cốc nước và chạy theo bạn.

“Quảng cáo của NASA!” Mizuho đáp với lại rồi chạy biến ra đường.

Màn hình video vĩ đại gắn bên hông tòa nhà đang phát một đoạn quảng cáo theo phong cách Hollywood.

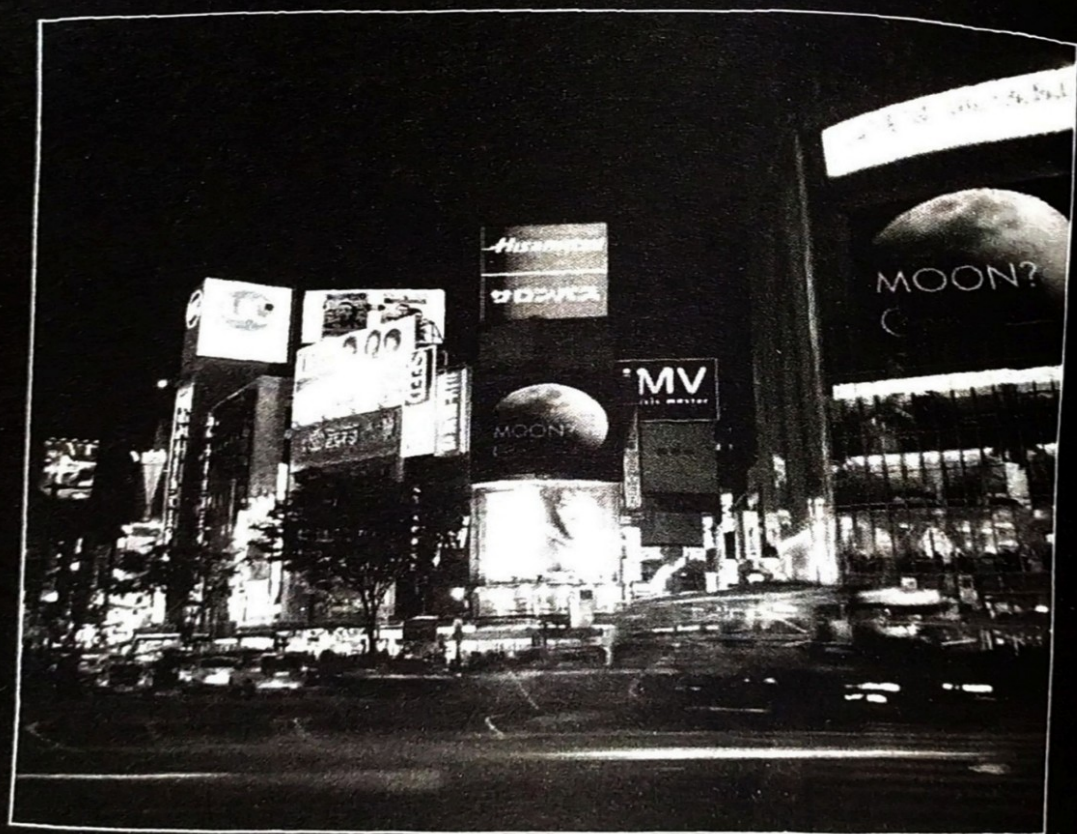
“Đã gần năm mươi năm kể từ lần hạ cánh đầu tiên lên Mặt Trăng,” nó bắt đầu. Với những bức ảnh về sự kiện lịch sử năm 1969 làm nền, bài thuyết minh giải thích rằng NASA đã sẵn sàng cử người quay lại Mặt Trăng cho một chuyến đi kéo dài lâu hơn. Rồi chuỗi cảnh hành động bắt đầu. Một quả tên lửa phóng vào vũ trụ với một lực mạnh tới chóng mặt.

Lời thuyết minh dừng lại để tạo hiệu ứng trong khi màn hình cho chạy một đoạn hình ảnh dựng bằng máy tính thể hiện cảnh một con tàu đổ bộ nhẹ nhàng đáp xuống Mặt Trăng. Những phi hành gia nhỏ xíu trèo ra và bắt tay vào công việc. Trên hình nền phía xa là những đường nét của một tòa căn cứ lớn.

“Trong hành trình đặc biệt này,” giọng thuyết minh có phần cường điệu tiếp tục, “NASA đã quyết định tạo một cơ hội cũng đặc biệt không kém cho thế hệ trẻ. Ba thiếu niên ở tuổi từ mười bốn đến mười tám sẽ có cơ hội...” *tạm dừng để tạo kịch tính* “... được

tham gia...” *lại một đoạn dừng để tạo kịch tính* “... vào hành trình trở lại Mặt Trăng!”

Midori không thể rời mắt khỏi màn hình.



“*Bạn* có thể là thiếu niên đầu tiên vào vũ trụ,” giọng thuyết minh thúc giục. “Hãy đăng kí ngay hôm nay trên trang web www.nasamoonreturn.com để trở thành một phần của cuộc rút thăm quan trọng nhất trong lịch sử. *Bạn. Được. Mời.*”

Và cùng với một đoạn kèn lệnh phô trương và hùng tráng, logo của NASA nhá lên trên màn hình trong vài giây trước khi vụt tắt. Rồi đến một thước quảng cáo ô tô ngu xuẩn chạy lên.

“Cậu chưa xem quảng cáo này bao giờ thật sao?” Mizoho kinh ngạc hỏi. “Họ đã phát trên tivi suốt mà. Đi đâu cũng thấy luôn ấy.”

“Tớ đã đăng kí rồi,” Yoshimi đáp. “Các cậu có đăng kí không?”

“Còn lâu,” Mizuho đáp không do dự. “Tớ làm quái gì trên đó cơ chứ? Chẳng có gì để xem, để mua cũng không, để làm cũng không nốt. Chẳng khác gì Roppongi⁵ vào ban ngày.”

“Còn cậu thì sao, Midori?”

Nhưng Midori đã chìm đắm trong suy nghĩ của mình và chẳng thể nghe thấy họ nói gì.

Đây là chiếc vé của mình, cô nghĩ. Sớm hơn kế hoạch của mình ba năm, và nó sẽ đưa mình đi xa hơn mình nghĩ, nhưng đây chính là lối ra. Đây chính là con đường để đến New York.

Yoshimi giật tay áo cô và hỏi, “Rất tuyệt đúng không?”

Midori ngắt mình ra khỏi dòng suy nghĩ. “Tuyệt,” cô đáp. “Quá tuyệt. Chắc chắn bọn mình phải đăng kí. Chắc chắn.”

GA DUPLÉIX

Cậu thiếu niên mười sáu tuổi Antoine Devereux ngồi một mình trên sân ga tàu điện ngầm Duplex. Hôm đó là một ngày dài, một trong những ngày dài nhất trong đời cậu. Cái kiểu ngày cứ kéo dài lê thê không dứt dù người ta có giết bao nhiêu thời gian chẳng nữa. Thế mà buổi sáng thì hoàn toàn khác. Sáng hôm đó vẫn là một buổi sáng đẹp trời như bao buổi sáng khác trong suốt năm tháng qua kể từ ngày cậu gặp Simone ở bữa tiệc tại nhà Laurent trên đồi Montmartre. Kể từ khi họ thành đôi trong tuần sau đó, cậu hầu như chẳng thèm ngủ nữa. Cậu không cần ngủ. Ở bên cô giống như được kết nối với một thời pin khổng lồ. Cô là kiểu cô gái có thể khiến người ta lao vào cuộc chiến vì mình. Và cậu chỉ thiếu điều ước rằng mình có thể cùng cô chuyển tới một hoang đảo chưa ai đặt chân tới, để yên tâm rằng sẽ không có ai khác khám phá ra cô hoàn hảo đến thế nào.

Nhưng giờ thì đã quá muộn.

Một gã Noël ngu ngốc nào đó chẳng biết đã từ đâu xuất hiện và khiến cô thay lòng đổi dạ.

Mà lại vào tháng Tư, chứ chẳng phải là tháng nào khác. Tháng Tư, giữa lòng Paris! Còn có gì buồn thảm hơn thế? Nếu có ai quyết định trao giải cho thất bại thảm hại nhất, cậu chỉ cần lộ mặt ra là sẽ thắng chắc.

Cậu nhìn đồng hồ. Đáng lẽ tàu phải đến từ lâu rồi mới phải.

Bỏ cuộc, cậu rời khỏi ga tàu và quyết định cuộc bộ về nhà. Cậu hướng về phía tháp Eiffel trước. Trời đã bắt đầu tối, đám du khách chen chúc như cá mòi trong các thang máy của tòa tháp để lên trên đỉnh. Đã từng có lần cậu và Simone góp mặt vào đó. Rõ là sến, chẳng một người Paris chính hiệu nào lại đi leo lên đỉnh cái bầy du lịch khổng lồ đó. Nhưng người ta phải công nhận rằng việc đó cũng có chút gì lãng mạn, và Simone rất thích.

Đó là một ngày cách vài tuần trước Giáng Sinh. Cậu đứng đợi ở chân phía bắc của tòa tháp trong cái lạnh cắt da cắt thịt. Cô đến muộn nửa giờ và khi cô xuất hiện thì hai bàn tay cậu đã gần tím ngắt. May thay cô để cậu sưởi ấm hai tay trong lớp áo len của mình khi họ đi thang máy lên đỉnh tháp. Antoine đợi cho đến khi những du khách khác đã ngắm cảnh xong và xuống dưới hết mới rút một chai rượu vang ra khỏi túi áo khoác của mình. Họ cùng thưởng thức chai vang đỏ lạnh như băng và rồi cô nói rằng cô yêu cậu. Nhưng khi đó hẳn là từ tận tháng Mười Một.

Từ năm tháng trước.

Đáng lẽ người ta phải đóng dấu hạn sử dụng lên các mối tình, để người trong cuộc kịp thoát ra trước khi tất cả ngọt ngào biến chất thành cay đắng.

Cậu bước đi mãi dọc theo phố Rivoli. Hầu hết các cửa hàng đã đóng cửa, ngoài dòng xe cộ ồn ào bất tận, con phố dài đã vắng bóng người. Cậu thầm nhủ không biết ngay lúc này cô đang làm gì. Mới chỉ một giờ đồng hồ trước cậu còn đang ngồi trên giường của cô trong căn hộ nằm trên đại lộ Suffren xinh đẹp, vậy mà tất cả giờ đã là quá khứ.

Liệu *hắn ta* đã đến đó chưa?

Liệu Noël có đang ngồi trong phòng cô? Phải chăng hẳn cứ thế bước vào và thay thế cậu?

Liệu cô có đang hạnh phúc, hay vẫn đang nghĩ về cậu? Biết chuyện đó cũng chẳng ích gì cho cậu. Một phần trong cậu mong rằng cô đang khóc và đau khổ, rằng cô đang hối tiếc về việc mình đã làm, rằng cô sẽ bị tàu hỏa cán trên đường đi học ngày mai. Một phần trong cậu mong cô sẽ ngã xuống đường ray và bánh tàu hỏa sẽ cắt não cô thành hai nửa, nội tạng sẽ rỉ ra qua khóe miệng của cô và máu cô sẽ bắn tung tóe lên những khách đi tàu kinh hãi. Thế nhưng phần khác trong cậu vẫn còn yêu cô tha thiết. Phần đó mong cho cô có được mọi điều tốt đẹp nhất trên đời, dù là bên cậu hay bên ai khác có thể khiến cô hạnh phúc hơn cậu.

Antoine miên man hồi tưởng lại mấy tháng qua trong đầu để hiểu vì sao cô chia tay với cậu. Là vì cậu đã làm sai điều gì đó? Cậu đã nói gì không phải? Hay là điều gì đó cậu đã không làm hay không nói? Cậu vắt óc suy nghĩ để tìm câu trả lời, một giải pháp rõ ràng có thể giúp cậu quay trở lại, bước tới bấm chuông cửa nhà cô và nói rằng *Mình sai rồi, mình xin lỗi*.

Nhưng đôi khi, trước khi kịp mở miệng nói gì, mọi chuyện đã quá muộn.

Tàu đã giương buồm mang theo mối tình của họ. Và không chỉ đơn giản là tàu đã rời bến, mà cả bến cảng đã bị kéo sập, nước đã rút cạn khô, và cả vùng đã biến thành một bãi đỗ xe cô quạnh nhất trên đời.

Đột nhiên Antoine ước mình có thể biến mất mãi mãi và không bao giờ gặp Simone hay thành phố này hay cái thế giới này nữa.

“Xin lỗi, cậu có bật lửa không?”

Antoine dừng bước. Một người đàn ông chạc tuổi tứ tuần đóng bộ chỉnh tề đang đứng trên vỉa hè trước mặt cậu, chắn ngang lối cậu đi. Tay ông vung về dò dẫm bao thuốc lá.

“Chờ cháu một lát,” Antoine lục trong túi áo khoác tìm bật lửa. Cậu đưa cho người đàn ông, và ông ta bật nó lên.

“Cậu có tình cờ có cả thuốc lá không?”

“Có ngay,” Antoine đáp, tuy không khỏi thấy lạ lùng vì người kia không rút thuốc từ bao thuốc của mình.

“Cảm ơn cậu,” ông ta nói.

“Không có gì ạ.”

Người đàn ông gật đầu hướng về tấm bảng quảng cáo khổng lồ trên cửa hàng bên kia đường.

“Đừng quên hạn chót nhé.” Ông ta nói, rồi cất bước bỏ đi. Antoine không kịp đáp lại thì ông ta đã biến mất trên phố.

Antoine ngược nhìn tấm bảng. Nó tuyền một màu đen, với một hình Mặt Trăng khổng lồ có một nửa khuất trong bóng tối:

Bạn có muốn lên Mặt Trăng?

Cậu đã nghe về nhiệm vụ sắp tới và về chuyện NASA định tuyển ba thiếu niên tham gia chuyến bay lên Mặt Trăng; đám học sinh ở trường đang bàn tán về việc đó. Nhưng cậu chưa từng để ý đến.

Thế rồi ngay lúc đó cậu chợt nghĩ ra: *Mới một giây trước mà cậu đang ước điều gì? Mà cậu muốn thoát khỏi đây. Chà... mà cậu còn có thể đi đâu xa hơn thế nữa.*

Cậu quyết định ngay lập tức. Cậu sẽ đăng kí. Ngay khi về đến nhà. Chết tiệt, cậu sẽ lên Mặt Trăng, đến nơi xa nhất cậu có thể đi.

Còn cô cứ việc ngồi trong phòng mình tay trong tay với gã Noël đó cho đến ngày đầu bạc răng long.

Khi về đến nhà, cậu không nói gì với bố mẹ, giả bộ như mọi chuyện vẫn bình thường, và cố rặn một nụ cười khi họ hỏi Simone có khỏe không.

“Mẹ vừa nghĩ đến Simone,” mẹ cậu nói. “Có lẽ hôm nào con mời cô ấy tối ăn tối đi? Chủ Nhật này chẳng hạn? Lâu lắm bố mẹ không gặp, con bé rõ là tuyệt vời. Phải không, Arnaud? Arnaud?”

“Hả? Gì thế?” Cậu nghe tiếng bố hỏi vọng ra từ phòng khách, tiếng báo lật sột soạt.

“Em bảo là con bé Simone đúng là đứa tuyệt vời, đúng không?”

“Phải, phải,” giọng bố cậu vọng ra sau vài giây im lặng. “Một cô bé rất đáng yêu. Con phải chăm sóc nó chu đáo đấy, Antoine. Con nghe rõ không?”

Antoine cảm thấy tim mình như dâng lên tận cổ họng và cậu nhận ra mình có thể nôn mửa bất cứ lúc nào, biến thành một đồng bầy hầy vô dụng.

“Vâng,” cậu cố gượng đáp lại. “Vâng, con sẽ hỏi cô ấy.”

Rồi cậu trở về phòng, bật chiếc máy tính Mac lên và nhập địa chỉ: www.nasamoonreturn.com.

Chỉ vài cú nhấp chuột, cậu đã tìm được cả tấn ảnh và phim từ những lần đáp lên Mặt Trăng trước trong những năm sáu mươi và bảy mươi, các cuộc phỏng vấn, cùng thông tin về cuộc rút thăm. Người đăng kí phải từ mười bốn đến mười tám tuổi, nhưng tất

nhiên cậu đã biết điều đó. Cậu còn biết rằng có lẽ mình sẽ không gặp vấn đề gì với các cuộc kiểm tra thể lực và tâm lí. Dù sao thì cậu cũng có thể chất tốt và không ai trong gia đình có tiền sử bị tâm thần hay bệnh gì tương tự. Bố mẹ và họ hàng của cậu *quả là* có chút kì lạ, nhưng điều đó không có nghĩa là cậu có khả năng đột ngột phát điên và xách rìu đi truy sát các thành viên khác trong phi hành đoàn.

Chương trình huấn luyện ngặt nghèo kéo dài ba tháng của NASA thì lại là chuyện hoàn toàn khác. Liệu cậu có đủ sức vượt qua không? Theo những gì cậu hiểu, chương trình sẽ bao gồm các vòng tập chạy hàng ngày, kiểm tra logic, kiểm tra stress, và một số chuyến bay trong Vomit Comet, một chiếc máy bay nhanh chóng leo lên đến độ cao ngoài chín mét, rồi chúi đầu lao thẳng xuống để cho hành khách cơ hội được trải nghiệm cảm giác không trọng lực kéo dài hai mươi lăm giây mỗi lần, hoặc là cảm giác buồn nôn kéo dài suốt hai giờ, nếu bạn thực sự kém may mắn. Ngoài ra còn có các phòng bay ở trên cao, dùng để giúp người được huấn luyện làm quen với các triệu chứng của tình trạng thiếu ôxy, hay còn gọi là thiếu dưỡng khí. Và cuối cùng họ sẽ phải trải qua một thời gian dài trong Phòng thí nghiệm Neutral Buoyancy ở Trung tâm Vũ trụ Johnson. Tại đây, một bể bơi có kích thước 61,5 mét x 31 mét lắp đầy các mô hình tàu vũ trụ và tàu đổ bộ có kích cỡ như thật sẽ huấn luyện họ cách ra vào các khoang tàu ở độ sâu mười hai mét, mô phỏng theo môi trường không trọng lực. Đây chắc chắn không phải chuyện đùa. Đây là chưa kể đến hàng trăm, thậm chí hàng ngàn trang lí thuyết mà họ sẽ phải học thuộc trước khi rời khỏi mặt đất.

Nhưng tất nhiên là cậu phải đăng kí trước đã. Sau đó chỉ có thể chờ đợi. Ba người thắng cuộc sẽ được thông báo vào giữa tháng

Bảy, theo như cậu đọc được. Họ sẽ phải nghỉ học từ tháng Tư cho đến tháng Sáu năm sau để tập huấn cho chuyến đi chính thức.

Trước tiên những người thắng cuộc sẽ bay đến New York để tham gia chương trình truyền hình *The Late Show* rồi sau đó đến Trung tâm Vũ trụ Johnson ở Houston, Texas, nơi họ sẽ trải qua đợt huấn luyện trước khi cất cánh từ Trung tâm Vũ trụ Kennedy ở Florida vào giữa tháng Bảy. Cậu sẽ phải xin hoãn mấy bài thi cuối kì, nhưng sẽ không có vấn đề gì. Chẳng thể có một lí do xin hoãn thi nào chính đáng hơn thế.

Trang thông tin cho biết rằng ba người thắng cuộc sẽ mất 172 giờ ở trên Mặt Trăng cộng thêm hơn một tuần cho hành trình đi và về Trái Đất. Họ sẽ ở căn cứ Mặt Trăng DARLAH 2 (kì lạ là cậu chưa bao giờ nghe về một khu căn cứ được xây dựng trên Mặt Trăng dù cậu cũng biết đôi điều về du hành vũ trụ), và từ đó họ sẽ thực hiện một số thí nghiệm trên bề mặt Mặt Trăng. Các phi hành gia hàng đầu với nhiều năm kinh nghiệm sẽ ở bên họ suốt thời gian ở đó để bảo đảm an toàn cho họ trên từng bước đi. Và sau đó tất nhiên sẽ là việc xuất hiện trên truyền thông. Những người thắng cuộc sẽ phải chuẩn bị cho việc trả lời phỏng vấn trên truyền hình, phát thanh, internet cả trước, trong và sau chuyến đi. Họ sẽ phải giao lưu trực tuyến, viết blog, và tham gia các buổi tiệc và họp báo quốc tế sau khi trở về.

Antoine nhìn vào danh sách các thành phố họ sẽ phải đi: New York, L.A, Chicago, Boston, Washington, Luân Đôn, Paris, Berlin, Stockholm, Tokyo, Hồng Kông, Sydney, và nhiều nơi khác nữa.

Xem ra cũng không quá tệ, Antoine tự nhủ, khẽ mỉm cười khi nghĩ đến việc ngoài du hành không gian mình sẽ được thăm thú cả thế giới.

Khi cậu ngồi trước máy tính đọc những thông tin này, dường như Simone đã bị thổi bay ra khỏi tâm trí cậu. Suy nghĩ duy nhất lúc này là cậu phải thắng. Tên cậu phải được chọn.

Cậu nhanh chóng tra trên Google về các số liệu. Hóa ra chỉ có khoảng 8,5 phần trăm dân số Trái Đất nằm trong độ tuổi từ mười bốn đến mười tám. Nếu Trái Đất đúng là có khoảng bảy tỉ người, thì sẽ có khoảng sáu trăm triệu thiếu niên. Và nếu trừ đi số thiếu niên ở những vùng không được tiếp cận với internet – hoặc bất cứ phương tiện nào khác để tham gia vào cuộc thi – thì số lượng người tham gia thực sự sẽ chỉ khoảng ba trăm triệu người.

Vậy nghĩa là cậu chỉ phải vượt qua ba trăm triệu người khác mà thôi.

Tỉ số này rõ ràng không nghiêng về phía cậu. Một chọi ba trăm triệu. Có thể nói rằng bất kì một việc nào khác trong đời cậu cũng sẽ có khả năng thành công cao hơn. Ví dụ như việc Simone sẽ gọi cho cậu trong mười lăm giây sắp tới.

Một cuộc tra cứu nhanh cũng không khiến tinh thần cậu phần chấn hơn chút nào.

Theo số liệu trên một trang cậu tìm được, thì:

Xác suất ghi 300 điểm trong một cuộc chơi bowling: 1 trên 11.500

Xác suất đưa bóng vào lỗ khi chơi golf: 1 trên 5.000

Xác suất được phong thánh và nhờ thế lưu danh thiên cổ: 1 trên 20.000.000

Xác suất trở thành một phi hành gia: 1 trên 13.200.000

Xác suất bị cá mập trắng tấn công: 1 trên 11.500.000

Xác suất tử nạn trong một tai nạn máy bay: 1 trên 354.319

Xác suất tử vong vì bị mảnh vụn máy bay rơi trúng: 1 trên 10.000.000

Xác suất giành giải Oscar: 1 trên 11.500

Xác suất trở thành tổng thống: 1 trên 10.000.000

Xác suất thành đôi với một siêu mẫu: 1 trên 88.000

Xác suất giành huy chương vàng Olympic: 1 trên 662.000

Xác suất bị thương nặng trong khi cạo râu: 1 trên 685.000

Xác suất tử vong vì thiên thạch rơi trúng nhà MÌNH: 1 trên 182.128.880.000.000

Trường hợp cuối cùng cũng là trường hợp duy nhất ít khả năng xảy ra hơn việc cậu được lên Mặt Trăng.

Antoine ngồi đó nhìn những con số trong suốt một phút. Rồi cậu với tới bàn phím, nhập tên, ngày sinh, số điện thoại và địa chỉ của mình vào.

Cậu nghĩ ngợi thêm một lần cuối cùng.

Rồi cậu nhấn nút *gửi đi*.

NADOLSKI

Nhà du hành vũ trụ nhiều kinh nghiệm đưa mắt ngắm soi con tàu đổ bộ Mặt Trăng với vẻ hoài nghi không giấu giếm. Chỉ huy Lloyd Nadolski năm nay bốn mươi hai tuổi. Ông đã phục vụ NASA gần mười lăm năm và là một trong số ít các phi hành gia từng hoàn thành ba nhiệm vụ ngoài không gian. Lúc này ông đang ở một trong các nhà chứa máy bay của Trung tâm Vũ trụ Kennedy, trung tâm phóng tàu vũ trụ của NASA tại đảo Merritt ven biển Florida. Và ông chẳng mấy hài lòng với cái mình đang nhìn thấy.

“Anh thấy sao?”

Ông quay lại và thấy Ralph Pierce đang tiến về phía mình. Pierce là kỹ sư trưởng chịu trách nhiệm lắp ráp tàu đổ bộ *Demeter*. NASA đã xây dựng nó trong nhiều năm và mới hoàn thiện phiên bản cuối cùng chưa đầy một tuần trước. Nadolski liếc nhìn con tàu lần nữa.

“Nó có bay được không đây?” Ông hỏi, không hướng câu hỏi tới bất kỳ ai.

“Bay được, Chỉ huy ạ. Tôi đảm bảo với anh đấy. Chúng tôi đã thử lại hôm thứ Sáu vừa rồi. Mọi bộ phận đều hoạt động tốt.”

Nadolski gật đầu mà không nhìn Pierce và bước quanh con tàu đổ bộ. Nó được thiết kế giống với những con tàu được dùng trong lần đáp lên Mặt Trăng năm 1969 và các nhiệm vụ vào đầu thập niên bảy mươi. Liệu nó có chịu được áp lực không? Bay là một chuyện, còn có thể trông cậy được một trăm phần trăm ngoài vũ

trụ lại là chuyện khác. Ngoài đó không có chỗ cho trực trực kĩ thuật.

Theo như Nadolski được biết thì việc dùng thiết kế từ năm mươi năm trước thay vì dùng thứ mới hơn và tốt hơn là do bên trên ra quyết định, có lẽ từ chính tổng thống cũng nên. Ít nhất việc đó cũng khiến ban thị trường hài lòng. Bản thiết kế cổ điển trông quen thuộc với công chúng hơn nhiều và chắc chắn sẽ gọi cho những khán giả nhiều tuổi hồi tưởng lại quá khứ.

Rốt cuộc thì đó chính là cái mà họ hướng tới: khán giả. Và tiền. Danh tiếng của NASA đang chìm dần đi trong vài thập niên gần đây sau một vài tai nạn nghiêm trọng và một số nhiệm vụ không gây thiện cảm với công chúng xem đài. Cơ quan hàng không vũ trụ đã gửi các phi hành gia lên sửa chữa các vệ tinh, băng pin mặt trời, và máy dò hạt. Chưa có dấu hiệu nào cho thấy một nhiệm vụ lên Sao Hỏa do người tiến hành sẽ sớm diễn ra. Số người truy cập các trang web của NASA cũng hiếm hoi như khách vào thăm một bảo tàng bị đắp chiếu.

Nadolski gãi đầu. Thật khó tìm ra điểm nào hợp lí trong cả câu chuyện này. Các câu hỏi lại bắt đầu khiến ông băn khoăn, tình trạng ông thường gặp phải kể từ khi nghe về mấy đứa thiếu niên sẽ được đưa vào nhiệm vụ. Ai mà biết được chúng sẽ cư xử thế nào? Nhỡ chúng phát hoảng lên thì sao? Nhỡ chúng nghịch đồng thiết bị trên tàu mà không ai phát hiện ra? Vũ trụ đâu phải chỗ chơi cho trẻ con.

Ông lắc đầu xua đuổi ý nghĩ đó đi. Ông đã làm việc cho NASA đủ lâu để hiểu rằng hệ thống kiểm tra và giữ cân bằng của nó luôn là hàng đầu. Và lần này họ lại càng không thể để trực trực xảy ra.

Kết cục xấu của nhiệm vụ này sẽ là hồi chuông báo tử cho cả một cơ quan.

“Hừm,” Nadolski nói sau một hồi lâu im lặng, “miễn là nó bay trót lọt...” Ông bỏ câu nói lơ lửng trong không trung trước khi bồi thêm, “Nếu không, tôi bảo đảm với anh là lúc về tôi sẽ cáu chưa từng thấy. Sẽ có máu chảy đầu rơi đấy.”

Kĩ sư Pierce gượng cười. “Yên chí đi. Tôi bảo đảm nó sẽ hoạt động đúng như yêu cầu.” Anh ta quay người rời khỏi nhà chứa máy bay trong khi Nadolski đứng đó, ném cho con tàu đồ bộ một cái nhìn cuối cùng. *Anh dám bảo đảm thế chỉ vì, ông thầm nghĩ, hai ta đều biết rằng nếu nó không hoạt động, anh sẽ chẳng bao giờ gặp lại tôi trên Trái Đất nữa.*

Nadolski thận trọng đạp một cái lên một càng bánh xe bên gầm tàu. Cú đá gần như không có lực, chỉ như một cú huých nhẹ, nhưng đã đủ để bộ phận nhỏ bé đó của con tàu rời ra.

Khí gió...

Ông cúi xuống, nhặt tấm kim loại hình chữ nhật lên, và quyết định đưa nó cho ca trực tối trước khi về nhà.

GIẤY BÁO

Mia đứng ở bến xe buýt chờ một chuyến xe đã muộn mười phút. Mùa hè đã đến và đáng lẽ chiều hôm đó phải là một buổi chiều nắng ấm, kiểu ngày mà bạn có thể dạo chơi trên bờ biển cùng bạn bè cho đến tận gần nửa đêm, khi mặt trời cận Bắc Cực của Na Uy lặn xuống và mọi người mới về nhà. Thay vào đó trời lại mưa như trút, khiến mái tóc đen của cô dính bết vào mặt. Mia rùng mình trong lớp áo khoác mỏng và vô thức nhịp chân theo một giai điệu trong khi ngồi trên ghế băng.

Ban nhạc Rogue Squadron đã thành lập được gần hai năm – chính xác là một năm tám tháng – nhưng nó vẫn chưa đi đến đâu. Đúng là các thành viên trong ban đều còn trẻ, và không có nhiều người ở tuổi họ đã làm được những việc như họ đang làm. Nhưng nói thì nói vậy, Mia đã viết phải đến bốn mươi bài hát trong suốt thời gian đó, đã hòa âm và lên nốt gần xong. Và cả biết bao nhiêu bản lời bài hát nữa. Họ đã thu âm một bản thử vài tháng trước, nhưng vẫn chưa gửi đi đâu cả. Trang Facebook của họ có một lượng người ghé thăm khiêm tốn. Buổi biểu diễn duy nhất của họ cho đến giờ là buổi hòa nhạc năm ngoái ở trung tâm thành phố, nơi diễn ra rất nhiều màn biểu diễn âm nhạc dưới lòng đất trong khuôn khổ chương trình Fantastic Underground 10. Mọi chuyện rõ ràng không thuận buồm xuôi gió với Rogue Squadron. Cần phải làm gì đó.

Mia trông thấy xe buýt lăn bánh tới giữa dòng xe cộ. Cô bước lên vỉa hè và đưa tay ra hiệu cho tài xế biết rằng cô muốn lên xe.

Cô rất ghét phải làm việc đó – trông cực kì lố bịch. Làm thế để làm gì cơ chứ? Cô đang đứng ở bến xe buýt đây còn gì? Nhưng nếu cô không giơ tay lên và giữ cứng đờ như thế cho đến khi xe dừng lại, thì tài xế sẽ cứ thế phóng vụt qua.

Mia vẫy tay vài lần cho chắc rằng tài xế đã nhìn thấy mình. Chiếc xe dừng lại, cô vừa dùng tay trái để rũ tóc cho đỡ ướt vừa leo lên xe và đặt mấy đồng xu lẻ lên chiếc khay trước mặt lái xe.

“Một vé thiếu niên tới Madla,” cô nói.

Ông ta nhìn cô vẻ mệt mỏi và thờ ơ. “Có chứng minh thư không?”

Đó là câu hỏi ưa thích của lái xe. Họ được trả tiền để hỏi những câu như thế. Biết đâu họ sẽ bắt được thêm một người nữa phải trả đủ tiền vé người lớn. Chưa bao giờ trong lịch sử thế giới lại có lúc trẻ em dưới mười sáu tuổi phải tha chứng minh thư đi khắp nơi như bây giờ.

“Thế chú có giấy phép lái xe buýt không?” Mia đáp lại.

“Tất nhiên.”

“Cho cháu xem đi?” Mia hỏi.

“Không. Cô mới là người phải trình chứng minh thư nếu muốn mua vé thiếu niên. Luật là thế đấy, tiểu thư ạ.”

Mia nhận ra mình khá thích thú với trò này. Một chút lí sự với người lái xe, khiến cả chuyến xe bị trễ và khiến mọi hành khách trên xe trừng mắt nhìn mình trong chốc lát, hoàn toàn hợp với tâm trạng cô lúc này. Cuối cùng người lái xe cũng đành bỏ cuộc, nhận đồng tiền xu và trả lại tiền thừa cho cô.

“Kiểm chỗ ngồi đi,” ông ta lầm bầm.

“Chú lái cẩn thận nhé,” cô đáp lại và nháy mắt trước khi bước dọc lối đi giữa hai hàng ghế để tìm một chỗ ngồi ở tận cuối xe.

Leonora, Silje và Kari đang đợi bên ngoài phòng tập khi Mia bước đến. Cả ba đều ướn như chuột lột.

“Tuởng cậu chết trôi ở đâu rồi chứ,” Kari bực dọc nói khi Mia tới.

“Xe buýt đến trễ. Với cả có tí lùm xùm vụ vé xe.”

“Tớ chả hiểu nổi sao cậu không chịu mang thẻ học sinh hay gì đó theo cho xong,” Leonora nói.

“Thế thì còn gì vui nữa?” Mia vừa cười vừa mở khóa cửa.

Gian phòng tập của họ nằm trong một nhà kho ở Kvernevik, và họ chia sẻ gian phòng này với hai nhóm khác chẳng bao giờ tới. Cũng có nghĩa là Mia và Rogue Squadron gần như có toàn quyền sử dụng nó, và đôi khi họ ở đây suốt cả cuối tuần, chơi nhạc đến khuya rồi trải nệm trên sàn mà ngủ. Họ chẳng quan tâm đến việc nó là gian phòng tập xập xệ nhất ở Stavanger, bốn bức tường thấm dầm mồ hôi và khao khát từ những màn độc tấu và xướng âm vô vọng.

Căn phòng nằm ở tầng hầm lửng bên dưới tầng hầm thật và không có một cửa sổ nào. Ánh sáng ban ngày được mô phỏng lại bằng một dãy bóng đèn gắn cố định trên đầu và một hai cây đèn dưới đất. Khói thuốc lá của Leonora càng làm căn phòng thêm tối tăm, đôi khi khiến các thành viên khác trong ban khó mà nhìn thấy nhau qua làn khói mờ vẩn vít. Chưa hết, sàn nhà rải đầy vỏ chai, dây điện, dùi trống gãy, và thức ăn thừa.

Họ không nói chuyện mấy trong khi cầm dây đàn, chỉnh âm trống, bật âm li, và điều chỉnh cả dàn âm thanh. Sau khi lên dây đàn guitar của mình, Mia bước đến trước bộ bàn đạp đa hiệu ứng của mình, khước mắt liếc thấy Leonora đã ngồi sau dàn trống. Cô gạt đầu ra hiệu với tay trống rồi khi nghe thấy giọng đếm “*Một, hai, ba, bốn*” vừa dứt liền thả tay lên dây đàn và bắt đầu vào bài hát “II”.

Đây là một trong những bài hát có nhịp điệu nhanh nhất của họ và là bài tập tốt nhất cho phần khởi động. Mia đã viết bài này vào một ngày đầu tháng Một, nói về hai tòa nhà chọc trời ở New York bị máy bay đâm phải trong một vụ khủng bố.

Trước khi ban nhạc đi tới nốt cuối của bài hát, Leonora đã dừng chơi mà không thêm báo trước. Các tay đàn guitar chơi tiếp thêm vài nhịp, như thể phải chơi chậm dần lại trước khi dừng hẳn. Cuối cùng im lặng bao trùm lên căn phòng.

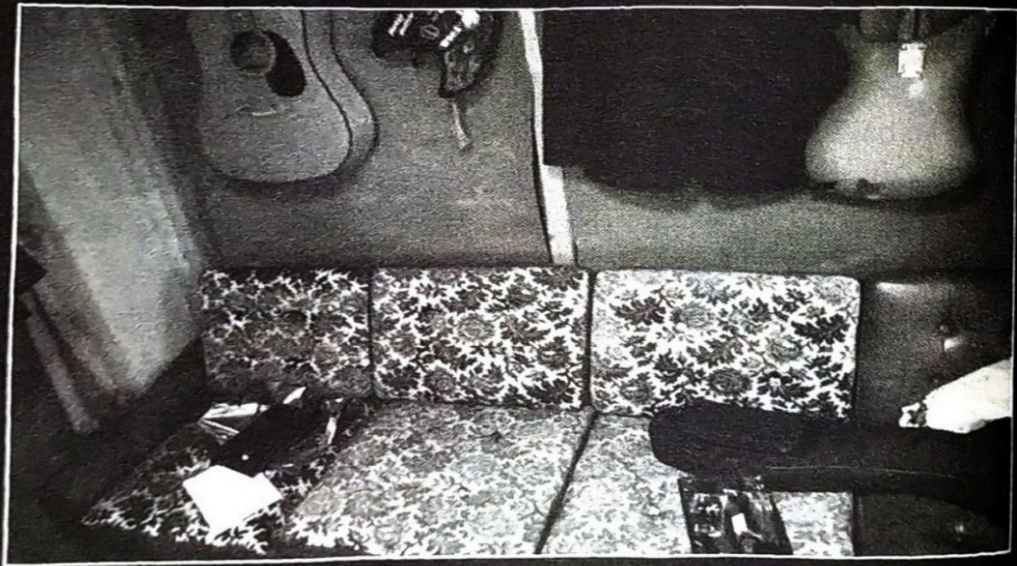
Bài hát nghe không ổn chút nào. Không phải họ chơi sai, chỉ là bài hát không thành. Như thể một con voi khổng lồ đã lén vào phòng tập và nằm đè lên họ. Bốn cô gái tránh nhìn vào mắt nhau.

“Tớ nghĩ mình sẽ chẳng đi tới đâu được,” cuối cùng Mia nói. “Tớ không biết nữa. Cứ như kiểu... bọn mình chơi mãi những bài hát cũ nên càng ngày càng tệ hơn.”

“Ý cậu là sao?” Leonora hỏi.

“Ý tớ là mình phải làm gì đó chứ không chỉ ngồi đây chơi đi chơi lại cùng một thứ mãi. Nếu mình tổ chức hòa nhạc sớm thì sao? Hay là thử đến phòng thu? Gì đó đại loại thế. Thực ra bọn mình muốn làm gì để thoát khỏi tình trạng này? Có lúc tớ nghĩ không biết có phải bọn mình chơi cùng nhau chỉ vì bọn mình là

bạn, và nếu không lập ban nhạc thì bọn mình cũng sẽ cùng làm cái gì đó khác cũng nên.”





“Cái khác là cái gì?” Silje hỏi.

“Tớ không biết. Chỉ là... Tớ muốn lập ban nhạc. Ban nhạc này là thứ tốt nhất đối với tớ cho đến giờ. Các cậu là điều tốt nhất. Thỉnh thoảng tớ nghĩ đây là thứ đáng giá duy nhất mà tớ có. Ít nhất tớ còn có thể nghĩ, *dù thế nào thì mình cũng ở trong một ban nhạc*. Nhưng dạo này, tớ thấy mình chẳng đi đến đâu cả.”

Kari có vẻ cáu kỉnh và uể oải ngã mình xuống sofa. “Cậu đang muốn nói gì hả Mia? Rằng bọn mình cần tập luyện nhiều hơn hả? Tớ thấy ngày nào bọn mình cũng tới đây rồi còn gì?”

“Không phải thế,” Mia phản bác. “Nhưng bọn mình phải quyết định xem mình muốn gì.”

“Được rồi, thế cậu muốn gì nào?” Silje hỏi bằng giọng kiềm chế nhất, để không phá vỡ bầu không khí ngay từ đầu buổi tập. “Nếu cậu có thể có bất kì điều gì mình muốn, thì cậu sẽ ước gì hả?”

Mia ngẫm nghĩ một hồi lâu. Nhưng đó hầu như chỉ là giả bộ suy nghĩ. Vì cô đã biết mình muốn gì từ rất lâu rồi. Cô đã nghĩ về nó hằng đêm khi ngồi soạn nhạc trong phòng. Cô nghĩ về nó trước khi ngủ thiếp đi, và cô mừng tượng ra nó trong đầu, tất cả. Bìa album, các chuyến lưu diễn, sân bay, khách sạn.

“Tớ ước rằng Rogue Squadron có thể vươn ra ngoài,” cô đáp. “Rằng mình sẽ phát hành đĩa nhạc và đi lưu diễn ít nhất là bốn tháng mỗi năm. Rằng bọn mình cùng ở trong một căn hộ lớn kiêm luôn phòng thu, một căn hộ ở trung tâm Oslo. Rằng bọn mình là một ban nhạc đi vào lòng mọi người.”

Ba cô gái còn lại gật đầu chăm chú khi nghe cô nói.

“Được, tốt thôi,” Silje, luôn là người thực tế nhất nhóm, cất tiếng. “Thế thì...” Cô dừng bật. Có người đang đập cửa. Tất cả đều nghe thấy tiếng bàn tay đập lên cánh cửa kim loại ở tầng trên.

“Ai thế không biết?” Mia hỏi, quay sang nhìn Kari.

“Làm sao tớ biết,” Kari đáp. “Tớ đâu có nhìn được xuyên tường.”

Leonora đi ra hành lang và mở cửa cho ai đó vào. Vừa nghe thấy giọng nói Mia đã nhận ra ngay lập tức.

Mẹ, cô thầm nghĩ. Mẹ làm gì ở đây cơ chứ?

Trong thoáng chốc cô lo sợ đã có chuyện gì không may xảy ra với Sander, em trai cô. Cậu bé mới chín tuổi và hơi khác biệt với những đứa trẻ khác, nhưng cô rất yêu anh chàng bé nhỏ luôn đội mũ bảo hiểm khi ra đường và hi vọng mùa đông chóng đến để có thể chum mũ len ra ngoài mũ bảo hiểm để không ai nhìn thấy ấy. Nó đã gặp chuyện gì chẳng? Đã có ai qua đời ư?

Cô chưa kịp nghĩ thêm gì khác thì mẹ cô đã chạy ào vào phòng và choàng tay quanh cổ cô.

“Chúc mừng con! Ôi, không thể tin được lại chính là con gái tôi!” Giọng bà gần như lạc đi vì vui mừng trong khi Mia giãy giụa vì ngạt thở trong cái ôm của bà.

“Mẹ làm gì ở đây thế này?” Mia cộc cằn hỏi khi cô nhận ra là không có ai bị làm sao cả. “Mẹ muốn gì?”

Nhưng mẹ cô không nhận ra sự chán ghét trong giọng nói của con gái. Bà chỉ nghe thấy sự phẫn khích của chính mình.

“Mia, con trúng rồi! Con *trúng rồi!*”

“Con trúng cái gì? Mẹ nói gì vậy?”

“Con sẽ lên Mặt Trăng, Mia!”

Như thế có ai vừa nhét vào tay cô một quả bom nguyên tử đã kích hoạt, Mia bất giác lùi lại một bước. Mẹ cô đang đứng trước mặt cô, tay cầm một chiếc phong bì. Mia có thể thấy logo của NASA hiện rõ trên nền giấy trắng.

Vào khoảnh khắc đó cô thấy ghét mẹ mình.

Ghét bà vì đã lao vào đây cắt ngang buổi tập. Ghét bà vì đã làm cô mất mặt ngay giữa phòng tập và khiến cô trông như một đứa trẻ con. Ghét bà vì không bao giờ nghe cô nói. Ngay lúc đó cô thấy ghét bà chỉ vì bà là mẹ mình.

“Mẹ mở thư của con rồi à?” Mia chỉ có thể thốt ra như vậy. Ba cô bạn gái đứng im lặng xung quanh.

Mẹ cô tỏ vẻ bối rối. Đây không phải là phản ứng mà bà mong đợi.

“Không, ừm, bố mẹ...” mẹ cô ngập ngừng cất lời, vừa nói vừa vất óc lựa chọn từ ngữ. Bà luôn làm thế mỗi khi con gái nổi giận với mình. “Ừm, bố mẹ thấy nó là, ờ, con biết đấy, có chữ NASA trên... phong bì, thế nên... bố mẹ muốn biết chắc trước khi lái xe đến tận đây. Mẹ tin là con hiểu mà. Đúng không?”

“Bố cũng ở đây ạ?”

“Không, bố ở nhà với Sander.”

“Đưa con lá thư,” Mia nói cộc lốc.

“Ôi, Mia, đây là một cơ hội tuyệt vời. Nó là dịp cả đời mới có một lần đấy con,” mẹ cô vừa nói vừa đưa phong bì cho cô.

Mia cầm phong bì trên hai bàn tay run rẩy trong chốc lát rồi vo viên và ném vào tường.

“Có chỗ nào mẹ không hiểu thế? Hả mẹ? Lời con nói có gì quá khó hiểu với mẹ thế nhỉ? Con đã nói là con không muốn đi rồi mà! Con nói cả triệu lần rồi! Con làm quái gì ở trên Mặt Trăng cơ chứ?”

“Mia, con à...”

“Mẹ đang cản trở bọn con luyện tập. Mẹ về đi.”

Mẹ Mia cố gắng giấu sự thực rằng bà đã sắp khóc đến nơi. “Chúng ta nói chuyện sau vậy, Mia nhé. Được không con? Các con luyện tập tốt nhé.” Bà bước về phía cửa rồi dừng lại, mắt cảm xuống sàn nhà. “Mấy đứa phải dọn dẹp đi. Chỗ này kinh quá rồi.”

Rồi bà đi ra.

Mia và các bạn đợi cho đến khi nghe tiếng xe xa dần.

“Chết tiệt. Đúng là chuyện điên khùng nhất mình từng nghe mà,” Silje kêu lên, mắt nhìn chăm chăm Mia.

“Vậy là Long Xù nói thật về vụ cậu nằm trong số người đăng kí lên Mặt Trăng?” Leonora ngạc nhiên hỏi, tay dò dẫm bao thuốc lá. “Sao cậu không nói gì?”

Silje vẫn sững sốt nhìn bạn mình không dứt. “Chết tiệt! Không thể tin được! Cậu *trúng* thật hả?” Cô hỏi giọng hoài nghi. “Cậu có biết bao nhiêu người đã đăng kí không? Chắc phải hơn cả tỉ người ấy.”

Mia thấy bức bối. Họ không hề nói gì về cuộc rút thăm hay về Mặt Trăng kể từ giờ học tiếng Đức ngày hôm trước. Và giờ thì sao? Giờ cô đã được chọn giữa cả triệu người đăng kí đi, dù cô không hề muốn, và các bạn cô sẽ nghĩ cô nói dối họ.

“Chuyện không phải thế đâu,” cô đáp, cố gắng nghĩ xem tiếp theo nên nói gì cho phải. “Tại bố mẹ tớ ấy. Họ tự ý đăng kí tên tớ vào cuộc rút thăm ngu xuân này, dù tớ đã nói là tớ không thích rồi.”

“Thật thế hả?” Leonora không biết phải nói gì.

“Nếu đúng thế thì cũng chuỗi thật,” Silje bình luận. “Tức là nếu cậu đã nói rõ là cậu không muốn đi ấy.”

“Thật mà! Tớ nói đi nói lại không biết bao nhiêu lần.”

“Can thiệp sâu đến thế là cùng,” Leonora vừa nói vừa ngồi xuống sofa và mở một chai nước. “Lại còn đăng kí cho cậu lên Mặt Trăng mặc cho cậu không muốn. Nhưng dù sao thì, chắc chắc! Cậu định thế nào?”

Mia thở dài náo nuột. “Tớ chẳng biết,” cô đáp. “Thực tình chẳng biết nữa.”

Kari chưa hề nói gì từ khi mẹ Mia gõ cửa. “Nhưng Mia?” cuối cùng cô mới lên tiếng.

“Ừ?”

“Tại sao cậu không muốn đi?”

Mia không ngờ sẽ bị hỏi câu này. Cô luôn đinh ninh rằng sẽ chẳng ai có hứng thú với cái trò ấy. “Cậu có biết nó ở xa đến mức nào không? Tớ sẽ phải huấn luyện mất bao lâu? Với cả, việc này cũng đâu có bảo đảm an toàn tuyệt đối. Có phải giống như đi chợ đâu. Mà thực tình là tớ có quan tâm gì đến du hành vũ trụ đâu cơ chứ? Bọn mình sống ở đây, ở Stavanger. Na Uy. Châu Âu. Tớ sẽ làm gì trên ấy nào? Ngắm đất đá với hai đứa dở hơi khác và vầy

tay chào máy quay phim suốt cả tuần? Tớ không định phí mất cả năm sau của mình như thế.”

Kari nhìn cô từ trên xuống dưới rồi lắc đầu. “Cậu đúng là đồ ngốc mà.” Cô chậm rãi nói.

“Ý cậu là sao?” Mia không thích cách Kari nói với cô. “Tớ không biết cậu thì thế nào, nhưng tớ có kế hoạch riêng cả rồi,” Mia giải thích. “Vào năm 2019, tớ sẽ biểu diễn trên sân khấu. Có lẽ sẽ thu một album, ít nhất là bản thử. Tớ không định phí thời gian cho mấy trò quảng cáo của NASA đâu. Họ đi mà chọn người khác.”

Kari vẫn ném về phía cô một cái nhìn vẻ không tán thành.

“Tớ đã đăng kí,” Leonora lí nhí thừa nhận. Cô dập điều thuốc vào đồng đầu lọc đã chất cao như núi trên chiếc bàn cà phê trước mặt và thản nhiên châm một điếu mới.

Mia ngạc nhiên ngoảnh nhìn cô bạn mình.

“Tớ cũng thế,” Silje tiếp lời.

“Cả tớ nữa,” Kari nói.

“Nhưng tại sao?” Mia chỉ có thể nói một câu.

“Tại sao lại không?” Silje đáp. “*Tất cả mọi người* đều tham gia cuộc rút thăm đó. Cậu không hiểu nó đình đám đến mức nào sao?”

Mia đưa mắt nhìn lần lượt từ Silje tới Kari rồi sang Leonora. “Nhưng lúc Lông Xù đọc mấy cái tên đó... có mấy người ở trường mình đăng kí đâu. Mà bà ấy cũng không đọc tên các cậu.”

Leonora đáp, “Chỉ có mỗi tớ là học chung lớp tiếng Đức của Lông Xù với cậu. Hôm ấy đi học về tớ mới đăng kí. Vì tớ tưởng cậu

đã đăng kí rồi, nên tớ thấy cũng hay. Có lẽ nhiều người trong trường mình cũng nghĩ như vậy và đăng kí sau đó, sau khi nghe Long Xù nói.”

Mia không thể hiểu nổi chuyện này. Cả ban nhạc của cô đã bị lây cơn sốt Mặt Trăng rồi sao? Cô ngồi phịch xuống sofa cạnh Leonora.

Kari ngồi đầu bên kia. “Dù sao thì cũng không quan trọng nữa rồi. Mia trúng rồi. Mia sẽ lên *Mặt Trăng*!”

“Còn lâu! Tớ không đi đâu hết!” Cô gần như hét lên.

Bốn cô gái ngồi lặng yên trên ghế, mắt nhìn trân trân vào mấy bức tường, ba trong số họ ước gì tên mình đã được chọn, còn người thứ tư lại thấy như thể mình vừa bị tuyên án tù.

“Tớ nghĩ nếu cậu không đi thì phí lắm,” cuối cùng Silje nói, phá vỡ sự im lặng căng thẳng.

“Cậu nói gì vậy? Cậu sắp thành mẹ tớ rồi đấy.”

Kari khoanh tay trước ngực. “Bọn tớ nghĩ cậu phải nhìn ra toàn cảnh đi, Mia.”

“Bọn tớ? *Bọn tớ* là sao? Các cậu bàn trước với nhau rồi chắc? Tớ phải nhìn toàn cảnh thế nào?”

“Nghe này,” Kari nói. “Cậu nghĩ Rogue Squadron đang gặp bế tắc, đúng không? Cậu muốn – gì ấy nhỉ? – muốn ban nhạc vươn xa hơn, đúng không? Cậu muốn đi lưu diễn, muốn thu album, muốn ở khách sạn lớn ở Tokyo và L.A, đúng không?”

“Thế thì sao?” Mia lầm bầm hỏi.

“Thế thì sao? Cậu không hiểu à? Đây là cơ hội cả đời mới có một đấy, Mia! Làm gì có dịp nào tốt hơn thế này. Cậu không hiểu cậu sẽ nổi tiếng cỡ nào sao? Sau đó cậu sẽ muốn gì được nấy. *Muốn. Gì. Được. Nấy.* Muốn có hợp đồng thu âm? *Không thành vấn đề.* Lưu diễn? *Cô muốn bắt đầu từ đâu?* Nghỉ học và đưa ban nhạc tiến xa hơn? *Chắc chắn rồi.* Cậu sẽ là người dưới hai mươi tuổi đầu tiên lên Mặt Trăng. Cậu sẽ có hàng trăm cuộc phỏng vấn, chương trình truyền hình, và khối thứ khác nữa. Bất kì dịp nào trong đó cũng là cơ hội để quảng bá ban nhạc. Bảo đảm bọn mình sẽ được biểu diễn trong chương trình của David Letterman⁶ cho xem!”

“Tớ tưởng ông ta giải nghệ rồi mà,” Mia khô khan nói.

“Nhảm nhí. Mấy năm nay ông ấy nói suốt mà có thấy giải nghệ gì đâu? Ông già ấy sẽ còn ngồi đấy đến khi bị người ta xách cổ lôi ra khỏi trường quay.”

Họ cùng bật cười. Một tràng cười ngắn, nhẹ nhàng làm dịu bớt không khí căng thẳng trong phòng.

“Đêm nay chúng tôi hân hạnh được giới thiệu với các bạn một ban nhạc hoàn toàn mới,” Kari cố gắng bắt chước điệu bộ của David Letterman. “Một ban nhạc xuất sắc, và ca sĩ chính của nhóm – không hề xa lạ gì với tất cả chúng ta – vừa trở về từ Mặt Trăng. Đến từ Vùng đất Mặt Trời Nửa đêm, xin một tràng pháo tay chào đón phi hành gia thiếu niên Mia Nomeland của Na Uy cùng ban nhạc tuyệt vời của cô, Rogue Squadron!”

Kari, Leonora và Silje cùng vỗ tay, và Mia không khỏi mỉm cười khi cùng tham gia vào màn biểu diễn tưởng tượng của cô bạn.

“Cứ nghĩ mà xem, Mia,” Silje nói. “Nếu cậu lên Mặt Trăng, cậu sẽ mang về đến cả chục bài hát mới cậu viết trên đó ấy chứ. Thậm chí cả một bản thu thử cậu ghi trên Mặt Trăng. Nếu nó mà không giành được hợp đồng thu âm thì còn gì giành được nữa.”

“Cậu nghĩ họ cho cậu ấy mang guitar lên đó chắc?” Leonora bật cười hỏi.

“Tất nhiên,” Silje đáp. “Nhưng đấy không phải vấn đề chính. Vấn đề là cậu ấy chưa nhận ra việc này có lợi cho bọn mình thế nào.”

“Này, bọn mình có phải Pink Floyd⁷ đâu,” Mia đáp, vẫn chưa xuôi hẳn. “Bọn mình định lập kiểu ban nhạc theo phong cách vũ trụ đấy à?”

Kari đảo tròn mắt, “Tất nhiên là không rồi. Bọn mình muốn là gì mà chẳng được. Từ cơ hội này bọn mình có thể có mọi thứ. Chỉ có một việc nhất định phải làm.”

“Tớ phải đi.”

“Chính xác.”

“Nếu không đi cậu sẽ hối tiếc suốt đời đấy, Mia,” Silje nói. “Rồi cậu sẽ làm việc trong cửa hàng McDonald, đội một cái mũ củ chuối và mặc một bộ đồng phục lỗ bịch, mặt mũi thì dờ dẫm còn người dính đầy dầu mỡ, và nghĩ về cơ hội mà cậu đã từ chối.”

“Tớ đề nghị bọn mình bỏ phiếu,” Kari nói.

“Này! Khoan đã!” Mia phản đối.

Kari đưa cánh tay lên không trung. “Silje?”

Cánh tay Silje cũng đưa lên.

“Leonora?”

Cô châm một liều thuốc mới rồi giơ tay lên.

“Đa số đã quyết định rồi, Mia. Mùa hè sang năm cậu sẽ ở ngoài vũ trụ.”

Một nụ cười bướng bỉnh, chậm rãi nở trên khuôn mặt Mia, và cô không thể làm gì để ngăn nó lại. Các bạn cô nói có lí, đúng không? Rằng họ có thể thay đổi hoàn toàn tương lai của ban nhạc?

Chỉ một vài tuần thôi mà. Chắc cũng không đến nỗi tệ đâu.

Cô đứng dậy, bước về phía bức tường và nhặt chiếc phong bì NASA rúm ró lên.

Rồi cô quay nhìn các thành viên trong ban nhạc.

“Được rồi,” cuối cùng cô nói. “Tớ sẽ đi.”

Từ sau đó tới khi kết thúc, buổi tập đã cho ra những màn diễn tuyệt nhất mà Mia từng biết.

Quyết định đi của cô đã thắp lên một bầu không khí phấn chấn mà cô chưa từng thấy bao giờ. Đã lâu lắm rồi họ không chơi hay như vậy, và họ còn viết được hai bài hát mới, “Đường nào tới L.A” và “Bài ca siêu tốc”. Họ lên kế hoạch cho hai album nhạc và mơ tới những đợt lưu diễn bất tận vòng quanh thế giới trên chiếc xe buýt khổng lồ.

Họ còn chơi lại “II” một lần nữa, và lần này giai điệu đã trở về đúng nhịp. Khi Leonora gõ đoạn điệp khúc cuối Mia ra hiệu họ lặp lại một lần nữa từ nốt cao nhất, và lần này cô hát bằng tất cả những gì mình có. Khi họ đi tới đoạn cuối của điệp khúc, cô vẫn cứ

hát mãi, dạo lại khúc nhạc hết lần này đến lần khác, nhanh hơn tất cả những lần tập trước đây. Mia hét vào micro và dồn hết sức lên dây đàn. Một sợi dây đã đứt, nhưng cô vẫn coi như không biết và hát mãi cho đến khi chỉ còn một bức tường tiếng ồn vọng lại, rồi cô quay về phía các bạn và ra hiệu. Họ cùng đếm đến bốn trong đầu và dừng cùng lúc. Chính xác đến từng giây.

Và buổi tập kết thúc.

Căn phòng trở lại yên lặng. Như thể mọi âm thanh đã chìm vào mặt đất.

Không ai bảo ai, họ cùng đặt nhạc cụ xuống và tới ngồi trên sofa. Silje là người đầu tiên lên tiếng. “Trời ạ, vừa rồi là sao?”

Mia nhìn các ngón tay mình. Đầu ngón trỏ của cô đang rỉ máu. “Ý cậu là gì?”

“Tớ thấy cực đỉnh đấy,” Kari nói. “Bọn mình phải phát huy. Cứ như thế là được, các cậu đồng ý không? Càng đến cuối càng phải cố hết sức.”

“Các cậu này, tớ nghĩ đây là khởi đầu của đại sự đấy,” Silje đáp.



Khi họ rời phòng tập vào lúc mười hai giờ kém mười lăm phút đêm để bắt xe về nhà, tất cả đều hơi choáng váng và ngây ngất. Họ tiếp tục hát trên xe buýt, và người tài xế ném về phía họ một cái nhìn dữ dằn qua gương chiếu hậu.

Mia là người cuối cùng trong nhóm xuống xe. Cô cần đi bộ một lát dù trời đang mưa nặng hạt. Một vài chiếc ô tô phóng qua, các tài xế chẳng hề để ý đến cô đang cuốc bộ qua những con phố vắng tanh, dựng cổ áo khoác mỏng lên cao để che gáy cho khỏi ướt. Một cô gái trẻ bước trong mưa với đôi bốt lính dù nặng trĩu, dù đang giữa mùa hè. Một thiếu nữ mười lăm tuổi với chiếc tai nghe to tướng, vừa đi vừa gật gù theo điệu nhạc. Và nếu những người lái xe đó để ý kỹ, trong một khoảnh khắc khi đèn pha chiếu sáng khuôn mặt cô, họ sẽ thấy cô đang mỉm cười.

Vì lúc này cô đã quyết ý.

Cô sẽ đi. Và cô sẽ sống hết mình với chuyến đi ấy, nắm bắt lấy cơ hội khi nó đến với mình.

Đây là khởi đầu, cô thầm nghĩ khi bước trên con đường hướng về nhà và đặt chân vào sân trước. Đây là lúc mọi thứ bắt đầu.

THƯ

Midori nhìn người đưa thư Takumi Watanabe khi ông đứng trước các hộp thư trong sảnh lớn. Ông đưa chiếc phong bì lên trước mặt bằng cả hai tay. Chú chó lab⁸ lông đen tên Bob của ông đứng bên cạnh.

“Chà, Midori-chan, xem ra cháu đúng là cô bé may mắn nhất bác từng gặp.”

Midori không biết mình có dám nhận chiếc phong bì hay không.

“Bác nghĩ cháu là cô bé may mắn nhất bác từng gặp,” Takumi lặp lại. Ông vẫn thường lặp lại lời mình nói như thế. Như thế ông không có gì nhiều để nói, nên ông nói mọi thứ hai lần để lấp đầy thời gian.

Midori chưa bao giờ đặc biệt may mắn. Cũng không hẳn là cô hay gặp xui xẻo. Một lần cô từng trúng một cuộc thi trên truyền hình. Sau khi gọi đến tổng đài và trả lời những câu hỏi dễ như chơi từ một người dẫn chương trình gốc gác, cô được thông báo mình là người chiến thắng trong ngày. Nhưng cô đã hiểu lầm thông báo về giải thưởng. Đó không phải là một chiếc máy tính xách tay Mac mà là phiên bản đặc biệt của bộ manga *Akira*, gộp cả sáu tập lại thành một cuốn dày hai nghìn trang. Cô bán nó cho một cậu bạn cùng lớp ngay trong tuần và tiêu hết số tiền bán truyện ở khu thương mại Shibuya 109.

“Bác nghĩ cháu là người may mắn nhất bác từng gặp,” Takumi lặp lại lần thứ ba. Rõ ràng ông gặp khó khăn hơn hẳn mọi người

trong việc kiểm chủ đề nói chuyện.

Cuối cùng Midori cũng chìa hai tay ra nhận lá thư. Chiếc phong bì màu trắng được làm bằng chất liệu giấy hảo hạng. Tên cô được viết đẹp đẽ (và chính xác) bằng tiếng Nhật. Và ở góc trên bên trái cô thấy logo của NASA. Lá thư được đóng dấu bưu điện “Houston, Texas, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.”

“Sao nào?” Takumi nôn nóng thúc giục.

“Cháu không biết nữa,” Midori đáp, cầm chiếc phong bì trên tay.

“Cháu phải mở ra xem.”

“Thế à?”

“Ừ. Nhiệm vụ của người đưa thư là giao thư mà. Nhưng bác đã nhìn thấy lá thư đâu, mới chỉ thấy phong bì thôi. Như vậy chưa tính.”

“Vâng, chắc là vậy.” Cô do dự thêm chốc lát. Cô đột nhiên nhận ra chuyện này trọng đại đến mức nào.

“Midori-chan? Cho bác xem thư đi cháu?”

Chú chó rối rít vẫy đuôi, dường như cũng sốt ruột chẳng kém chủ.

Midori mở phong bì và rút lá thư đánh máy ra.

Kính gửi cô Midori Yoshida,

Chúng tôi xin trân trọng thông báo rằng cô đã được chọn trong số hàng triệu thiếu niên để tham gia vào phi hành đoàn của con tàu

vũ trụ Ceres trên hành trình lên Mặt Trăng vào tháng Bảy năm 2019. Chuyến đi này sẽ đưa cô và hai bạn trẻ khác trên một hành trình lịch sử tới Biển Yên Bình trên mặt gần của Mặt Trăng, nơi những phi hành gia đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng – Neil Armstrong và Edwin “Buzz” Aldrin – đã hạ cánh vào năm 1969. Chuyến đi sẽ kéo dài mười lăm ngày, với bảy ngày ở tại căn cứ Mặt Trăng DarLah. Trước đó, NASA muốn mời cô và gia đình tới Trung tâm Vũ trụ Johnson ở Houston, Texas, để dự chương trình huấn luyện kéo dài ba tháng, tất nhiên mọi chi phí của chương trình sẽ được đài thọ.

Chúng tôi đề nghị cô dành vài ngày cân nhắc thật kỹ về việc có muốn tham gia chuyến đi này hay không. Chắc chắn nó sẽ thay đổi hoàn toàn cuộc sống của cô về sau này. Chúng tôi đề nghị cô thảo luận kỹ với phụ huynh, vì sự cho phép của họ là yêu cầu bắt buộc.

Một đại diện của NASA sẽ liên lạc với cô trong tuần sau để xin phản hồi của cô về lời mời này. Cô và phụ huynh hoặc người giám hộ phải đọc kỹ và ký thỏa thuận bảo mật đính kèm theo đây trước khi nhận cuộc gọi, vì thông tin này cần được giữ bí mật tuyệt đối trước khi chúng tôi ra thông báo chính thức.

Một lần nữa chúng tôi xin chúc mừng cô đã trúng giải.

Trân trọng,

Tiến sĩ Paul Lewis

Thay mặt NASA

“Thế nào?” Takumi lại hỏi, lần này có vẻ thận trọng hơn. Cô suýt nữa đã quên mất sự có mặt của ông. Cô ngước mắt lên và hai

người nhìn nhau hồi lâu. Bob nghech đầu sang một bên theo dõi.

“Cháu... trúng rồi,” miệng cô cất tiếng, và cô cảm thấy mình bắt đầu loạng choạng.

Trong nháy mắt, Takumi Watanabe nhào tới nhắc bổng cô lên và quay cô vòng quanh trong tiếng cười hân hoan, “Cháu sắp lên Mặt Trăng! Cháu sắp lên Mặt Trăng!”

Chú chó Bob sủa nhặng lên, bối rối vì cơn ồn ào đột ngột. Vài người phụ nữ đi ngang qua dừng lại giây lát nhìn người đàn ông trưởng thành vừa quay tròn một cô bé vừa cười như điên dại.

“Cháu hết nhận thư rồi nhé, Midori-chan,” ông nói mà như hát. “Cháu ở ngoài địa phận đưa thư của bác rồi! Ha ha, tận *Mặt Trăng* cơ đấy! Ai mà tin nổi chứ?”

Midori không sao thốt nên lời. Có lẽ như vậy lại hay. Nếu không có lẽ cô sẽ khiến ông thất vọng, vì sự thật là Midori chẳng hề nghĩ gì đến Mặt Trăng khi cô đứng trong vòng tay của người đưa thư. Cô không hề nghĩ đến cơ hội độc nhất vô nhị mình vừa nhận được hay việc ở trên Biển Yên Bình. Tất cả những gì cô nghĩ tới chỉ là nơi cô sẽ đến trước chuyến đi vớ vẩn này. Hai từ đó cứ chạy đi chạy lại trong đầu cô.

New York. New York.

Cô biết chính xác việc này có nghĩa gì.

Mày vừa giành được một vé ra khỏi đây, Midori.

Midori không nói gì với bố mẹ về lá thư cho đến tận giờ ăn tối ngày hôm đó. Họ phấn khích đến mức mời tất cả hàng xóm sang

uống rượu sake để khoe tin mừng; và trong thoáng chốc Midori đã thấy cả căn hộ đầy ắp người tới chúc tụng, bày tỏ sự ngạc nhiên, vui sướng và chúc cô may mắn. Midori cũng rất vui mừng, gần như hớn hở. Cô biết rằng đây sẽ là kết thúc cho cuộc sống từ trước đến nay của cô. Đó là một quyết định trọng đại đối với một cô bé mới mười lăm tuổi, nhưng cô đưa ra lựa chọn ngay khi đọc lá thư, và cô quyết sẽ không đổi ý. Cô sẽ không quay về Nhật Bản.

Cô vẫn chưa xác định rõ mình sẽ giải quyết những vấn đề cụ thể như thế nào, vì khi quay lại Trái Đất cô mới mười sáu tuổi. Cô và hai thiếu niên khác sẽ về New York sau đợt họp báo vòng quanh thế giới, rồi sau đó cô có thể chuẩn khởi ánh đèn sân khấu mãi mãi. Tất nhiên, như vậy có nghĩa là cô sẽ phải trốn tránh chính quyền trong vài năm cho đến khi cô đủ tuổi vào đại học... Không, cô phải thừa nhận đó là một kế hoạch tệ hại. Ngoài ra, cô không muốn bỏ bố mẹ mình vĩnh viễn. Đúng là có những lúc họ cực kì khờ khạo – phải nói là rất nhiều lúc – nhưng họ vẫn là bố mẹ của cô. Cô không thể biến mất hẳn khỏi tầm mắt họ.

Nhưng còn có một phương án khác. Đó là lợi dụng điểm yếu của bố Tetsuo về nước Mỹ. Ông chưa bao giờ được đến đó, và ông luôn nói mãi về chuyện ông muốn tới đó đến mức nào. Đại Vực Grand Canyon – đó là nơi ông muốn đến xem nhất. Chỉ có Chúa mới hiểu được vì sao. Đối với Midori, Đại Vực chỉ là một thung lũng lớn có vài ngọn núi, mà thứ đó ở Nhật chẳng thiếu gì. Nhưng bố cô nói luôn miệng về nó, với đôi chút sùng kính. *Được thôi, Midori nghĩ, bố có thể đến Đại Vực cho thỏa lòng mong ước.*

Cô sẽ không nói gì với bố mẹ về ý muốn chuyển đi khỏi Yokohama nói riêng hay Nhật Bản nói chung cho đến khi họ đã đi một đoạn đường dài trong chuyến vòng quanh thế giới sau khi trở

về từ Mặt Trăng. Rồi cô sẽ gợi ý họ đi xem Đại Vực. Và rồi, khi họ cùng đứng đó ngắm nhìn quang cảnh (có lẽ cũng chẳng hùng vĩ lắm), cô sẽ mở lời: *Nếu chúng ta dọn hẳn tới đây thì sao?*

Và có lẽ, có lẽ, họ sẽ đồng ý. Có khả năng lắm chứ, và ngay lúc này cô chỉ có thể tin rằng kế hoạch sẽ thành công. Cuộc sống của cô phụ thuộc vào đó, cô nghĩ thế. Nếu không, cả hành trình lên Mặt Trăng sẽ hoàn toàn vô nghĩa.

Ánh bình minh đã bắt đầu chiếu xuyên qua lớp rèm mỏng khi Midori ngủ thiếp đi lúc năm rưỡi sáng. Cô muốn thức để suy nghĩ cho kế hoạch của mình, nhưng hai mắt cô cứ díp lại khiến cô không sao nghĩ cho rõ ràng được nữa. Cô nhanh chóng biến mất vào hành lang dài của giấc ngủ, và ở đầu bên kia cô thấy mình đứng trên đỉnh một căn gác ở Brooklyn, với một tách cà phê trên tay và phóng mắt nhìn ra toàn cảnh Manhattan in trên nền trời. Cô mở cửa nóc và gọi với xuống các bạn đang ngồi trong căn gác rộng lớn bên dưới, giữa những bức tranh và trang phục mà họ làm ra. “Bọn tớ lên ngay đây,” họ trả lời vọng lên, và Midori để mở cánh cửa nóc, ngồi tựa lưng vào ống khói và nheo mắt dưới ánh mặt trời tháng Chín tuyệt đẹp và mát rượi.

Đúng như trong lá thư đã nói, ba ngày sau một đại diện biết tiếng Nhật của NASA gọi cho Midori và hỏi:

“Cô có đồng ý tham gia vào nhiệm vụ này không?”
Midori trả lời không do dự, “Có.”

“Và cô đã bàn bạc vấn đề này với phụ huynh chưa?”

Cô thoáng bất ngờ trước giọng điệu trịnh trọng của người đại diện.

“Ừm, rồi ạ,” Midori đáp. “Tất nhiên là rồi.”

“Tốt. Sau khi chúng ta nói chuyện xong tôi sẽ cần gặp họ. Với sự đồng ý của họ, một trong bốn đại diện của chúng tôi sẽ đến Yokohama vào tuần sau để thảo luận chi tiết với cô và gia đình.”

Cô ngỡ ngàng đưa điện thoại cho bố và ông ngay lập tức ấn định thời gian gặp mặt với NASA.

Không còn đường lui nữa rồi, cô thầm nghĩ.

Quả nhiên, một tuần sau, lúc hơn bảy giờ tối một chút, một người Mỹ vận comple chỉnh tề với giọng nói trầm thấp xuất hiện trước cửa căn hộ của họ trên tầng năm. Bố mẹ Midori có lẽ đã nghĩ người đại diện này đến để cho họ biết thông tin chi tiết về kế hoạch sắp tới của con gái mình, nhưng rõ ràng mục đích chuyến viếng thăm của người này hoàn toàn khác.

Người đại diện gạt sang một bên những câu hỏi của họ bằng vài câu trả lời mơ hồ và nhát gừng, rồi mở cặp tài liệu và lấy ra một đồng giấy tờ. Midori và bố mẹ phải kí vô số tài liệu, mẫu bảo hiểm, điều khoản pháp lí này khác, quy định về trách nhiệm trong trường hợp này kia, và đủ thứ khác nữa. Họ chẳng thể nào đọc hết tất cả, và chỉ biết kí vào chỗ mà người nọ chỉ cho họ bằng ngón tay được cắt móng gọn ghẽ. Họ kí và kí mãi cho đến khi ông ta có vẻ hài lòng, nở nụ cười và cúi đầu chào thật thấp trước khi cảm ơn họ rồi rời đi, cũng lặng lẽ và vô cảm như khi ông ta tới.

Midori và bố mẹ vẫn ngồi quanh chiếc bàn trà thấp, hơi bối rối về mọi chuyện vừa xảy ra với họ trong một giờ đồng hồ vừa qua. Nhưng người đại diện họ không hề để lại danh thiếp hay số điện thoại. Hẳn là ông ta đã đang trên đường trở ra sân bay, hướng tới đất nước tiếp theo và phi hành gia thiếu niên tương lai tiếp theo.

Cảm giác ngỡ ngàng của họ kéo dài trong vài tháng tiếp theo, như thể mọi chuyện đang diễn tiến quá nhanh. Khi cuốn lịch chỉ đến tháng Ba, họ thấy như thể mới chỉ vài ngày trôi qua. Đột nhiên Midori cảm thấy cô không có đủ thời gian để làm xong mọi việc. Cô gửi đơn xin hoãn thi ở trường, và được chấp nhận ngay. Cô vội vã nói lời tạm biệt với các bạn ở trung tâm Tokyo. Và lúc này khi cô đã sắp trở thành một nhân vật nổi tiếng, cô phải đi chào hỏi hết họ hàng ở Yokohama, cùng hàng xóm láng giềng và đồng nghiệp của bố, để cho tất cả mọi người đều hài lòng.

Takumi Watanabe là người cuối cùng Midori nói lời chào, vào đúng buổi sáng cô và bố mẹ lên đường. Như nhiều người láng giềng và họ hàng khác, ông đứng chờ bên ngoài tòa nhà khi gia đình Yoshida chuẩn bị xuất phát sang Mỹ. Takumi đứng ở tận ngoài cùng của đám đông, để không cản đường ai, và Midori phải chen qua mọi người để tới được trước mặt ông.

“Thượng lộ bình an nhé, Midori-san.”

Đó là lần đầu tiên ông gọi tên cô với kính ngữ “san” dành cho người lớn thay vì “chan” mà mọi người vẫn dùng thân mật với trẻ con. Có lẽ sẽ không ai để ý tới điều nhỏ nhặt đó, nhưng với Midori nó có ý nghĩa rất nhiều. Như thể lúc này họ đã thực sự trở thành hai người bạn. Dù sao thì họ đã cùng nhau chia sẻ thời khắc lịch sử khi cô mở chiếc phong bì chứa thư báo. Có lẽ ông biết rõ kế hoạch của cô hơn cô nghĩ, vì câu cuối cùng ông nói với cô là,

“Đừng quên đường về nhà nhé. Thư của cháu vẫn đợi cháu ở đây mà.”

Midori không đáp lại. Cô cúi đầu chào ông và cất bước về phía xe đang đợi ngoài tòa nhà.

Giây phút sau họ đã lên đường tới Sân bay Quốc tế Narita.

ANTOINE

Lá thư đến từ ba ngày trước, nhưng cậu đã cảm giác như nó luôn thuộc về cậu từ lâu, và cậu không còn nhớ mình phản ứng như thế nào khi nó đến và cậu nhận ra nó là gì.

Mày sắp lên Mặt Trăng, Antoine ạ.

Đó là điều nó nói.

Rõ ràng là cậu thấy ngạc nhiên. Cả vui mừng nữa. Nhưng không thể trốn tránh sự thật rằng một phần trong cậu đã đoán trước điều này. Vì theo như cậu thấy, cậu là người cần nó hơn bất kì ai.

Nhưng cậu vẫn chưa nói gì với bố mẹ về bức thư cả. Không phải vì cậu không tin họ. Trên thực tế, họ là những người lớn dễ chịu cùng làm việc ở trường đại học Sorbonne, nơi họ tiếp xúc với người trẻ tuổi hàng ngày. Antoine tin rằng nhờ thế mà họ khá tâm lí. Họ hiếm khi khiến cậu thấy ngượng, và cậu có thể nói chuyện với họ hầu như về mọi thứ. Nhưng nói cho họ biết việc này ư – có thể để sau. Cậu muốn giữ bí mật này cho riêng mình thêm ít lâu nữa, tận hưởng cảm giác rằng cậu là người duy nhất ở Paris biết về nó.

Nhưng cậu sẽ không thể giữ bí mật quá lâu. Cậu đã nhận được điện thoại báo rằng ngay khi bố mẹ cậu đã chính thức tán thành, một đại diện từ cơ quan Vũ trụ sẽ đến gặp họ trong tuần tới. Và hôm nay đã là Thứ Hai, tức là đã đến lúc cho họ biết.

Cậu vớ áo khoác và quyết định đi dạo một lát trước khi đưa chiếc phong bì cho bố mẹ xem.

Cậu nói với mẹ rằng mình đến chỗ Laurent, sống ngay sau đồi Montmartre. Nhưng cậu không định đến đó, thậm chí không đi về hướng đó. Cậu sẽ tới nơi mà suốt mấy buổi chiều qua cậu luôn đến ở tới tận tối muộn. Cậu đi gặp Simone. Cú sốc ban đầu khi cô bỏ cậu đã nhạt đi từ hơn một tháng trước và thay bằng cảm giác rằng cậu sẽ sống sót được, dù cậu sẽ không bao giờ có thể hạnh phúc thực sự được nữa. Cảm giác cam chịu đó đã choán lấy cậu từ lúc nào không hay.

Nhưng lạ thay, thứ cảm giác đó không hiểu sao đã biến mất trong tuần vừa qua và thay bằng một thứ khác tồi tệ hơn nhiều. Cơn đau tái phát. Như thể cảm giác tê liệt nhất thời trong cậu đã trôi hết, và giờ cơn đau quặn thắt đã trở lại. Điều duy nhất giúp cậu vượt qua là ý nghĩ rằng cậu sẽ sớm đi xa thật xa khỏi thành phố bội bạc này.

Cơn mưa nặng hạt dần, và Antoine rùng mình khi cuốc bộ trên đoạn đường ngắn tới Tháp Eiffel, trả vài đồng euro lẻ và leo cầu thang lên tầng quan sát đầu tiên. Thời tiết này phần nào lại ủng hộ cậu, vì trên tháp không có mấy du khách. Tầng đầu tiên cũng là nơi tốt nhất cho mục đích của cậu, vì từ đây chẳng có mấy phong cảnh cho khách du lịch ngắm nhìn qua kính viễn vọng, ngoài những tòa nhà xung quanh.

Mà đó chính là điều Antoine định làm.

Cậu lôi túi đựng tiền xu ra, nhét một đồng vào và chỉnh tiêu điểm kính. Cậu hướng ống kính về tầng ba một tòa căn hộ trên đại lộ Suffren.

Cô đang ở nhà. Simone đang ngồi chơi guitar trong phòng.

Nếu thật tập trung, cậu có thể thấy như không phải mình đang đứng trong bộ đồ ngấm nước mưa trên tầng đầu tiên của Tháp Eiffel mà đang ở trong căn phòng ấm áp của cô. Cậu nhìn chăm chăm vào hai bàn tay đang gảy dây đàn, và tưởng tượng rằng mình biết bản nhạc cô đang đánh. Thi thoảng cô lại đặt cây đàn xuống và tựa đầu lên hai tay. Antoine hi vọng cô làm thế vì bất chợt nhận ra mình nhớ cậu. Nhưng cũng có thể chỉ vì cô đang cố nhớ ra giai điệu. Hoặc vì cô bị đau đầu...

Đột nhiên mọi thứ tối đen.

Trong khoảnh khắc cậu sợ quỳnh lên, nhưng rồi cậu sức tỉnh và nhận ra là thời gian dùng kính viễn vọng đã hết. Cậu đút thêm vào một đồng xu mới, và Simone lại hiện ra qua khung cửa sổ.

Cô đang mặc chiếc áo len mà cậu thích nhất. Chiếc áo màu xanh da trời kết hợp với màu tóc khiến khuôn mặt cô sáng bừng lên. Cô mua chiếc áo khi hai người đi chơi cùng nhau vào một ngày tháng Một hiu hiu gió. Họ đang đi dạo sau giờ tan trường và cô thấy lạnh, nên họ chạy vội vào một cửa hàng lớn gần đó. Họ chỉ định đứng trong cửa hàng chốc lát cho ấm người lên, nhưng rồi cô nảy ra ý thử vài món quần áo, còn cậu cũng không có kế hoạch gì. Cậu có bao giờ có kế hoạch nào khác khi ở bên cô đâu chứ? Ở bên cô *chính là* kế hoạch của cậu. Cậu chính là người tìm thấy chiếc áo và...

Tối đen. Một lần nữa.

Cậu nhét thêm một đồng xu mới.

Khoan, khoan, khoan, khoan, khoan, khoan đã! Cái gì thế này?

Có ai đó vừa vào phòng Simone.

Antoine dí sát mắt vào ống kính. Một nhánh cây ven đường che mất phần bên phải căn phòng, khiến cậu chỉ nhìn thấy một nửa người.

Chắc đó là mẹ cô. Hoặc bố cô.

Không. Đó không phải là bố hay mẹ cô. Nếu là họ hẳn cậu đã nhận ra rồi. Và cô đang choàng tay qua cổ hắn ta...

Cô đang hôn hắn ư?

Cái quái gì vậy?

Mọi thứ lại tối đen một lần nữa.

Antoine miễn cưỡng rời mắt khỏi ống kính và thọc tay vào túi tiền xu. Nhưng cậu quá nôn nóng khiến nó tuột khỏi tay, và đám tiền xu lăn khắp sàn.

Chẳng thềm để ý tới mấy người bảo vệ đang cười nhạo mình, Antoine quỳ xuống gom chỗ tiền thành một đống. Cậu nhét một đồng vào máy rồi đứng dậy. Giờ cậu có thể thấy người kia rất rõ. Cậu không nhận ra hắn, cũng chưa từng gặp hắn bao giờ, nhưng cậu lập tức biết ngay hắn là ai. Noël. *Gã người mới.*

Tên khốn kiếp! Trong một thoáng Antoine thực sự nghĩ đến chuyện đứng đợi ngoài tòa nhà của Simone để giết hắn khi hắn đi ra. Nhưng việc đó không đáng. Hắn chẳng đáng cho cậu động tay.

Simone lại ngồi xuống chơi đàn, và gã kia luôn tới phía sau cô. Hắn choàng tay quanh người cô và tựa đầu lên vai cô. Cô vẫn tiếp tục hát thêm một lát rồi đột nhiên dừng lại, quay đầu đối mặt với

hắn và hôn hắn. Hắn xiết chặt vòng tay quanh cô và cẩn thận đỡ cô khỏi ghế xuống sàn nhà và cả hai biến mất khỏi tầm nhìn.

Antoine bước lùi lại khỏi ống kính và đập nó một cái thật mạnh khiến ống kính quay tít, rồi va sầm vào hàng rào chắn. *Đủ rồi.*

Sáng hôm sau, Antoine tỉnh dậy và thấy bố mẹ đứng bên giường với vẻ lo lắng. Trong một lúc lâu, không ai nói gì.

Rồi khuôn mặt họ nở một nụ cười rạng rỡ.

Antoine nhìn họ chăm chăm trong giây lát, không hiểu gì, cho đến khi mẹ cậu lôi ra chiếc phong bì NASA. Họ đã phát hiện ra nó.

“Chúc mừng con trai. *Bon voyage!*”

Vài phút tiếp theo là một đoạn kí ức nhạt nhòa kéo dài trong ôm hôn chúc tụng, cùng vài câu hỏi lo lắng rằng cậu đã đi đâu suốt mấy ngày qua.

Nhưng những câu hỏi đó chẳng bao giờ được trả lời.

NARITA

Dường như đến một nửa dân số Nhật Bản đổ về Sân bay Quốc tế Narita trong ngày hôm đó. Nhưng hầu hết trong số họ chẳng hề đi đâu cả. Họ đều đến để xem Midori Yoshida chào tạm biệt đất nước của mình trên đường lên Mặt Trăng. Ánh đèn flash của máy ảnh ủa tới như cơn bão ngay khi chiếc taxi chở cô chậm lại ngoài Sân đón khách số 2, và Midori đột nhiên thấy sợ hãi. Nhưng chuyện này cũng có mặt thú vị. Tất cả những con người này đều tới để thấy mặt cô.

Cô quả thực đã định mặc một bộ trang phục ánh bạc theo kiểu từ thời tương lai mà Yoshimi may giúp cô. Cô đã mặc nó một lần khi tới Harajuku, và rất được chú ý. Nhưng đến phút chót bố cô đã cầu xin cô mặc thứ gì đó trang trọng hơn, nên cuối cùng cô đành mặc một chiếc váy dài màu xám và áo khoác đen bó sát cùng một chiếc áo cũng màu đen bên trong. Thứ duy nhất cô quyết không bỏ là đôi giày thể thao Onistuka Tiger bụi bặm mà cô đã tha đi khắp Tokyo suốt mấy tháng qua. Đó là đôi giày cô thích nhất, và dù bố cô nghĩ cô nên đi boot hoặc ít nhất là một đôi giày tử tế, cô khẳng định rằng đôi giày thể thao này là thứ duy nhất cô sẽ mang để đến New York.

Nhưng dù một phần trong cô thấy thích thú với đám đông khổng lồ vây quanh taxi khi dừng ở cửa, một phần khác trong cô không hề thấy thoải mái chút nào. Mọi chuyện diễn ra quá nhanh. Mới giây trước cô vẫn là con người bình thường của mình, đi chơi cùng các bạn ở Harajuku và mơ về một ngày nào đó sẽ chuyển tới

nơi cô có thể làm đúng những điều mình muốn. Vậy mà một giây sau cô đã biến thành Cô Midori Yoshida, một biểu tượng quốc gia mà mọi tờ báo và đài truyền hình mơ được phỏng vấn. Chẳng mấy chốc cô sẽ ngồi trên máy bay, hạ cánh ở đầu bên kia thế giới, gặp gỡ giới truyền thông quốc tế, và bắt tay với không biết bao nhiêu người xa lạ.

Và rồi sau đó sẽ là... Mặt Trăng.

Mặt Trăng. Đã không còn đường quay đầu lại. Mỗi email trong hàng ngàn email cô nhận trong mấy tháng gần đây đều khẳng định điều đó: Guồng máy đã vận hành. Và không gì có thể dừng nó lại. Midori toát mồ hôi lạnh trên hàng ghế sau và cố gắng tập trung hít thở để bình tĩnh lại, phớt lờ những chớp đèn nháy sáng ở bên ngoài và những bàn tay áp vào cửa sổ.

“Tuyệt quá phải không?” Cô nghe tiếng mẹ hỏi ngay trước khi mở cửa ra khỏi taxi. “Họ đến đây vì con đấy, Midori. Chỉ để nhìn thấy con.”

Midori mở cửa và đặt chân lên mặt đường nhựa. Tiếng chụp lách tách của máy ảnh vang lên dồn dập hơn.

Chuyện này xảy ra thật rồi, Midori.

Cô bước ra khỏi xe và cố ép mình vẫy tay chào đám người đang tươi cười dõi theo cô.

Loạt đèn flash bùng lên khiến cô phải lấy tay che mắt để chặn bớt chùm ánh sáng chói lòa. Cô đi vòng tới cốp xe, xách vali lên và mỉm cười với bố cô đang ưỡn ngực tự hào. Rồi cô chen lên phía trước cùng bố mẹ theo sau và biến mất trong đám đông phóng viên đang tranh nhau đặt câu hỏi.

“Cảm nghĩ của cô lúc này là gì, cô Yoshida?”

“Cô có vui mừng không?”

“Cô đã nói chuyện với hai người thắng cuộc khác chưa?”

“Việc đầu tiên cô sẽ làm khi tới Mặt Trăng là gì?” “Cô có thấy sợ không?” “Cô có điều gì muốn nói với người dân Nhật Bản không?” “Cô đã chuẩn bị cho việc này thế nào?” “Cô nghĩ việc này sẽ có ảnh hưởng như thế nào tới cá nhân cô?” “Cô đã biết những gì về Mặt Trăng có điều gì khiến cô sợ hãi không cô đã sẵn sàng chưa cô có vui mừng không suy nghĩ của cô lúc này là gì cảm giác của cô ra sao cô thấy thế nào cô có lời cuối nào muốn nói với khán thính giả và gia đình bạn bè không cô sẽ thấy nhớ thứ gì?”

Khi họ đi qua cửa kiểm soát an ninh, xung quanh cuối cùng cũng yên tĩnh lại. Họ chỉ thấy đúng một phóng viên ảnh. Hẳn anh ta đã mua vé máy bay chỉ để được phép vào khu sảnh chờ của chuyến bay quốc tế. Anh ta chụp thêm một vài bức ảnh từ đằng xa rồi mới hài lòng bỏ đi. Họ thấy lúng túng khi đột nhiên thoát khỏi đám đông choáng ngợp trước cửa kiểm soát an ninh nhưng cũng thấy dễ chịu. Ở trong này chỉ có những doanh nhân ngái ngủ trên đường đến hoặc trở về từ những cuộc họp buồn tẻ, và họ đang mải mê với việc riêng của mình mà thậm chí chẳng thèm ngẩng lên nhìn tay phóng viên ảnh vừa đi qua ngay bên cạnh.

Bố Midori dừng trước màn hình chỉ dẫn cửa ra máy bay với vẻ bối rối.

“J5?” Ông lẩm bẩm. “J5?” Rồi ông quay sang mẹ con Midori với cái nhìn hoang mang. “Cửa J5 ở chỗ quái nào nhỉ?”

Ở bên phải sau lưng họ là cửa 61 đến 67. Bên trái là cửa 71 đến 77. Bên trái trước mặt họ là cửa 81 đến 88 và bên phải là cửa 91

đến 99. Không có dấu hiệu nào của cửa J5.

“Chúng ta có vào đúng sảnh đón khách không?” Bố cô vừa hỏi băng quơ vừa gỡ đầu. Mặt ông bắt đầu đỏ lên và mồ hôi lấm tấm trên trán. Bố Midori không thích rơi vào tình trạng như thế này. Ông muốn mọi việc luôn nằm trong tầm kiểm soát và biết mình cần đi đâu. Ông rút tấm bản đồ sân bay ra xem.

“Nào, chúng ta ở đúng sảnh đón khách rồi,” ông tuyên bố. “Chẳng hiểu gì cả. Lẽ ra nó phải ở đây chứ.”

Một nhóm người Nhật mặc comple đi qua, bố Midori liền cúi chào và nhờ họ giúp.

Nhưng họ nhìn ông với vẻ bối rối. “Tôi xin lỗi,” một người trong nhóm đáp. “Ở đây không có cửa ra nào đánh số như thế cả.”

“Tuần nào chúng tôi cũng ra sân bay Narita. Nếu có thì chúng tôi đã biết rồi,” một người khác nói trước khi họ đi tiếp về phía cửa 91 đến 99.

“Làm thế nào bây giờ?” Mẹ cô ảo não kêu lên, đủ to khiến mọi người quay ra nhìn. Midori phát ngượng.

“Chắc chắn nó ở quanh đây thôi,” cô cố trấn tĩnh mẹ. “Mình cứ hỏi ai làm việc ở đây là ra ngay mà.”

Nhưng họ chẳng nhìn thấy một nhân viên sân bay nào. Không lẽ tất cả đã đi ăn trưa cùng một lúc rồi ư?

Mặt bố Midori đã đỏ gay và ông bắt đầu mất bình tĩnh. “Đợi ở đây, đợi ở đây,” ông vừa thở gấp vừa nghiên cứu kỹ tấm bản đồ lần nữa. “Bố sẽ đi hỏi xung quanh xem có ai giúp được mình không. Đừng đi đâu cả nhé.” Đoạn ông hốt hải chạy về một hành lang.

Midori và mẹ lặng lẽ đứng cạnh tấm bảng chỉ dẫn lớn. *Lúc nào cũng thế*, Midori thầm nghĩ. *Cứ mỗi lần họ không hiểu việc gì là lại rối cả lên. Còn những máy tiếng đồng hồ nữa máy bay mới cất cánh cơ mà. Chẳng có lí do gì mà phải phát hoảng lên cả.*

Suốt vài tuần qua cô khá sợ phải tạm biệt bố mẹ. Cô đã sống với họ suốt mười lăm năm và đã quen có họ ở bên hằng ngày. Nhưng giờ đây cô nhận ra mình cũng mong ngóng tới lúc đó nữa. Không có họ mọi thứ sẽ bình yên hơn. Họ giống như hai chiếc chân vịt luôn quay tròn khắp xung quanh dù chẳng có lí do gì, luôn miệng nói với cô những lời khuyên và cảnh báo thừa thãi.

Mà chuyến bay tới New York sẽ kéo dài bao lâu nhỉ?

Tám giờ?

Chín giờ?

Hay lâu hơn nữa?

Cô phải tìm cách vượt qua khoảng thời gian lê thê này.

Hai mươi phút trôi qua mà vẫn chưa thấy bóng dáng bố cô đâu. Mẹ Midori bắt đầu lảm nhảm bằng chất giọng the thé vì sợ hãi rằng bố cô có thể đã gặp phải chuyện gì đó.

“Chắc bố chỉ đang nói chuyện với ai đó hoặc đang xếp hàng làm gì đó thôi.”

“Bố con đang mất tích mà sao con chẳng thèm QUAN TÂM gì cả thế?” Mẹ Midori gần như hét lên.

Midori lập tức cúi gằm mặt xuống, mặt mũi đỏ gay vì xấu hổ. “Mẹ bình tĩnh lại đi. Mình còn nhiều thời gian mà.”

“Nhưng có gì KHÔNG ỔN rồi, con không thấy sao?” Mẹ cô đã ở bên bờ vực hoảng loạn.

Thật tình, Midori thầm nghĩ. *Có cần phải phóng đại lên thế không?* “Mẹ à, bố không *mất tích*. Bố chỉ đi hỏi đường thôi. Mẹ cứ la hét lên thế mới là không ổn đấy. Mẹ không thấy người ta đang nhìn mình như thể mình bị điên ấy à? Bố sẽ về trong vòng mười phút nữa. Con đảm bảo đấy. Còn nếu đến lúc đó bố vẫn chưa về thì mình sẽ gọi bố qua loa thông báo. Được chưa?”

Mẹ cô yếu ớt gật đầu và cố làm ra vẻ đã bình tĩnh lại đôi chút.

“Con phải vào nhà vệ sinh bây giờ. Ngay đằng kia thôi,” Midori chỉ một tấm biển ở đầu kia của sảnh. “Mẹ đợi ở đây nhé. Con chỉ đi mất ba phút thôi.”

“Con phải đi ngay bây giờ sao, Midori? Mình đợi đến khi bố về đã được không?”

Midori ngẩn ra nhìn mẹ. “Con phải đi *ngay bây giờ*, chứ không phải là mười phút nữa. Mười phút nữa thì con chẳng cần vào nhà vệ sinh làm gì nữa. Mẹ không hiểu con nói gì à?”

Không đợi mẹ đáp lại, Midori bước về phía nhà vệ sinh.



Có vẻ đã khá lâu không có ai vào nhà vệ sinh. Bồn rửa tay không hề có một giọt nước từ những người rửa tay trước. Không một mảnh giấy lau tay rơi ngoài thùng rác. Chỉ có một trong bốn buồng vệ sinh đang đóng. Midori chọn buồng thứ hai và đi vào. Cô nghe thấy tiếng rì rầm của máy điều hòa, khiến cô nghĩ đến âm

thanh trên Mặt Trăng. Theo cô biết thì sẽ không có âm thanh nào cả, vì không có không khí cho âm thanh truyền qua. Cô không thể tưởng tượng nổi điều đó sẽ như thế nào. Từ bé đến giờ cô luôn bị bao vây trong âm thanh. Tiếng người nói, tiếng xe cộ, tiếng gió... Sự im lặng tuyệt đối liệu có đáng sợ không?

Không hiểu vì sao, ý nghĩ đó khiến cô liên tưởng tới buồng vệ sinh có người ở đầu kia. Cô không hề nghe thấy gì từ khi bước vào. Không có đến cả tiếng chân sột soạt hay tiếng hắt giọng. Khi ra đến bồn rửa tay, cô bất giác cúi xuống kiểm tra xem có ai trong gian buồng đó hay không. Ban đầu nó có vẻ trống rỗng. Nhưng khi cúi xuống thấp hơn, cô nhìn thấy hai chiếc giày. Một đôi chân.

Có người ở trong đó.

Có đến hàng trăm lí do khiến một người ngồi lâu trong nhà vệ sinh ở sân bay. Ví dụ như họ sợ bay. Hoặc họ muốn có một chút thời gian riêng tư. *Nhưng... không ai, không một ai, có thể ngồi lâu đến vậy trong yên lặng tuyệt đối.*

Không kịp suy nghĩ gì, Midori đột nhiên khẽ khàng gõ cửa buồng vệ sinh. “Xin lỗi?”

Không ai trả lời.

Cô gõ cửa lần nữa, cũng vẫn khẽ khàng như lần trước.

“Xin lỗi, có ai trong đó không? Mọi chuyện ổn cả chứ ạ?”

Nhưng không có hồi đáp.

Midori gõ cửa lần thứ ba, mạnh hơn một chút.

“Này? Cô gì ời?”

Đột nhiên một ý nghĩ lóe lên: Nhỡ người trong đó đã chết và chỉ còn một cái xác ngổ sau cánh cửa thì sao? Những hình ảnh kinh hoàng lướt qua mắt cô: một người phụ nữ đã chết, miệng há hốc, khuôn mặt trắng nhợt, máu chảy ra từ khóe mắt, trừng trừng nhìn cô. Một con rết bò ra khỏi lỗ mũi cô ta và trườn vào trong áo, biến mất vào một cái lỗ toang hoác đỏ bầm trên ngực.

Nhưng người này chưa chết. Từ bên trong có tiếng hít thở chậm rãi và kéo dài.

Ngay lúc đó Midori nhớ đến một chuyện khiến cô lo sợ. Hồi còn học tiểu học, một cậu bạn cùng lớp cô tên là Kaname đã phao một tin đồn trong trường. Một buồng trong nhà vệ sinh nữ của trường đã bị đóng vài tuần liền, có lẽ vì một chị lớp trên vứt thứ gì đó vào bồn cầu và làm tắc đường ống. Kaname đã kể với Midori và các bạn của cô rằng tấm biển toilet hồng treo bên ngoài cánh cửa chỉ là lớp vỏ bọc mà các giáo viên quyết định treo lên để không ai cố mở cánh cửa đó. *Thực ra là, Kaname nói, có người ở trong đó. Cậu ta dừng lại một lúc lâu để tạo hiệu ứng kịch tính trước khi nói nốt: Tên cô ta là Hanako-chan.*

Cậu ta chỉ kể có vậy. Mặc cho họ gặng hỏi đến đâu, Kaname cũng chỉ lắc đầu, và Midori nhớ rằng trông cậu ta có vẻ sợ hãi. Phải đến một tuần sau cậu ta mới đồng ý kể tiếp. *Hanako-chan, cậu kể, không còn sống nữa. Nhưng cô ta vẫn ở trong nhà vệ sinh. Các cậu có hiểu không hả?* Midori nghĩ rằng mình hiểu. *Và nếu cậu gõ cánh cửa và gọi tên cô ta hai lần, cô ta sẽ trả lời “Ơi?” Cô ta sẽ hỏi cậu có muốn chơi với cô ta hay không. Và rồi... cô ta sẽ mở cửa ra...*

Tất nhiên cả câu chuyện chỉ là trò nhảm nhí xuất phát từ trí tưởng tượng của một cậu bé. Nhưng đến cuối tuần đó, không một

nữ sinh nào dám đi vệ sinh trong trường nữa. Họ cố nhịn đến khi về nhà hoặc lén ra khỏi trường để đi vệ sinh ở một ga tàu gần đó. Cuối cùng, vấn đề học sinh nhịn tiểu đến độ không thể tập trung vào bài giảng đã trở nên quá nghiêm trọng nên hiệu trưởng buộc phải sửa gian buồng vệ sinh đó và đích thân gỡ tấm bảng xuống rồi mở cửa ra. Và tất nhiên, gian buồng hoàn toàn trống rỗng.

Nhưng ngay lúc này Midori đang nhìn chăm chăm vào cánh cửa trước mặt.

Đồ ngốc Kaname. Giá mà cậu biết câu chuyện đó ám ảnh tôi đến tận bây giờ.

Cô bước tới cánh cửa và cất tiếng hỏi. “Hanako-san?”

Mấy giây đồng hồ trôi qua.

“Hanako-san?”

“Ơi?” Người phía sau cánh cửa đột nhiên thềm thì đáp lại.

Midori giật bắn người lùi lại và phải tựa vào bệ rửa tay cho khỏi ngã. Tim cô đập loạn xạ.

“Cô đang tìm cửa J5, đúng không?” Giọng nói bên trong tiếp tục thềm thì.

Midori không nói nên lời. *Sao cô biết được?* Cô thềm nghĩ.

“Nó ở ngay gần đây thôi, Midori. Nhưng cô không được đến đó. Cô phải hứa sẽ không bao giờ đến đó.”

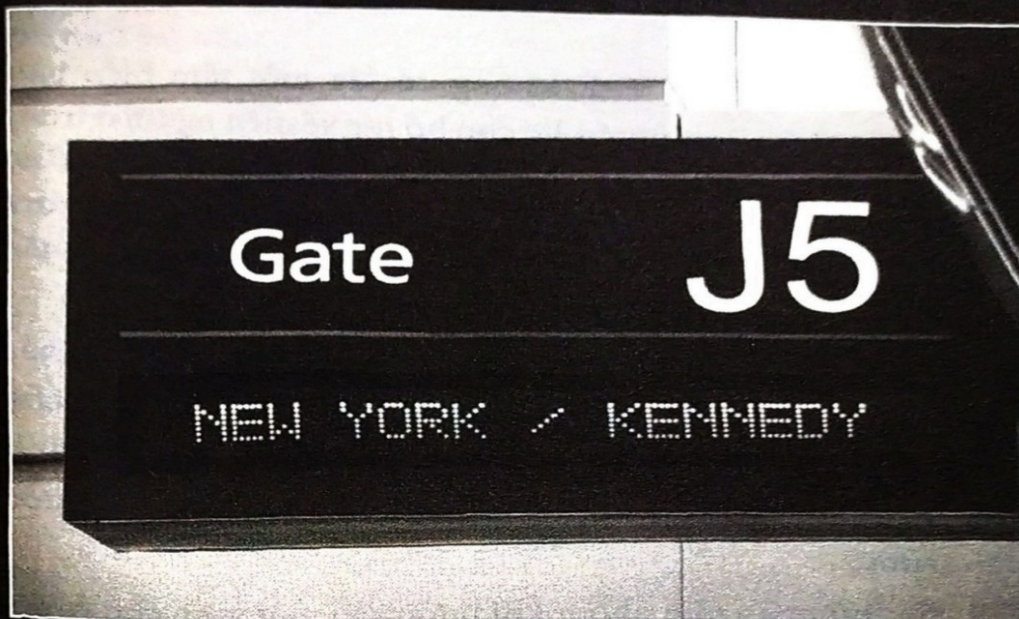
Midori nghĩ mình nghe thấy tiếng cử động từ trong căn buồng và thấy tay nắm cửa chuyển động.

Cô cố gắng hết sức kéo mình ra khỏi cơn tê liệt tức thời và lao bỏ ra hành lang, trở lại sảnh chờ. Cô dừng lại trong giây lát để

hoàn hồn và tìm mẹ. Cô tìm đi tìm lại hết trái lại đến phải.

Ở cuối một hành lang hẹp mà trước đó cô không hề để ý thấy, một tấm biển phát sáng trên cánh cửa: J5, trong ánh sáng trắng nổi bật trên nền đen. Rồi cô chợt thấy một bàn tay đặt trên vai mình. Midori dừng phắt lại và thấy mình đối mặt với bố.

“Kìa, con tìm thấy rồi,” bố cô mỉm cười nói, gật đầu về phía tấm bảng. “Đi thôi nào.” Midori ngỡ ngàng đến độ không thể nói được một lời về chuyện vừa xảy ra trong nhà vệ sinh. Cô thậm chí không hề nhận ra bố cô đã mua một chiếc áo phong ngớ ngẩn có dòng chữ fly me to the moon. Ông thấy nó ở một quầy hàng lưu niệm trong khi lang thang quanh khu nhà đón khách và mặc ngay nó lên, như một tuyên bố vào phút chót để cổ vũ cho con gái mình. Ông vội vã bước về phía cánh cửa ở cuối hành lang, còn Midori và mẹ cô lẳng lặng và ngoan ngoãn theo sau.



Hành lang vắng tanh không có lấy một tấm biển báo. Midori thấy bất an và muốn kể cho bố mẹ về điều người ở trong nhà vệ sinh vừa nói, rằng có lẽ họ nên quay lại, nhưng cô sợ rằng họ sẽ chỉ nghĩ không biết cô có đủ tỉnh táo để đi New York hay không. Hơn nữa, bố cô bước qua hành lang quá nhanh nên cô chẳng có thời gian để nghĩ.

“Chắc chắn là đây rồi,” bố cô hớn hử thông báo. “Chắc cửa này mới mở vì họ còn chưa lắp biển báo cố định cho nó cơ mà. Thảo nào mà nó khó tìm đến vậy.” Ông đẩy cánh cửa ở cuối hành lang và giữ nó cho Midori cùng mẹ bước vào trước.

Họ thở phào nhẹ nhõm khi bước vào một sảnh chờ trông chẳng khác gì mọi sảnh chờ khác trong khu nhà đón khách. Nhưng cả ba người đều ngạc nhiên thấy ở đây có đầy hành khách, đang nôn nóng chờ đợi để lên máy bay.

“Tất cả những người này đến đây bằng cách nào thế nhỉ?” Midori hỏi, nhận ra mình có thể nghe thấy chút lo sợ trong chính giọng nói của mình.

Nhưng bố cô lại nhìn nhận chuyện này với vẻ bình tĩnh đến đáng ngạc nhiên, “Chắc họ đến bằng đường khác. Có lẽ mình đi qua cửa dành cho nhân viên hay gì đó. Đúng không?”

Midori lơ đãng gật đầu và vất óc suy nghĩ để hiểu xem chuyện gì vừa xảy ra trong mấy phút vừa qua. Nhưng mọi chuyện chẳng hề hợp lí chút nào, và cô quyết định gạt nó ra khỏi đầu. Họ đã đến cửa lên máy bay rồi, đó mới là điều quan trọng nhất.

Nhưng người trong nhà vệ sinh đã nói...

Đừng nghĩ về nó nữa, Midori. Đừng nghĩ về nó nữa. Mà sắp đến New York, hãy nghĩ về chuyện đó. Cuộc sống của mày giờ mới bắt

đầu.

MÁY BAY

Antoine đang ngồi trên bậc thềm bên ngoài căn nhà nghỉ hè của gia đình ở Cherbourg - Octeville, bên bờ biển Normandy. Chỉ còn một ngày nữa là cậu và bố mẹ phải lên đường đến Houston. Khóa huấn luyện ở Trung tâm Vũ trụ Johnson cùng hai thiếu niên khác sẽ bắt đầu và từ đó họ sẽ bận rộn suốt cho đến ngày phóng.

Ngày cậu nhận được thư của NASA dường như đã từ cách đây rất lâu. Hôm ấy trên tháp Eiffel cậu xử sự cứ như thể một kẻ điên vậy. May mắn là mọi thứ giờ đã ở phía sau. Cậu ngược mắt nhìn lên bầu trời, nhưng còn quá sớm nên không thấy Mặt Trăng. Chỉ có vầng mặt trời tháng Ba trắng sáng chiếu xuống ngôi làng bên bờ biển, khiến mọi thứ trông như mang hai màu đen trắng. *Mọi thứ sẽ bắt đầu từ ngày mai*, cậu nghĩ.

Antoine lật cuốn album ảnh mà cậu cầm ra bậc thềm lên và mở ra. Bố cậu là người đề nghị cả nhà đến Cherbourg - Octeville trong tuần cuối cùng. Người ta khó có thể thấy buồn bực ở nơi này, khi luôn được thấy đại dương, được hít thở bầu không khí trong lành từ eo biển thổi vào. Và còn cả những màu sắc, cùng ánh sáng.

Điều duy nhất có vẻ không hợp với khung cảnh lí tưởng ở nơi này là cuốn album ảnh cũ kĩ luôn nằm trên giá sách trong phòng khách mà giờ cậu đang cầm trên tay. Khi còn nhỏ Antoine luôn tránh xa cuốn album này như tránh tà. Cậu đã từng giở nó ra xem một lần mà không biết nó là gì, và sau đó cậu bị mất ngủ suốt

nhiều ngày liền. Cuốn album có từ năm 1945, một người lính Mỹ đã gửi nó cho cụ cố của Antoine làm kỉ niệm. Khi quân Đồng Minh tiến lên bờ biển Normandy trong Thế Chiến II và mở cuộc tiến công cuối cùng nhằm vào quân Phát xít trong mùa hè năm 1944, Cherbourg đã bị đánh rất nặng nề. Như nhiều người khác, cụ của Antoine đã cứu mang những người lính trong vài ngày cho họ bình phục lại. Một trong những người lính đó sau này đã gửi một album ảnh mà anh ta cùng đơn vị của mình chụp được khi ở đây.

Hầu hết các tấm ảnh chỉ là cảnh vui vẻ của những người lính ôm hôn người dân địa phương, ăn uống cùng nhau và cười với ống kính – nhưng cũng có một vài tấm ảnh cho thấy hậu quả khốc liệt của chiến tranh. Tấm ảnh khiến Antoine kinh sợ khi còn nhỏ chụp lối vào của căn nhà nghỉ hè với một người lính bị trúng đạn nằm gục ngay trên cửa chính, máu anh ta chảy xuống hai bậc thềm phía trước. Một người đồng đội đang ngồi cạnh anh ta với chiếc mũ trên tay và vẻ mặt buồn bã. Bố mẹ Antoine cố gắng thuyết phục cậu rằng người lính chỉ đang ngủ mà thôi, nhưng cậu biết rằng đó không phải là sự thật. Người lính đó đã chết. Khi còn nhỏ Antoine tin chắc rằng người lính, hay hồn ma của anh ta, vẫn còn ngồi ngoài bậc thềm, và trong suốt hai mùa hè liên tiếp cậu quyết chỉ ra vào bằng cửa sau. Nhưng khi lớn lên, cậu lại tạo thành thói quen lật giở cuốn album mỗi lần đến đây, soi xét lỗ đạn cạnh cửa, tự nhắc nhở mình rằng những rắc rối của bản thân chẳng là gì so với nỗi kinh hoàng từng xảy ra ở đây hơn bảy mươi năm về trước.

Cậu ngồi nhìn tấm ảnh chụp những người lính đang rời khỏi các chiến hạm để lên bờ cách đây không xa. Nhưng trông bức ảnh ấy cũng chẳng khác gì đã được chụp trên Mặt Trăng. Những người lính đang lội từng bước chân lên một bờ biển xa lạ bao phủ trong khói và sương. Đâu đó sau lưng họ là cái bóng lơ mờ của một

ngọn đồi tối thăm. Và đó chính là lúc Antoine nhận ra cậu cũng không biết điều gì đang đợi mình ở nơi cậu sắp đến. Không phải là sẽ có người tấn công cậu trên đó, nhưng... Liệu chuyển đi có thực sự an toàn như bố cậu nghĩ? Có bao nhiêu người đã đi trước cậu? Mười? Mười hai? Chắc chắn không thể nhiều hơn được.

Một ý nghĩ bất an – rằng có thể tất cả chuyện này là một sai lầm – bắt đầu lớn dần trong cậu.

Antoine nhìn đồng hồ. Đã gần năm giờ. Trong một giờ nữa họ hàng của cậu từ thành phố sẽ đến, và họ sẽ ở cùng bố mẹ cậu trong buổi tối cuối cùng trước khi cậu lên đường. Mẹ cậu đang ở trong bếp tất bật chuẩn bị các món ăn cho bữa tối. Antoine đặt cuốn album xuống và lội xuống nước.

Họ đã xuất hiện từ chính chỗ này, những chàng trai xấu số được gửi đến để giải phóng nước Pháp. Họ đã nghĩ gì trên đường tiến vào? Họ sợ hãi hay điềm tĩnh, khi định ninh trong đầu rằng dù thế nào họ cũng sẽ không sống sót trở về? Cậu nghiền ngẫm hồi lâu với câu hỏi đó nhưng rồi nhận ra mình không thể chấp nhận được nó. Không, cậu phải bình an trở về từ Mặt Trăng. Cậu không làm việc này để tách khỏi Simone càng xa càng tốt. Mà đúng hơn là cậu hi vọng cô sẽ theo dõi trải nghiệm của cậu trên tivi và nhận ra cô vẫn còn yêu cậu. Nếu không, toàn bộ chuyến đi này sẽ trở nên vô nghĩa.

Đúng lúc đó cậu nghe thấy tiếng của một chiếc máy bay. Cậu nhận ra âm thanh đột nhiên xuất hiện không rõ từ nơi nào, nhưng giờ tiếng gầm của động cơ phản lực đã vang lên rất rõ. Không phải thứ tiếng thấp và ổn định của động cơ lúc bình thường, mà nghe rền rĩ như thể viên phi công đang cố gắng trong tuyệt vọng

để chỉnh lại đường bay của mình. Antoine ngoảnh đầu ra sau và nhìn thấy một chiếc máy bay chở khách...

... đúng lúc nó lao xuống từ bầu trời.

Cậu há hốc miệng ngồi đó, hoàn toàn tê liệt, nhìn chiếc máy bay xé toạc tầng mây, cắm đầu lao xuống đại dương.

Không, không, không, không, không, cậu nghĩ.

Một giây tiếp theo tưởng chừng kéo dài mãi mãi. Cậu gắng gượng đứng lên nhìn quanh xem có ai để kêu cứu hay không. Nhưng chẳng có lấy một ai. Cậu chỉ có một mình trên cầu tàu, trong khi chiếc máy bay đang lao hết tốc lực xuống mặt biển. Rồi cậu trông thấy đuôi máy bay có sơn hai chữ qu rất lớn.

Không... Không thể nào.

Cậu chưa kịp nghĩ gì khác thì chiếc máy bay đã lao sầm vào những con sóng cách cậu vài ngàn thước ngoài biển và nổ tung thành một khối cầu lửa dữ dội với một âm thanh khủng khiếp khiến Antoine phải bịt chặt hai tai. Ít giây sau luồng khí nóng dội tới cậu khiến cậu phải chạy ra xa. Khi ngoảnh đầu lại nhìn ra, cậu thấy xác máy bay bốc cháy đang nổi trên mặt biển. Cậu nghe thấy tiếng gào thét từ đằng xa và nheo mắt nhìn ra ánh chiều chạng vạng.

Ngoài đó có người. Những người sống sót! Họ đang bám vào phần đuôi máy bay đang chìm dần.

Phải làm gì bây giờ? Mình có thể làm gì đây?

Cả cơ thể cậu run lên, adrenaline¹⁰ trào dâng trong người cậu, và mạch cậu đập mạnh đến mức cậu nghĩ tim mình sắp vỡ toang vì áp lực. Hai chân cậu tê dại và cậu thấy bụng dạ cuộn lên, lạnh

ngắt như đá. Một ý nghĩ duy nhất xoay tròn tròn trong đầu cậu. *Mình phải làm gì đó.*

Nhưng cậu biết rằng mình chẳng thể làm gì được. Cậu không có thuyền và cũng chẳng thể bơi ra đến vùng nước hỗn độn ở xa đến vậy.

Cậu đứng đó mắc kẹt trong hoang mang, nhìn trùng trùng ra ngọn lửa nơi đuôi máy bay đang biến mất dần vào lòng biển sâu. Cậu nghĩ dường như tiếng la hét đã giảm dần đi. Có lẽ tất cả bọn họ sẽ chết đuối hết chăng? Cậu quay đầu chạy về nhà để kêu cứu.

Dấu hiệu đầu tiên cho thấy có gì đó cực kì không ổn lập tức hiện rõ.

Cậu lao vào bếp và thấy mẹ cậu đang đứng bên giá bát đĩa mỉm cười nhìn mình.

Bố mẹ cậu không hề nghe thấy gì cả.

Sao họ có thể không nghe thấy nhỉ? Tiếng nổ lớn đến điếc cả tai kia mà.

Nhưng họ không phải là những người duy nhất không nhận thấy, mà không ai khác nhận thấy cả. Mẹ Antoine dè dặt gọi cho bảo vệ bờ biển khi nghe câu chuyện của cậu, nhưng họ báo lại rằng không hề có vụ rơi máy bay nào trong vùng cả. Những người họ hàng của Antoine vừa đến thăm cũng không nhận thấy chuyện gì bất thường.

Cuối cùng Antoine thôi không nói về chuyện đó nữa, chủ yếu vì cậu sợ rằng họ nói đúng. Rằng nó chưa bao giờ xảy ra và toàn bộ chỉ là một ảo giác quá mức sống động. Vì như vậy chẳng có nghĩa là cậu đã mất trí rồi sao?

Nhưng cậu biết là mình không tưởng tượng. Một chiếc máy bay đã rơi xuống eo biển Manche, ngay trước mắt cậu.

Cậu đã chứng kiến người ta bỏ mạng.

Và cậu đã nhìn thấy hai chữ cái khó hiểu trên đuôi máy bay: *QU*. Có chút hiểu biết về hàng không, cậu biết rằng *QU* là biểu tượng trên máy bay của hãng hàng không Đông Phi, nhưng... họ không bao giờ bay vào vùng này. Họ chỉ hoạt động ở châu Phi – và hơn nữa, công ty này đã tuyên bố phá sản từ vài năm trước. Bảo vệ bờ biển đã liên lạc với người chủ cũ của hãng hàng không, nhưng họ trả lời rằng chiếc máy bay duy nhất họ từng có đã được bán cho một công ty khác ở Kenya, và đã được sơn lại phần đuôi với logo của công ty đó.

Antoine cực kì lo lắng khi thức giấc vào sáng hôm sau. Nhưng cậu không nhắc đến và bố mẹ cậu cũng giả bộ như đã quên toàn bộ chuyện vừa rồi. Báo đài cũng không nhắc một lời về nó. Sau bữa sáng cậu ngồi trước máy tính trong phòng để tra tìm thông tin về những vụ tai nạn có thể xảy ra trong vùng nhưng chẳng thấy gì. Cậu kiểm tra cả Wikipedia, nơi cậu đọc nhiều bài viết về ảo giác và bất ổn tâm lí, nhưng chẳng có gì có vẻ đúng với trường hợp của cậu. Cách giải thích duy nhất cậu nghĩ ra được là cậu gặp phải một cơn hoảng loạn đột ngột.

Antoine vẫn còn lo lắng vài giờ sau đó khi họ lên chiếc máy bay lớn của hãng Air France đưa họ tới New York. Cậu không thể thoát khỏi ý nghĩ canh cánh trong đầu rằng điều cậu vừa nhìn thấy tối hôm trước là một dấu hiệu. Một lời cảnh báo rằng cậu nên tránh xa khỏi bầu trời. Một dấu hiệu báo trước về mối nguy hiểm ở trên đó.

Cậu cố gắng nhìn vào mặt tích cực. *Hãy nghĩ về tương lai, cậu tự nhủ. Nghĩ về cái đang ở phía trước, những trải nghiệm mà mày sẽ có được. Tương lai giờ mới bắt đầu thôi.*

Và với những lời đó lặp đi lặp lại trong đầu cho đến khi cậu bình tĩnh lại, máy bay của cậu cất cánh khỏi thủ đô nước Pháp để tiến về nước Mỹ.

NEW YORK

Bầu trời Manhattan mang một màu xanh xám xịt khi chiếc taxi chở gia đình Nomeland lướt trên cầu Brooklyn, tiến về khách sạn Bốn Mùa sang trọng trên phố Đông Năm Mươi Bảy. Một tấm màn tối tăm và ảm đạm phủ lên khắp thành phố, khác hẳn với tưởng tượng của Mia, và có lẽ cả của bố mẹ cô nữa. Bầu không khí trong xe thật căng thẳng, vài lời ít ỏi vang lên đều nhuốm màu lo lắng đầy dè dặt. Cho đến giờ mọi chuyện chỉ như một trò chơi, một kì nghỉ đang chờ phía trước. Nhưng rồi họ đã dần dần nhận ra sự nghiêm trọng của tình hình.

Đây hoàn toàn không phải một kì nghỉ.

Họ đang mạo hiểm. Gửi con gái mình ra ngoài vũ trụ.

Nhờ cô không trở về nữa thì sao?

Có biết bao nhiêu trục trặc có thể xảy ra!

Họ nhớ lại những tấm ảnh về tàu con thoi *Challenger* được chiếu đi chiếu lại trên tivi vào năm 1986. Nó đã nổ tung thành một biển lửa chỉ sau khi cất cánh có bảy mươi ba giây, giết chết mọi người trên tàu. Nhưng không phải là ngay lập tức.

Buồng lái nơi họ ngồi không bị phá tan ngay trong vụ nổ. Có khả năng tất cả vẫn còn sống trong suốt hai phút bốn mươi lăm giây trước khi họ rơi xuống mặt biển với một lực mạnh gấp hai trăm lần trọng lực trái đất – đủ để tiêu diệt họ trong nháy mắt.

Trong những giây phút đó liệu họ có biết là mình sắp chết?

Có lẽ.

Rất có thể.

Thực ra, chỉ có bố mẹ Mia nghĩ về chuyện đó. Bản thân Mia không biết về vụ tai nạn thảm khốc đó vì khi ấy cô còn chưa ra đời. Điều cô đang nghĩ tới khi chiếc taxi giảm dần tốc độ và đỗ lại bên ngoài khách sạn là các bạn của mình.

Lúc này họ đang làm gì?

Liệu họ có đang tụ tập cùng nhau trong khi cô vắng mặt?

Cô không muốn nghĩ đến điều đó.

Liệu họ có đang vui vẻ không?

Nhưng cô không thể ngăn được mình.

Nhân viên khách sạn mở cửa xe cho cô, và cô đặt bước chân đầu tiên lên vỉa hè ẩm ướt của New York. Chỉ trong giây lát cơn mưa đã làm tóc cô ướt sũng và dính bết vào mặt, khiến khuôn mặt cô trông càng buồn hơn.

“Chà, vậy là đến nơi rồi đấy,” bố cô mỉm cười nói, huých nhẹ khuỷu tay vào sườn cô.

Mia không cười đáp lại.

“Mệt không con?” Bố cô hỏi.

Cô gật đầu.

Họ đứng đó giây lát, cả hai đều chực nói về điều mình vừa nghĩ khi ở trong xe. Nhưng chưa ai kịp nói thì một nhân viên khuân vác của khách sạn đã chạy ra ngắt ngang và chất hành lý của họ lên xe đẩy.

“Chào mừng đến New York,” anh ta nói và nhe răng cười. “Xin lỗi vì cơn mưa. Không phải thời tiết lúc nào cũng thế này đâu.” Anh ta giơ ô lên che cho họ dù họ chỉ đứng cách cửa vào vài bước. “Mời đi theo tôi.”

Tối hôm đó hai đại diện của NASA gặp họ tại khách sạn. Điều đáng ngạc nhiên là họ cung cấp ít thông tin về bản thân nhiệm vụ lên Mặt Trăng hơn là về những cuộc phỏng vấn và giao lưu trực tuyến lẫn blog video rồi chương trình truyền hình rồi chiến dịch quảng cáo rồi chuyến đi vòng quanh thế giới sẽ bắt đầu ngay sau khi họ trở về.

“Vâng, đây là một cơ hội đặc biệt với con bé,” mẹ cô nói.

“Chúng tôi rất cảm kích vì Mia đã được chọn,” bố cô nói.

“Rõ ràng là sự kiện này sẽ thay đổi hoàn toàn cuộc sống của cô bé,” một người của NASA nói.

“Con đi ngủ đây,” Mia đột nhiên thông báo và đứng dậy khỏi bàn. Bố mẹ cô và hai người đại diện NASA ngơ ngác nhìn nhau.

“Ngay bây giờ ư?” Bố cô hỏi. “Con định đi bây giờ sao? Mọi người đang nói về *con*, về chuyến đi *của con* mà. Con không muốn nói về nó hay sao?”

“Con có ở đây hay không thì mọi người cũng có để ý đâu mà.”

Hai mươi phút sau bố cô đưa Sander lên phòng. Mia vừa đánh răng xong thì ông gõ cửa.

“Mia? Con mở cửa được không? Có người muốn đi ngủ này.”

Cô bước đến mở cửa cho họ vào.

Sander mỉm cười khi nhìn thấy cô rồi lật đật vào nhà vệ sinh, bắt đầu đánh răng ngay lập tức. Đánh răng là món tử mà cậu bé tự hào nhất. Cậu đánh răng không giỏi và thường phải mất một lúc lâu, vì chú sư tử bông của cậu cũng phải được chải răng thật kĩ thì Sander mới hài lòng. Nhưng ít nhất thì cậu cũng có thể tự mình làm việc đó.

Mia quay lại với chiếc vali cạnh giường để lấy đồ đạc ra. Bố cô đi theo và ngồi xuống một chiếc ghế gần đó.

“Bố xin lỗi,” ông nói.

“Về chuyện gì ạ?” Mia hỏi.

“Về... mọi chuyện. Đây không phải là kế hoạch của con. Nhưng con biết đấy, John Lennon từng nói, ‘Cuộc sống là điều xảy ra khi bạn đang mải lên kế hoạch.’”

Mia không định tranh cãi với John Lennon. Dù sao thì chính cô cũng là một nhạc sĩ.

“Vậy ngày mai thì sao?” bố cô hỏi tiếp. “Có việc gì đặc biệt con muốn làm không, Mia? Mình chỉ còn một ngày cuối cùng trước khi đi Texas thôi mà. Hay là mình đi xem Tượng Nữ thần Tự Do nhỉ? Cũng đáng xem đấy chứ?”

Chao ôi, vậy mới trở trêu làm sao chứ, Mia thầm nghĩ. Đi thăm Tượng Nữ thần Tự Do trong khi cô còn không thể tự quyết định việc mình sẽ làm với chính cuộc đời mình, chứ đừng nói là một kì nghỉ hè?

“Được ạ, tại sao lại không chứ,” cô đáp mà mắt nhìn đi chỗ khác.

Bố cô thở dài và đứng lên. Trong khoảnh khắc cô lại thấy áy náy. Cô biết ông đã cố gắng hết sức. Đây không phải là lỗi của ông.

“Con xin lỗi,” cô đáp ứng.

Bố cô bước lại và ôm cô vào lòng. Mấy năm gần đây những cái ôm như vậy ngày càng thưa hơn, nên nó có ý nghĩa rất lớn với Mia.

“Vậy gặp con ngày mai nhé,” ông nói. “Chúc con ngủ ngon, Mia.”

“Chúc bố ngủ ngon.”

Sander chạy ra khỏi nhà tắm và choàng tay ôm lấy bố miệng vẫn còn dính bột kem đánh răng.

“Bố *ngủ* ngon!”

“Chúc con ngủ ngon, Sander,” bố cô vừa nói vừa bế cậu bé lên và đáp lại cái ôm của cậu bằng vòng tay chặt không kém. Rồi ông ôm cả chú sư tử bông của cậu bé. Lớp vải quanh miệng con thú bông đã sờn hết vì bị chải mạnh suốt mấy tháng qua. Đống bông trắng xám lò ra ngoài khiến con sư tử trông như đang cố khạc cụm lông ra khỏi miệng.

Bố cô bước ra cửa rồi lại ngoảnh về phía Mia.

“Mọi chuyện sẽ ổn thôi,” ông nói. “Bố hứa mà.”

Cô giúp Sander thay quần áo ngủ rồi cậu bé leo lên giường. Cô kéo chăn đắp lên tận cằm cho cậu.

“Ngủ ngoan nhé, Sander.”

Cậu bé có vẻ suy tư. “Chị đang buồn à?” Cuối cùng cậu hỏi.

Mia gật đầu.

“Vì chị sắp đi xa phải không?”

“Không, không phải vậy.”

“Thế vì sao ạ?”

Có cố giải thích vấn đề cho Sander cũng chẳng ích gì. “Tất nhiên là vì chị sắp phải xa em rồi,” cô đáp, ngồi xuống mép giường.

“Em sẽ đi cùng chị, nếu chị muốn. Cả Lion nữa.”

“Xin lỗi em, nhưng không được đâu.”

Sander suy nghĩ hồi lâu. “Nhưng mà,” cậu bé đột nhiên nói, mặt sáng bừng lên “em có thể viết thư cho chị.”

Trong thế giới của Sander mọi chuyện thật đơn giản biết bao. Chẳng hề có giới hạn. Mọi thứ đều có thể. Gửi thư lên Mặt Trăng ư?

“Tất nhiên là em có thể rồi.”

“Em sẽ viết cho chị một lá thư ngay bây giờ,” cậu bé nói.

“Nhưng chị đã đi đâu,” cô cười.

“Để chị mang theo mà.”

“Được rồi.”

Mia kiếm một cây bút và mấy tờ giấy, cùng một chiếc phong bì và mang đến cho Sander. Cô chợt nhớ ra rằng cô chưa bao giờ thấy cậu bé viết gì ngoài tên của mình. Ngay cả khi viết tên cậu

cũng hay quên chữ E. Nhưng cô vẫn đưa cho cậu những thứ cậu cần, để đèn ngủ sáng và mặc cho cậu tự viết.

Mia không ngủ được. Hay là cô đã ngủ rồi nhỉ? Cô mò mẫm trong bóng tối tìm điện thoại di động và thấy nó trên tủ đầu giường.

Đồng hồ chỉ một giờ ba mươi sáng. Thế có nghĩa là cô đã ngủ gần bốn tiếng. Cô nghĩ mình nghe thấy tiếng bố mẹ và mấy người NASA đang nói chuyện âm ỉ ở phòng bên cạnh. Cô nghe tiếng ly cốc chạm nhau và cả tiếng cười – tiếng cười lớn đến chói tai.

Họ đang nói về chuyện gì nhỉ? *Về cô chăng?*

Cô nhìn sang giường Sander, nhắm mắt để lần ra hình dáng cậu trong bóng tối. Nhịp thở của cậu bé đều đặn và bình thản.

Cô khẽ khàng lật chăn ra và thò chân xuống giường. Đôi boot đang đợi cô ngoài cửa, sau khi mang chúng vào rồi khoác áo, cô thận trọng ra khỏi phòng rồi đi thang máy xuống đại sảnh đông đúc. Một nhóm khách châu Á đang nhận phòng, vài người đàn ông mặc complê đang ngồi nói chuyện rôm rả bên quầy bar. Cô đứng đó nhìn họ vài phút tự hỏi mình nên làm gì.

Đột nhiên cô nhận ra mình có thể làm bất cứ việc gì. Không ai biết cô đã dậy. Sander đang ngủ, bố mẹ cô đang bận tiếp chuyện mấy người NASA. Sẽ ra sao nếu cô cứ thế bước ra khỏi khách sạn, bỏ lại tất cả? Họ sẽ không bao giờ tìm được cô, trong thành phố này. Cô có thể biến mất mãi mãi. Có lẽ cô có thể đến Mehico? Kiếm vài người bạn, lập một ban nhạc mới, họ có thể ở chung

trong một căn hộ tồi tàn giữa lòng thành phố Mehico? Tại sao lại không chứ?

Chỉ riêng ý nghĩ đó đã đủ khiến cô nổi da gà. Nếu cô bỏ đi, sẽ không ai nhận ra trong nhiều giờ liền rằng cô đã biến mất. Họ sẽ không biết cho đến tận bữa sáng, hoặc khi họ gõ cửa phòng cô và Sander. Nhưng khi đó cô đã đi từ lâu.

Mia bước qua cánh cửa xoay ra ngoài hè đường. Người gác cửa khách sạn tiến đến ngay khi nhìn thấy cô.

“Tôi giúp được gì cho cô không ạ?”

“Không, cảm ơn,” cô vội đáp.

“Cho phép tôi hỏi bố mẹ cô đâu ạ?”

Mia chỉ về phía quầy bar. “Họ đang ngồi trong kia. Cháu định đi mua phong kẹo cao su ấy mà.”

“Có kẹo cao su ở quầy tiếp tân đấy ạ.”

“Không phải loại cháu thích,” cô đáp.

“Là loại gì ạ?”

“Một hãng kẹo Na Uy. Chắc là khách sạn không có đâu.”

“Na Uy à? Đừng đi xa quá nhé. Đây là New York, không phải nơi khách du lịch nên lang thang một mình vào nửa đêm.”

Cô gật đầu và bước xuống phố, rẽ trái sang Đại lộ Công Viên. Những tòa nhà chọc trời sừng sững trên đầu cô, nơi chỉ những người cực kì giàu có mới có thể ở. Đi qua vài dãy nhà cô nhìn thấy Công Viên Trung Tâm, nơi cô nhận ra qua vô số bộ phim và chương trình truyền hình. Cô biết nó rất lớn – lớn hơn rất nhiều so với công viên mà họ thường đi dạo ở Satavanger, Công viên Hồ

Mosvannet. Công viên Trung Tâm giống như Hồ Mosvannet ở cấp số nhân.

Cô tìm thấy lối vào trên Đại lộ Số Năm, và mấy phút sau cô đã ở giữa công viên, dạo bước theo con đường uốn quanh một hồ nước nhỏ. Chỉ có tiếng xe cộ gợi cô nhớ rằng cô đang ở giữa một thành phố lớn. Cô bắt đầu ngâm nga một bài hát mà ban nhạc vừa viết, bài cuối cùng trước khi cô đi. Và lúc đó cô nhớ ra.

Các bạn của cô.

Cô nhìn đồng hồ. Hai giờ ba mươi phút sáng. Có nghĩa là lúc này ở Na Uy đang là khoảng tám rưỡi sáng. Và có nghĩa là họ đang ở phòng tập.

Đột nhiên cảm giác lúc ở trong sảnh khách sạn trở lại với cô. Cô cảm thấy mình có toàn quyền làm bất cứ việc gì mình muốn. Và cô muốn gọi điện cho họ. Gọi điện để biết họ có khỏe không, và có thể để cho họ biết rằng mình đang ở Công viên Trung Tâm.

Một mình. *Ừm, tớ muốn đi dạo một vòng. Cần chút không khí trong lành. Thành phố này cũng không tệ lắm.* Cô sẽ nói bằng giọng tế nhị, giả bộ như việc mình ở đây là điều bình thường và tự nhiên nhất trên đời.

Cô để quên điện thoại di động ở trong phòng, nên cô ngó quanh tìm điện thoại công cộng. Quanh đây chẳng có gì mấy ngoài cây cối. Gần như không có người. Chỉ có vài người đang chạy bộ ở xa và một đôi tình nhân trẻ loạng choạng dìu nhau về nhà trên con đường trước mặt. Cô mất ít nhất mười lăm phút mới tìm thấy một buồng điện thoại công cộng.

Cô lục túi tìm mấy đồng xu lẻ cô nhận lại khi mua sandwich ở sân bay, và quay số di động của Silje. Ban đầu Mia chỉ nghe thấy

tiếng nhạc ầm ĩ, rồi một giọng nói hét lên với những người khác trong phòng: “Các cậu im chút coi? Điện thoại này!”

“Alô?”

“Mia?”

“Ừ, tớ đây.”

Giọng nói lại hét lên, “Này, các cậu, Mia này! Suýt! Tuyệt quá! Cậu thế nào rồi?” Silje hỏi.

“Ờ, tớ khỏe.”

“*Chết tiệt*, cậu đang ở New York đây! Điên thật! Cậu đang làm gì?” Silje lại hỏi.

“Tớ đang ở Công viên Trung tâm.” Mia cố tỏ vẻ dửng dưng.

“Thích quá đi ấy chứ. Chỗ đấy tuyệt không?”

“Tuyệt lắm,” Mia đáp.

“Trông có giống trong phim không?”

Mia nhìn quanh công viên. “Ừ, giống.”

“Tuyệt vời.”

“Các cậu thì thế nào?” Mia ngập ngừng.



“Mọi việc đều ổn. Bọn tớ vừa viết được mấy bài hát mới.”

“Thật à?”

“Tớ nghĩ khá hay đấy. Bọn tớ phải tiếp tục giữ ban nhạc hoạt động mà. Tương lai đâu có chờ dù có người đi nghỉ, đúng không?”

Đi nghỉ? Họ đang kết tội cô đấy sao? Có phải họ thực sự nghĩ rằng cô đã không còn quan tâm đến ban nhạc nữa? Hay là Silje đang đùa? Mia không rõ nữa.

“Ừ, tất nhiên là không rồi,” Mia nói. “Nhưng... ai sẽ hát?”

“Kari. Cậu ấy là người viết lời và mọi thứ. Tớ không hề biết là cậu ấy có thể viết nhé. Càng không biết là cậu ấy hát được luôn. Nhưng cậu ấy hát cực kì ổn, cậu tin nổi không? Kari, cậu là một ca sĩ tuyệt cú mèo đấy!”

Mia có thể nghe thấy những người khác huýt sáo ở phía sau.

“Và cậu ấy còn biết chơi guitar nữa!” Silje nói thêm.

“Nhưng... tớ vẫn là ca sĩ chính chứ?” Mia hỏi nửa đùa nửa thật.

“Tất nhiên rồi. Bọn mình sẽ bàn về mấy vụ đó khi cậu về. Ý tớ là, bọn mình sẽ nghĩ ra cách giải quyết. Nhưng cậu ấy giỏi điên lên được ấy. Cậu muốn nghe không? Chờ một chút...”

Mia chưa kịp đáp thì Silje đã đặt điện thoại xuống. Im lặng trong vài giây, rồi cô nghe thấy họ bắt đầu hát một bài hát mới.

Và nó rất hay. Đó chính là vấn đề. Nó thực sự rất hay.

Cô đứng đó nghe họ hát trong một phút, cho đến khi điện thoại báo hết tiền. Rồi cô gác máy.

“Không ai ở nhà hả?”

Mia giật bản mình. Có ai đó đang nói với cô bằng tiếng Anh. Cô quay phắt lại và nhìn thẳng thốt vào khuôn mặt một người vô gia cư đang đẩy một chiếc xe mua hàng. Ông ta chắc phải gần bảy mươi, mặc một chiếc áo khoác to sụ màu nâu dơ dáy. Nhưng ở ông có vẻ gì đó rất đáng mến, dù chắc chắn đã mấy tháng nay, hay thậm chí đến cả năm nay, ông chưa hề tắm.

“Sao ạ?” Mia trả lời.

“Tôi hỏi ‘Không ai ở nhà à?’” Người đàn ông chỉ chiếc điện thoại.

“À, không. Máy bạn ạ.”

“Thời nay là thế đấy. Ai cũng bận suốt ngày. Tôi cũng chẳng biết vì sao, nhưng đúng thế đấy. Quá bận, tất cả bọn họ. Trước đây đâu có thế. Cô đã đến Đảo Coney bao giờ chưa?”

“Chưa ạ”.

“Sân chơi của Thế Giới, người ta gọi nó thế. Nó từng là một nơi tuyệt vời. Hoàn hảo. Giờ thì hầu như chẳng còn gì. Hồi tôi còn nhỏ, người từ khắp thế giới đổ về đây, có đủ trò chơi, đủ loại xe để cưỡi, trời ạ. Có cả một cuộc đua ngựa máy kéo dài mấy giờ liền, rồi ở Dreamland có cả một đường ray xe lửa chạy qua núi, trông như dãy Alps của Thụy Sĩ hay gì đó. Rồi đi thuyền trên kênh đào Venice, rồi xe lửa siêu tốc, rồi đu quay. Rồi có một người huấn luyện sư tử một tay, gọi là Thủ lĩnh Bonavita. Đó là Sân chơi của Thế Giới. Người ta gọi nó thế. Nó từng là một nơi tuyệt vời. Người từ khắp thế giới đổ về đây.”

Người đàn ông bắt đầu lặp lại lời mình nói, và Mia tự hỏi không biết ông có bị lẫn thần không. Trong một thoáng ông chìm đắm vào suy nghĩ của riêng mình.

“Hồi còn nhỏ bọn tôi từng ở đó suốt đêm. Ngủ trên bờ biển. Dưới những vì sao. Giờ thì không làm thế được nữa rồi. Có lẽ vì ngày nay chỗ đó quá nguy hiểm. Buồn lắm.”

“Sao ông không quay lại đây?” Mia gợi ý.

“Tôi chả dám đâu.” Ông mỉm cười. Kiểu cười buồn bã khiến tim cô chùng xuống. “Mà cô cũng không nên ở ngoài này một mình. Cô làm gì ở đây thế?”

“Cháu đang đợi để đi tiếp. Bố mẹ cháu đang ở Bốn Mùa.”

“Chà, tôi phải nói... khách sạn tốt nhất thành phố đấy. Tôi từng làm việc ở đấy. Làm gác cửa. Nhưng họ đuổi tôi.”

“Tại sao ạ?”

“Vì ai tôi cũng cho vào. Chắc đáng lẽ tôi không nên làm thế. Khách sạn đó đắt đỏ lắm.”

“NASA trả tiền ạ.”

“NASA ấy à? Không tệ nhỉ. Khoan đã. Cô không phải... Ồ, phải, *chính là cô!* Cô là một trong số họ, đúng không?”

“Trong số ai ạ?”

“Trong số mấy đứa trẻ tội nghiệp họ sắp cử lên vũ trụ ấy.”

Mia gật đầu.

“Chẳng tốt lành gì đâu, tin tôi đi. Điều là vì tiền cả thôi, toàn bộ cái trò này ấy. Ai mà biết được các cô cậu sẽ gặp phải chuyện gì trên đó chứ?”

“Ông có ý gì ạ?”

“Ý là đừng có chọc vào ổ kiến lửa. Cứ lo cho người trên Trái Đất đi đã. Tôi nghĩ các người đừng có nên mạnh động. Cô biết đấy, hùm, cái gì đi lên... rồi cũng phải rơi trở xuống.”

Ông lôi một trái cam từ trong túi ra, cầm nó trên tay một giây rồi ném nó lên không trung. Nó biến mất vào màn đêm, rồi rơi xuống và vỡ toác trên nền đất, nước và tép cam bắn tung tóe trên mặt đường nhựa.

“Cô thấy chưa? Tôi nghĩ cô nên ở nhà thì hơn.”

“Quá muộn mất rồi ạ. Đây không phải chủ ý của cháu.”

“Có bao giờ là chủ ý của chính mình đâu. Toàn là ý của người khác. Nào, đến lúc về với người nhà cô rồi.”

“Ông định đưa cháu về khách sạn à?”

“Trông tôi có vẻ có việc gì quan trọng hơn không nào?”

“Cháu đoán là không.”

“Thế thì đi thôi.” Ông vẫy tay về phía đường ra. “Tên tôi là Murray.”

“Cháu là Mia. Ông chìa một bàn tay nhem nhuốc về phía cô, và cô bắt tay ông.”

“Rất vui được gặp cô, Mia.”

Hai người cùng thong thả bước ra khỏi công viên. Vài người qua đường ném về phía họ những cái nhìn kì dị, không hiểu có phải ông già vô gia cư nhếch nhác này đang làm phiền cô không. Một hai người còn dừng lại hỏi cô mọi chuyện có ổn không.

Và cô đáp mọi chuyện đều ổn. Hoàn toàn ổn. Murray vừa đi vừa làm hướng dẫn viên ngẫu hứng cho cô, chỉ cho cô những tòa

nhà khác nhau và dạy Mia về tên và lịch sử của chúng.

Trong khi Murray đẩy chiếc xe đựng đồ đạc của mình đi trước vài bước còn cô theo sau, cô nhận ra Murray đã viết hai kí tự lớn màu đen lên lưng áo khoác. Cô không biết vì sao nãy giờ cô có thể không nhận thấy chúng. Trông như thể ông đã dùng một cây bút dạ khổng lồ viết lên toàn bộ lưng áo của mình.

“Cái này có nghĩa gì ạ?” Cô tò mò hỏi khi họ dừng ở một ngã tư.

“Cái gì?”

“Chữ viết trên áo khoác của ông ấy. ‘6E’. Đây là địa chỉ của ông hay gì ạ?”

Murray ngơ ngác nhìn cô, như thể ông không hiểu cô muốn nói gì. “Cô đang nói *cái gì* vậy? 6E? Là cái gì?”

“Nó ở trên lưng áo của ông ấy,” Mia nói và đưa tay trỏ.

“Thật à?”

“Vâng ạ.”

“6E?”

“Vâng.”

Murray cởi áo khoác giơ lên trước mặt.

“Cái quái gì thế này?” Murray hỏi Mia.

“Đừng hỏi cháu. Áo của ông mà,” cô đáp.

“Nhưng đây không phải nét chữ của tôi”.

“Ông chắc không?” Mia hỏi.

“Tôi chắc không ấy à? Tôi phải biết nét chữ mình viết trông thế nào chứ!”

“Cháu chỉ hỏi thôi mà,” Mia cự lại.

Murray sẫm soi dòng chữ trên áo mình.

“Không hay rồi,” ông lẩm bẩm.

“Ông bảo sao ạ?” Mia hỏi.

“Không có gì. Không nhắc đến thì hơn,” ông đáp vẻ lo sợ. Rồi ông lập tức ném chiếc áo vào một thùng rác gần đấy.

“Ông không cần nó nữa à?” Mia hỏi. “Chỉ là mực bút dạ thôi mà, giặt là sạch ngay. Cháu bảo đảm.”

Nhưng Murray không nghe cô nói.

Ông ấy đang sợ, đột nhiên cô nghĩ, và nhận ra nỗi sợ hãi đã lây truyền sang mình. Chữ viết trên chiếc áo khoác vẫn nổi rõ từ trong thùng rác. Thỉnh thoảng ông lại ngoảnh nhìn về phía sau, như thể ông lo có ai đang theo dõi mình trong bóng tối.

Ông sợ thứ gì vậy? Cô định hỏi, nhưng không có cơ hội. Khi họ rẽ ở góc Đại lộ Madison giao với Phố Năm Mười Bảy, Murray đột nhiên dừng lại và nói, “Tốt nhất từ đây cô nên tự đi. Khách sạn ở ngay đằng kia. Nhỡ có người nhìn thấy tôi thì chẳng hay đâu.”



“Ông nghĩ họ sẽ nhận ra ông ạ?”

“Tôi không biết, nhưng tôi nhận ra nơi này. Thế là đủ tệ rồi.”

“Thế cũng được.”

“Cẩn thận đấy, và nhất định phải quay lại nhé. Tin tôi đi, Mặt Trăng không phải nơi ở lại được đâu. Điềm gở đấy.”

Dứt lời, Murray giơ tay chào, quay ngược chiếc xe đẩy và trở lại Phố Năm Mười Bảy.

Khi Mia nhón chân qua phòng bố mẹ để trở về phòng mình thì đã gần bốn giờ mười lăm. Sander vẫn ngủ ngon lành và có lẽ không hề biết cô vừa ra ngoài. Cô sẽ nhớ cậu bé, Sander bé nhỏ kì quặc. Cô lặng lẽ cởi giày và quần áo rồi leo lên giường.

Có thứ gì đó cọ vào sườn cô. Cô thò tay xuống đùi và chạm phải một vật, bèn lôi nó lên.

Đó là một chiếc phong bì. Sander quả thực đã viết cho cô một lá thư.

Cô định mở nó ra nhưng lại đổi ý. *Không, cô nghĩ, mình sẽ để dành đến sau này, khi đã ở trên Mặt Trăng. Khi mình nhớ thằng bé. Đó là điều nó muốn.*

Cô nằm trên giường một lát trước khi ngủ thiếp đi, nghĩ về ban nhạc, về các bạn của mình. Chuyện gì sẽ đến với ban nhạc, với cô? Liệu có còn một ban nhạc cho cô trở về? Liệu khi trở lại Na Uy cô có còn là Mia lúc trước?

Chỉ có một điều là chắc chắn. Khi trở lại Na Uy, cô sẽ tự quyết định về cuộc đời mình. Nếu cô muốn làm một ca sĩ (như cô đang muốn), thì cô sẽ trở thành ca sĩ. Và nếu cô không muốn lê la

quanh địa cầu theo chương trình của NASA thì cô sẽ từ chối. Cô đã quyết tâm như thế.

Và cô biết cô có thể làm được điều đó.

Vì cô đã trải qua một đêm ở thành phố New York, và nó đã dạy cô một điều quan trọng: Cô là người quyết định con đường mình sẽ đi.

PHI HÀNH ĐOÀN

Ngày đầu tiên, Midori ngồi trong một phòng học nhỏ trong tòa nhà lớn nhất tại Trung tâm Vũ trụ Johnson ở Houston, cùng hai thiếu niên khác mà cô biết tên là Mia và Antoine. Cô không thể hiểu được vì sao cô vẫn chưa được chính thức giới thiệu với họ, dù họ cùng ở một khách sạn ở New York. Cô là người đến sớm nhất trong phòng, theo sau là vài viên sĩ quan không quân và người của NASA. Các huấn luyện viên đến sau đó vài phút cùng hai người bằng tuổi cô. Nhưng họ chưa kịp nói lời nào với nhau hay thậm chí là gật đầu chào thì buổi học đã bắt đầu.

Midori đã được báo trước là sẽ có rất nhiều thứ phải học, nhưng khi những tập sách hướng dẫn được xếp chồng trước mặt, cô mới nhận ra là trước đó mình đã quá chủ quan. Một tập sách dày cộp bao gồm đủ thứ từ một khóa học cấp tốc hạng nặng về thiên văn học cho đến cách ăn, cách ngủ, cách tắm, cách đi đứng, và nhiều thứ khác trong môi trường không trọng lực và trên bề mặt Mặt Trăng, nơi trọng lực chỉ bằng một phần sáu ở Trái Đất. Và còn có riêng một cuốn sách chuyên về kỹ năng bảo đảm an toàn và chuẩn bị cho tình huống khẩn cấp. Họ phải học về mọi tình huống sự cố có thể xảy ra, không được bỏ sót một nguy cơ nào.

Midori nhìn xuống đùi. Trên đó đang nằm ba cuốn sách dày, có nhan đề lưu trú ngoài không gian, khoang sinh hoạt, và ceres/demeter. Những từ đó hầu như chẳng có mấy ý nghĩa đối với cô, nên cô đưa mắt nhìn quanh. Hai người còn lại, cô bạn gái người Na Uy và cậu con trai người Pháp, cũng đang ngồi đó, tiện

tay lật qua lật lại chồng sách. Cô ước mình có thể giao tiếp với họ dù chỉ qua ánh mắt, hay nụ cười gì đó. Một cách nào đấy để khiến bầu không khí thân thiện hơn chút ít. Cô cảm thấy hơi lạc lõng vì chắc chắn hai người kia là dân cuồng Mặt Trăng trong khi cô thì chẳng có chút hứng thú nào với nó. Giờ cô mới bàng hoàng nhận ra rằng mình sẽ phải tập trung mọi động lực mà mình có để đọc và thuộc hết hơn bảy trăm trang sách dày đặc thông tin này. Đương nhiên là NASA đã dịch sách của cô sang tiếng Nhật, nhưng cũng chỉ đến một mức độ nào đó. Không phải cô đã bị dụ dỗ vào một mùa hè học hành ngập đầu đầy chứ?

“Chào mừng các bạn.” Một người đàn ông mặc comple đen có mái tóc muối tiêu bước tới đứng trước phòng. “Tôi là Tiến sĩ Paul Lewis. Tôi là người điều hành ở NASA này, và tôi rất hân hạnh được chào đón các bạn tới Trung tâm Vũ trụ Johnson. Và trước tiên, cho phép tôi được nói một điều: Ba bạn trẻ ngồi đây ngày hôm nay...” Ông ta dừng lời để tạo cao trào. “Là ba người may mắn nhất trên hành tinh này.” Khuôn mặt ông ta giãn ra thành một nụ cười nở rộng. “Và với một chút cố gắng, các bạn sẽ trở thành những người may mắn nhất trong vũ trụ nữa. Từ trước đến nay không có mấy người được trải nghiệm những gì các bạn sắp trải qua. Các bạn sẽ là những người trẻ tuổi nhất từng rời khỏi bầu khí quyển Trái Đất. Và các bạn sẽ là người thứ mười ba, mười bốn, và mười lăm đặt chân lên một thiên thể. Các bạn sẽ là một phần của một ngành nghiên cứu tiên phong, mũi nhọn. Và còn quan trọng hơn nữa” – ông giang rộng hai tay – “các bạn sẽ là một phần của lịch sử.”

Midori nhìn xuống đồng sách. Có lẽ chỉ cần đọc một cuốn là đủ rồi.

Tiến sĩ Lewis nói tiếp: “Là một trong những người may mắn nhất thế giới, các bạn cũng gánh trên vai trách nhiệm nặng nề. Tôi nghĩ rằng các bạn đã hiểu rõ điều này. Và tôi thấy trên khuôn mặt các bạn không chỉ có sự mong đợi; tôi còn thấy cả lo lắng. Và tôi còn thấy cả sự nhớ nhà. Không có gì đáng xấu hổ cả. Vì các bạn sẽ đi rất xa, xa hơn bất cứ ai trong số các bạn từng đi. Các bạn đã bay một quãng đường tổng cộng là hơn mười tám nghìn dặm để tới đây.” Ông nhìn ba thiếu niên trước mặt. “Đích đến cuối cùng của các bạn còn cách đây những hai trăm ba mươi tám ngàn dặm nữa. Và trên đường đến đó, trong khi Trái Đất ngày càng nhỏ dần đi qua khung cửa sổ trước mắt các bạn... tôi bảo đảm rằng: các bạn sẽ nhớ nhà. Nhưng những điều các bạn sắp trải nghiệm, câu chuyện các bạn sẽ kể sau một chặng dừng chân chỉ kéo dài có một trăm bảy mươi hai giờ, sẽ đáng để kể suốt cả cuộc đời.”

Midori liếc nhìn hai người kia. Ngay lúc này cô đã nhận thấy rằng họ khác cô hoàn toàn. Cả hai đều rướn mình về phía trước, mắt mở to, nuốt lấy từng lời người đàn ông kia nói. Cô tự hỏi rồi chuyện sẽ đi đến đâu. Nhớ họ quả thực là những con mọt sách thực thụ mà cô không thể nói chuyện cùng được thì sao?

“Vậy, chúng ta sẽ làm gì ở Johnson này trong ba tháng tới nhỉ?” Tiến sĩ Lewis tiếp tục. “Chúng ta sẽ huấn luyện. Chúng tôi sẽ dạy các bạn mọi điều cần biết – về thiết bị, về kỹ năng bảo đảm an toàn, về con tàu các bạn sẽ đi và về căn cứ các bạn sẽ ở. Có ai có thể cho tôi biết mô-đun là gì không?”

Cậu con trai người châu Âu giơ tay.

“Devereux?”

“Mô-đun là những đơn vị cấu thành căn cứ trên bề mặt Mặt Trăng,” cậu ta trả lời bằng tiếng Anh.

Midori đảo mắt chán chường. Rõ ràng cậu ta đã đọc trước về mấy thứ này rồi.

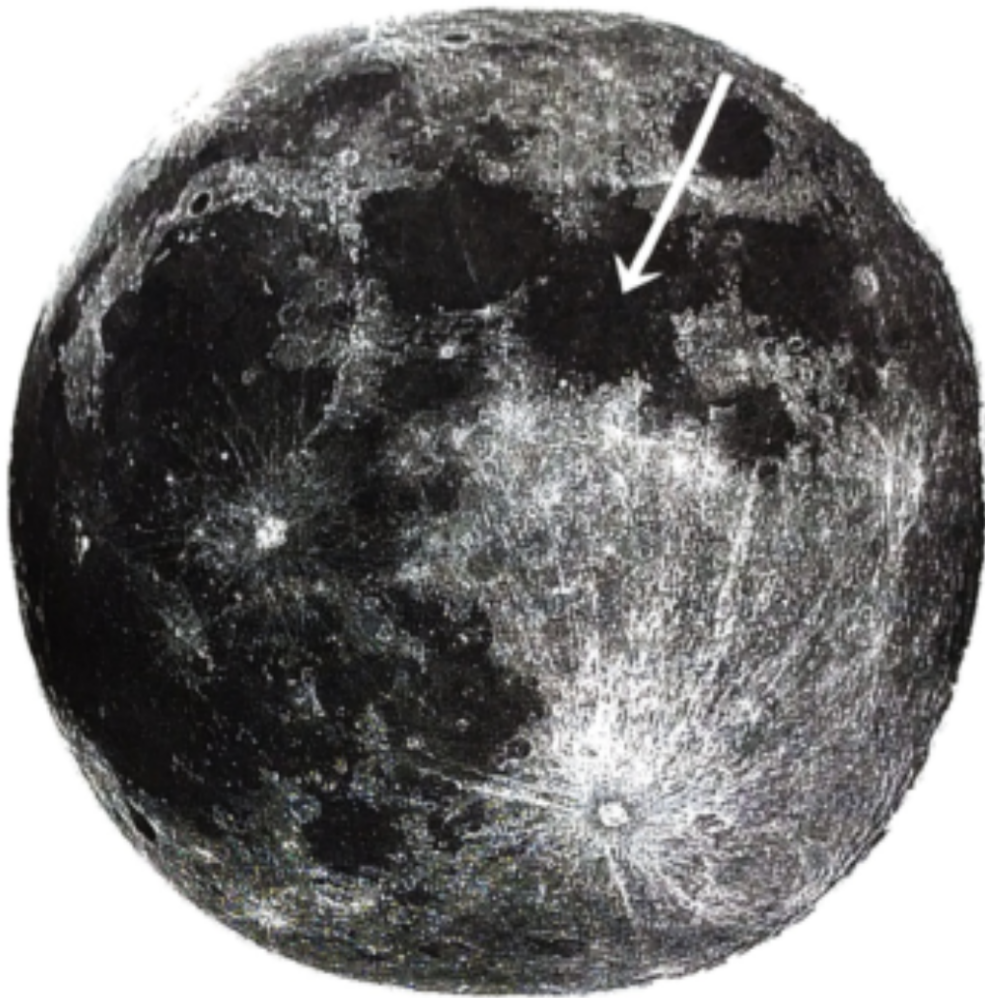
“Chính xác,” Tiến sĩ Lewis đáp. “Để tôi cho các bạn xem.” Ông ra hiệu cho một người mặc comple khác trong phòng, vài giây sau đèn trong phòng liền tối đi và rèm hạ xuống. Tiến sĩ Lewis ấn một nút trên máy tính xách tay trước mặt, và một màn hình máy tính phẳng khổng lồ trên tường hiển thị một biểu đồ của khu căn cứ Mặt Trăng.

“DARLAH 2 bao gồm bốn mô-đun, nằm tại một vùng gọi là Mare Tranquillitatis. Biển Yên Bình. Cái tên này khá cổ, từ thời mọi người nghĩ rằng các khu vực tối trên Mặt Trăng chứa đầy nước. Ngày nay chúng ta đã biết rằng những vùng tối này biểu thị những vùng đất trũng, còn những vùng màu xám trắng là vùng đồi núi và cao nguyên. Chúng tôi đã đánh dấu điểm hạ cánh trên Biển Yên Bình cho các bạn ở đây.”

Tiến sĩ Lewis ấn một nút khác và cho hiển thị một bức ảnh.

“Lí do chúng tôi chọn khu vực này là vì nó chính là nơi lần hạ cánh đầu tiên diễn ra vào ngày 20 tháng Bảy năm 1969. Chưa một ai từng đến nơi này kể từ ngày đó. Các bạn sẽ có nhiệm vụ tìm những dấu vết họ để lại. Tôi có thể cho các bạn biết rằng trong số những thứ bị bỏ lại có đôi ủng của Buzz Aldrin đang nằm phủ bụi trên đó.”

BIỂN YÊN BÌNH



Hay lắm, Midori nghĩ, thầm quyết định ngay lúc đó rằng cô sẽ là người đầu tiên xí phần đôi ủng. Thử tưởng tượng xem đi đôi ủng đó dạo quanh Harajuku thì sẽ ngẫu biết nhường nào? Chợt cô khựng lại. *Ô, phải rồi*. Cô có định quay lại đó đâu?

Không bao giờ.

Tiến sĩ Lewis cho họ xem lịch trình của những tuần huấn luyện sắp tới rồi bắt đầu ngay bài giảng về lịch sử Mặt Trăng và tầm quan trọng của nó qua các thời đại. Midori đã bỏ ngoài tai hầu như toàn bộ bài giảng thì tiến sĩ Lewis đột nhiên gọi cô bừng tỉnh khỏi cơn gà gật bằng cách bật đèn.

“Cuối cùng, hôm nay tôi xin giới thiệu phi hành đoàn với các bạn. Các bạn sẽ được đồng hành cùng những chuyên gia hàng đầu trên hành trình này, và họ sẽ chịu trách nhiệm cho mọi việc. Họ sẽ giao cho các bạn những nhiệm vụ và mệnh lệnh, nhưng họ sẽ chịu mọi trách nhiệm sau cùng. Đừng quên điều đó. Miễn là các bạn nghe theo lời họ nói, các bạn sẽ có một chuyến đi tuyệt vời. Tôi bảo đảm như vậy.”

Từng người trong phi hành đoàn bước lên phía trước và tự giới thiệu về mình. Midori cố gắng chú ý, nhưng buổi gặp mặt này đã chứa quá nhiều thông tin cùng một lúc, nên chẳng mấy chốc cô đã lẫn lộn người nọ với người kia. Những người duy nhất cô nhớ được khá dễ dàng là hai thiếu niên nọ. Tiến sĩ Lewis gọi tên họ và họ tiến về phía ông. Antoine, cậu người Pháp, là một gã trai dáng người mảnh khảnh, cao lêu nghêu với mái tóc sẫm màu và cái mũi to, trông khá dễ thương. (Nghĩ kĩ lại thì phải nói là rất dễ thương.) Rồi đến Mia người Na Uy, cao hơn cô một cái đầu, có mái

tóc đen trùm qua mắt. Cô ấy đeo một cặp kính râm to bản và có vẻ ngoài theo kiểu gô-tích thứ thiệt. *Không hẳn là người Gô-tích thực thụ, nhưng vẫn rất bảnh*, Midori thầm nghĩ. Rồi đến lượt cô bước lên nói tên và quê quán của mình, bắt tay với hai người còn lại và với phi hành đoàn.

“Hôm nay đến đây thôi,” Tiến sĩ Lewis kết luận. “Giờ tôi tin rằng các bạn muốn trở lại gặp gia đình mình ở khu nhà khách. Chúng tôi sẽ gặp lại các bạn tại đây vào chín giờ sáng ngày mai.”

Midori đứng dậy, vớ lấy túi và bước về phía cửa ra. Đến cửa cô nhặt một tờ thông tin có tên họ của mọi thành viên sẽ tham gia chuyến đi. *Nên có một cái này*, cô nghĩ. *Ít nhất là cho đến khi mình phân biệt được mọi người với nhau. Nếu mình có thể làm nổi việc đó.*



TRỞ LẠI MẶT TRĂNG

HÀNH TRÌNH 69 – TRỞ LẠI MẶT TRĂNG

18 THÁNG 7 – 8 THÁNG 8, 2019

PHƯƠNG TIỆN: TÀU ĐIỀU KHIỂN CERES

TÀU ĐỐ BỘ MẶT TRĂNG: DEMETER

TÊN LỬA: SAO THỎ V

PHI HÀNH ĐOÀN

DÂN THƯỜNG

YOSHIDA, MIDORI

16 TUỔI, YOKOHAMA, NHẬT BẢN

NOMELAND, MIA

16 TUỔI, STAVANGER, NA UY

DEVEREUX, ANTOINE

17 TUỔI, PARIS, PHÁP

PHI HÀNH GIA

ĐẠI ÚY NADOLSKI, LLOYD – CHỈ HUY (COM)

42 TUỔI, CLEVELAND, BANG OHIO

TRUNG ÚY HALL, CAITLIN – PHI CÔNG TÀU ĐỐ BỘ MẶT TRĂNG DEMETER (LMP)

32 TUỔI, NEW YORK, BANG NEW YORK

ĐẠI ÚY COLEMAN, ALDRICH – CHỈ HUY TẠI CĂN CỨ (HCOM)

59 TUỔI, NEW YORK, BANG NEW YORK

WILSON, SAMUEL – KỸ SƯ KHÔNG GIAN

34 TUỔI, DETROIT, BANG MICHIGAN

STANTON, PETER D. – KỸ SƯ KHÔNG GIAN

32 TUỔI, DULUTH, BANG MINNESOTA

MỘT MÌNH

Mia nheo mắt khi bước ra khỏi tòa nhà sau buổi học đầu tiên. Cô có thể nghe thấy tiếng bánh xe nghiêng trên mặt đường của những xe tải và xe nâng hàng thường chạy ngang qua đây và đi xa dần về các nhà chứa máy bay gần đó. Trung tâm Vũ trụ Johnson bao gồm hơn một trăm tòa nhà xếp trong một vực đủ rộng cho một thành phố cỡ nhỏ. Chỉ riêng bãi đỗ xe hầu như luôn trống trơn trước mặt cô cũng có thể khiến bất cứ ai phải trầm trồ vì kích thước bao la của nó. Điều đó khiến cô lần đầu tiên nhận ra quy mô của ngành nghiên cứu du hành không gian đã mở rộng đến mức nào và hẳn nó đã huy động một số tiền khổng lồ ra sao.

Đúng lúc đó, một thành viên của phi hành đoàn cô vừa gặp bước ra hiên nhà. Mia không nhớ được tên cô ấy, nhưng may mà cô ấy đã chìa tay ra trước.

“Caitlin,” người phụ nữ nói.

“Mia ạ.”

“Rất vui được gặp cháu, Mia. Cháu đang định đi đâu?”

Cô chưa quyết định. “Chắc là cháu nên quay lại chỗ bố mẹ,” Mia đáp. “Nhưng cháu không biết chính xác họ đang ở đâu?”

“Chắc là họ đang ở khu nhà khách. Cháu muốn đi nhờ không?”

“Cô có ô tô riêng ạ?”

Caitlin hấp háy mắt nhìn cô. “Ừ, tất nhiên là cô có ô tô riêng. Ai lại muốn cuộc bộ trong cái nơi rộng ngút ngàn này chứ? Đi nào.”

Mia theo Caitlin bước xuống bậc thềm và tới một góc nơi cô ấy đậu chiếc xe Volkswagen của mình. Hóa ra nó giống một đồng sắt vụn hơn là một chiếc xe, và thực ra điều đó lại hợp với phong cách của Caitlin. Trông cô thực sự không có điểm nào giống với một phi hành gia. Cô trẻ hơn những người còn lại, thân hình cao gầy, mặc chiếc quần jean cũ sờn đứt trong đôi bốt. Cô mặc một chiếc áo phông đã bạc phéch trong một chiếc áo khoác khá ngẫu khiến Mia muốn hỏi cô đã mua nó ở đâu. Nhưng cô không hỏi.

“Cháu không mở được cửa,” Mia ngượng ngùng đáp sau khi nhắc tay nắm cửa vài lần mà không có kết quả.

“Thử đá nó một cái xem.”

Mia do dự. “Sao ợ?”

Caitlin vòng sang bên cạnh Mia và nện bốt vào cánh cửa. Nó bật mở. “Thế này này.”

Mia ngồi vào ghế cạnh tay lái và cố gắng lựa chỗ đặt chân giữa một đồng tạp chí âm nhạc cao ngất chất đầy khắp sàn xe.

“Cứ đạp chúng nó sang một bên, hoặc là giảm hẳn lên cũng được. Đằng nào cô cũng đọc hết rồi mà. Cô hút thuốc được không?” Caitlin hỏi. Nhưng Mia chưa kịp trả lời thì cô đã châm lửa và khởi động xe. Vài giây sau cô lùi xe ra khỏi bãi đỗ xe và tăng tốc về phía khu nhà khách. Một giai điệu trầm đơn giản nhưng rất đặc trưng vang lên từ loa trên xe, và Mia nhận ra ngay lập tức.

“Cô cũng nghe *họ* à?” Mia ngạc nhiên hỏi.

“Cháu thích Talking Heads à?”

“Họ tuyệt lắm,” Mia đáp.

“*Psycho Killer*,” Caitlin đáp rồi hát theo đoạn điệp khúc. “Đoạn ngân này hay quá đúng không? Đây là bài cô thích nhất đấy.”

Mia gật đầu và tự hỏi cô có nên kể mình cũng ở trong một ban nhạc hay không. Nhưng cô quyết định để sau. Sẽ có khối thời gian khi họ đã lên Mặt Trăng.

“Chúng ta có nên thử xem tay lính già này chạy nhanh được đến mức nào không nhỉ? Cô đoán phải đến bảy mươi dặm một giờ. Cháu nghĩ sao?” Caitlin hỏi.

“Không đời nào,” Mia đáp.

“Trả lời khôn đấy.” Caitlin cười lớn trong khi lên số và nhấn ga. Chiếc xe rung lên bần bật trong khi họ lao trên con đường nhựa về phía khu nhà khách. Mia tin chắc nó sẽ nổ tung bất cứ lúc nào.

“Đừng sợ!” Caitlin hét lên át tiếng gầm của động cơ. “Nó chịu được mà. Hơn nữa, thế này chưa là gì đâu. Thử chờ đến lúc cháu ngồi trên đầu tên lửa xem – lúc ấy mới gọi là rung *thật* đấy!”

Năm giây trôi qua, bốn, ba, hai, một, rồi Caitlin đạp phanh. Lốp xe rít lên chói tai trên mặt đường trong khi cô quành xe vào bãi đỗ gần cửa vào.

“Thấy chưa. Bảy mươi hai dặm một giờ. Không tồi với một cô gái già, nhỉ?”

“Trông cô đâu có già,” Mia nhanh nhẩu đáp.

“Ý cô nói cái xe cơ,” Caitlin mỉm cười nói. “Nhưng dù sao cũng cảm ơn cháu.”

Caitlin còn có việc gần đó nên cô chào tạm biệt Mia, chỉ cho cô cửa khu nhà khách trước khi biến mất theo hướng ngược lại. Mia bước lên bậc thềm và tiến vào một đại sảnh rộng rãi. Có khá nhiều người bên trong, nhưng Mia không thấy bố mẹ mình đâu cả. Cô dạo quanh khu nhà khách vài lần mà không tìm được họ nên đành bỏ cuộc và đi tìm một người bảo vệ. Ông ta gọi vài cuộc điện thoại nhưng không có kết quả. Một lúc sau Mia quyết định quay trở lại khách sạn của phi hành đoàn để đợi họ ở đó. Người bảo vệ gọi một cuộc gọi khác cho một lái xe đến đón cô ở cửa khu nhà khách sau vài phút.

Khách sạn của phi hành đoàn thực chất không phải là một khách sạn mà là một tòa nhà lớn hình vuông nằm giữa khu căn cứ khổng lồ, nơi họ sẽ sống trong vài tuần tới. Nó nằm cách không xa khu nhà chứa máy bay, nơi họ sẽ tiến hành huấn luyện và chuẩn bị. Cô biết rằng Sander và bố mẹ đang ở một khách sạn cho dân thường nằm cách hơn một dặm ngoài khu căn cứ, và cô có thể đến đó gặp họ. Nhưng cô nghĩ sớm muộn gì họ cũng sẽ đến đây.

Mia nhận chìa khóa ở bàn tiếp tân và được cho biết hành lí của cô đã được đưa lên phòng trên tầng ba. Ngoài ra còn có một lá thư cho cô nữa.

Một lá thư?

Cô nghĩ chắc hẳn Sander lại viết cho cô một lá thư nữa. Mỗi khi biết làm một việc gì mới cậu bé thường làm đi làm lại. Cô vẫn chưa đọc lá thư đầu tiên.

“Của em đây,” nhân viên tiếp tân nói và đưa cho cô một chiếc phong bì. Mia mở lá thư ngay tại chỗ, và đứng đọc thư cạnh bàn tiếp tân.

Lá thư không phải của Sander, mà là của mẹ cô.

Mia gấp lá thư lại và nhét sâu vào túi sau. *Chắc*, cô thầm nghĩ.

“Tin xấu chẳng?” Nhân viên tiếp tân nhẹ nhàng hỏi.

Cô nhìn thẳng vào mắt anh ta. “Không, thực ra là tin tốt ạ. Chỉ hơi bất ngờ thôi.”

Mia rời khỏi đại sảnh và đi tìm phòng mình. Phản ứng đầu tiên của cô là thấy buồn. Cô cảm thấy như mình bị bỏ rơi. Nhưng đồng thời cô không thể không cảm thấy nhẹ nhõm. Và cả vui sướng. Một sự tự do mà bố mẹ cô đã tặng cho cô. Không thể có chuyện gì tuyệt hơn thế.

Cô tìm được phòng mình và bước vào. Talking Heads nhanh chóng hát ầm ĩ qua tai nghe của cô trong khi cô thoải mái đuổi người trên chiếc giường mới.

Mia thân yêu,

Lúc chúng ta đứng trên đỉnh Tượng Nữ Thần Tự Do ở New York ngày hôm đó, mẹ bỗng nhận ra rằng con không còn là đứa trẻ chín tuổi nữa. Mẹ không biết vì sao mẹ lại đột nhiên nghĩ ra điều ấy vào lúc đó. Có thể một phần vì nơi chúng ta đứng. Dù sao thì mẹ đã nhận ra rằng có lẽ gần đây bố mẹ không cho con đủ tự do, đủ không gian riêng. Nghe có vẻ lạ lùng, nhưng với một người mẹ thì đứa con chẳng bao giờ lớn lên. Nó luôn là đứa con bé bỏng của mình, và có lẽ trước giờ mẹ luôn nghĩ về con và Sander như nhau, và đối xử với hai đứa quá giống nhau. Nhưng con không còn chín tuổi như thằng bé nữa, con đã mười sáu tuổi và dù điều đó không có nghĩa là con đã là người lớn, con lại chuẩn bị xuất phát trên một hành trình lớn lao hơn bất cứ điều gì bố mẹ từng làm. Mẹ biết

rằng cuộc rút thăm này không phải là mong muốn của con, đến giờ vẫn vậy. Mẹ biết rằng con muốn ở nhà ở Stavanger với ban nhạc của mình và quyết định này đã khiến con mất rất nhiều thứ. Nhưng mẹ vẫn nghĩ rằng đây là một lựa chọn đúng đắn, và con sẽ không bao giờ phải hối tiếc, nó sẽ thay đổi cuộc đời con.

Vấn đề là, bố mẹ đã nhận ra rằng có lẽ ở một mình một thời gian, không có bố mẹ và em quấy rầy suốt ngày, sẽ tốt hơn cho con, để con có thể cảm nhận được việc tự đứng trên đôi chân mình là như thế nào. Vì thế bố mẹ sẽ đưa Sander đến Los Angeles ít lâu. Con cũng biết là chú Harald sống ở đó đúng không, nên bố mẹ và em sẽ ở nhà chú ấy. Mẹ nghĩ việc này sẽ tốt cho tất cả chúng ta – bố mẹ và em có một kì nghỉ còn con có thời gian thư giãn riêng. Con sẽ cần thư giãn trong thời gian sắp tới. Bố mẹ không muốn nói gì với con cho đến khi đã đi khỏi, để con khỏi thấy áy náy và bảo bố mẹ đừng đi. Mẹ tin rằng con sẽ hiểu. Nhưng con phải biết rằng nếu con thấy việc này không đúng và thực sự muốn bố mẹ ở bên con, con chỉ việc gọi điện và bố mẹ sẽ về ngay.

Trong thời gian đó mẹ hi vọng thỉnh thoảng mình có thể trò chuyện qua điện thoại để bố mẹ biết tình hình của con. Nhất là việc đó sẽ rất có ý nghĩa với Sander. Thằng bé gửi lời chào con đấy, tất nhiên là cả Lion nữa. Con biết em con mà.

Cuối cùng mẹ chỉ muốn nói một điều: Bố mẹ và Sander đều hết sức tự hào về con, Mia ạ, và yêu con rất nhiều. Hãy tự chăm sóc cho mình, đừng cố quá sức, hãy làm quen với hai người bạn sẽ đi cùng con, và nếu có việc gì hãy gọi cho bố mẹ. Mẹ đã cho Chỉ huy Nadolski biết về việc này và nhờ ông ấy để mắt đến con. Không hẳn là con sẽ cần, nhưng như vậy vẫn hơn. Con sẽ có một chuyến đi thực sự tuyệt vời đấy.

Bố mẹ và em sẽ về kịp lúc con cất cánh.

Ôm con,

Mẹ

CẮT CÁN

Ông Himmelfarb đang ngồi ở mép giường, nhìn xuống đôi giày da màu nâu của mình. Điều đó có nghĩa giờ đang là buổi sáng và ông phải dậy. Hoặc có nghĩa giờ đang là ban đêm và sắp có người đến cho ông đi ngủ. Ông nhìn ra ngoài cửa sổ. Cây cọ bên ngoài chia ánh nắng thành bảy tia sáng sắc nhọn chiếu cả vào mặt ông. Đó là ánh đèn của ban đêm hay đang là ban ngày? Tốt nhất là nên đợi người khác đến bảo ông phải làm gì. Ông khó mà biết được mình đã đợi bao lâu, nhưng rốt cuộc một người mặc đồ trắng cũng bước vào phòng ông.

“Cháu quay lại rồi đây,” cô ta nói. “Không lâu lắm, đúng không?” Cô ra hiệu rằng mình đã sẵn sàng. “Ông đã sẵn sàng chưa?”

Ông lẩm bẩm một câu trả lời. Ông đã sẵn sàng. Ngày nào ông cũng sẵn sàng. Vì mọi ngày đều như nhau.

“Nếu nhanh chân, chúng ta có thể kịp nghe bài diễn văn của tổng thống đó. Ngày mai là ngày trọng đại, ông Oleg ạ. Họ sẽ lên Mặt Trăng!” Và với những lời đó, cô ta nắm tay ông và dẫn ông đi qua những hành lang trắng toát, vào sảnh xem tivi của viện dưỡng lão.

Ông đã quên phản ứng của mình khi ông nhìn thấy những bức vẽ về căn cứ Mặt Trăng, nhưng có một vẻ quen thuộc ở quả tên lửa sau lưng người đàn ông ăn mặc chỉnh tề đứng trong sảnh tivi. Càng tập trung suy nghĩ ông lại càng không nghĩ ra. Làm sao họ

đưa được quả tên lửa khổng lồ ấy vào trong sảnh mà không phải phá trần nhà, ông không sao hiểu được. Chắc hẳn họ phải kì công lắm.

Tất cả nhân viên trong viện dưỡng lão biết rằng ông Himmelfarb từng là người canh giữ đài quan sát Không Gian Sâu Goldstone, nhưng không ai biết chính xác ông đã làm gì hay ông đã thấy gì trong suốt những năm đó. Ông Himmelfarb vốn là một người kín đáo và lặng lẽ suốt cuộc đời mình, một người đã tuân theo thỏa thuận bảo mật mình đã kí như thể nó là kinh thánh vậy. Ngay cả người vợ quá cố và các con ông, những người không bao giờ đến thăm ông, cũng chưa bao giờ được biết chi tiết là công việc của ông thực sự liên quan đến thứ gì.

Khi ông mới đến viện dưỡng lão, các con ông còn đến thăm ông đều đặn mỗi tuần một lần. Nhưng sau khi bệnh tình của ông trở nặng, ông ngày càng trở nên xa cách với họ, rồi đến một lúc ông hoàn toàn không nói chuyện với họ nữa. Và cuối cùng khi ông đã không còn nhận ra họ hay thậm chí nhận ra sự có mặt của họ, họ cũng không đến thăm ông nữa. Điều cuối cùng ông Himmelfarb nghĩ được trước khi ông sa vào vực sâu quên lãng là ông nhớ các con mình đến mức nào và ông vui mừng ra sao khi biết rằng chẳng mấy chốc mình sẽ không còn nhận ra họ không bao giờ đến thăm ông nữa. Và rằng ông yêu họ hơn bất cứ thứ gì trên Trái Đất này.

TẠM BIỆT

Ngày 16 tháng Bảy đã đến. Trước đó vài tuần họ đã chuyển từ Houston đến Trung tâm Vũ trụ Kennedy ở Florida, nơi sự kiện phóng tên lửa diễn ra. Nằm trên đảo Merritt, trung tâm Vũ trụ Kennedy rộng lớn vô cùng, thậm chí còn lớn hơn trung tâm ở Houston. Hàng xóm gần nhất của nó là Trạm Không quân Mũi Canaveral. Từ cửa sổ phòng mình, Mia có thể nhìn ra Đại Tây Dương và dõi theo những con sóng đang chầm chậm đổ lên bờ cát. Và nếu cô ngó ra khỏi cửa sổ về bên trái, cô có thể thoáng nhìn thấy địa điểm phóng, nơi quả tên lửa cao gần một trăm mét đang đứng chờ.

Chỉ còn chưa đầy hai mươi tư giờ nữa. Chỉ trong mười sáu giờ nữa cô sẽ rời khỏi đây. Và quả tên lửa sẽ cất cánh khỏi Trái Đất với cô ngồi trên đó. Với vận tốc mười một ki-lô-mét mỗi giây, họ sẽ rời khỏi bầu khí quyển Trái Đất và rời xa khỏi mọi người cô biết.

Cô đang ở trong phòng xem một bộ phim hài Mỹ trên tivi, nhưng cô không cười. Cô đã làm đúng theo lời mẹ dặn trong lá thư và gọi điện mỗi tuần một lần để báo cho họ biết tình hình của mình. Và như mẹ cô đã gợi ý, có thời gian cho riêng mình thực sự tốt cho Mia, và khoảng cách đã giúp cải thiện mối quan hệ giữa cô và bố mẹ. Lần đầu tiên trong nhiều năm họ có những cuộc trò chuyện dài, và điều khác biệt duy nhất là giờ đây những cuộc trò chuyện đó diễn ra giữa Florida và L.A. Cô và bố mẹ nói đủ thứ

chuyện – về chuyến đi, về cảm giác bất an của cô đối với ban nhạc ở nhà, và về Midori và Antoine.

Gần đây cô nói khá nhiều về Antoine, đặc biệt là trong tuần vừa qua. Bản thân cô không tự nhận ra điều đó, nhưng cô có xu hướng luôn nhắc đến cậu bất kể chủ đề nói chuyện là gì. *Hôm qua Antoine nói gì đó về chuyện này. Hay Antoine rất giỏi việc đó.* Mía cũng luôn nhớ nói chuyện với Sander mỗi lần gọi điện, nhưng cậu bé không hay nói nhiều. Đôi khi cô không thể khiến cậu bé lên tiếng lấy một từ. Nhưng cô không bận tâm. Cô biết rằng cậu bé đang ngồi đó giữ ống nghe bên tai, lắng nghe giọng nói của cô, và nếu cậu bé quá yên lặng cô liền quyết định kể cho nó nghe những chi tiết nhỏ trong cuộc sống của mình.

Thỉnh thoảng cô lại xuống đại sảnh để kiểm tra email hoặc để xem các bạn của cô có đang lên mạng hay không, nhưng chênh lệch múi giờ giữa Na Uy và Florida khiến họ không bao giờ lên mạng cùng một lúc, còn những email họ gửi đều chỉ chúc cô may mắn mà chẳng cho cô chút thông tin nào về những điều cô đang thắc mắc: tình hình ban nhạc như thế nào và ở nhà có những chuyện gì. Cô không bao giờ trả lời những email đó. Nên cuối cùng cô chỉ ở lì trong phòng, kéo ghế ra gần cửa sổ và nhìn ra phong cảnh Mũi Kennedy, nghe Talking Heads, và cố gắng viết những bài hát còn hay hơn của họ. Cô thường chỉ viết vài dòng, rồi lại gạch đi và bỏ cuộc, nhưng cô tự nhủ ít nhất cô cũng sắp lên đường, và đây chỉ là điểm khởi đầu mà thôi, và cô sẽ quay trở lại từ Mặt Trăng với những bài hát thật là hay.

Suốt thời gian qua, cô, Midori và Antoine đã tập luyện không ngừng cùng phi hành đoàn. Họ đã trải qua mọi bài diễn tập cả trăm lần, nhồi nhét vào đầu mọi chi tiết, và đã tập thực hành

trong đủ loại môi trường mô phỏng. Cô đã luyện tập cùng những người khác trong một bể bơi lớn để mô phỏng cách di chuyển trên Mặt Trăng. Cô phải cố bắt mình đọc hết từ đầu đến cuối ba cuốn sách hướng dẫn những hai lần. Cô đã sẵn sàng. Việc còn lại lúc này chỉ là chờ đợi. Và lo sợ.

Cô nhìn đồng hồ, cảm thấy như thể nó đang chạy giật lùi hoặc đã chết hẳn. Ngay khi họ đã vào vị trí trong quả tên lửa, mọi thứ sẽ dễ dàng hơn. Và khi đó sẽ là quá muộn để rút lui, quá muộn để quay đầu lại.

Nhưng vẫn còn mười sáu giờ nữa.

Cuộc đếm ngược đã bắt đầu.

16:14:32.

16:14:31.

16:14:30.

Cô cố gắng tập trung vào chương trình trên tivi, bắt mình không nhìn đồng hồ nữa. Nội dung của tập phim này cũng giống mọi tập phim khác. Ba hay bốn người cãi cọ nhau vì một chuyện nhỏ nhặt nào đó trong một căn phòng có một chiếc sofa ở giữa. Và cứ cách khoảng mười giây lại có một tràng cười ghi âm sẵn vang lên để gợi ý rằng toàn bộ chương trình này là một vở hài. Trong phút chốc cô đã nghĩ đến việc gọi cho Silje để chào tạm biệt, nhưng rồi nhanh chóng từ bỏ ý định. Điều cô không cần nhất lúc này chính là tin xấu, và nói chuyện với Silje hay bất cứ thành viên nào khác trong ban nhạc gần như chắc chắn sẽ chẳng giúp tâm trạng cô khá hơn.

Mia lại nhìn đồng hồ: 16:03:22.

Mới chỉ mười một phút trôi qua từ lần kiểm tra trước. Thời gian như một con ốc sên buồn ngủ uể oải.

Cô chụp tai nghe lên tai và nhanh chóng chạy lướt qua các mục trong máy tính đến thư mục chứa các bản thu thử mà ban nhạc đã thu ở nhà Leonora. Cô thử hát theo một vài bài để làm mới lại trí nhớ của mình, nhưng thấy không ổn. Như thể chúng không còn là những bài hát của cô nữa. Bản nhạc nghe xa lạ như thể nó được thu từ một thời đại hoàn toàn khác. Cô tắt giữa chừng bài hát mà họ từng tâm đắc nhất và lướt qua phần còn lại trong thư mục. Cuối cùng cô lại thấy mình đã quay trở về với Talking Heads. Không như âm nhạc của chính ban nhạc của mình, cô không cảm thấy giai điệu của họ xa lạ, mà ngược lại. Gần đây mỗi lần cô nghe họ hát, cô lại cảm thấy như mình hiểu họ rõ hơn. Cô bật một trong những bài mình thích nhất, bài “Life During Wartime¹¹”. “*Đây chẳng phải bữa tiệc, chẳng phải điệu disco, đây chẳng phải nơi nhảy múa hát hò.*”¹²

Cô phải tập trung, phải chuẩn bị sẵn sàng. Cô phải rũ mọi suy nghĩ về gia đình và bạn bè ra khỏi đầu. *Mặt Trăng*, cô thầm nghĩ. *Hãy tập trung vào Mặt Trăng.*

Nếu làm tốt trên đó, từ đó về sau mày sẽ được sống đúng như mình muốn.

Cô vặn mức âm lượng lên cao nhất, và tiếng nhạc gầm thét trong tai cô. Có lẽ vì thế nên cô không nghe thấy tiếng gõ cửa. Cô đột nhiên ngẩng lên và thấy Antoine cùng Midori đang cười với mình ở ngưỡng cửa.

“Cả cái Trung tâm Vũ trụ Kennedy này đều nghe thấy tiếng cậu đấy.” Midori phá lên cười.

Cô đã hát to đến vậy mà không nhận ra ư? Mia ngượng ngùng giật tai nghe ra.

“Xin lỗi,” cô nói.

“Chắc không ai thấy phiền đâu. Được nghe cậu hát cũng tốt mà. Ở đây yên tĩnh quá làm tớ muốn bị ảo giác rồi đây.”

“Cậu đang nghe gì thế?” Antoine hỏi bằng chất giọng Pháp đặc sệt. *Cái cậu đang nghe là zzi thế?*

“Talking Heads.”

Antoine và Midori nhìn nhau. Cả hai đều chưa nghe về ban nhạc này.

“Đó là ban nhạc của cậu à?” Midori hỏi.

Mia lắc đầu. Cô đã kể với họ rằng mình ở trong một ban nhạc ở nhà, nhưng họ chưa nghe các bản thu của cô bao giờ.

“Nhưng cậu có nhạc của chính cậu ở đây chứ? Ban nhạc của cậu ấy?”

Midori tự nhiên bước đến giường và cầm tai nghe đội lên đầu. “Thử nghe xem nào.”

Mia tìm bài hát hay nhất của họ và nhất nút *play*. Midori lắng lắng chờ bài hát bắt đầu. Antoine nhích vào gần, nhìn hai cô bạn gái với vẻ mong đợi.

“Oa, hay đấy chứ,” Midori nhận xét, nhịp chân theo tiếng nhạc.

“Cậu nghĩ thế à?” Mia đáp.

Midori bắt đầu nhún nhảy. “Các cậu có định ra album hay gì không?” Cô hỏi.

“Tớ chưa biết.”

“Các cậu phải ra đi!” Midori hét lên và nhảy ra tận nhà tắm.
“Các cậu phải bán được cả triệu bản là ít.”

“Cho tớ nghe với,” Antoine nài nỉ, bước đến chặn trước mặt Midori. Cô đưa cho cậu chiếc tai nghe và chẳng mấy chốc cả cậu cũng nhún nhảy theo điệu nhạc. Động tác của cậu trông cứng đờ và hơi buồn cười, nhưng cảnh đó vẫn khiến Mia cực kì hạnh phúc. Những hoài nghi cô vừa cảm thấy trước đó đột nhiên tan biến. Tất nhiên là những bài hát của họ phải hay rồi. Và tất nhiên lời bài hát cùng giọng hát của cô góp một phần rất lớn. Họ có thể thành những ngôi sao lớn trên khắp thế giới.

Và ngay giây phút đó cô càng quyết tâm hơn bao giờ hết rằng ngay khi trở về Na Uy, cô sẽ đưa ban nhạc lên tầm cao mới. Họ sẽ trở thành ban nhạc xuất sắc nhất cả nước.

Midori và Antoine ngồi chơi trong phòng Mia suốt buổi tối. Mia thích có họ ở bên. Ở cạnh họ cô có cảm giác an toàn, Antoine và Midori. Họ không cần gì từ cô cả.

“Bố mẹ cậu có đến chỗ phóng tên lửa ngày mai không?” Antoine hỏi.

“Chắc là có. Tớ không biết. Thực ra tớ chưa nói với họ về chuyện đó.”

“Sao kì thế?” Midori nói.

“Ờ, *họ* kì thế đấy,” Mia bật cười. “Bố mẹ các cậu có đến không?”

“Có chứ,” Antoine đáp.

Thực ra cô đã biết điều đó từ trước. Bố mẹ Antoine vẫn luôn ở đây hằng ngày. Họ quả là kiểu người nhiều chuyện. Mia nghĩ có lẽ NASA đã bắt đầu phát ngán với họ. Nhưng tất nhiên họ là những người tốt bụng.

Bố mẹ Midori cũng ở Trung tâm Vũ trụ Kennedy mỗi ngày kể từ khi chương trình huấn luyện chuyển về Florida. Họ trầm lặng hơn. Có lẽ vì họ không nói được nhiều tiếng Anh, nên cô chưa từng thực sự nói chuyện với họ, trừ một lần sau cuộc họp báo đầu tiên và duy nhất được tổ chức ở căn cứ. Giới truyền thông từ khắp thế giới đổ dồn về đây. Mọi đài truyền hình và tòa báo phỏng vấn họ. Mia để cho Antoine và Midori nói là chính, và may mắn là phi hành đoàn đã chịu trách nhiệm trả lời những câu hỏi khó. Nhiệm vụ chính của Mia là nói rằng cô rất mong đợi được bước trên Mặt Trăng nơi gần như không có trọng lực.

“Cậu có sợ không?” Midori hỏi.

Mia ngập ngừng. “Tớ cũng không chắc nữa. Còn cậu?”

“Tớ nghĩ là có. Cậu thì sao, Antoine?”

Antoine chậm chậm gật gật đầu. “Có. Sợ lắm.”

“Cứ nghĩ theo cách này này,” Mia nói. “Bọn mình đi xa. Ở ít lâu. Rồi quay về. Thế thôi. Khác biệt duy nhất là lần này bọn mình đi xa hơn bình thường một chút thôi.”

“Và bọn mình đi bằng một tên lửa đốt hết hai mươi tấn nhiên liệu trong một giây đầu tiên thay vì đi bằng ô tô.”

“Và bọn mình được huấn luyện mấy tháng trời về mọi trục trặc có thể xảy ra.”

“Sẽ chẳng có trục trặc gì đâu,” Mia đáp, không hề biết sự tự tin đột xuất đó từ đâu mà có.

“Cậu chắc không?” Midori hỏi.

“Tớ bảo đảm đấy. Tớ sẽ lo cho cậu mà,” Mia hứa.

“Thế còn tớ?” Antoine khó chịu phản đối. “Ai sẽ lo cho tớ, hả?”

Mia bật cười. “Cậu phải tự lo cho mình thôi. Hơn nữa, cậu lớn nhất cơ mà? Đáng lẽ cậu phải lo cho hai đứa bọn tớ.”

“Đúng, đúng,” Antoine đáp, có vẻ hài lòng với ý nghĩ đó.

Mia nhìn đồng hồ. 12:32:56.

Thời gian đã trôi trở lại. Đã đến giờ đi ngủ.

“Mia?”

“Gì hả Midori?”

“Tớ ngủ ở đây với cậu được không?”

“Tại sao?”

“Tớ nghĩ chắc đêm nay tớ không ngủ được một mình trong phòng riêng đâu. Làm ơn đi?” Midori nài nỉ.

Mia gật đầu. “Được thôi.”

“Này!” Antoine lại phản đối. “Thế thì tớ cũng ngủ ở đây. Tớ không chịu trần trọc một mình ở phòng tớ trong khi các cậu được ngủ ngon lành ở đây đâu.”

“Được rồi,” Mia cười. “Cậu đi lấy chăn nệm rồi về đây mà ngủ. Nhưng không được giở trò gì đâu đấy nhé? Mà Antoine này, cậu phải đợi ngoài hành lang lúc bọn tớ thay đồ, và nằm im trong chăn cả đêm. Đồng ý không?”

Cậu cười và giả bộ tỏ vẻ thất vọng. “Đồng ý.”

“Tốt, vậy đi đi. Tớ sẽ đi ngủ trong mười lăm phút nữa. Đến lúc ấy trong này phải im lặng tuyệt đối đấy.”

Ngày hôm sau gia đình và bạn bè đổ dồn đến bãi phóng. Mia thấy bố mẹ của Antoine và của Midori đứng vẫy tay sau hàng rào ở điểm phóng. Gia đình các phi hành gia cũng có mặt: vợ họ, con họ. Nhưng không thấy Mẹ. Không thấy Bố. Không thấy Sander. Cô đứng bên xe tải tìm họ ít phút, nhưng họ không xuất hiện. Rồi có thông báo đã đến giờ, nên cô đành leo lên ghế sau xe.

Chính lúc đó cô nhìn thấy họ, và nhận ra họ vẫn đứng đó suốt này giờ, gần như nấp phía sau đám đông, để không làm cô thấy ngượng. Trong khoảnh khắc cô nhận ra quả thực mình rất yêu thương họ. Họ vẫy tay về phía cô với cánh tay giơ cao. Và Sander đang đứng giữa bố mẹ, cầm Lion trong tay, cái đầu con sư tử lắc lư sang hai bên trong khi cậu bé vẫy.

Mia trèo lên rồi chiếc xe tải lăn bánh khỏi đoàn người đang vẫy chào, đưa cả phi hành đoàn hướng về bãi phóng. Quả tên lửa khổng lồ Sao Thổ V hiện lên cao dần khi họ tới gần. Trông như thể nó đang chọc một lỗ thủng trên bầu trời.

Khi xe tải đỗ cạnh tên lửa và khuất dưới bóng của nó, lần đầu tiên cô nhận ra nó to lớn đến mức nào. Trông nó như một con tàu – đúng hơn là một tàu sân bay vĩ đại – dựng đứng.

Thật khó có thể không há hốc vì kinh ngạc. Chỉ riêng khu vực trên đỉnh quả tên lửa là tàu vũ trụ. Nó chỉ là một con tàu nhỏ bé nằm ngay bên trên một vạch đen ở trên cùng. Phần còn lại chỉ để

chứa nhiên liệu. Chất dễ cháy nổ. Con tàu vũ trụ là một bản sao giống hệt với con tàu được sử dụng lần đầu tiên năm 1969. Nhưng con tàu hồi đó chỉ có chỗ cho ba người. Con tàu mới này lớn gấp đôi, vì lần này nó phải chở đến tám người. Sẽ khá là chật chội, và họ sẽ phải ở trong đó bốn ngày.

“Các cậu sẵn sàng chưa?” Antoine hỏi, liếc nhìn hai người. Trong bộ đồ du hành vũ trụ với chiếc mũ bảo hiểm ôm bên sườn, trông cậu như một người lớn thực thụ. “Sẽ ổn cả thôi,” cậu nói với cô và mỉm cười.

Mia không trả lời. Cô ngược lên nhìn quả tên lửa đăm đăm. *Ngày hôm nay là khởi đầu của một thời kì mới, cô nghĩ. Mia mà mọi người đã biết sắp rời khỏi Trái Đất. Và khi mình trở về, mọi thứ sẽ khác.*

Và cô không hề biết suy nghĩ của mình sẽ đúng đến mức nào.

Một thang máy đưa họ lên ngang với đỉnh quả tên lửa. Mia, Midori và Antoine đợi trên cầu hàng không nối giữa con tàu và tháp hỗ trợ cố định cho các phi hành gia ổn định chỗ ngồi trước rồi vào theo. Mia ngồi cạnh Midori. Con tàu đang nằm nghiêng một góc chín mươi độ, nên khi ngồi trên ghế họ phải nằm hướng lưng xuống dưới. Cảm giác thật kì lạ, như thể không còn trên dưới gì nữa. Những nút bấm, màn hình và thiết bị đánh số phát sáng khắp quanh cô. Cô nằm đó nghe những giọng nói chập chờn qua tai nghe khi các phi hành gia liên lạc với tháp trung tâm.

Họ được cho biết còn mười lăm phút nữa thì đến giờ phóng.

“Máy đưa thế nào rồi?” Cô nghe giọng Caitlin hỏi qua bộ đàm. “Báo cáo tình trạng đi?”

“Tất cả đã sẵn sàng,” Antoine đáp.

“Tất cả đã sẵn sàng,” Midori lặp lại.

“Tất cả đã sẵn sàng,” Mia nói.

“Tốt.”

“Còn mười hai phút nữa.”

“Không còn đường lui nữa rồi.” Mia không rõ ai nói câu ấy. Cô không nhận ra giọng người đó.

“Còn năm phút nữa.”

Caitlin đang kiểm tra các loại máy đo và đồng hồ trên máy tính trước mặt và báo cáo các số liệu về trạm kiểm soát trên mặt đất.

“Còn hai phút nữa.”

“*Ceres*, các bạn đã có thể phóng.”

“Còn một phút nữa.”

“Đã có thể phóng. Đề nghị mọi bộ phận xác nhận tình trạng?”

Tiếng từ trưởng các bộ phận khác nhau ở trạm kiểm soát mặt đất vang lên qua bộ đàm khi họ báo hiệu sẵn sàng:

“TELLMU, sẵn sàng.”

“Chuyên viên dẫn đường, sẵn sàng.”

“FIDO, sẵn sàng.”

“EECOM, sẵn sàng.”

“GNC, sẵn sàng.”

“Y tế hàng không, sẵn sàng.”

“CAPCOM, sẵn sàng.”

“Còn năm mươi giây.”

Chỉ huy Nadolski ấn các nút điều khiển trước mặt bằng động tác nhanh gọn và sự tập trung cao độ.

“Ba mươi giây.”

“Mười lăm giây.”

“Mười hai giây.”

“Mười.”

Antoine quay sang Mia và chăm chú nhìn cô.

“Chín, tám, bảy.”

Cậu nhìn không rời mắt. Một cái nhìn trù mến, ấm áp.

“Sáu.”

Có lẽ đó chính là khoảnh khắc cô đem lòng yêu cậu.

“Năm, bốn – chuỗi khởi động bắt đầu!”

“Ba.” Cậu mỉm cười với cô từ bên trong chiếc mũ bảo hiểm.

“Hai, một...”

“Chúng ta đã cất cánh!”

Áp lực ép họ sát vào lưng ghế. Nụ cười của Antoine biến thành cái nhăn mặt, và một âm thanh rầm rĩ đến choáng ngợp vang khắp khoang lái. Những động cơ tên lửa khổng lồ đẩy họ lên bầu trời với một lực mạnh ngoài sức tưởng tượng, cho đến khi họ lao xuyên qua tầng mây, chuyển động càng lúc càng nhanh hơn. Họ đã được huấn luyện cho giai đoạn này không biết bao nhiêu lần. Họ đã được giới thiệu với mọi hệ thống và biết ý nghĩa của mọi loại âm thanh, họ biết rõ đến từng giây điều gì đang diễn ra. Mọi

thứ đang vận hành suôn sẻ. Mặc dầu vậy, một đợt sóng sợ hãi dữ dội vẫn bao trùm lên cô. Cô siết chặt tay nắm ghế ngồi và nhắm nghiền mắt lại.

Xin cho tôi sống sót trở về, cô nghĩ.



Đúng vào giây phút đó các cư dân của Viện dưỡng lão Parson cũng nằm trong số hàng triệu người trên khắp thế giới đang theo dõi cuộc phóng tên lửa. Tất cả người già đủ sức ngồi đều được tập trung trong sảnh chiếu ti vi. Âm lượng được vặn lớn hết mức để cả những người bị lãng tai cũng có thể nghe được, nên khi màn đếm ngược về đến không và các động cơ tên lửa nổ bùng lên, cả nền nhà như rung chuyển.

Các y tá và điều dưỡng viên vỗ tay, một số người già reo mừng. Ông lão Himmelfarb vẫn sợ sệt nhìn vào đôi giày. *Ceres* đã cất cánh khỏi bệ phóng tại Trung tâm Vũ trụ Kennedy. Ông nhắm nghiền mắt và cố tách mình khỏi mọi tiếng ồn.

Con tàu vũ trụ rung lắc như thể nó sắp rời ra từng mảnh bất cứ lúc nào. Mia nghĩ mình đã hét lên, nhưng có quá nhiều tiếng ồn nên cô không biết chắc. Cô cố gắng quay đầu sang bên để nhìn Midori, nhưng áp lực quá lớn nên cô không sao cử động được.

Rồi cô nghe thấy một tiếng đoàn lớn khiến cô giật mình kinh hãi.

“Tầng tên lửa đầu tiên đã tách rời,” cô nghe tiếng Nadolski nói.
“Chúng tôi đang tiến vào giai đoạn sau.”

“Tốt lắm, *Ceres*. Chúc may mắn và Chúa phù hộ các bạn!”

Chẳng ích gì khi chống cự lại lực của tên lửa. Họ chỉ có thể để cơ thể tuân theo chuyển động của con tàu. Và khi cô vừa bắt đầu quen với nhịp rung lắc nện lên đầu, thì mọi thứ lại trở nên tĩnh lặng tuyệt đối.

Lúc này cô có thể nhìn một chút ra ngoài cửa sổ bên tay phải, nhưng chỉ nhìn thấy khoảng không đen kịt một màu.

Caitlin tháo đai an toàn và quay sang Mia, Midori và Antoine. Cô móc một cây bút bi từ trong chiếc túi cạnh ghế ra và giơ nó lên trước mặt họ. Rồi cô thả tay. Cây bút chậm rãi bập bênh, trôi lơ lửng ra xa.

Mia với tay lên, khẽ khàng đẩy cây bút một cái, và nhìn nó xoay vòng về phía Midori.

Họ đã bay vào vũ trụ.

2

KHÔNG GIÀN

BIỂN YÊN BÌNH

Gần bốn ngày đã trôi qua trong con tàu đóng kín. Tình trạng không trọng lực không còn gây trở ngại gì cho họ nữa. Ban đầu họ cũng thấy khó thích nghi với điều kiện mới, với việc phải đảm bảo rằng không có gì trôi nổi lung tung trong khoang điều khiển và rằng mọi quy tắc trong ăn uống đều được tuân thủ nghiêm ngặt. Giờ họ đã có thể dễ dàng di chuyển trong tàu. Sự khác biệt giữa trên và dưới đã không còn ý nghĩa; không có trọng lực chẳng có gì để báo hiệu cơ thể đang đứng thẳng hay đang nằm ngang.

Mia đã từng lo lắng việc mất cảm giác về phương hướng sẽ khiến cô bị say, nhưng việc đó chẳng hề xảy ra. Thật may mắn làm sao. Không chỉ vì các nhân viên của NASA chắc chắn đã từ chối cho cô đi nếu họ nghĩ cô có thể bị say, mà còn vì trong một nơi mà bốn phương tám hướng đều lấp đầy các loại thiết bị có tầm quan trọng sống còn và lại không có cách nào ngăn chặn những dịch thể trôi nổi trong không gian như con tàu này, thì việc nôn mửa chắc chắn sẽ gây ra - nói theo cách nhẹ nhàng là - những hậu quả không mấy dễ chịu. Chất nôn sẽ lênh bênh khắp nơi, chậm rãi và nhầy nhụa, và họ sẽ phải thu nhặt nó lại bằng tay từng chút một, trước khi nó dính lên mọi thứ và mọi người, gây ra một thứ mùi không thể chịu đựng nổi - và tệ hơn cả là, có thể khiến tất cả những người còn lại trong phi hành đoàn say theo.

Vào ban đêm họ buộc mình vào giường và ngủ đứng. Ngủ như vậy sẽ đỡ tốn diện tích hơn là nằm xuống. Vào ban ngày họ chen

chúc trong căn phòng điều khiển chật chội và quan sát Chỉ huy Nadolsi, Caitlin, Wilson và Stanton làm nhiệm vụ tính toán, kiểm tra, điều chỉnh, và liên lạc với trạm kiểm soát mặt đất của NASA qua radio. Những đoạn tin nhắn vô nghĩa nối tiếp nhau:

“Houston, đây là *Ceres*. Chúng tôi sẽ chuyển sang 34/5, CR IN PX.”

“Xác nhận, *Ceres*, chuyển sang 34/5, CR IN PX. Sẵn sàng hút van dẫn DMV.”

“Xác nhận. Van dẫn DMV đã hút. TVI đang ở mức 74.56.”

“54-5. Xác nhận. Vui lòng đọc thông số OTY.”

“Rõ. Chờ một chút. Thông số OTY là 54-5, 54-5, 54-5, 89-7, 89-8...”

Ban đầu họ còn thấy thích thú, cố gắng đoán xem những đoạn thông tin đó có nghĩa gì. Nhưng giờ những câu trao đổi qua lại liên miên không dứt qua đường liên lạc chập chờn khiến họ phát chán. Mia cố gắng bỏ ngoài tai tất cả những giọng nói đó.

Các ô cửa sổ trong phòng động đầy hơi nước vì hơi thở của tám người chen chúc trong con tàu. Mia phải thường xuyên lau ô kính mới nhìn được ra ngoài. Nhưng bên ngoài cũng chẳng có gì nhiều để nhìn. Những ngôi sao từng làm cô sững sờ và mê mẩn ngày hôm trước đã bắt đầu trở nên nhàm chán. Chúng chẳng hề thay đổi, chẳng có gì thay đổi cả. Thật kì lạ khi cảm thấy mình hoàn toàn bất động, dù biết rõ rằng thực ra mình đang phóng đi với tốc độ hơn ba mươi ngàn dặm mỗi giờ.

Vài giờ đầu tiên sau khi họ rời khỏi Trung tâm Vũ trụ Kennedy là thời gian tuyệt vời nhất. Cô cùng Midori, Antoine, và Caitlin túm

tụm quanh ô cửa sổ lớn nhất để ngắm nhìn Trái Đất trong khi con tàu bay xung quanh nó. Cảnh tượng thật không thể diễn tả bằng lời. Cô không chỉ thấy rõ mồn một hình dáng của Trái Đất, như thể nhìn một quả bóng, mà còn thấy được tất cả các nước – hầu như tất cả các lục địa. Nước Ý quả thực trông giống một chiếc ủng, và Caitlin đã chỉ cho họ thấy những vụ cháy rừng ở Bồ Đào Nha. Khói vươn cao trên mặt đất thành những dải màu trắng. Điều lạ là họ không thể nhìn thấy bất kì một tòa nhà nào, dù có tới bảy tỉ người sống trên Trái Đất. Không một thành phố lớn nào hiện trong tầm mắt. Như thể cả hành tinh hoàn toàn bỏ hoang.

Nhưng Caitlin đã biết suy nghĩ của cô. “Ban đêm trông khác lắm,” Caitlin nói. “Đến lúc đó cháu mới nhìn thấy ánh đèn ở những nơi có người sống, và còn bao nhiêu phần trên hành tinh không có người ở.”

Khi đó Mia chợt nhớ ra rằng cô vẫn chưa đọc lá thư Sander viết cho mình ở New York hơn ba tháng trước. Mấy ngày đầu ở Houston cô quá bận rộn nên chẳng nhớ được gì ngoài việc huấn luyện. Cô nhớ rằng đã mang lá thư theo khi họ rời khỏi Houston, nhưng sau đó cô đã để nó trong tủ. Giờ cô không nhớ trong lúc vội vã mình có mang lá thư theo hay không. Nhưng hẳn là cô đã mang chứ nhỉ? Cô vội vã lục tìm trong túi đựng đồ cá nhân mà cô được phép mang theo, nhưng không tìm thấy nó. Cô muốn lôi mọi thứ ra để xem lá thư có bị lẫn trong nhật kí hay những thứ linh tinh khác hay không, nhưng cô biết là không thể. Mọi thứ sẽ trôi bập bênh khắp nơi và rất khó thu lại. Những người khác trong phi hành đoàn cũng sẽ chẳng mấy vui vẻ.

Cô đành từ bỏ ý định và chấp nhận rằng có lẽ lá thư của cậu em trai vẫn đang nằm ở Florida. Có lẽ nó cũng chỉ toàn những điều vớ

vẫn, nhưng biết đâu đấy, nó cũng có thể rất thông minh. Sander không giống những đứa trẻ đồng trang lứa khác, nhưng đôi khi nó khiến cô ngạc nhiên vì những khoảnh khắc xuất thần vào lúc cô không ngờ nhất. Nhưng lá thư sẽ phải nằm đó thêm vài tuần nữa. Không ai đọc.

Antoine đang chống tay gà gật sau lưng Mia. Nadolski và Caitlin đang bận rộn với một đồng giấy tờ, vừa mãi mê ghi chép vào những cuốn sổ tay màu đen vừa trao đổi trong tiếng rì rào khe khẽ. Aldrich Coleman, thành viên lớn tuổi nhất trong đoàn, đang ngồi tựa đầu lên hai tay, nhìn ra ngoài cửa sổ. Ông là một người đàn ông năm mươi chín tuổi răn rỏi với bộ râu ngắn và mái tóc thưa thớt. Trông ông có vẻ còn buồn chán hơn cả Mia, và có lẽ thế thật. Ngay lúc này ông cũng chẳng có việc gì để làm. Nhiệm vụ của ông còn chưa bắt đầu cho đến khi họ hạ cánh xuống Mặt Trăng và tiến vào trong căn cứ. Ông chịu trách nhiệm đảm bảo căn cứ hoạt động tốt và mọi người tuân theo quy định. Nhưng cho đến lúc đó, ông cũng chỉ là một hành khách như họ.

Midori đang ngồi đọc sách bên trái Mia. Mia vỗ nhẹ vào vai cô.

“Bạn đang đọc gì đấy?” Mia hỏi, muốn bắt chuyện để giết thời gian.

Midori hạ cuốn sách xuống, lật lại nhìn bìa, như thể chính cô cũng không rõ mình đang đọc gì.

“*Robinson Crusoe*,” cô đáp. “Bạn biết truyện này không?”

“Tôi biết đại khái.”

“Bạn đã bao giờ nghĩ sẽ thế nào nếu cậu bị mắc kẹt trên một hoang đảo chưa? Hoặc sẽ thế nào nếu mọi người trên thế giới biến mất hết, chỉ còn lại một mình cậu, và thứ duy nhất cậu có thể

trông cậy vào là bản thân mình? Cậu có bao giờ nghĩ về những chuyện như thế không? Rằng có thể cậu sẽ không bao giờ được gặp một người nào khác ấy?” Midori không đợi câu trả lời đã nói thêm, “Tớ thì nghĩ đến suốt.”

Caitlin bước đến chỗ họ và chen vào bên cạnh Mia.

“Máy đưa thế nào rồi?”

Mia nhún vai. “Ổn ạ.”

“Thấy cái màn hình kia không?” Caitlin hỏi, chỉ một màn hình nhỏ hiện con số 122 đang phát sáng. Hai cô bé gật đầu. “Số đó có nghĩa là còn một trăm hai mươi hai phút nữa chúng ta sẽ tách rời khỏi *Ceres*. Và thưa các quý cô, thế có nghĩa là chúng ta sắp phải chuẩn bị cho việc hạ cánh lên Mặt Trăng. Thế nên trừ khi mấy đứa có kế hoạch khác hay hơn, cô đề nghị các cháu bắt đầu mặc đồ du hành vào và chuyển đồ sang tàu đổ bộ.”

Cô dành cho họ một nụ cười tươi và thân thiện khi nói câu cuối, nhưng cả Mia lẫn Midori đều không để ý. Họ đã vội quay sang đánh thức Antoine và bắt đầu lật đật chui từ khoang tàu vào nơi cất bộ đồ du hành kín khí của mình.

Một giờ sau đó trôi qua vội vã. Họ bận rộn mặc trang phục du hành, lắp các ống dẫn, khóa các van. Caitlin dẫn họ qua con tàu tới một cánh cửa hình ô-van, nắm lấy tay nắm tròn rất lớn ở chính giữa và vặn ngược lại. Cánh cửa mở ra.

“Vào đi. Cẩn thận đừng đụng phải cái gì nhé. Ngồi vào ghế ở cuối hàng và thắt dây an toàn vào.” Caitlin biến mất trong giây lát rồi quay trở lại cùng những người khác. Từng người lần lượt chui vào con tàu đổ bộ: Midori, Antoine, Caitlin, Mia, Stanton,

Wilson, rồi đến Coleman. Chỉ có Nadolski còn ở lại *Ceres*, xác nhận những chi tiết cuối cùng với Trái Đất.

“Được rồi, Houston, mọi thứ đã sẵn sàng cho việc tách rời. LOWP đang ở mức 6658. *Ceres* sẽ bay tiếp trên quỹ đạo thiết lập sẵn cho đến khi chúng tôi kết nối trở lại sau một trăm bảy mươi hai giờ nữa. Tôi sẽ chuyển sang tàu đổ bộ *Demeter* bây giờ.

“Xác nhận, *Ceres*. Chúc may mắn.”

“Đây là *Ceres*. Hết.”

Sau đó Nadolski bước vào tàu đổ bộ. Mía ngạc nhiên thấy màn hình trong tàu *Ceres* – mới lúc trước còn hiện số 122 – giờ đã cho thấy chỉ còn một phút nữa. Nadolski đóng cánh cửa thép và vặn chặt tay nắm cửa cho đến khi nó được khóa kín. Ông quay lại nhìn bảy con người đang chen chúc trong khoang tàu nhỏ xíu.

“Hi vọng không ai mắc bệnh sợ va chạm.” Ông cười. “Trông các cô cậu cứ như cá mòi đóng hộp ấy.”

Caitlin đeo tai nghe và micro lên. “Houston, đây là *Demeter*. Đã sẵn sàng tách rời.”

“Xác nhận, *Demeter*.”

“Chúng tôi sẽ tách rời trong năm, bốn, ba, hai, một.” Cô bật một công tắc, và một tiếng keng vang lên. “Tách rời thành công,” cô thông báo.

“Tốt lắm, *Demeter*. Các bạn đã có thể hạ cánh.”

Caitlin hướng về phía hành khách. “Được rồi, mọi người. Chúng ta đã sẵn sàng bắt đầu quy trình hạ cánh lên Mặt Trăng. Chúng ta sẽ hạ cánh trong bốn mươi lăm phút nữa. Như mọi người đã biết, tôi là phi công chính trên tàu đổ bộ, và Chỉ huy Nadolski sẽ hỗ trợ

tôi. Điều đó có nghĩa là từ giờ tôi yêu cầu mọi người phải giữ im lặng tuyệt đối cho đến khi tôi cho phép nói chuyện trở lại. Chúng tôi cần phải tập trung tối đa. Đã rõ cả chưa?”

“Rõ,” Mia và Antoine đồng thanh trả lời.

Caitlin tỏ vẻ không hài lòng. “Tôi hỏi lại lần nữa: Đã rõ cả chưa?”

Lần này không một ai đáp lại.

“Tốt. Vậy chúng ta sẽ bắt đầu.”

Bốn mươi lăm phút tiếp theo giống một giấc mơ hơn bất cứ thứ gì. Như thể tất cả đều nín thở. Ngoại trừ tiếng trao đổi thầm thì giữa Caitlin và Nadolski và tiếng thông báo đều đặn từ trung tâm điều khiển ở Houston, cả con tàu chìm trong tĩnh mịch.

Rồi, cảnh vật đột nhiên thay đổi. Từ màu đen trống rỗng, giờ Mia đã có thể nhìn thấy bề mặt màu xám của Mặt Trăng qua ô cửa sổ. Mỗi phút trôi qua, những đường nét của nó hiện rõ dần. Cô thấy những đỉnh núi và thung lũng, những ngọn đồi và khe nứt.

Thế rồi khi con tàu đổ bộ bay sang mặt bên, cô nhìn thấy cảnh tượng phi thường nhất mình từng thấy: cảnh Trái Đất mọc đầu tiên trong đời mình.

Khi hành tinh xanh chậm chậm nhô lên trên đường chân trời của Mặt Trăng, đột nhiên cô nhận ra họ đang ở cách quê nhà bao xa.

Caitlin quay nhìn ba thiếu niên.

“Nào, đến lúc nở nụ cười rồi! Chúng ta sẽ kết nối camera và truyền hình ảnh trực tiếp về Trái Đất từ giờ cho đến khi hạ cánh.” Nadolski bật vài công tắc, và hai chiếc máy quay bật sáng. “Vẫy tay chào mọi người ở nhà đi,” ông nói.

Nhưng không ai vẫy tay. Họ quá mải mê ngắm nhìn cảnh tượng bên ngoài.

“Các bạn đã có thể hạ cánh,” trung tâm điều khiển ở Houston thông báo.

“Hạ cánh trong hai phút ba mươi giây nữa,” Nadolski báo cáo về trạm điều khiển mặt đất.

“Xoay xuống ba độ,” Caitlin ra lệnh, và Nadolski làm theo.

“Hạ cánh trong hai phút nữa.”

Mia đã có thể nhìn thấy bề mặt Mặt Trăng rất rõ, và cô nghĩ mình chưa từng thấy thứ gì vô hồn đến vậy. Khắp nơi chỉ một màu xám. Xám xịt. Xám tro. Không một dấu hiệu của sự sống.

“Một phút!”

Midori bám chặt lấy cô. Antoine dán mắt vào cửa sổ.

“Lạy chúa,” cậu kêu lên. “Tuyệt quá!”

Caitlin trừng mắt nhìn cậu đầy nghiêm khắc. “Antoine, trật tự! Nếu không cậu sẽ phải đi bộ từ đây đấy!”

“Ba mươi giây,” Nadolski thông báo.

“Về phía trước hai độ rưỡi, lệch một chút sang trái.”

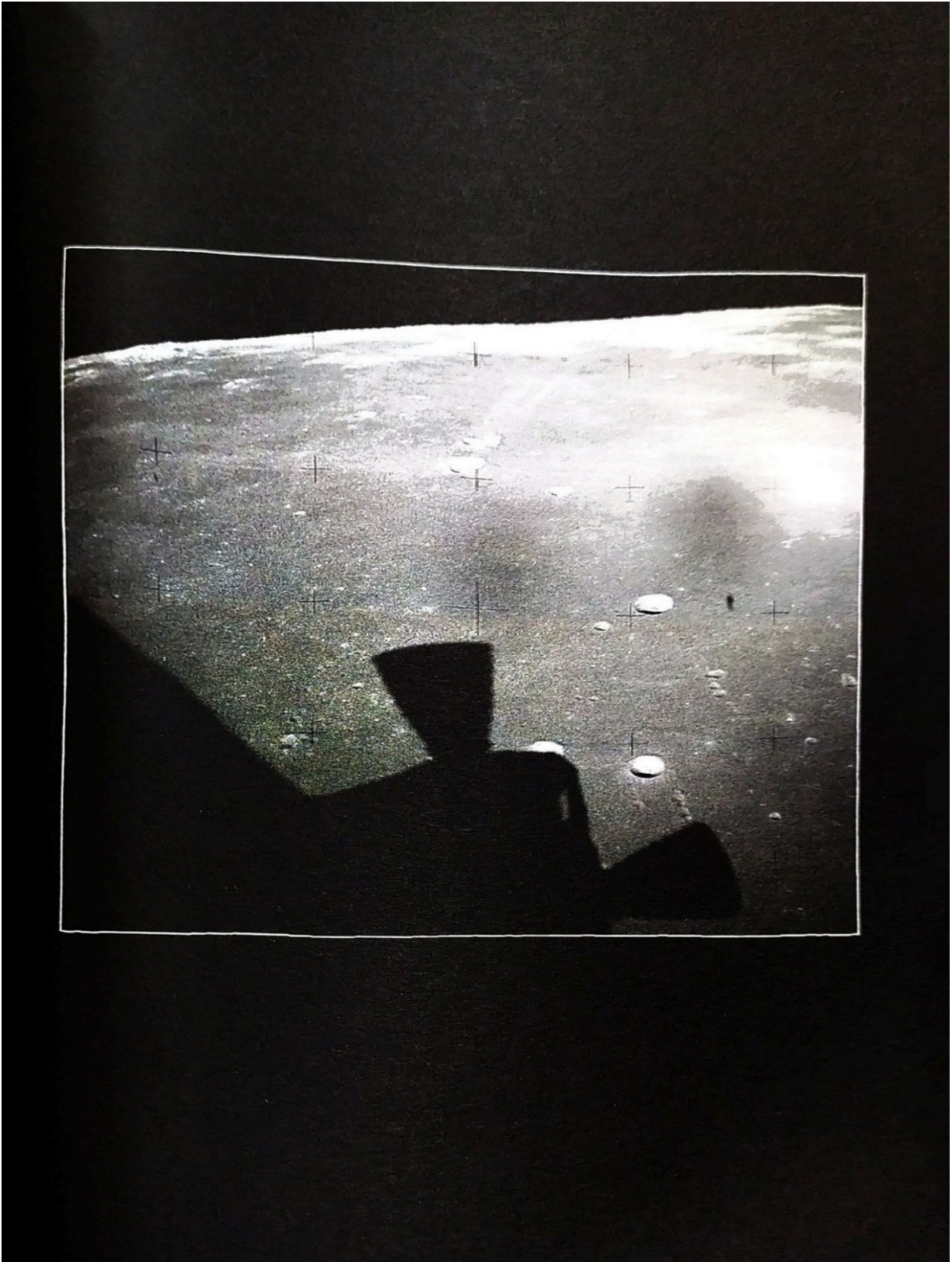
“Mười lăm giây, đã thấy bụi cuốn lên.”

Im lặng đến độ có thể nghe tiếng kim rơi.

“Mười giây.”

Có thể nghe tiếng cỏ mọc.

“Năm giây.”



Có thể nghe thấy suy nghĩ của Chúa.

“Đã chạm đất. Tắt động cơ. Đèn hạ cánh đã bật.”

Caitlin đang đứng đối diện với Mia và Midori trong khi cô tự hào thông báo với trạm điều khiển ở Houston và hàng triệu người chắc chắn đang theo dõi họ qua truyền hình trực tiếp: “Houston, *Demeter* đã hạ cánh xuống Biển Yên Bình.”

Mia nhìn ra ngoài cửa sổ.

Họ đã đến đích.

ALDRIN

Đại úy Nadolski mở cửa tàu sau khi đã kiểm tra từng bộ trang phục của phi hành đoàn và bảo đảm mũ bảo hiểm của họ đã khóa chặt. Coleman cho thoát khí ra khỏi *Demeter* rồi Nadolski vặn van khóa cửa lớn và mở cửa ra chân không.

“Hi vọng Mặt Trăng cho chúng ta thấy bộ mặt thân thiện nhất của mình,” là điều cuối cùng Nadolski nói trước khi quay lưng lại và leo ngược ra khỏi cửa tàu.

Caitlin là người ra tiếp theo. Cô chắt vật một lát mới cảm nhận được các bậc thang nhưng cuối cùng cô cũng đặt được chân lên và leo ra ngoài. Ngay khi chân chạm đất, cô hướng máy quay về phía cửa tàu đang mở để quay lại mọi diễn biến.

Và từng người một lần lượt trèo ra khỏi tàu và xuống bề mặt Mặt Trăng.

Midori khá vất vả tìm chỗ đặt chân. Bộ trang phục quá cồng kềnh khiến cử động của cô gặp khó khăn. Cô phải liên tục ra lệnh cho hai chân để chúng chịu cử động, và ngay cả khi đó chúng cũng không hoàn toàn nghe lời cô. Đột nhiên cô cảm thấy một bàn tay thận trọng đặt chân trái của cô lên thang và cô nghe tiếng Nadolski nói “tôi đỡ được cháu rồi” qua máy bộ đàm. Một phút sau hai chân cô đã đứng trên mặt đất phủ bụi xám.

Điều đầu tiên ập đến với cô là sự yên lặng. Một bầu không khí tĩnh lặng choáng ngợp, đầy chết chóc, như thể âm thanh duy nhất

còn lại trong vũ trụ chính là tiếng thở bị kìm nén của cô. Nó khiến cô có cảm giác mình vừa bước ra khỏi vũ trụ.

Midori tự hỏi liệu ngay lúc này bố mẹ cô có đang theo dõi họ hay không. Có lẽ là có. Sau khi phóng tên lửa họ đã được đưa về Houston cùng bố mẹ của Mia và Antoine, và bây giờ chắc hẳn họ đang ngồi đâu đó trong nhà khách của Trung tâm Vũ trụ Johnson và tự hào khoe rằng người trên truyền hình chính là con gái họ. Không khó tưởng tượng mẹ cô hẳn là luôn luôn lo lắng khi nghĩ đến mọi chuyện có thể xảy ra trên này.

Trước khi trèo ra Mia đã cân nhắc chuyện nói một vài lời được lựa chọn kỹ lưỡng. Cô đã mất nhiều thời gian vắt óc nghĩ một câu nào đó có vẻ phù hợp với dịp này, một câu nói lịch sử. Nhưng cô không thể nghĩ ra được điều gì. Không một từ nào. Và lúc này, đứng trên bề mặt Mặt Trăng, cố gắng điều hòa nhịp tim của mình và lấy lại phương hướng, cô đã hiểu vì sao. Lòng kính trọng mới hình thành của cô đối với Armstrong và Aldrin càng tăng lên. Không một từ nào có thể diễn tả được vẻ đẹp và sự thê lương của nơi này. Nhưng họ đã làm được. Đặc biệt là Aldrin. Ông đã bước ra khỏi con tàu đổ bộ Mặt Trăng và báo về Trái Đất những từ đắt nhất: *Tráng lệ. Vẻ hoang lương tráng lệ.*¹³

Antoine là người cuối cùng ra khỏi con tàu đổ bộ. Cậu là người dành nhiều thời gian nhất trong Phòng thí nghiệm Neutral Buoyancy ở Houston, và cậu bước ra khỏi con tàu như một phi hành gia chuyên nghiệp. Không do dự, không chút khó khăn; cậu ung dung bò ngược ra, tìm thấy chiếc thang, và dễ dàng bước xuống đất. Cậu nhìn quanh một vòng như thể để chắc chắn rằng mình đã đến đúng chỗ và giơ ngón cái ra hiệu với Nadolski. Họ đều đã ở đây, đếm đủ mặt đếm đủ tên, tất cả đã sẵn sàng.

Và đúng lúc đó một ý nghĩ chợt đến với Antoine, đột ngột không báo trước, nhưng rõ ràng như sấm dậy. Nó giống một chân lí được tuyên bố hơn là một phát hiện thông thường. *Chúng ta không thuộc về nơi này. Không hề.* Nhưng cậu ngậm chặt miệng và giữ suy nghĩ đó trong lòng.

Nadolski hướng dẫn họ cách di chuyển dễ dàng nhất trong trường trọng lực yếu của Mặt Trăng. “Cứ tưởng tượng các cháu đang ở dưới nước. Còn nhớ lúc huấn luyện trong bể không? Tốt. Cách dễ nhất là rướn người về phía trước một chút, nhưng đừng rướn quá. Nếu bị ngã trong bộ đồ du hành này, các cháu sẽ không tự đứng dậy được đâu. Và làm ơn đừng có nhảy lung tung nữa, Midori!”

Nadolski để họ tập vài phút trước khi ra dấu cho Aldrich Coleman.

“Được rồi. Mọi người đã tập trung đầy đủ rồi chứ. Vậy chúng ta về căn cứ nào,” Coleman nói.

Trước đó Mia không hề chú ý, nhưng sau khi Coleman dẫn họ rời khỏi chỗ con tàu đổ bộ, cô đột nhiên nhận ra một tòa kiến trúc lớn cách họ vài trăm bước.

Coleman nhận thấy Mia đang nhìn không chớp. “Đúng vậy, đây chính là DARLAH 2,” ông nói. “Có đẹp không nào?”

Cô nhún vai, đưa mắt dò xét tòa nhà màu trắng. Thật khó miêu tả trông nó giống thứ gì. Có lẽ là một container chở hàng màu trắng, thon dài, lớn quá khổ chăng? “Không biết gọi thế là ‘đẹp’ có đúng không nữa,” cô đáp.

“Ồ, cứ đợi mà xem. Rồi cháu sẽ thấy nó đẹp thôi. Một khi cháu đã ở đây vài ngày rồi ấy. Hơn nữa, tôi bảo đảm ở trong đó tốt hơn

sa mạc ngoài này nhiều.”

“Thế đã có chuyện gì với cái đầu tiên ợ?”

“Ý cháu là sao?” Coleman hỏi.

“Ý cháu là, nếu căn cứ này tên là DARLAH 2... thế thì DARLAH 1 đâu ợ?”

Mặt Coleman thoáng sầm lại, ông ngáp ngừng giây lát rồi đáp bằng giọng nghiêm nghị. “Chuyện đó chúng ta sẽ nói sau.” Ông chỉ nói có vậy rồi quay mặt hướng về phía những người còn lại: “Khẩn trương lên nào. Chúng ta phải vào trong trước khi mặt trời chiếu quá gắt.”

“Mọi người chú ý,” Mia nghe tiếng Caitlin qua bộ đàm, nói với những người đang xem truyền hình trực tiếp từ Trái Đất, “các bạn đã sẵn sàng cho tiết lộ lớn chưa? Như các bạn có thể thấy, chúng tôi đã đến nơi an toàn, và đang trên đường tới căn cứ DARLAH 2. Đây là căn cứ cố định tại Mặt Trăng nơi chúng tôi sẽ ở trong một trăm bảy mươi hai giờ tới.”

Trong khi họ chậm chạp tiến về căn cứ, Caitlin kể lại một đoạn lịch sử đã được giữ bí mật với cả thế giới trong suốt nửa thế kỉ.

“DARLAH 2 gồm có bốn mô-đun được xây dựng và vận chuyển đến Mặt Trăng bằng tàu vũ trụ của NASA. Bốn đội phi hành gia, mỗi đội gồm bốn người, cùng sự giúp đỡ của các xe thám hiểm Mặt Trăng và người máy cao cấp, đã lắp đặt căn cứ này trong nhiều năm trong khoảng giữa thập kỉ bảy mươi trong một chương trình tên là Chiến dịch DP7. Sự tồn tại của chiến dịch này được giữ bí mật với công chúng, vì cả NASA lẫn chính phủ Mỹ đều lo ngại rằng phía Xô Viết sẽ không tin lí do xây dựng một căn cứ cố định trên Mặt Trăng hoàn toàn không liên quan đến việc đưa vũ khí vào

vũ trụ. Căn cứ này được xây dựng với dự định làm cơ sở nghiên cứu để khai thác khoáng sản hiếm và làm trạm chung chuyển cho các chuyến bay tới Sao Hỏa trong tương lai, mà vào thời điểm đó NASA cho rằng sẽ thực hiện được vào cuối thập kỷ chín mươi. Các phi hành gia của chiến dịch DP7 tiến hành công việc tại trạm vũ trụ Skylab, trạm vũ trụ này đã chính thức bị phế bỏ vào năm 1974. Vào năm 1979, khi công việc trên Mặt Trăng hoàn thành, Skylab được cố ý cho bay vào bầu khí quyển của Trái Đất, và bốc cháy trên bầu trời Australia. Điều thú vị là các phi hành gia chưa bao giờ bước vào DARLAH 2 trong suốt thời gian lắp đặt nó trên Mặt Trăng. Các mô-đun của căn cứ được khóa chặt để không gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Các phi hành gia phải sống trong các khoang chật chội trên con tàu đổ bộ của họ khi ở trên Mặt Trăng, làm việc theo ca. Không may là NASA không bao giờ cử người lên Sao Hỏa, vì vậy căn cứ này cứ nằm đắp chiếu ở đó suốt bấy lâu. Một góc bảo tàng được giấu rất kĩ. Cho đến nay.”

“Đến nay à?” Mia hỏi.

“Đúng vậy, NASA, cùng các cơ quan vũ trụ của Nhật Bản, châu Âu, và Nga, đang lên kế hoạch bắt đầu sử dụng nơi này.”

“Vậy là tốt cuộc chúng ta cũng sẽ lên Sao Hỏa à?”

“Trong thời gian gần thì chưa đâu. Chúng ta sẽ phải ở trên tàu vũ trụ sáu tháng mới tới được đó. Cộng thêm sáu tháng quay trở về nữa. Kế hoạch là sử dụng DARLAH làm căn cứ cho việc tìm kiếm tantali 73, một chất kim loại chuyển tiếp rất hiếm được sử dụng trong máy tính và phát triển công nghệ siêu nhỏ. Nhưng nói về chuyện này như vậy là đủ rồi, điều quan trọng hơn ở đây là: *các cháu.*” Caitlin chỉ vào Midori, Mia, và Antoine. “Ba bạn trẻ này sẽ

là những người đầu tiên bước vào căn cứ kể từ khi nó rời khỏi Trái Đất dưới dạng các bộ phận riêng rẽ.”

Cô ấy có chất giọng thật hoàn hảo cho tivi, Mia nghĩ. Như thế cô ấy sinh ra cho công việc này vậy.

“DARLAH 2 có diện tích hai mươi ba nghìn tám trăm linh tám mét vuông, chia thành bốn mô-đun và một máy cấp ôxy. Căn cứ có một phòng khách, một phòng thông tin liên lạc, sáu phòng ngủ, một phòng tắm, một nhà kho, và một phòng y tế. Nó còn có một nhà kính nối với máy cấp ôxy, không chỉ đóng vai trò sản xuất ôxy mà còn cung cấp đủ thực phẩm cho các phi hành gia trong thời gian dài. Theo kế hoạch DARLAH 2 có thể làm nơi ở cho các phi hành gia tiến hành nghiên cứu trên Mặt Trăng trong tương lai và cho các phi hành gia sẽ đi tiếp đến Sao Hỏa.”

Caitlin quay camera xuống đất và nói tiếp. “Chúng ta đang có mặt tại một thời điểm lịch sử, có lẽ là thời điểm quan trọng nhất trong lịch sử. Chính tại điểm này vào 20 tháng Bảy năm 1969, tàu *Apollo 11* đã hạ cánh. Dấu giày của phi hành gia Buzz Aldrin vẫn còn in rõ trên mặt đất.”

Tất cả sướng sốt nhìn dấu giày không chớp. “NASA đã quyết định lưu giữ dấu chân của Aldrin như một tượng đài chính thức đánh dấu lần đổ bộ lên Mặt Trăng đầu tiên.” Caitlin đặt một chiếc lồng thủy tinh trong suốt lên trên dấu chân để ngăn các phi hành gia khác phá hỏng dấu chân lịch sử này. “Vì ngoài này là môi trường chân không, nên dấu chân này sẽ được giữ nguyên trong hàng triệu năm sắp tới. Cũng như dấu chân của chính chúng ta sẽ còn lại đây mãi mãi, vì sẽ không có mưa, tuyết hay gió xóa mất chúng.”

Cách dấu chân vài mét, Midori tìm thấy một thứ mà ban đầu cô nghĩ là rác. Vài vật thể màu trắng nằm vạ vật trong lớp bụi. Cô bước vài bước khỏi nhóm để kiểm tra cho rõ. Có vẻ chúng là các bộ phận của một con tàu đổ bộ, trông cũng tương tự như con tàu của họ. Có lẽ chúng bị bỏ lại trong lần đổ bộ đầu tiên.

“Cô Caitlin!” Cô gọi qua micro gắn trong mũ bảo hiểm. “Cô tới đây một lát được không?”

Caitlin nhanh chóng chạy tới cùng chiếc máy quay trong tay. “Ồ, nhìn này. Đây là khung gầm của tàu đổ bộ *Eagle*. Họ đã bỏ nó lại đây để giảm bớt sức nặng của tàu. Armstrong và Aldrin ấy mà. Những thứ còn lại quanh cháu cũng vậy. Họ đã bỏ lại mọi thứ họ không cần đến nữa.”

Trong đồng đồ bị bỏ lại có hai vật khiến Midori chú ý: một đôi ủng du hành. “Còn cái này thì sao ạ?” Cô hỏi.

Caitlin bước tới gần hơn và chiếu sát camera vào chúng. “Đúng rồi. Đây chính là đôi ủng của Buzz Aldrin. Ông ấy cũng bỏ chúng lại.”

Midori nghi ngờ. “Ý cô là ông ấy trở lại Trái Đất chỉ với đôi tất thôi ư?”

“Ừm, thực ra ông ấy còn có một lớp ủng cách nhiệt bên trong nữa, nhưng... đúng vậy.”

“Có khi nào cả đôi ủng này cũng phải giữ lại đây mãi mãi không ạ?” Midori hỏi.

Caitlin ngẫm nghĩ. “Hừm, cô không biết nữa. Houston? Kế hoạch cho đôi ủng của Aldrin là gì?”

Họ đợi một lúc mới có tiếng trả lời từ trạm điều khiển mặt đất.

“Không có... ừm... kế hoạch đặc biệt nào cho chúng cả,” tiếng trả lời vọng lại chập chờn qua loa bộ đàm.

“Tuyệt,” Midori đáp, nhặt lấy đôi ủng. “Vậy thì cháu sẽ lấy. Đôi ủng quá ngẫu đi ấy, dù là hơi rộng một chút.” Cô quay lại và thận trọng bước về với cả nhóm.

“Houston, một trong mấy đứa trẻ vừa lấy đôi ủng của Aldrin khỏi bề mặt Mặt Trăng rồi!” Caitlin kêu lên.

Đầu dây bên kia yên lặng một hồi lâu. “Ờ,” cuối cùng tiếng đáp lại cũng vang lên, “Đáng lẽ ông ấy phải nghĩ kĩ hơn một chút trước khi vứt đồ đi. Cứ để cô bé giữ nó. Ít nhất là đến khi mọi người trở lại Trái Đất.”

“Rõ,” Caitlin đáp và bước trở lại chỗ Midori. Cô bé đang định cởi ngay đôi ủng của mình để đi đôi của Aldrin vào.

“Nếu là cô thì cô sẽ không làm vậy đâu,” Caitlin giữ tay Midori lại và bình tĩnh nói. “Cháu không có lớp ủng rời bên trong giống như của Aldrin. Tức là, lớp ủng cách nhiệt của cháu được gắn liền với đôi ủng chính. Còn bên trong nó cháu chỉ có mỗi đôi tất thôi. Nhiệt độ ngoài này đang là một trăm hai mươi độ C. Đó không phải là nhiệt độ có thể cởi đồ được đâu.”

“Cô nói đúng.” Midori dừng lại ngay lập tức. “Cám ơn cô.”

“Không có gì. Nào, chúng ta vào đi.”

Midori theo chân Caitlin tiến về căn cứ, cùng những người còn lại theo sau, Mia đi cuối cùng. Cô đã thấy Midori lấy đôi ủng du hành cũ và không khỏi cảm thấy một chút ghen tị. So với nó đôi ủng lính dù Ý của cô chẳng là gì – đây là một thứ hoàn toàn khác!

Nhưng có lẽ ít nhất cô sẽ được giữ đôi ủng cô đang đi lúc này. Nó cũng không tệ lắm.

Cứ đi được bốn, năm bước Mia lại quay đầu nhìn những dấu chân cô để lại sau lưng. Lúc này những dấu chân đã xếp dày trên mặt đất. Hai mươi dấu chân nối đuôi nhau trong lớp bụi Mặt Trăng. Cô tự hỏi Aldrin đã cảm thấy thế nào khi ông trở thành một trong những người đầu tiên để lại dấu chân ở một nơi ngoài Trái Đất.

Mia chưa kịp nghĩ đến điều gì khác thì Caitlin đã dừng lại. Trước mắt họ hiện ra một tòa nhà khổng lồ màu xám trắng với logo của NASA gắn bên trên. Nó chỉ có một tầng, nhưng từ nơi cô đứng, cô thấy nó vươn ra mọi phía trong một búi những hành lang và chái nhà rộng tới vài trăm thước bề ngang. Một mái nhà hình vòm rất lớn cao dần về trung tâm, và phía sau nó cô thấy một máy cấp oxy – cao ít nhất hai mươi một mét – bảo đảm rằng họ sẽ có nguồn dưỡng khí vô tận khi ở trong nhà.

Nadolski tiến lên dẫn đầu, nhập mã số lên bảng điều khiển ở bên trái cánh cửa lớn đánh số cửa số 1, rồi vịn một tay nắm lớn để mở cửa. Mia ngạc nhiên thấy cánh cửa chuyển động êm ru, không một tiếng ồn. Cô cứ đinh ninh mình sẽ nghe thấy tiếng cọt kẹt, rền rĩ. *Đây là tại môi trường chân không, Mia nghĩ. Vì thế nên mình mới không nghe thấy gì.*

Sau đó là một suy nghĩ – cô không hiểu đến từ đâu – nhưng nó đã len được vào ý thức của cô và khiến cô khiếp sợ: *Trong không gian, sẽ không ai nghe thấy tiếng mày hét.*

Sau giây phút do dự, Mia bước theo Nadolski vào phòng giảm áp cùng những người khác. Ông đóng cửa sau lưng họ và cân bằng

áp suất để họ có thể tháo mũ bảo hiểm và hít thở không khí trong căn cứ.

Họ đã vào trong DARLAH 2.

TÊN GỌI

Họ đặt ông Himmelfarb vào chiếc ghế trước tivi trong phòng của ông. Đôi khi họ làm thế khi không có đủ điều dưỡng viên để trông coi tất cả người bệnh. Lần nào cách này cũng có hiệu quả tuyệt vời. Các cụ già ngồi ngay ngắn và ngoan ngoãn và hoàn toàn quên mất thời gian lẫn không gian lẫn thực tế rằng họ đã không được tắm mấy ngày liền.

Ông Himmelfarb đang phấn khích và vui mừng. Ông đang xem một chương trình trò chuyện trên truyền hình, và máy quay vừa lướt một vòng qua khu vực khán giả. Bằng cách nào đó, ông đã hình thành một suy nghĩ trong đầu rằng họ đều ghé lại nhà ông để khiến ông ngạc nhiên và uống cà phê trong phòng của ông. Ông bắt đầu lục lọi quanh các ngăn tủ của mình tìm chén đĩa để phục vụ các vị khách đó và bày đám ly tách ngay ngắn trên giường. Ông quẳng bó hoa trên bệ cửa sổ đi và rót nước từ bình hoa vào mấy chiếc chén.

“Xin mời,” ông lúng búng nói trong miệng, hướng mắt về phía tivi với vẻ quan tâm. Nhưng đám khán giả vẫn ngồi đó. Sao họ không đứng dậy?

Không có đủ chén cho tất cả mọi người – đó chính là vấn đề. Ông đặt đôi giày, chiếc mũ, chiếc dài, và những tấm ảnh treo trên tường thành hàng trên giường. Ông hứng đầy bình nước rồi rót vào đôi giày. *Đấy nhé*. Ông quay lại nhìn màn hình. Sao khách của ông không muốn đứng dậy?

Ông Himmelfarb ngồi phịch xuống ghế và ngồi đó suốt nửa giờ cho đến khi một điều dưỡng viên bước vào kiểm tra và thấy giường của ông bày đầy đồ đạc. Cô cẩn trọng đặt tay lên vai ông. “Ông lại có khách đấy à?” Cô dịu dàng hỏi.

Ông Himmelfarb lẳng lặng gật đầu.

Cô điều dưỡng viên chuyển kênh, và đám khán giả biến mất.

“Đấy. Ông thấy không, họ lại đi rồi, đi hết cả rồi.” Cô thậm chí không nhận ra rằng ông lão đang khóc.

Một thước phim tài liệu mới về không gian vừa bắt đầu trong khi cô điều dưỡng viên cất mọi thứ trên giường đi. Các cảnh quay loạn xạ diễn ra trên màn hình trước mặt ông Himmelfarb. Những hình ảnh tư liệu cũ kĩ cho thấy các nhà khoa học làm việc cật lực để lắp ráp những mảnh thiết bị khác nhau và tiến hành nhiều đợt thử nghiệm. Không dễ để hiểu được họ đang làm gì, hay các bức ảnh được chụp ở đâu, và giọng thuyết minh cũng chẳng hề nhắc đến điều đó. Nó đang bận giải thích lịch sử của chương trình thám hiểm không gian của Mỹ, đưa ra các số liệu thống kê về chi phí, quy mô, và độ phức tạp của chương trình. Ông Himmelfarb không tiếp nhận được một chút thông tin nào, nhưng mắt ông vẫn dán chặt vào màn hình.

Trong ông dần hình thành một linh cảm mơ hồ rằng ông nhận ra một số khuôn mặt đang mỉm cười với ông trong một tấm ảnh trên màn hình. Ông biết bức ảnh đó được chụp ở đâu thì phải? Nó được chụp ở một nhà chứa máy bay của đài quan sát Goldstone, và những người đứng ở hàng đầu đã làm việc cho một dự án tại đó... Dự án về cái gì nhỉ?

Ông cố nhớ lại. Người đứng giữa bức ảnh là người đứng đầu dự án; khi đó anh ta mới ngoài hai mươi tuổi. Nhưng... người ta để anh ta chịu trách nhiệm vì... vì anh ta biết một điều gì đó, đúng vậy không? Đúng là như vậy. Anh ta đã tiến hành một số tính toán đáng chú ý ở trường đại học và được gọi đến Goldstone làm việc cho cái được gọi đơn giản là “vấn đề Mặt Trăng”. Tên anh ta là gì ấy nhỉ? Cohen? Không... Kaufman? Cũng không phải.

Ông Himmelfarb lại bắt đầu thấy đầu óc rối tung lên. Ông thấy khó mà tập trung được, nhưng vẫn cố gắng. Bức ảnh này, nó thể hiện điều gì? Ông soi xét nó kĩ hơn, cố gắng nhìn kĩ tòa kiến trúc làm nền sau lưng những người trong ảnh.

Bức ảnh biến mất và được thay bằng một tấm mới chụp từ một góc độ khác. Giọng thuyết minh giải thích rằng trong ảnh là chiếc xe thám hiểm Mặt Trăng nổi tiếng, gọi tắt là LRV, được chụp cùng nhóm chuyên gia đã thiết kế và chế tạo nên nó tại nhà máy Boeing ở Illinois. Nhưng thực ra không phải thế. Tấm ảnh này được chụp ở Goldstone. Chắc chắn là như vậy. Ông Himmelfarb tiếp tục lục tìm trong trí nhớ tên của người đàn ông kia, nhưng giờ thì việc đó đã hoàn toàn không thể. Collins? Không. Kleinmann? Ông không chắc lắm. Một bức ảnh thứ ba hiện trên màn hình, lần này chụp từ đầu kia của căn phòng. Đó là một bức ảnh chụp mặt sau của chiếc xe LRV và lưng của các “nhà khoa học”.

Nhưng đó chính là thứ đột nhiên khiến ông Himmelfarb khiếp đảm.

Nỗi khiếp hãi ập đến khi ông nhìn thấy một cánh cửa để ngỏ nằm ở nền bức ảnh. Đó không phải là phần quan trọng trong bức ảnh, nhưng lại thu hút ánh mắt của ông. Ông chỉ thoáng nhìn thấy cái bóng mờ của một người thấp lùn ôm một hộp dụng cụ

đứng ở ngưỡng cửa. Mặt anh ta không hiện rõ, và chỉ ai biết trước là anh ta đang đứng ở đó mới có thể để ý thấy anh ta. Nhưng ông Himmelfarb nhận ra đó là ai. Và ông cũng nhận ra người đó đang hoảng hốt.

Vì người trong ảnh đó chính là ông.

“Nào,” cô điều dưỡng viên nói và tắt tivi. “Ông không được thức xem tivi cả đêm đâu.”

Ông Himmelfarb ngồi đó, mắt nhìn trân trân vào màn hình đen ngòm, nhưng chỉ nhìn thấy chính mình. Như thể ông đang cười nhạo chính mình từ hình phản chiếu trên tấm kính, một nụ cười chế nhạo đầy khinh bỉ của một ông lão điên khùng. Ông nhắm mắt lại vài giây rồi lại mở ra. Giờ thì ông chỉ thấy một khuôn mặt buồn bã đang nhìn lại mình. Khuôn mặt của con người cô đơn nhất trên Trái Đất.

Tiếng máy nhắn tin của cô điều dưỡng viên vang lên trong túi áo và cô ta móc nó ra. “Ông ngồi đây một lát được không ông Oleg? Cháu sẽ quay lại giúp ông đi ngủ trong hai mươi phút nữa.” Rồi cô ta rời khỏi phòng mà không chờ ông trả lời.

Nhưng ông Himmelfarb còn không nhận ra rằng cô ta đã ra ngoài. Dường như có một công tắc tí hon vừa bật lên trong ý thức của ông. Trong nháy mắt, mọi đầu dây thần kinh trong não ông như nối liền trở lại, nối liền thực sự, và nhận thức tràn về với ông như một đợt sóng thần.

Đây là nơi mình sống, ông nghĩ.

Đây là đồ đạc của mình.

Mình đang sống trong viện dưỡng lão ư?

Ông chậm chậm bước về phía chiếc gương mà cô điều dưỡng viên vừa treo trên bồn rửa mặt trước khi ra ngoài, và soi lại mình. Nước mắt chảy xuống má ông khi ông nhìn thấy khuôn mặt già nua đang giương mắt nhìn lại mình. Đường như bao nhiêu năm tháng tiếc thương vợ con, tiếc thương cả cuộc đời mình, tiếc thương chính con người mình trước đây, đều dồn lại trong một khoảnh khắc choáng ngợp ấy. Mọi cánh cửa trong tâm trí ông cùng mở rộng, và não ông trở nên tỉnh táo và rõ ràng như pha lê.

Coleman. Tên anh ta là Coleman. Không phải Cohen, cũng không phải Kaufmann. Là Coleman.

Tiếp đến là một trận lụt kí ức. Ông nhớ lại mọi chuyện đã xảy ra ở Goldstone vào cái ngày bức ảnh kia được chụp. Nó tràn về trong ông, khiến ông gần như đứng không vững.

Ông nhớ ra Coleman, những bản báo cáo, những sự kiện trên Mặt Trăng. Ông có thể tưởng tượng rõ ràng bức ảnh cũ kĩ mà các phi hành gia của *Apollo 17* đã chụp trên các cao nguyên của Mặt Trăng trong khi tiến hành các hoạt động ngoài không gian. Coleman là người đã cho ông xem bức ảnh đó vào một buổi chiều mùa thu năm 1979, và chỉ nghĩ về nó thôi đã khiến ông rùng mình.

Bức ảnh chụp phi hành gia Eugene Cernan đang trèo lên chiếc xe LRV. Trông anh ta có vẻ vụng về, lúng túng như thể đang vội vã và đang cố chạy bán sống bán chết. Và cách anh ta chưa đến ba mươi mét về phía sau, trong thung lũng Taurus-Littrow chính là lí do. Một cái bóng tối sẫm với những đường nét nhạt nhòa, nhưng rõ ràng không mặc đồ du hành mà chỉ mặc quần áo thông thường, đang tiến về phía anh ta. Ông Himmelfarb đã gặp Eugene vài lần. Một anh chàng dễ mến, nhưng không may đã không bao giờ trở lại bình thường như trước sau nhiệm vụ Apollo đó.

Nguyên nhân có thể liên quan đến thực tế rằng cái bóng đang tiến về phía chiếc xe trong nền bức ảnh có vẻ ngoài giống bản thân Eugene đến kinh ngạc.

DARLAH. Họ sắp bắt đầu sử dụng căn cứ đó.

Nhưng chúng ta đã nhất trí sẽ không bao giờ quay lại.

Không bao giờ.

Ông lôi ví ra khỏi túi áo khoác và tìm thấy đôi giày đặt cạnh tủ. Thận trọng cử động để không gây tác động đột ngột lên cơ thể già yếu của mình, ông cúi xuống nhặt đôi giày lên, ngồi xuống mép giường và mang giày vào, rồi ra khỏi phòng. Ông bước dọc hành lang nhanh hết sức mình, tiến về phía chiếc điện thoại công cộng cạnh cầu thang.

Vẫn còn thời gian. Họ vẫn còn kịp hủy bỏ nhiệm vụ và quay về nếu chưa hạ cánh.

Mình phải cho họ biết mọi chuyện. Tất cả mọi chuyện.

Ông không thấy ai trên hành lang. Một vài điều dưỡng viên đang bận rộn chăm sóc bệnh nhân ở cánh bên kia của viện dưỡng lão, nên ông có thể thoải mái sử dụng điện thoại ngoài sảnh.

Hai tay run rẩy, ông nhét vài đồng xu vào máy, và quay số tổng đài cũ của Goldstone. Ông không hề nhận ra việc ông đột nhiên mình mẫn đến độ có thể nhớ cả số điện thoại đáng kinh ngạc đến mức nào. Nhưng điều đó cũng không quan trọng, trí nhớ ấy chẳng có ích gì.

“Số máy quý khách vừa gọi hiện không còn được sử dụng.”

Tất nhiên rồi. Đã bao lâu rồi ông không gọi đến đó. Tất nhiên bây giờ ở đó đã dùng số điện thoại khác rồi.

Ông lật giở cuốn danh bạ treo bằng dây thép bên cạnh chiếc điện thoại.

K.L.M.N.

Đây rồi. *N.*

NASA.

Ông tìm thấy số điện thoại của Trung tâm Vũ trụ Kennedy và quay số.

Ông nghe thấy một đoạn băng ghi âm, một loạt lựa chọn. Quá nhiều lựa chọn. Quá rắc rối. Ông thử bấm số 0 với hi vọng một nhân viên trực tổng đài sẽ nhắc máy. Nhưng không... chỉ một giọng ghi âm máy móc, vui tươi đến kì quặc vang lên.

Ông nhìn đồng hồ. Lẽ ra giờ này phải có người ở đó chứ.

Ông thử gọi lần nữa, nhưng dù ông có bấm số nào, ông cũng không thể gặp được lấy một người.

Nỗi sợ hãi và tuyệt vọng bắt đầu choán lấy tâm trí ông và ông đập mạnh xuống chiếc máy điện thoại. Ông cảm thấy trái tim đang đập dồn dập và lồng ngực ông đau nhói. *Mũi Canaveral*, ông chợt nghĩ ra. *Mình sẽ gọi thử cho Mũi Canaveral.* Ông lại lật cuốn danh bạ, tìm thấy số máy và gọi.

Một người đàn ông trẻ trả lời.

“Trạm Không quân Mũi Canaveral xin nghe, tôi có thể giúp gì cho ngài?”

Đáng lẽ khi đó ông Himmelfarb phải bắt đầu giải thích. Ông phải giải thích mọi chuyện, tất cả những gì ông biết, những gì họ cần làm, vì sao họ phải hủy bỏ nhiệm vụ ngay lập tức. Rằng ông cần nói chuyện trực tiếp với Tiến sĩ □□□ càng sớm càng tốt.

Nhưng ông không thể thốt ra một lời nào.

Trí nhớ của ông đã trở lại, nhưng trung khu ngôn ngữ trong não ông không chịu nghe lời. Không có gì phát ra từ miệng ông trừ những tiếng ú ớ, mặc cho ông vật lộn để phát âm mọi điều muốn nói.

“Xin hỏi, tôi có thể giúp được gì cho ngài không ạ?”

Ông cuống quýt cố gắng hơn nữa. Nhưng vô ích.

Đừng làm thế với tôi. Xin đừng làm thế với tôi.

“Ngài còn ở đó không ạ?”

Hãy cho tôi nói một câu thôi. Xin hãy để tôi cảnh báo họ. Tôi chỉ xin có thể thôi.

“Thưa ngài, tôi phải gác máy đây ạ.”

Không, đừng, đừng. Cho tôi một chút thời gian thôi.

“Tạm biệt.”

Chết tiệt!

Một đợt sóng giận dữ khổng lồ dâng lên trong ông khiến ông suýt ngất xỉu. Ông bắt đầu tấn công chiếc điện thoại bằng ống nghe trong tay với một sức lực mà chính ông cũng không ngờ đôi

tay già nua của mình có được. Ông đập thành những vết nứt to tướng trên lớp vỏ nhựa, mảnh vỡ bay tứ tung. Rồi ông giật mạnh ống nghe, lôi tuột mớ dây nhợ ra ngoài, nhưng vẫn chưa dừng lại. Cả chiếc ống nghe cuối cùng đã vỡ vụn trong tay ông, rơi lả tả xuống sàn. Nhưng ông Himmelfarb vẫn tiếp tục đập phá chiếc điện thoại bằng hai nắm tay không. Ông lao vai mình vào chiếc đĩa kim loại ở mặt trước, khiến tiền xu tràn ra và rơi xuống sàn tạo ra tiếng leng keng ầm ĩ. *Đã quá muộn rồi*, ông nghĩ, hai tay ôm đầu. Hai cánh tay ông đau nhói khi ông lao cả cơ thể vào chiếc điện thoại. Nó rời ra khỏi tường, treo lủng lẳng trong một giây rồi rơi xuống sàn nhà đánh xoảng. Ông Himmelfarb đứng cạnh nó trong yên lặng cho đến khi các điều dưỡng viên hốt hải chạy đến. Nhưng khi đó, ông vẫn chỉ nghĩ được một điều:

Họ không được trở lại.

Họ phải tránh xa nơi đó.

Không bao giờ được quay trở lại.

DARLÁN 2

Antoine đưa tay lên cổ, mò mẫm tìm chốt khóa mũ bảo hiểm.

“Chờ chút, để tôi giúp cháu.” Coleman bước đến giúp cậu tháo chốt. “Được rồi đây.”

Antoine tháo chiếc mũ khỏi đầu và hít một hơi.

Trong không khí có thứ gì đó. Cậu nhận ra điều đó ngay khi bước từ phòng giảm áp vào mô-đun đầu tiên trong căn cứ cũ kĩ. Không khí có vẻ cũ, ngọt ngào, như thể nó đã từ bỏ ý nghĩ rằng sẽ có ngày có người hít thở nó. Ở nơi này chẳng có gì chuyển động ngoại trừ thời gian. Những bức tường màu trắng ngà lấp đầy các loại thiết bị và đồ điện rõ ràng đã có từ những năm bảy mươi. Các màn hình lớn với những màu sắc và hình hiển thị khác nhau nhấp nháy trong khi họ di chuyển vào mô-đun hai. Các máy tính lỗi thời đang phát ra những mã số và dòng thông tin mà không một ai hiểu được nội dung.

Ngoài những thứ đó ra là sự im lặng đến nhức nhối, chỉ có tiếng ủng của họ nện trên nền nhà bằng thép, vang vọng lại khắp nơi theo từng bước chân. Antoine cảm thấy như mình đang ở trong một nhà thờ, và cậu phải tỏ lòng thành kính và nghiêm trang. Nhưng rồi dòng suy nghĩ của cậu bị một suy nghĩ khác, đen tối hơn mà cậu không thể giải thích, cắt ngang.

Chúa không có ở đây. Chúa thậm chí còn không hề biết về nơi này.

“Tôi đề nghị chúng ta chia thành hai nhóm,” Caitlin nói với Nadolski. “Tôi sẽ phụ trách bọn trẻ. Anh đưa Wilson, Stanton, và Coleman vào phòng thông tin liên lạc và báo cáo về Trái Đất.”

Nadolski bực dọc gật đầu. Thực ra ai mới là người chỉ huy ở đây chứ? Là ông cơ mà? Ông mới là chỉ huy của cả nhiệm vụ này. Vậy mà giờ thì Caitlin, chỉ một phi công bình thường, lại đang nắm dây cương.

“Được,” ông trả lời cộc lốc, ra hiệu cho ba người kia đi theo mình. Caitlin đưa máy quay cho Antoine và bảo cậu ghi lại đoạn đường vào mô-đun hai cho khán giả ở Trái Đất xem. Cậu bước về cuối nhóm và thu hình tất cả vào ống kính trong khi tiến về phía trước. Caitlin đứng ở cánh cửa đầu tiên và nói thẳng vào camera:

“Một số trong các bạn có thể ngạc nhiên khi thấy DARLAH có vẻ có trọng lực bình thường. Vì căn cứ được xây dựng để ở lâu dài, một trong những vấn đề khiến NASA đau đầu là làm thế nào để tạo ra trọng lực nhân tạo. Việc này rất quan trọng để giảm thiểu nguy cơ teo cơ của các phi hành gia sẽ ở đây trong thời gian dài dưới điều kiện không trọng lực. Một hệ thống chuyên biệt đã được lắp đặt dưới sàn nhà trong phòng máy tính để tạo ra một trường trọng lực cục bộ bằng 0,97G, gần bằng trọng lực 1G của Trái Đất.”

Lúc này hai nhóm đã tiến vào sâu trong căn cứ trong bộ đồ du hành vũ trụ công kênh của mình. Nếu việc di chuyển trên bề mặt Mặt Trăng có vẻ khó khăn vào lúc đầu, thì lúc này việc phải làm quen lại với trọng lực bình thường lại càng khó hơn. Họ phải đi chậm rãi, tuân tự từng bước, tập trung để giữ thăng bằng. Đối với khán giả xem truyền hình thì chắc hẳn trông họ rất nực cười.

Nhưng đối với Mia, Antoine, Midori và các phi hành gia khác, việc này chẳng buồn cười chút nào.

Bầu không khí như đặc lại vì căng thẳng và hồi hộp khi họ bước vòng quanh căn cứ lần đầu tiên. Cứ cách khoảng mười thước họ lại gặp một cánh cửa thép mới mà Caitlin phải kích hoạt bằng cách ấn nút trên bức tường cạnh đó. Họ có thể nghe thấy tiếng bơm thủy lực mở cánh cửa ra với một tiếng *xìììì* dài, cho phép họ bước sang căn phòng tiếp theo. Ở trong căn cứ, họ có thể nghe thấy mọi âm thanh rất rõ ràng. Caitlin giải thích rằng đó là vì sóng âm thanh có không khí để truyền qua và đến được tai họ.

“Ở đây thứ gì cũng cổ lỗ sĩ hết,” Midori phàn nàn trong khi bước tới cửa an ninh tiếp theo. “Làm sao các cô đảm bảo mọi thứ vẫn hoạt động được ạ?” Cô dừng lại trước một cánh cửa và nhìn nó với vẻ hoài nghi, rồi tranh Caitlin ấn nút kích hoạt. Cánh cửa trượt mở ra. *Xìììì*.

“Đồ cũ không có nghĩa là đồ bỏ,” Caitlin vui vẻ phản bác lại. “Hãy nghĩ theo hướng này. Năm nay cô ba mươi hai. So với các cháu cô già rồi đúng không? Nhưng thế không có nghĩa là cô không làm việc tốt bằng các cháu, đúng không?”

“Nhưng đây là chuyện khác,” Midori phản đối, hít vào một hơi. “Trong này có mùi lạ quá. Có vẻ bí.”

“Rồi sẽ khá hơn, Midori ạ,” Caitlin đáp, đi tiếp tới cánh cửa dẫn vào mô-đun ba. “Cứ đợi đến khi dòng không khí hoàn toàn mới bắt đầu lưu thông trong các mô-đun. Lúc đó sẽ dễ chịu hơn.”

“Nhưng các cô đã kiểm tra căn cứ này rồi, đúng không?” Antoine hỏi. Lời nói của Midori đã khiến cậu lo lắng lây, và lúc này lần đầu tiên trên cả chuyến đi cậu cảm thấy không được yên tâm cho lắm. “Ý cháu là, các cô tin chắc mọi thứ ở đây đều hoạt động theo yêu cầu chứ ạ?”

“Chắc chắn rồi,” Caitlin nhẹ nhàng đáp. “Mọi thứ ở đây đều có vẻ cũ, mà cô nghĩ đúng là cũ thật. Nhưng chúng vẫn ở tình trạng tốt nhất. Từng mảnh thiết bị, từng con chip ở đây đều đã được kiểm tra trước khi được gửi ra ngoài không gian. Và sau khi lắp ráp nó lại được kiểm định lần nữa. Vì vậy cô có thể đảm bảo với cháu là nó hoạt động tốt. Hơn nữa, chẳng nhẽ các cháu nghĩ NASA lại dám mạo hiểm gửi các cháu lên đây nếu họ nghi ngờ về thiết bị của mình chắc? Đấy là chưa kể việc gửi theo camera và phát truyền hình trực tiếp cho cả thế giới xem?” Giọng nói của cô run run.

“Cháu không biết nữa,” Antoine lí nhí đáp.

“Dù sao thì các cháu phải nhớ là dàn máy tính từ năm 1969 đã dùng được cho việc đổ bộ lên Mặt Trăng rồi. Và theo cô biết thì đấy không phải việc đồ rởm làm được đâu nhé.”

Câu chuyện dừng ở đó. Nhưng tất cả đều đang có chung một suy nghĩ: *Họ có thể chắc chắn đến mức nào?* Họ đi nốt đoạn đường ngắn dẫn tới hành lang cánh B mà không nói thêm gì nữa.

Mia và Midori được xếp chung một phòng. Antoine được phân phòng bên cạnh. Tất cả những người khác đều ở cuối hành lang. Đầu tiên là phòng Caitlin, rồi đến phòng của Wilson và Stanton, rồi đến phòng đơn của người điều hành căn cứ là Coleman, và ở tận cuối hành lang là phòng của Nadolski. Ở đầu bên kia của hành

lang là một căn bếp lớn và xa hơn nữa là một nhà tắm rộng rãi chung cho cả căn cứ.

Caitlin dẫn họ đi tham quan một vòng. Căn bếp có một vẻ pha trộn kì lạ giữa cổ xưa và tương lai. Như thể có ai đó đã cố gắng bắt chước một bộ phim khoa học viễn tưởng của những năm bảy mươi, mọi thứ đều có màu trắng ngà với các góc tròn. Hai cánh cửa lớn dọc theo một bức tường có gắn nhãn *chạn* và *kho đông lạnh*. Caitlin dừng lại trước hai cánh cửa.

“Đây là nguồn lương thực của chúng ta,” cô nói và toét miệng cười. Ba thiếu niên quay sang nhìn nhau.

“Ý cô là sao?” Midori kêu lên. “Cô muốn nói chúng ta sẽ ăn những thứ có trong đó à?” Cô mở cánh cửa dán nhãn *chạn* và nhìn vào. Các ngăn giá xếp đầy đồ hộp, tất cả đều đóng logo của NASA và DARLAH. “Nhưng những thứ này đều từ những năm bảy mươi rồi, đúng không à?”

“Tất nhiên,” Caitlin đáp. “Đó là đồ ăn được sấy đông. Có thể nói là hạn sử dụng mãi mãi.”

“Cháu *còn lâu* mới ăn mấy thứ đó. Quên đi!” Midori tức giận đến xì khói.

“Tùy cháu thôi. Nhưng đừng quên chúng ta sẽ ở đây suốt một trăm bảy mươi hai giờ đồng hồ liền. Tức là một tuần đấy, Midori.”

Midori có vẻ dần hiểu ra vấn đề. Cô nghĩ ngợi một lát rồi nói thêm: “Chắc, thế thì hi vọng các cô có cả thức ăn châu Á trong này, chứ không phải chỉ có mỗi một đồng hăm-bơ-gơ.”

“Nếu cháu muốn nói đến sushi thì cô e là không có đâu, nhưng có thể có mì gói đấy.” Caitlin nhìn đồng hồ. “Được rồi, bây giờ là

năm giờ. Tham quan thế là đủ rồi. Cô đề nghị các cháu về phòng để thay đồ ra và nghỉ ngơi vài tiếng. Đến bảy giờ cô sẽ quay lại và chúng ta sẽ đến phòng khách ở cánh A gặp những người khác rồi đi ăn tối. Thế được không?”

Không ai tỏ ý phản đối; họ đều đã mong được cởi bỏ đồ công kênh ra từ lâu. Chỉ đến tận lúc này họ mới nhận ra mình mệt mỏi đến mức nào. Antoine thất thểu bước dọc hành lang theo sau Midori và Mia về phòng. Cả ba dừng lại trước cửa phòng của hai cô gái, và Antoine cứ đứng lì ở đó.

“Antoine?” Mia nhìn cậu vẻ dò hỏi.

Cậu nhìn hai cô gái với vẻ thiếu não. “Nếu có ai trong hai cậu muốn có một phòng riêng trên Mặt Trăng thì cứ việc lấy phòng của tớ. Nó có vẻ chẳng... giống như tớ tưởng tượng lắm.”

Mia nhận ra ngụ ý trong lời nói của Antoine và nhe răng cười đáp lại. “Được rồi, Antoine. Đến đây nào, hai cô gái này sẽ chăm sóc anh chàng người Pháp bé nhỏ tội nghiệp sợ phải ở một mình nhé.”

Antoine vung hai tay lên và nhìn quanh như thể muốn nói *Có phải tại tớ đâu?* rồi theo họ vào trong phòng.

Caitlin đứng lại ở cửa phòng giây lát. “Các cháu có hai tiếng kể từ bây giờ, rõ chưa? Cô khuyên các cháu nên tranh thủ mà ngủ, đừng buồn chuyện. Mà Antoine này?”

“Dạ?”

“Cấm giở trò với hai bạn gái, rõ chưa?”

“Oui¹⁴, thưa sếp.” Cậu trịnh trọng đáp, và sau một nụ cười tinh quái, Caitlin rời đi.

Căn phòng trông như một ngăn tủ nhỏ với một ô cửa sổ tròn con con và một cái tủ còn nhỏ hơn nữa. Hai chiếc giường được gắn cố định chồng lên nhau trên tường, nhưng không có bàn, không có ghế, không có thứ gì khác.

“Họ định cho tớ ngủ ở đâu đây?” Antoine hỏi.

“Cậu là người đòi ở chung phòng với bọn tớ cơ mà?” Mia đáp.

“Ý cậu là tớ phải ngủ trên sàn nhà sao?”

Hai cô gái quay sang nhìn nhau.

“Cậu muốn ngủ ở đâu cũng được,” Mia cố gắng đáp bằng giọng dừng dừng.

Nhưng thực ra cô không hề dừng dừng chút nào. Cô đã biết rõ cậu sẽ chọn ngủ ở đâu. Cô đã nhận ra dấu hiệu đó trong vài ngày vừa qua, việc cậu luôn ở bên cạnh cô, luôn lẻo đẻo theo sau từng cử động của cô.

“Thế thì tớ ngủ cạnh cậu được không, Mia?” Antoine hỏi.

“Được thôi.” Cô biết ngay là mình đã trả lời quá hấp tấp vì Midori đã đảo tròn mắt rồi mới quay đi cởi bỏ bộ đồ du hành công kênh của mình.

Mia nhận giường dưới. Cô cởi bộ đồ du hành và để nguyên đồ lót cùng chiếc áo phông bên ngoài rồi chui vào chăn. Antoine lập tức theo sau. Cậu cẩn thận nằm ở tận mép giường. Midori trèo lên nằm ở giường trên.

Nhưng không ai ngủ được.

Họ cũng chẳng muốn cố ngủ. Thế thì còn có nghĩa lí gì cơ chứ? Lên tận Mặt Trăng mà việc đầu tiên mình làm lại là ngủ ư? Đó hẳn

sẽ là ý kiến ngu ngốc nhất trong lịch sử.

Thế là thay vì ngủ, ba con người trẻ tuổi nhìn chong chong ra ngoài ô cửa sổ tròn được rọi trong ánh sáng mạnh và trong vắt phản chiếu lên bề mặt Mặt Trăng bên ngoài. Trông nó mang một vẻ hoang vu đến khó tin. Và cũng thật lộng lẫy. Không ai trong ba người biết phải nói gì. Họ cứ nằm đó lặng người ngắm nhìn cảnh tượng trước mắt.

Khi thời gian cứ thế trôi qua mà không ai nói gì, cảnh tượng dường như cũng từ từ thay đổi. Một bức màn đầy vẻ đe dọa không hiểu từ đâu đã phủ lên không gian tĩnh lặng đẹp đẽ ngoài kia. Cả ba người đều nhận ra điều đó dù không ai lên tiếng.

Có lẽ chính vì thế mà đột nhiên, Midori cất lời: “Các cậu đã nghe chuyện về Kuchisake-onna chưa?”

“Chuyện về gì?” Antoine hỏi lại.

“Kuchisake-onna, người phụ nữ bị rạch mặt ấy.”

“Chưa. Sao cậu lại hỏi thế?”

“Bỗng nhiên tớ nghĩ đến thôi,” Midori nói từ chiếc giường bên trên. “Cô ta sống ở Hokkaido hồi thế kỷ mười hai và được gả cho một samurai quyền thế. Các cậu biết samurai là gì rồi chứ hả?”

“Tất nhiên,” Mia nhanh nhẩu đáp, rồi lại nhận ra rằng có lẽ mình không hiểu rõ lắm.

“Một kiểu lính đánh thuê cho quý tộc, đúng không?” Antoine cố gắng giải thích.

“Đại loại vậy. Nói chung là: Cô vợ của samurai này xinh đẹp lạ thường, một trong những người đẹp nhất cả nước. Cô ta còn là một người cực kì kiêu ngạo và lẳng lơ nữa chứ.”

“Chưa gì tớ đã thấy không ưa cô nàng này rồi đấy,” Antoine bình luận.

“Ừ, công nhận. Vị samurai kia cũng cảm thấy như vậy, vì ông ta phát hiện ra việc cô ta ngoại tình. Và để trả thù ông ta đã rạch miệng cô ta đến tận mang tai, vừa rạch vừa hét lên ‘Để xem giờ còn ai thấy người đẹp nữa không?’”

Midori để một vài giây trôi qua rồi mới kể tiếp. “Truyền thuyết kể rằng đến tận bây giờ cô ta vẫn còn lang thang khắp Nhật Bản vào ban đêm. Và khuôn mặt cô ta bị bịt trong một lớp khẩu trang.”

“Tớ tưởng ở Nhật hầu như ai cũng đeo khẩu trang khi ra đường mà.” Mia nói.

“Thế mới là vấn đề,” Midori đáp. “Rất nhiều người Nhật đeo khẩu trang khi ở chỗ đông người để tránh lây truyền vi khuẩn hoặc bị lây cảm cúm hay đại loại thế. Chính vì vậy nên rất khó phát hiện ra cô ta. Nhưng cậu sẽ nhận ra cô ta khi cô ta chặn cậu lại hỏi, ‘*Watashi kirei?*’”

Mia định hỏi câu đó có nghĩa là gì, nhưng Midori đã nói trước. “Trông tôi có đẹp không?”

“Eo ôi!” Antoine kêu lên.

“Và nếu cậu trả lời có, cô ta sẽ tháo khẩu trang ra, để lộ khuôn mặt bị rạch của mình, rồi hỏi: ‘Giờ thì sao?’”

Mia thò đầu ra ngoài mép giường và nhìn lên cô bạn người Nhật ở giường trên. “Midori, sao cậu lại kể bọn tớ nghe chuyện này? Ghê quá đi.”

Nhưng Midori làm bộ như không nghe thấy. “Nếu cậu trả lời không,” cô kể tiếp, “cô ta sẽ giết cậu. Còn nếu cậu vẫn trả lời có, cô ta sẽ theo cậu về nhà và giết cậu trước cửa nhà.”

“Nói cách khác là kiểu gì thì cô ta cũng sẽ giết mình,” Antoine kết luận.

“Không,” Midori đáp. “Có hai cách để thoát thân. Thứ nhất là trả lời rằng cô ta trông bình thường. Như thế sẽ khiến cô ta dừng lại suy nghĩ và cho cậu đủ thời gian chạy thoát.”

“Còn cách kia?” Mia hỏi.

“Cách còn lại là bưng một hũ sáp thơm bôi tóc lên trước mặt cô ta. Nó sẽ khiến cô ta nhớ lại mùi của vị thầy lang từng cứu cô ta.”

“Đây là câu chuyện nhằm nhí nhất mình từng nghe,” Antoine nhận xét.

“Cậu nghĩ thế nào không quan trọng, nhưng nghe này: Vào mùa hè năm 1979, có ba thiếu niên ở Hokkaido đột nhiên mất tích không rõ lí do. Họ gồm ba người mười bốn, mười lăm và mười sáu tuổi, trên đường về nhà sau buổi tập bóng đá. Người ta không bao giờ tìm thấy họ nữa, dù cảnh sát đã lùng sục khu vực đó nhiều tuần liền, dùng cả chó và lực lượng dân phòng. Tớ từng nói với các cậu chú tớ làm việc cho cảnh sát Tokyo ở khu vực Shibuya rồi phải không? Mùa đông năm ngoái tớ có nói chuyện với chú ấy về vụ này và chú ấy đã biết về nó rồi. Vì thế tớ nhờ chú ấy tra trong hồ sơ, và các cậu có biết chú ấy tìm thấy gì không?”

Mặt Antoine bắt đầu tái dần đi. Đột nhiên đây không còn là câu chuyện nhảm nhí nhất cậu từng nghe nữa. Mía có vẻ lo lắng. Tuy nhiên điều khiến cô lo lắng nhất không phải là chính câu chuyện, mà là việc cậu có vẻ khiếp hãi thấy rõ.

Midori chậm chậm ngồi dậy và trèo xuống chỗ hai người kia, đứng trên sàn nhà trước mặt họ.

“Chú ấy tìm thấy bản báo cáo về một tai nạn xe hơi liên quan đến một phụ nữ. Chiếc xe được phát hiện lúc đêm khuya. Hôm đó trời mưa như trút và chiếc xe may lắm mới được phát hiện. Nó đã bị lật nghiêng và nằm chổng kên trên đường, và khi viên cảnh sát kéo người phụ nữ trong xe ra, anh ta phát hiện miệng cô ta bị rách đến tận mang tai. Theo bản báo cáo anh ta viết ở hiện trường, cô ta vẫn còn tỉnh nhưng không chịu trả lời câu hỏi khi anh hỏi tên cô ta là gì. Cô ta chỉ lặp đi lặp lại mỗi một câu ‘Trông tôi có đẹp không?’. Viên cảnh sát chạy đến xe tuần tra để gọi cấp cứu, nhưng khi anh ta quay lại thì cô ta đã biến mất. Sau đấy chính viên cảnh sát đó bị phát hiện đã chết trong cùng đêm hôm đó, ngay bên ngoài cửa vào tòa chung cư nơi anh ta ở.”

“Thế vụ tai nạn xảy ra ở đâu?” Antoine hỏi.

Midori nhìn cậu chằm chằm. “Cậu nghĩ là ở đâu nào?”

“Hokkaido?” Cậu rùng mình.

“Chính xác. *Hokkaido*. Chỉ cách chỗ người ta nhìn thấy mấy thiếu niên kia lần cuối vài trăm bước.”

Midori đứng tại chỗ chìm trong suy nghĩ, như thể chính cô cũng không rõ vì sao mình kể câu chuyện này. “Dù sao thì,” đột nhiên cô trở lại với tâm trạng bình thường của mình, “tớ chỉ tự nhiên

nghe đến thôi. Tớ đi vệ sinh đây. Đừng có sản xuất em bé trong khi tớ đi vắng đấy nghe chưa?”

Nói đoạn cô biến mất sau cánh cửa.

Mia và Antoine nhìn theo, hoàn toàn không biết phải nói gì. Không ai trong hai người cử động. Mia nhận ra Antoine đang nằm sát mép giường và chỉ chực rơi xuống sàn nhà.

“Cậu không cần phải nằm tận ngoài đó đâu,” cô nói. “Vẫn còn nhiều chỗ mà.”

Cậu quay sang nhìn cô. “Cậu chắc không?”

“Ừm.”

Cậu nhích lại gần hơn và Mia cảm thấy bàn chân của cậu chạm vào chân mình. Theo phản xạ cô giật mình rụt chân lại, nhưng lập tức thấy hối hận và chầm chậm đưa chân trở lại cạnh chân cậu.

“Cậu biết không... tớ, ừm, ờ, kể từ khi, ờ...” Antoine ấp úng tìm từ, nhưng đột nhiên toàn bộ ngôn từ cứ như thể đều đã bị bỏ lại ở một căn phòng khác.

“Cậu không cần nói gì cả,” Mia đáp, quàng tay ôm quanh cậu. Và rồi cậu hôn cô, không phải tại nơi cô từng nghĩ nó sẽ xảy ra, mà ở cách đó gần 238.000 dặm.

BẢO ĐỘNG

Midori quay lại phòng chỉ sau nụ hôn kia một vài giây, đương nhiên cũng chấm dứt mọi khả năng cho những nụ hôn tiếp theo. Cô không hề nhận thấy có gì thay đổi trong khi mình vào nhà vệ sinh; nhưng nếu chú ý kỹ, cô sẽ thấy Antoine và Mia đã nằm sát bên nhau suốt cả thời gian đó. Và nếu cô thực sự để ý, cô sẽ thấy ánh mắt Antoine dành cho Mia thể hiện rõ rằng cậu chẳng thêm quan tâm chút nào đến Mặt Trăng hay cả cái nhiệm vụ này hay toàn bộ danh tiếng mình sẽ có được trên thế giới, miễn là cậu được ở bên Mia.

Về phần Mia, cô cố gắng tỏ vẻ trước mặt mọi người rằng không có chuyện gì xảy ra. Lâu nay cô đã nghĩ rằng có thể giữa họ sẽ có gì đó. Nhưng việc đó vẫn xảy đến quá đột ngột, khiến cô cảm thấy mình cần thêm thời gian để chuẩn bị tinh thần trước khi bị Midori hay ai khác trêu chọc. Nhưng chắc chắn là cuối cùng họ cũng sẽ nhận ra. Vì sớm muộn gì họ cũng sẽ thấy nụ cười thường trực trên khuôn mặt cô. Và lần đầu tiên, cô thực sự thấy vui mừng vì mình đã tham gia chuyến đi này.

Khi Caitlin gõ cửa vào bảy giờ đúng, cả Antoine, Midori và Mia đều đã sẵn sàng. Ba thiếu niên theo cô đi hết hành lang dài nối giữa mô-đun một và hai qua phòng máy tính ở chính giữa. Khi đã đến phòng khách lớn ở mô-đun một, họ gặp các thành viên còn lại trong đoàn, đã ngồi sẵn đó đợi họ. Midori đến ngồi bên cạnh

Coleman, trong khi Mia và Antoine ngồi xuống cạnh Caitlin ở bên trái căn phòng.

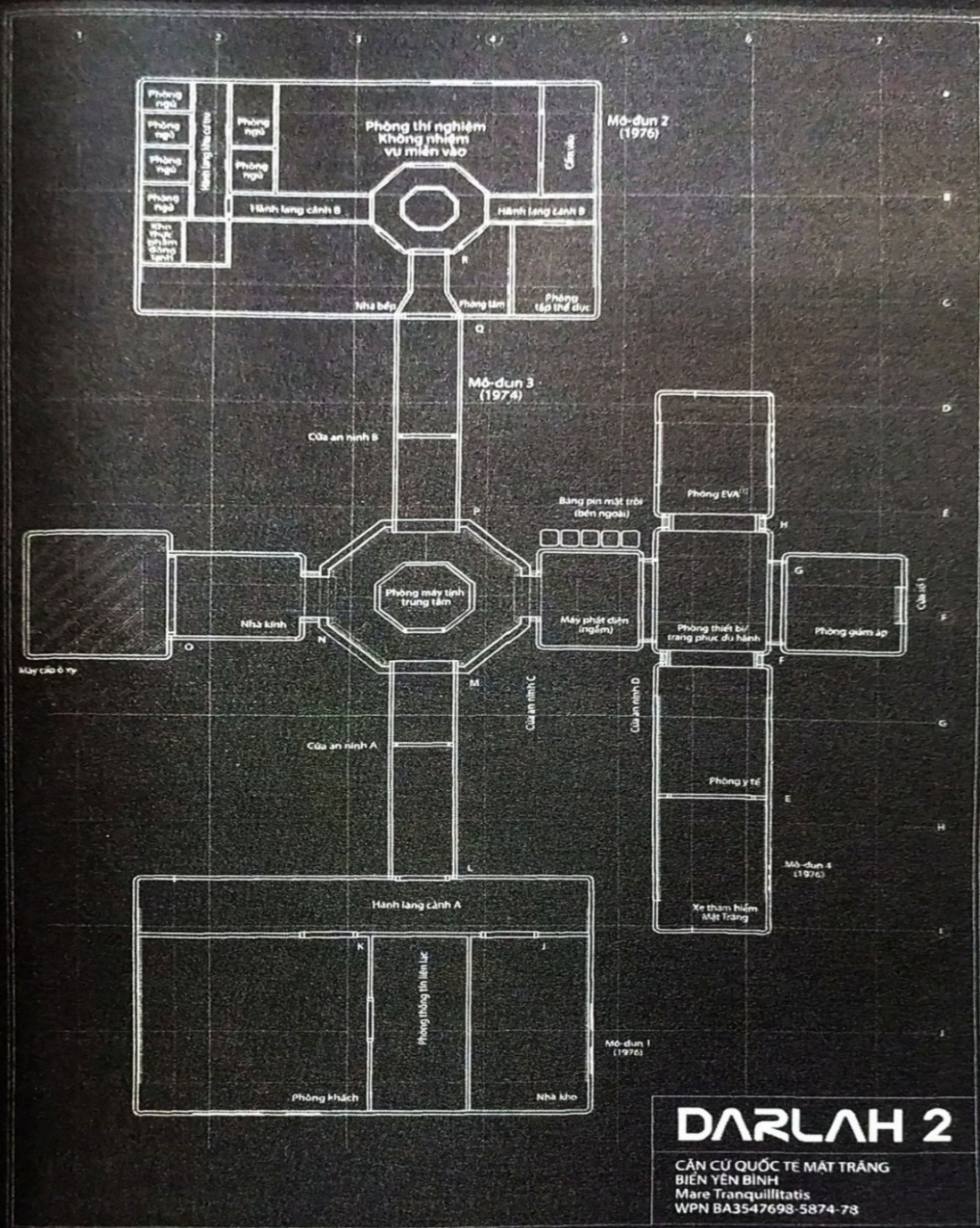
Nadolski nhìn quanh căn phòng cổ lỗ bằng ánh mắt chán ngán rồi đứng lên phát biểu. “Thưa quý vị và các bạn, cuối cùng chúng ta cũng tập hợp ở đây, trong căn cứ DARLAH 2 này. Xin chào mừng tất cả! Như mọi người đã biết, chỉ huy căn cứ Aldrich Coleman sẽ là người đứng đầu chúng ta còn ở trong này. Tôi vẫn sẽ chịu trách nhiệm chung về cả nhiệm vụ này, nhưng tôi muốn các bạn tuân theo mọi chỉ thị và mệnh lệnh của Coleman chúng ta còn ở trong căn cứ. Rõ chưa?” Một tràng *rõ* và *rối* Ạ vang lên trong phòng. “Tốt. Aldrich?”

Coleman đứng dậy tiến tới giữa căn phòng. “Cảm ơn Lloyd. Tôi sẽ nói ngắn gọn thôi. Các bạn đã biết hầu hết những điều cần biết về nơi này từ khi tập huấn ở Houston, nhưng cho phép tôi nhắc lại những điểm quan trọng nhất. DARLAH 2 bao gồm bốn mô-đun. Mô-đun số một, là nơi chúng ta đang ngồi đây; mô-đun hai, gồm phòng ngủ của chúng ta cùng nhà bếp và phòng tắm; mô-đun số ba là nơi đặt phòng máy tính, nhà kính, và máy cấp ôxy; cuối cùng là mô-đun số bốn, bao gồm trạm y tế, thiết bị bảo hộ để ra ngoài, và phòng giảm áp. Đó chính là lối chúng ta đi vào. Mô-đun bốn được xây dựng và lắp đặt vào mùa thu năm 1976. Các mô-đun khác được lắp trong khoảng từ năm 1974 đến 1976. Bằng cách ấn các nút gần cửa an ninh, bạn có thể di chuyển dễ dàng giữa các mô-đun một, hai và ba, nhưng tôi cần yêu cầu các bạn không vào mô-đun bốn nếu không được tôi hoặc Chỉ huy Nadolski cho phép. Việc đó cũng áp dụng cả với phòng máy tính, nhà kính, và máy cấp ôxy ở mô-đun ba. Chỉ vào những khu vực này khi được phép. Tôi sẽ đưa cho các bạn mỗi người một tấm bản đồ của DARLAH 2 để các bạn làm quen dần. Caitlin?”

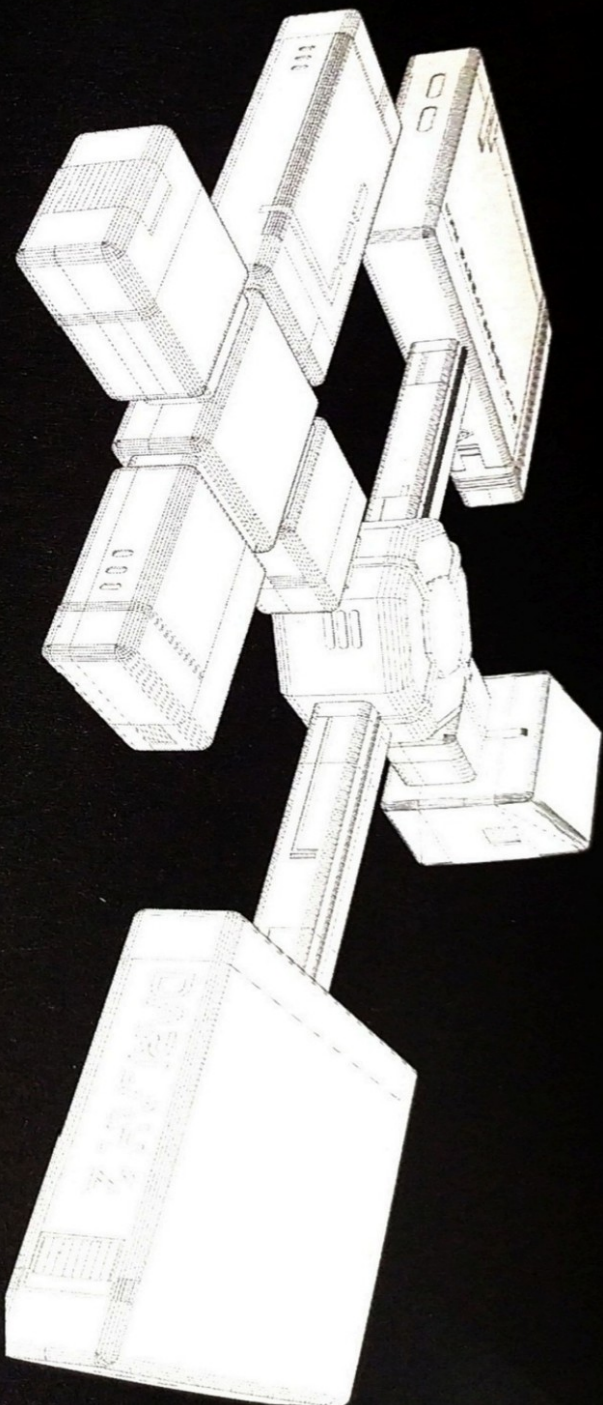
“Vâng,” cô đáp rồi bước tới tủ tường lấy một chồng bản đồ đem phát cho mọi người.

Mia cầm lấy một tấm, nói cảm ơn, rồi bắt đầu nghiên cứu bản vẽ.

“Ngoài ra còn gì nữa không nhỉ?” Coleman thoáng suy nghĩ. “À, phải rồi. Căn phòng bên cạnh chúng ta đây là phòng thông tin liên lạc. Đây là nơi chúng ta sẽ giữ liên lạc với Trái Đất và là nơi các bạn sẽ có thể gọi về nhà qua sóng radio nếu cần thiết. Nhưng chỉ trong trường hợp cực kì cần thiết thôi. Đây không phải là trạm điện thoại công cộng thông thường. Chúng tôi cũng đã sắp xếp để tổ chức mỗi ngày một cuộc họp báo, thực hiện qua một đường truyền từ trong phòng thông tin liên lạc. Nadolski sẽ cho các bạn danh sách những cuộc họp báo mà mỗi người phải tham dự. Tôi nghĩ điều này các bạn đã biết, nhưng nhắc lại cũng không thừa: Hãy cố gắng tỏ thái độ càng tích cực càng tốt. Dù các bạn lên đây để làm nhiệm vụ hay là vì rút thăm trúng thưởng thì chúng ta cũng đang ở trên cùng một con thuyền, với mục đích chung là để tiếp tục...” ông dừng lại một hồi lâu, tìm kiếm một từ thích hợp. “Để tiếp tục nghiên cứu Mặt Trăng và tìm kiếm nguồn ủng hộ và tài trợ cho NASA tiến hành nghiên cứu đó.”



(1) EVA (Extra-vehicular activity): Hoạt động ngoài không gian. (ND)



DARLAH 2

CĂN CỨ QUỐC TẾ MẶT TRĂNG

BIỂN YÊN BÌNH

Mare Tranquillitatis

WPN BA3547698 - 5874 - 78

Tối chỗ này thì Mia bắt đầu ngủ gật. Coleman tiếp tục điểm lại các chi tiết về khu căn cứ, về những điều họ được phép nói trong các cuộc họp báo, và những thông tin nào là thông tin mật. Ông có chất giọng dịu dàng, trầm ấm và dễ nghe, nhưng cũng rất có khả năng ru ngủ. Giọng nói của ông khiến cô nghĩ đến một chiếc ô tô cũ chạy bon bon không ngừng theo một đường thẳng băng trên sa mạc.

Sau đó Nadolski tiếp lời Coleman, và giọng nói sôi nổi, hơi khàn của ông đánh thức Mia dậy. Hoặc cũng có thể là do Antoine đã đặt tay mình lên bàn tay cô. Dù là thứ gì khiến cô tỉnh lại, thì cô cũng đã nghe được rằng họ sẽ thu thập các mẫu đá, nghiên cứu gió mặt trời¹⁵, và vẽ lại biểu đồ trọng lực trong các khu vực từ Biển Yên Bình cho đến Plinius¹⁶ và thung lũng lớn nằm cạnh Biển Thanh Thản¹⁷, rồi cả từ tính của Mặt Trăng – rất nhiều vấn đề về nó. Mia cố gắng tập trung mà không được. Trong khi đó Midori lại ghi chép rất hăng say.

Một lần nữa Coleman lại bước lên giữa cả nhóm.

“Được rồi. Chúng ta đã nói qua những điểm quan trọng nhất. Bây giờ tôi đề nghị chúng ta chuyển vào phòng thông tin liên lạc để dự buổi họp báo đầu tiên. Nó sẽ kéo dài nửa giờ, và các bạn sẽ nhận câu hỏi từ các phóng viên đang tập trung tại Houston. Sau đó, chúng ta sẽ vào bếp” – ông giang rộng hai tay – “và ăn bữa tối đầu tiên trên Mặt Trăng cùng nhau!” Cử chỉ gượng gạo của ông dường như nhấn mạnh thêm cảm tưởng kì dị và tuyệt diệu của ông về việc rút cục thì căn cứ này cũng được sử dụng sau khi nằm chờ đợi các phi hành gia từ tận những năm bảy mươi.

Họ lũ lượt kéo vào phòng thông tin liên lạc và ngồi xuống các băng ghế dài đặt trước hai chiếc máy quay lắp trên giá ba chân.

Hai kỹ sư Wilson và Stanton lắp các thiết bị, và một phút sau buổi phát sóng đã bắt đầu. Nadolski là người phát ngôn chính; những người khác góp thêm vài câu trả lời cho các câu hỏi mang tính kỹ thuật của một vài phóng viên.

Mia được chọn để phát biểu thay mặt Midori, Antoine và chính mình. Cô cảm thấy hơi ngượng khi xuất hiện trên truyền hình như thế này, như thể cô đột nhiên bị biến thành một kẻ lập dị lịch sử. Cô nghĩ đến các bạn, đến ban nhạc của mình, đến bạn học cùng trường lúc này chắc chắn đang ngồi nhà theo dõi và bình luận từng cử động của cô. Theo bản năng cô rút tay lại khi Antoine định nắm lấy nó.

“Chỉ huy Nadolski,” một câu hỏi từ phía Houston bắt đầu vang lên qua chiếc loa gắn trên trần nhà. “Mục tiêu quan trọng nhất đối với NASA trong một trăm bảy mươi hai giờ tới là gì?”

Trong khi Nadolski trả lời, ông liên tục bị ngắt lời vì tín hiệu tiếp tục truyền tới từ Trái Đất.

“Chỉ huy Nadolski,” giọng nói lại vang lên, “mục tiêu quan trọng nhất đối với NASA trong một trăm bảy mươi hai giờ tới là gì?”

“Xin lỗi, rõ ràng chúng tôi đang gặp một số sự cố kỹ thuật ở đây. Coleman, tôi nghĩ Trái Đất không nghe thấy chúng ta.”

Coleman bước đến bàn liên lạc trong khi Wilson và Stanton kiểm tra micro.

“Tôi không hiểu. Mọi thứ có vẻ vẫn hoạt động tốt mà,” Stanton nói.

“Thử truyền tín hiệu tới một kênh khác xem,” Wilson gợi ý.

Vài giây chậm chạp trôi qua.

“Chỉ huy Nadolski,” giọng nói lại một lần nữa vang lên. “Không biết anh có nghe thấy tôi không, nhưng câu hỏi là: Nhiệm vụ quan trọng nhất đối với NASA trong một trăm bảy mươi hai giờ tới là gì?”

“Nghe rồi, nghe rồi, nghe rồi!” Nadolski bực tức hét vào micro, rồi quay sang các đồng nghiệp của mình. “Chết tiệt, Stanton,” ông lầu bàu. “Thế này là thế nào?”

Nhưng Stanton chưa kịp trả lời thì đúng lúc đó các màn hình tivi tắt ngấm. Các bóng đèn huỳnh quang trên trần nhà cũng nhấp nháy vài lần rồi tắt phụt theo. Cả căn phòng chìm trong bóng tối trong vài giây trước khi hệ thống điện khẩn cấp bật lên và phủ căn phòng trong một thứ ánh sáng màu đỏ sẫm. Mia lo sợ liếc nhìn Caitlin, và đến lượt cô cũng quay sang nhìn Nadolski trân trối.

Rồi còi báo động vang lên.

“Gì nữa đây?” Nadolski càu nhàu. “Không có cái gì ở đây hoạt động bình thường cả hay sao?” Ông tắt rồi lại bật công tắc truyền tín hiệu radio, nhưng chẳng có gì xảy ra. Coleman lệnh cho mọi người trở lại phòng khách.

“Nguy hiểm. Nguy hiểm. Máy phát điện cục bộ không hoạt động. Mã lỗi F548,” một giọng nói tự động cứng nhắc vang lên trên hệ thống báo động.

“Cái quái gì...?”

Mười sáu đôi mắt quét khắp căn phòng, ngơ ngác nhìn nhau trong ánh sáng đỏ ảm đạm, như thể mọi người đều đang chờ đợi ai đó đứng ra chịu trách nhiệm.

“Chúng ta phải ra ngoài thì mới sửa được,” Coleman lặng lẽ nói, tỏ rõ rằng chính ông cũng thấy ý tưởng này không mấy dễ chịu. “Máy phát điện cục bộ nằm bên ngoài, giữa mô-đun ba và bốn.”

“Để chúng tôi đi,” Stanton và Wilson nói. “Chúng tôi sẽ sửa nó.”

“Các anh chắc không?” Coleman hỏi lại.

“Có. Chúng tôi đi luôn đây,” Stanton khẳng định với vẻ quyết tâm sắt đá.

“Nhưng chúng tôi cần người giúp mặc đồ du hành,” Wilson nói thêm.

Coleman không để họ có cơ hội đổi ý, lập tức đáp lại, “Caitlin sẽ giúp các anh. Những người còn lại chờ ở đây.”

Mia lại nắm lấy tay Antoine.

“Cháu đã bảo mọi thứ ở đây đã cố lỗi rồi còn gì?” Midori thấp giọng phàn nàn. “Chưa đụng vào đã hỏng là phải thôi!”

“Không phải bây giờ, Midori!” Nadolski đáp, ném về phía cô một cái nhìn nghiêm khắc khiến cô – lẫn tất cả mọi người – lập tức im bật.

Nadolski bảo mọi người ngồi xuống. “Tất nhiên là sự cố này nằm ngoài dự tính. Nhưng không có gì nguy hiểm cả. Chắc chắn đấy. Chúng ta sẽ khắc phục được ngay thôi. Coleman,” – ông ra hiệu cho viên phi hành gia lớn tuổi – “anh đi với tôi được không?”

Hai người sóng bước ra hành lang. Nadolski dừng ngay dưới một bóng đèn đỏ, và trong ánh sáng yếu ớt của nó ông hỏi: “Coleman, anh giải thích với tôi một điều được không?”

“Điều gì?”

“Nếu nguồn điện khẩn cấp đã bật lên... và hệ thống đã hoạt động trở lại...”

“Ừ?”

“Thì tại sao thiết bị radio vẫn không hoạt động được?”

Coleman nhìn ông đáp, “Tôi không biết”. Nadolski nheo mắt nhìn ông một hồi lâu, như thể không tin rằng Coleman đang nói toàn bộ sự thật.

Trở lại phòng khách, ba thiếu niên ngồi trong yên lặng, nhưng tất cả đều đang có chung một suy nghĩ: Một khi nguồn điện khẩn cấp đã bật lên, tức là đã có chuyện nghiêm trọng xảy ra.

Nếu nguồn điện chính không trở lại, họ có thể sẽ không bao giờ trở về được nữa.

SỬA CHỮA

Stanton và Wilson theo Caitlin vào mô-đun bốn. Ánh đèn khẩn cấp đỏ chói tràn ngập các hành lang khiến toàn bộ nơi này có một vẻ gì không thật. Đối với Stanton đây giống như lời cảnh báo rằng đáng lẽ anh không bao giờ nên chấp thuận lời đề nghị của người đàn ông đã đến gặp anh vào cái ngày Thứ Bảy hai năm trước đó. Chẳng phải vợ anh đã ngăn cản anh đấy sao? Nhưng nói đi cũng phải nói lại, anh chưa từng tin rằng sẽ có người cho anh một cơ hội như vậy.

Peter D. Stanton đã làm phi hành gia ở NASA được sáu năm, nhưng anh chưa từng được vào không gian dù chỉ một giây. Không có nhiều chuyến du hành không gian cần đến một người có kiến thức cơ khí chuyên sâu như anh. Hai chuyến đi mà anh từng được chọn thì lại bị hủy vì cắt giảm ngân sách. Stanton đã tập hài lòng với việc làm một phi hành gia không bao giờ được vào vũ trụ, ngay cả khi tên anh có mặt trong danh sách phi hành đoàn của chuyến lên Mặt Trăng tiếp theo. Chuyến đi đó còn nhiều năm nữa mới đến, và Stanton đã ở NASA đủ lâu để hiểu rằng hi vọng cũng chẳng ích gì. Trong khoảng thời gian đó biết bao nhiêu việc có thể xảy ra.

Đối với nhiều người trong ngành không gian, làm một phi hành gia mà không hề rời khỏi Trái Đất cũng đồng nghĩa với thất bại. Nhưng Stanton không hề cảm thấy như vậy. Công đoạn chuẩn bị cho một chuyến vào vũ trụ mất rất nhiều thời gian. Các phi hành gia hầu như không thể gặp gia đình trong suốt một năm trước khi

xuất phát; rờn rã nhiều tháng trời họ làm việc mười sáu tiếng mỗi ngày. Và lịch hoạt động như thế không còn phù hợp với cuộc sống riêng của Stanton nữa. Giờ anh đã có thể dành nhiều thời gian hơn bên ba đứa con gái lên tuổi ba, năm và bảy, vì khi sống ở quê nhà Minnesota, suốt phần lớn thời gian trong năm anh hầu như không bao giờ về nhà sau ba giờ chiều. Stanton đã tìm được sự cân bằng trong cuộc sống khiến anh thực sự hạnh phúc, và trong khi bước theo Caitlin sang mô-đun bốn, anh lại ước gì anh đã lựa chọn khác đi vào cái ngày định mệnh hai năm trước.

Hôm đó là một buổi sáng Thứ Bảy hết sức bình thường của tháng Tám. Stanton cùng vợ, Yvonne, đang đi mua đồ ở Walmart, với lũ trẻ rờn rã theo sau, tìm cà chua đóng hộp. Khi người đàn ông mặc vest đen đó xuất hiện, Stanton biết ngay ông ta là ai. Anh không quen ông ta, nhưng đã nghe nhiều về ông và biết rằng ông có chức vụ cao trong bộ máy NASA. Nhưng Stanton không thể tưởng tượng ông ta đang làm gì ở tận cái miền thượng Trung Tây này, và lúc theo sau Caitlin tiến tới mô-đun bốn, anh chợt nhận ra rằng mình cũng không bao giờ hỏi.

Người đàn ông bắt tay Stanton rồi quay sang Yvonne nói, “Xin lỗi, nhưng chị không phiền nếu tôi mượn anh nhà ít phút chứ?” Rồi ông ta quay đi mà chẳng thèm đợi cô trả lời.

Không do dự, Stanton bước theo ông ta đi xuyên qua cửa hàng và ra đến bãi đậu xe. Trời đang mưa. Người đàn ông nọ lấy hai chiếc ô đen ra khỏi cặp. Ông mở một chiếc và đưa cho Stanton rồi mở nốt chiếc còn lại che trên đầu mình.

“Cho phép tôi nói ngay vào việc chính, anh Stanton. Chúng ta không có nhiều thời gian. Vấn đề là thế này: Chắc hẳn anh đã biết rằng NASA sắp cử người quay lại Mặt Trăng.”

Stanton gật đầu.

“Chúng tôi đã quyết định sẽ tiến hành chuyến đi này sớm. Năm phi hành gia sẽ tham gia, cùng ba thiếu niên.”

“*Thiếu niên?*” Stanton hỏi lại, nhìn ông ta bằng ánh mắt ngờ ngác.

“Đúng vậy. Theo kế hoạch họ sẽ được gửi lên vào tháng Bảy trong vòng hai năm kể từ giờ. Tên lửa sẽ là... – nói thế nào nhỉ? – một phiên bản nâng cấp của các tên lửa Sao Thổ V mà chương trình Apollo của những năm sáu mươi và bảy mươi hay sử dụng và...”

“Các ngài định dùng một quả tên lửa đời cũ sao?” Stanton sửng sốt.

Người đàn ông phẩy tay. “Không, không, không, nó là tên lửa mới tinh, chỉ trông giống Sao Thổ V thôi. Tàu điều khiển và tàu đổ bộ cũng vậy. Đều là phiên bản nâng cấp, mở rộng của các con tàu từ thời *Apollo 11*. Anh biết đấy, truyền hình rất thích mấy thứ kiểu đó. Mà tôi nói đến đâu rồi nhỉ? Đúng rồi. Nhiệm vụ này sẽ bao gồm một trăm bảy mươi hai giờ ở trên Mặt Trăng và sử dụng DARLAH 2 làm nơi cư trú.”

“Dar... gì?”

“DARLAH 2. Một căn cứ Mặt Trăng đặc biệt nằm bên Biển Yên Bình, được xây dựng từ những năm bảy mươi.” Stanton nhún mày. Anh không thể tin vào tai mình. “Sau này anh sẽ được biết mọi chi tiết về ai, cái gì, ở đâu, bao giờ và tại sao, Stanton ạ. Vấn đề ngay trước mắt là kĩ sư của chúng tôi, Riley, phải rút tên khỏi danh sách vì vợ anh ta sắp sinh đứa thứ ba.”

“Mừng cho anh ta,” Stanton đáp trong khi vẫn chưa hết kinh ngạc về những điều ông ta vừa nói. Anh không biết phải bắt đầu hỏi từ đâu.

Người đàn ông có vẻ bức tức và nhận xét bằng giọng cạnh khóe, “Phải, tất nhiên rồi, chúng ta cùng đội mũ giấy lên đầu và mở tiệc mừng cho anh ta thôi còn chờ gì nữa? Nhưng đấy không phải là vấn đề. Vấn đề là đây: Anh Stanton, chúng tôi rất mong anh có mặt trong đội lên Mặt Trăng vào mùa hè tới. Anh có đồng ý tham gia không?”

Stanton không biết trả lời thế nào. Người đàn ông này đang nói gì thế? Rằng rút cục anh cũng có thể lên Mặt Trăng ư? Nhưng anh đã từ bỏ mong muốn đó rồi. Từ bỏ hoàn toàn rồi.

Đúng vậy chẳng?

Yvonne tìm thấy hai người trong bãi đậu xe và bằng bản năng của người vợ, cô nhận ra ngay lập tức cuộc nói chuyện của họ là về việc gì. Cô sẽ không mạo hiểm để mất chồng mình vào vũ trụ. Khó khăn lắm cô mới có thể giúp anh quên đi giấc mơ đó. Cô chạy vội về phía họ, lắc đầu quây quật. “Không. Bất kể ông đề nghị việc gì, anh ấy cũng không làm đâu.”

Người đàn ông từ NASA giả bộ như không nghe thấy. “Tôi xin lỗi vì phải thúc ép anh thế này, nhưng tôi e rằng thời gian rất quý báu. Stanton, câu trả lời của anh là gì?”

Giả như hôm đó anh nghe lời Yvonne.

Một phút sau Caitlin, Wilson và Stanton tới phòng thiết bị. Những bộ đồ du hành nặng nề đủ kích cỡ treo trên tường cùng với

ủng, găng tay, mũ bảo hiểm và bình dưỡng khí. Caitlin nhanh chóng lấy đủ các thiết bị cần thiết và bắt đầu giúp họ mặc vào.

“Chúng tôi cần đồ nghề nữa,” Wilson nói. “Cùng sơ đồ khu máy phát điện.”

Caitlin biến mất vào căn phòng bên cạnh rồi trở ra với những thứ anh yêu cầu. Cô giúp họ lắp bình dưỡng khí lên lưng và bảo họ đội mũ vào trước khi cô khóa chặt họ trong bộ trang phục. Rồi cô nắm lấy tay họ.

“Các anh nghe rõ không?”

Hai người cùng gật đầu.

“Tốt. Các anh có nhìn thấy cái máy đo trên tay trái các anh đây không? Nó cho biết các anh còn lại bao nhiêu ôxy. Chúng ta chưa có đủ thời gian để nạp đầy bình, nên mỗi người chỉ có ba mươi lăm phút thôi. Chú ý theo dõi vào và nhớ giữ liên lạc qua bộ đàm, rõ chưa? Tôi muốn nghe báo cáo về mọi việc xảy ra trong đó.”

Stanton nghi hoặc nhìn Caitlin. “*Trong* đó nghĩa là sao? Chúng tôi sắp ra ngoài mà.”

“Các anh phải ra ngoài để đến chỗ cánh cửa mở vào nơi đặt máy phát điện. Nó ở dưới chúng ta một tầng, nên thực chất là các anh sẽ phải trèo xuống thang và theo hành lang đi vào. Hãy dùng đèn pin và tìm xem có mối bên ngoài nào của nguồn điện bị đứt không, rồi hãy bắt đầu dò tìm hổng hóc. Và nhớ này, hai người – tôi tin là các anh đã biết rồi, nhưng tôi nhắc lại là trong bất kì trường hợp nào cũng không được bỏ mũ bảo hiểm ra. Trong phòng đó không có nguồn cấp dưỡng khí nào đâu, các anh sẽ chết ngạt ngay. Đã hiểu chưa?”

Hai chiếc mũ bảo hiểm chậm chậm gật gật.

“Vậy thì đến lúc rồi. Đi nào.”

Stanton và Wilson theo Caitlin vào phòng giảm áp, nơi cô bảo họ chuẩn bị sẵn sàng. Cô quay trở lại phòng thiết bị, khóa cửa, rồi bắt đầu quy trình hút không khí ra khỏi căn phòng. Sau đó cô mở cửa ngoài, và hai người đàn ông bước ra.

Bầu trời trên đầu họ tối đen hơn tất cả những gì họ từng thấy, thế nhưng mặt trời lại đang phản chiếu chói lóa lên mặt đất xám trắng.

Họ cảm thấy mình quả thực rất xa nhà.

Stanton và Wilson thận trọng vòng qua bên ngoài mô-đun bốn, tìm cánh cửa dẫn đến máy phát điện. Họ lập tức nhìn thấy nó nằm ngang trên mặt đất, ngay bên ngoài tòa nhà. Họ thấy một tay nắm hình bánh xe trên cánh cửa thép không gỉ, và cùng cố gắng xoay nó ra. Nhưng nó được vặn rất chặt, như thể đã hàn kín, trong khi đôi tay đeo găng lỏng lẻo của họ khiến việc mở cửa càng khó khăn. Họ phải ngồi xổm xuống và vận hết sức bình sinh – rồi cuối cùng cánh cửa cũng mở ra.

Wilson soi đèn xuống hố.

Anh vừa thấy cái gì chẳng?

Anh căng mắt ra nhìn, mồ hôi chảy dọc xuống gáy. *Đúng vậy.*

Kia rồi.

Ở đó có một chiếc thang đúng như Caitlin nói. Nó kéo dài khoảng một mét hai đến một mét rưỡi xuống bóng tối thăm thẳm

bên dưới.

Ánh mắt hai người giao nhau.

“Cậu nghĩ sao?” Wilson hỏi.

Stanton cúi xuống hố. “Để tôi xuống trước cho.”

“Cậu chắc không?”

“Chắc. Anh ở đây chờ tôi đến nơi đã rồi hãy xuống theo. Có gì tôi sẽ báo.”

“Được. Caitlin, cô nghe rõ không? Bây giờ Stanton sẽ trèo xuống.”

“Rõ, Wilson,” một giọng nữ rè rè vang lên qua loa bộ đàm gắn trong mũ bảo hiểm. “Stanton, lúc chui qua coi chừng bình dưỡng khí kéo mắc kẹt nhé. Cái miệng hố có vẻ hẹp.”

“Tôi thấy rồi. Tôi sẽ cẩn thận.”

Anh quỳ gối bên miệng hố, quay lưng lại và đặt chân lên bậc thang đầu tiên.

“Tôi đặt được chân xuống rồi. Tôi leo xuống đây,” Stanton báo cáo. Anh cẩn thận lựa bình dưỡng khí trên lưng qua miệng hố rồi leo xuống từng bậc một. Chu vi cái hố chỉ vừa suýt soát cơ thể anh cùng với mớ thiết bị, nhưng với một chút khéo léo anh cũng xuống được tới chân chiếc thang. Anh soi đèn vào bên trong và thấy hành lang hẹp mà Caitlin đã nói lúc trước. Nó chỉ dài nhiều lắm là khoảng ba mét sáu, ở tận cùng loáng thoáng bóng chiếc máy phát điện.

“Tôi đến nơi rồi. Mọi thứ đều ổn,” Stanton báo cáo. “Hơi chật, nhưng cũng vừa đủ chỗ cho hai người.”

“Tôi xuống đây,” Wilson đáp và bắt đầu trèo xuống.

Trong khi đó, Stanton dò xét hành lang kĩ hơn. Những đường dây cáp dày phủ kín trần nhà và hai vách tường, nhưng theo anh thấy thì chúng không có vấn đề gì cả. Anh đi tiếp dọc hành lang, vừa đi vừa kiểm tra máy đo dưỡng khí. Vẫn còn hai mươi tám phút nữa. Không thể bỏ phí một phút nào, nhưng hẳn là đủ. Anh nhận thấy ánh sáng từ đèn pin của Wilson sau lưng mình và thở phào khi thấy người đồng nghiệp cũng đã xuống đến nơi an toàn.

“Thấy gì chưa?” Wilson hỏi.

“Chưa. Kiểm tra cái máy xem nào.”

Họ tiến đến chiếc máy phát điện và chiếu đèn lên bảng điều khiển.

“Cậu có... cậu có thấy thứ tôi đang thấy không? Kia kìa? Thấy không?” Wilson hỏi, chỉ vào nơi từng là các công tắc chính. Nửa cái bảng điều khiển có vẻ đã bị đập nát.

“Có,” Stanton bàng hoàng đáp. Họ chiếu đèn lên trần nhà nhưng không thấy dấu hiệu gì là có vật nào đó đã rơi trúng bảng điều khiển.

“Nó hỏng hẳn rồi, Wilson.”

“Wilson, tình hình thế nào?” Giọng Caitlin vang lên qua máy bộ đàm.

“Chờ một chút, chúng tôi đang kiểm tra. Có vẻ như...”

“Thử gỡ cái vỏ ra xem? Biết đâu mình có thể nối lại từ đằng sau bảng điều khiển đấy? Như thế sẽ dễ làm hơn, anh nghĩ sao?”

“Các anh, có chuyện gì vậy?”

“Caitlin, chúng ta có vấn đề.”

“Vấn đề? Vấn đề gì?”

Stanton truyền đạt lại thông tin: “Chúng tôi sẽ tháo lớp vỏ ra để xem có thể nối lại công tắc không.”

“Kiểm tra đồng hồ dưỡng khí đi,” Caitlin nhắc nhở. “Các anh còn bao lâu?”

“Hai mươi hai phút,” Stanton báo cáo.

“Được rồi, các anh thử làm xem.”

Wilson rút hai chiếc tua-vít ra khỏi túi đồ nghề. Stanton lấy một chiếc và bắt đầu tháo bên trái trong khi Wilson gỡ bên phải bằng điều khiển. Cả hai đều cố gắng làm nhanh hết sức, nhưng họ vẫn mất gần mười phút mới gỡ được lớp vỏ ra. Tình hình vẫn không khả quan hơn. Cái thứ đã đập vào bảng điều khiển có lực quá mạnh nên đã phá hủy gần như toàn bộ các đường dây và mạch điện, biến tất cả thành một mớ hổ lốn.

“Tôi sợ chúng ta không sửa được đâu, Stanton,” Wilson nói. “Nó hỏng hẳn rồi, mà thời gian sắp hết.”

“Chờ một chút.” Stanton đẩy Wilson sang bên. “Để tôi thử xem. Đưa tôi cái kìm. Với lại chuẩn bị đèn hàn đi.”

“Cậu định làm gì?”

“Chúng ta sẽ mở nó ra và sửa thẳng vào cầu dao chính. Nếu may mắn chúng ta có thể nối được một đường dây mới.”

Wilson dường như đông cứng lại.

“Wilson? Đưa kìm đây?” Stanton giục.

“Không kịp đâu,” Wilson đáp, vẫn chưa thôi bàng hoàng.

Stanton không chịu nghe. “Đưa kìm cho tôi, làm ơn đi.”

“Stanton, nhìn đồng hồ đi. Mười một phút. Mà chúng ta cần ít nhất sáu phút mới về đến DARLAH. Tôi xin lỗi, nhưng nhiệm vụ Mặt Trăng này phải hủy thôi.”

“Chết tiệt, Wilson, đừng bỏ cuộc chứ. Đưa kìm đây ngay. Phải tranh thủ từng giây!”

“Caitlin, chúng tôi quay lại đây,” Wilson báo cáo. “Chúng tôi không thể làm gì được.”

“Rõ rồi,” họ nghe tiếng Caitlin xác nhận.

Trong thâm tâm Stanton biết rõ rằng Wilson nói đúng. Nối một đường dây mới sẽ rất mất thời gian. Ít nhất là nửa giờ, thậm chí có thể hơn. Đây là nếu họ có tìm được đúng nơi để nối. Lựa chọn duy nhất là quay trở lại. Anh không dám nghĩ đến chuyện những người khác sẽ nói gì. Và cả ba đứa trẻ tội nghiệp kia nữa...

“Stanton, chúng ta phải đi thôi. Ngay bây giờ!”

Anh miễn cưỡng theo Wilson quay lại chiếc thang. Wilson dừng ngay trên bậc đầu tiên.

“Stanton?” Anh ngập ngừng. “Lúc xuống tôi không đóng cửa.”

“Thì sao?”

“Nó đóng lại rồi.”

Hai người nhìn nhau.

“Có lẽ nó...” Stanton nói chưa hết câu đã nuốt trở vào. Nó không thể bị thổi vào; không có gì thổi cánh cửa đóng lại trong

môi trường chân không cả. “Anh chắc không?”

“Chắc mà. Đồng hồ của cậu báo còn bảy phút nữa là hết dưỡng khí. Mau mở cục cứng này ra nào.”

Và họ ra sức đẩy.

Nhưng dù họ có huých thân mình vào cửa tới suýt mất mạng cũng không thay đổi được gì. Vì cánh cửa đã bị khóa.

Từ bên ngoài.

“Caitlin?”

Cô nghe thấy cơn hoảng loạn tràn ngập trong giọng nói của Wilson. Anh đang thở gấp trong chiếc mũ bảo hiểm.

“Sao vậy?”

“Tin... xấu. Cánh cửa. Bị khóa.”

Caitlin không thể tin nổi vào tai mình. “Sao thế được?” Cô phản bác.

“Chúng tôi chỉ còn ôxy cho năm phút nữa thôi, Catilin.”

“Anh có chắc không? Thử lại đi! Nhanh lên!”

Giọng nói của Wilson như vỡ ra trong cơn bắn loạn. “Chúng tôi thử hết cách rồi! Nó *bị khóa* rồi, khốn khiếp! Cô nghe rõ không hả?”

Nỗi tuyệt vọng trùn lên Caitlin. “Còn cái đèn hàn thì sao?” Cô hỏi. “Các anh cắt cửa mà ra!”

“Lớp thép dày lắm. Cô biết mà.”

“Chúng tôi sẽ ra đó đón các anh!”

“Không kịp đâu. Còn bốn phút.”

“Kịp chứ. *Phải* kịp! Các anh thở chậm thôi, càng ít càng tốt. Hãy cực kì bình tĩnh, hiểu chưa? Tôi và Nadolski đến ngay đây!”

“Caitlin?” Giọng Stanton vang lên.

“Tôi đây?”

“Các cô phải mất hai mươi phút mới mặc xong đồ và ra đây, rồi có lẽ thêm vài phút nữa mới mở được cửa.” Khác với Wilson, Stanton hoàn toàn bình tĩnh, có thể nói là thản nhiên. “Xem ra vé của chúng tôi chỉ có một chiều thôi. Tôi rất xin lỗi, Caitlin. Vô cùng xin lỗi. Nhưng tôi nghĩ tốt nhất là mọi người quay về đi.”

“Stanton? Stanton? Anh nghe thấy không? Stanton? Wilson? Khốn kiếp! Trả lời đi! Các anh nghe thấy không?”

Họ nghe tiếng cô rất rõ. Nhưng có đáp lại cũng chẳng ích gì. Hai người lại chầm chậm leo trở xuống, không ai nói một lời. Họ bước về phía chiếc máy phát điện và ngồi xuống cạnh nhau. Stanton nắm lấy tay Wilson, và họ nhìn nhau, mỉm cười yếu ớt. Rồi họ cùng đặt tay lên mũ bảo hiểm, mở chốt và tháo nó ra.

Stanton chỉ kịp mừng tượng ra một hình ảnh cuối cùng trước khi chân không khiến anh mất đi ý thức.

Anh nhìn thấy Yvonne vào cái ngày cô vừa mua về một chiếc xe đạp từ chợ đồ cũ. Một trong số xe xịn lốp bán đầy ở đó. Khi anh về nhà cô đang đứng trong nhà để xe bơm hơi vào hai chiếc lốp. Một giây sau cô đã ngồi trên xe, vừa đạp vòng quanh anh thành những vòng tròn hẹp vừa nhắc đi nhắc lại rằng nó chỉ tốn có năm đô la.

Một sự kiện cực kì bình thường trong cuộc đời bất cứ ai.

Vậy mà giờ đây nó đã cách xa anh hơn bao giờ hết.

BỮA TỐI

Ông Himmelfarb đang ngồi bên bàn ăn trong viện dưỡng lão, toàn thân run lẩy bẩy. CƠn sốt trong người ông vẫn không ngừng tăng lên trong hai mươi tư giờ qua. Ông đổ mồ hôi lạnh và cứ giương đôi mắt thất thần nhìn ra khoảng không, đĩa khoai tây nghiền còn nguyên trước mặt.

Các nhân viên trong viện dưỡng như cho rằng việc ông tấn công chiếc điện thoại công cộng có lí do rất đơn giản. Có thể ông đã chán phải tin rằng những người trên màn hình tivi là người thật đang ngồi trong phòng với ông. Nhưng nếu họ có thể nhìn thấu suy nghĩ trong đầu ông, họ sẽ thấy điều ông đang thấy, và chắc chắn họ sẽ hành xử khác đi. Có lẽ họ sẽ bỏ dở mọi việc mình đang làm và chạy trốn càng xa càng tốt.

Nhưng tất cả những gì họ làm chỉ là bê chiếc tivi ra khỏi phòng ông và bảo đảm ông không bén mảng đến gần sảnh chiếu tivi cùng các bệnh nhân khác. Giờ thì ông hầu như chẳng có gì để làm ngoài việc ngồi trơ ra trên ghế và dán mắt vào bức tường. Mà cho đến mãi gần đây ông vẫn còn hoàn toàn hài lòng với điều đó. Nhưng có điều gì đó đã thay đổi trong đầu ông Himmelfarb. CƠ thể ông đã đi gần tới cực hạn – hơi thở ông càng lúc càng nặng nề, khuôn mặt ông tiêu tụy, và từ khóe miệng ông một dòng nước rãi liên tục chảy ra – nhưng lớp sương mù dày đặc bao phủ lấy não ông không hiểu sao đã tiêu tan và để lại ông tỉnh táo hơn bao giờ hết.

Ông chẳng hề thích thế chút nào.

Ông Himmelfarb vẫn chưa nếm một miếng thức ăn nào mà chỉ lấy đầu thìa di đi di lại trên đĩa khoai tây thành một hình dạng mà chỉ mình ông hiểu. Ông đang tiến dần đến với cái chết, nhưng ông lại hiểu rõ tất cả. Nhiệm vụ mới trên Mặt Trăng lần này chẳng liên quan gì đến việc gây quỹ hay quảng bá với công chúng. Nó cũng chẳng liên quan gì đến nghiên cứu khoa học.

Lí trí nói với ông rằng ông phải cảnh báo mọi người, nhưng vô ích. Ngôn từ vẫn đầy, nhưng ông không thể phát ra thành lời, mà chỉ thành những tiếng ú ớ lẫn trong nước miếng.

Ông tưởng tượng ra cảnh những thiếu niên tội nghiệp lúc này đang ở trong DARLAH. Rồi chúng sẽ ra sao? Ông không muốn nghĩ đến. Đó không phải là vấn đề của ông. Ông không có lỗi mà? Hay là có nhỉ? Ông chưa bao giờ kể với ai về chuyện đã xảy ra.

Đáng lẽ mày phải làm việc đó từ bốn mươi năm trước, Oleg ạ. Rồi mày sẽ bị thiêu trong địa ngục và mày biết thế.

Ông không thể làm được gì nữa rồi.

Ông ho rồi lại ho. Ông ho sặc sụa cho đến khi kiệt sức, hai giọt máu rơi trên tấm khăn trải bàn trước mặt ông mà không ai nhìn thấy.

Ông sắp chết. Ông biết thế. Ông lại ho và lại có thêm máu rơi lên khăn trải bàn.

Giờ thì họ đã quay sang nhìn ông. Tất cả bọn họ. Ba mươi hai cặp mắt nhìn ông chằm chằm trong khi ông cẩn thận đặt chiếc thìa xuống bàn, đẩy ghế đứng lên, rồi lặng lẽ nói: “Sẽ không ai sống sót.”

Âm thanh của những lời nói hình thành từ miệng ông khiến ông ngạc nhiên hơn ai hết. Ông đang nói. Ông đã làm được. Vẫn còn thời gian! Để nói ra tất cả!

Sau đó ông bước vài bước run rẩy về phía sau, quay người, rồi mất thăng bằng và ngã xuống.

Một điều dưỡng viên đã đứng sẵn bên ông khi ông xô ghế đứng dậy khỏi bàn, và cô suýt nữa đã đỡ được ông trước khi đầu ông đập xuống sàn. Giác quan duy nhất còn hoạt động trên cơ thể ông lão, là thị giác của ông, đột nhiên bị thay thế bằng một màn đen thăm thẳm.

Ông lão Oleg Himmelfarb, nhân viên quản lí cấp cao một thời của NASA, đã không còn trên thế gian này nữa.

Không lâu sau thi thể của ông được đưa đi và người cuối cùng còn lại trong phòng ăn là cô điều dưỡng viên vừa định đỡ ông Himmelfarb. Các bệnh nhân khác đã được đưa sang sảnh lớn, nơi họ lập tức được cho ngồi trước tivi. Tất cả thở phào khi thấy kênh Thời tiết được bật lên.

Cô điều dưỡng viên mới chỉ làm việc tại cơ sở này vài tuần, và đây là cái chết đầu tiên cô tận mắt chứng kiến. Thế nhưng cô không thấy sợ, vì nói cho cùng thì việc một người già mất đi là điều tự nhiên nhất trên đời. Và trên thực tế đó chính là lí do họ có mặt ở đây, dù phần lớn nhiệm vụ của cô là thuyết phục những người già ấy điều ngược lại.

Cô đứng lên để đi tới phòng nghỉ. Nhưng một thứ gì đó ngăn cô lại. Một thứ gì đó lọt vào khóe mắt cô và khiến cô chú ý.

Đĩa thức ăn của ông Himmelfarb.

Nó vẫn còn đầy khoai tây nghiền.

Nhưng ở giữa đĩa cô thấy ông đã viết gì đó. Những chữ cái, như thể một loại mật mã, được khắc vào đồng thức ăn. Cô thấy chiếc thìa nằm cạnh đĩa vẫn còn dính một ít khoai tây ở đầu.

Cô đọc dòng chữ ông viết:

6EQUI5

YÊN LẶNG

Chỉ vài giờ trước, còn có tám người ngồi quanh phòng khách. Bây giờ chỉ còn sáu người, nhưng sự yên lặng bao trùm lấy họ lại hết sức nặng nề. Caitlin buộc phải bước trở lại con đường ảm đạm từ mô-đun bốn, và phải vật lộn để đẩy lui cơn hoảng loạn của chính mình.

Khi cô thấy mình đối mặt với các thành viên còn lại, họ đều nhận ra ngay rằng đã có chuyện không ổn xảy ra, nhưng không ai ngờ được đã có người bỏ mạng.

Tin xấu được tiếp nhận chẳng hề dễ dàng.

Một số người bật khóc, gồm cả Antoine. Midori òa lên nước mắt. Những người khác, như Coleman, thì hoàn toàn thu mình lại. Cả Nadolski cũng chỉ biết ngồi đó nhìn bức tường không chớp mắt. Mia không buồn kiềm chế cảm xúc của mình và la hét vào mặt ông, rồi vào tất cả các phi hành gia khác, khẳng khẳng rằng họ nhất định phải ra ngoài đó cứu hai người kia.

Nhưng chính cô cũng không hoàn toàn tin rằng còn có ai để cứu.

Hai con người dưới cánh cửa ngoài kia đã không còn tồn tại nữa. Họ chỉ còn là hai xác chết, vô hồn, vĩnh viễn nằm lại trong chân không lạnh giá kia cho đến khi đoàn phi hành gia khác tới. Bỏ họ lại đây là một quyết định khó khăn, nhưng Chỉ huy Nadolski không còn lựa chọn nào khác. Cả DARLAH 2 lẫn *Demeter* đều không có phòng chứa đông lạnh. Mọi quy định đều không cho

phép đưa thi thể họ vào, chưa kể đến thực tế rằng để hai xác chết trong nhiệt độ thông thường suốt bốn ngày trên quãng đường trở về trái đất là chuyện quá ư điên rồ. Ai biết được những loại vi khuẩn nào sẽ lây lan trong thời gian đó?

Mia nhìn quanh căn phòng đang chìm trong căng thẳng, mọi người cúi gằm, đầu gục trên tay, đầy tuyệt vọng. Ánh sáng đỏ cho thấy rằng nguồn điện khẩn cấp vẫn đang hoạt động chỉ khiến bầu không khí càng ảm đạm thêm. Mới vài giờ đồng hồ trước cô còn định ninh rằng cuộc sống của cô rút cục đã bắt đầu, và rằng Antoine sẽ là người bắt đầu nó. Giờ cô đang ngồi giữa những con người đáng lẽ phải chăm lo cho cô, vậy mà không một ai làm được việc đó. Và trên hết – sự tĩnh lặng.

Chỉ có tiếng các cánh quạt trong hệ thống thông gió vang lên. Một tiếng động rầm rì trầm thấp.

Cuối cùng một người đứng lên. Nadolski. Ông bước đến giữa phòng, xoa hai tay lên mặt để lấy lại tinh thần.

“Chuyện này cực kì phi lí, không thể giải thích nổi. Cánh cửa đó, cũng như mọi thứ khác ở đây, đều đã được kiểm tra đi kiểm tra lại rồi.”

“Kiểm tra từ đời nào chứ?” Có người nói. Mia không kịp nhận ra là ai.

“Đây không phải là vấn đề,” Coleman lên tiếng. “Mất tín hiệu radio, thậm chí mất cả tín hiệu truyền hình với Trái Đất thì là một chuyện. Tôi còn có thể hiểu được.”

“Anh còn có thể *hiểu* được ư?” Nadolski ngắt lời.

“Tôi có thể chấp nhận được. Chuyện này trước đây từng xảy ra rồi. Ví dụ như trong một nhiệm vụ Apollo hồi trước. Chuyện tôi không hiểu được là cả cái máy phát điện lại có thể bị phá hỏng vì lí do tự nhiên. Và cả chuyện cánh cửa mà hai kĩ sư kia mở ra lại có thể tự đóng và khóa trái họ lại.”

“Anh đang muốn nói gì vậy, Coleman?”

“Tôi không muốn nói gì cả, Nadolski. Tôi chỉ nghĩ chúng ta phải... thận trọng.”

Mia quay sang nhìn Antoine. Trông cậu tái nhợt, cô liền nắm chặt lấy tay cậu và đặt vào lòng mình, chẳng thèm quan tâm có ai nhìn thấy hay không. Có quan trọng gì nữa đâu?

“Được rồi. Chúng ta sẽ thận trọng. Giờ mọi người nghe rõ đây. Thay mặt bản thân tôi, cả chuyến đi này, và NASA, tôi chân thành xin lỗi vì chúng ta bị lâm vào tình huống này. Chúng ta vừa mất đi hai người tốt, Sam Wilson và Peter Stanton. Cái chết của họ quá đột ngột và khó hiểu, nhưng chúng ta không được phép suy sụp hay bỏ cuộc. Trong tình thế hiện nay, chúng ta cần tập trung nghĩ cách giải quyết chứ không phải nghĩ mãi về khó khăn. Coleman?”

“Vâng?”

“Chúng ta vẫn đang chạy bằng nguồn điện dự phòng khẩn cấp. Nguồn điện này duy trì được bao lâu?”

“Theo tính toán của tôi thì hai mươi hai giờ. Mười hai giờ sau đó máy cấp ôxy sẽ ngừng hoạt động.”

“Rõ rồi. Chúng ta chỉ còn hơn ba mươi giờ để thoát khỏi đây. Có nghĩa là chúng ta phải hủy nhiệm vụ, chính thức từ lúc này. Tôi tin

là không ai phản đối quyết định đó chứ?”

Không ai trả lời.

“Tốt. Chúng ta không biết trung tâm điều khiển mặt đất của NASA nghĩ thế nào về quyết định này, vì mọi kênh liên lạc đã bị cắt. Nhưng chúng ta không còn lựa chọn nào khác. Các bạn đều đã hiểu rằng từ giờ chúng ta phải tự lo lấy mình. Cũng có nghĩa như sau: Coleman, anh cho bọn trẻ mặc đồ vào, sau đó đưa chúng đến phòng y tế ở mô-đun bốn. Caitlin, cô đi với tôi ra tàu *Demeter* để chuẩn bị khởi hành. Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở phòng y tế sau đúng tám giờ nữa, tức là vào ba giờ hai mươi lăm phút sáng giờ Miami. Tiến hành đi.”

Mia đứng dậy nhìn Midori. Cậu ấy có đang sợ hãi như cô không?

“Mia?”

Ai đó đang gọi cô, nhưng cô đã chán nản đến mức không còn buồn nghĩ xem giọng nói đến từ đâu.

“Thôi nào, Mia!”

Cô chờ đợi nhìn sang hai bên.

“Mia, thả tay tớ ra đi!” Đó là Antoine. Cậu đang đứng ngay bên cạnh cô. Cô thả lỏng bàn tay đang nắm chặt lấy tay cậu, để lại trên đó những dấu ngón tay đỏ ửng.

Coleman dẫn ba người qua các hành lang, trở về phòng mình. Ông cố gắng trấn an họ và giải thích rằng các phi hành gia đã được huấn luyện kỹ càng để xử lý những tình huống như thế này.

Nhưng dù ông có nói gì cũng không có tác dụng.

Vì cả ba đều thấy trong mắt ông nỗi sợ hãi còn lớn hơn trong mắt họ, và họ nhận ra rằng chính ông cũng không tin một lời nào trong những điều mình đang nói.



Nadolski dẫn đường ra khỏi căn cứ, Caitlin theo sát sau lưng ông. Họ nhìn thấy rõ con tàu đổ bộ Mặt Trăng *Demeter* nằm cách họ vài trăm bước về phía trước. Lớp bụi xám mịn cuốn lên quanh gót ủng theo từng bước chân của họ rồi lại chậm chậm rơi xuống.

Đối với Nadolski hôm nay là ngày quan trọng nhất trong đời ông. Ông đã gây dựng sự nghiệp cả đời trong cơ quan Vũ trụ này, và giờ đây mọi việc ông từng làm đột nhiên bị đẩy lùi về phía sau như một phong nền xa xăm: người bạn gái ông đã cưới mười hai năm trước, những đứa con họ đã có với nhau, tất cả đã bị gói ghém kỹ và dồn sang một bên. Mục tiêu duy nhất của ông lúc này chỉ là đưa các thành viên trong đội bay của mình an toàn trở về. Đó là nhiệm vụ lớn nhất trong đời ông. Ông sẽ được chào đón như một người anh hùng. Dù đó không phải là điều quan trọng nhất, nhưng ông có mong muốn điều đó, đúng không?

Đúng vậy.

Ông phải đưa những người này trở về.

Bằng bất cứ giá nào.

Demeter chào đón họ với vẻ thân thiện, đứng lặng yên như một tượng đài màu trắng giữa khung cảnh xám xịt. Nadolski để Caitlin leo lên trước. Cô vừa định mở cửa thì va cùi chỏ phải thứ gì đó. Và cánh cửa bật mở ra.

Ôi không, cô nghĩ. Không. Đừng mà, làm ơn đi.

“Caitlin?”

Cô trèo vào trong và giúp Nadolski leo nốt đoạn thang cuối cùng và cùng bước vào tàu với cô. Cô đứng yên chờ đợi vài giây như muốn trì hoãn kết quả. Rồi cô nắm lấy cánh cửa, đóng nó lại, vặn tay nắm tròn khóa lại, rồi thả tay. Cô lại chờ đợi, một vài giây dài như hàng thế kỉ trôi qua.

Và cánh cửa lại chậm chậm bật mở.

Không không không không không.

Cô thử đóng lại lần nữa. Và nó lại tự mở ra. Caitlin thầm chửi thề.

Nadolski huých vai cô. “Có vấn đề gì sao?”

Cô quay sang nhìn ông. “Cửa hỏng rồi.” Cả hai đều hiểu điều đó nghĩa là gì, nhưng cô vẫn nói ra: “Chúng ta sẽ không thể điều áp được.”

Cô cố thử một lần cuối cùng rồi chửi thề khe khẽ khi thấy cánh cửa không khóa lại được và bật ra. Cả con tàu đổ bộ mở toang lòng mình ra không gian.

Nadolski ngồi sụp xuống ghế phi công và chửi thề. “Caitlin, cô nói xem: Xác suất hỏng hóc như thế này đối với loại cửa này lớn đến đâu?”

Cô vung tay bất lực. “Ai biết! Một trên một tỉ chẳng? Chúng ta thậm chí còn không bao giờ tập luyện về tình huống này trong phòng tập mô phỏng. Tôi bắt đầu...” Cô dừng bật. “Thôi không có gì.”

“Cô bắt đầu làm sao?”

Caitlin do dự hồi lâu rồi mới trả lời. “Tôi bắt đầu nghĩ đáng lẽ chúng ta không được phép quay lại Mặt Trăng.”

Ông không trả lời. Ông đang mãi suy nghĩ về một ý tưởng. Khá mạo hiểm, nhưng vẫn đáng thử một lần.

“Nếu chúng ta cứ mặc đồ du hành và cất cánh trong khi cửa mở thì sao? Nếu chúng ta nạp đầy không khí vào các khoang sau thì mọi người sẽ có đủ dưỡng khí để thở cho đến khi chúng ta kết nối lại với tàu điều khiển ngoài quỹ đạo.”

Nhưng Caitlin lắc đầu. “Không được đâu. Cánh cửa này kết nối với quy trình cất cánh trong máy tính. Nó sẽ không cho chúng ta cất cánh nếu cửa chưa khóa.”

“Chúng ta không lập trình lại được sao? Cài đè lên?”

“Không! Tôi xin lỗi, Nadolski, việc đó là bất khả thi.” Cô ngừng lời. “Như thế...” Cô ép mình nói ra khe khẽ, gần như thầm thì. “Chúng ta bị giam ở đây vậy.”

Dường như từ “giam” đã kích động điều gì đó trong Nadolski. Ông đứng bật dậy.

“Không đời nào! Chừng nào tôi còn là chỉ huy thì không thể có chuyện đó. Đi nào. Chúng ta phải quay lại DARLAH.”

Mia đang ngồi quàng tay quanh Antoine và Midori ở hai bên trong phòng y tế thì Nadolski và Caitlin trở lại. Cô gắng tìm ánh mắt của Caitlin để biết tình hình ra sao, nhưng Caitlin nhìn đi nơi khác. Cô dán mắt xuống sàn. Nadolski cũng không nhìn ba người.

Ông thăm thì điều gì đó với Coleman và ra hiệu cho Caitlin đi theo mình.

“Coleman, Caitlin và tôi phải bàn bạc vài chi tiết. Các cháu cứ đợi ở đây. Không ai được rời khỏi phòng khi tôi chưa cho phép, đã rõ cả chưa?”

Ba thiếu niên gật đầu, dù mệnh lệnh đó hoàn toàn không cần thiết: Chẳng ai trong họ buồn nhúc nhích.

Chỉ vài phút sau ba phi hành gia quay lại và tuyên bố ngắn gọn:

“Cởi đồ ra và treo vào phòng thiết bị, rồi tập trung trong nhà bếp ở mô-đun hai. Chúng ta sẽ ở lại đây ít lâu.”

DARLAH 1

Họ đã được thông báo là tàu đổ bộ không thể sử dụng được nữa.

Midori giúp Caitlin chuẩn bị một món súp đơn giản cho sáu người còn lại, nhưng chẳng ai muốn ăn. Món súp nguội ngắt hầu như còn nguyên trên bàn. Mia đang ngồi gục đầu trên tay, các ngón tay gõ trên mép bàn, trong khi Antoine ngồi đối diện với cô nhìn chăm chăm vào khoảng không, tua đi tua lại mọi điều mình vừa nghe trong đầu.

Coleman là người ra thông báo với cả nhóm. “Tôi và Chỉ huy Nadolski đã bàn bạc rồi. Có một giải pháp, tôi không đảm bảo là hiệu quả, nhưng theo tôi thấy thì cũng không còn lựa chọn nào khác.” Ông nhìn thẳng vào mắt họ. “Tôi sẽ cần mọi người góp hết sức mình.” Ông dừng lời một chốc, dường như vẫn chưa chắc chắn mình có nên nói ra hay không. Nhưng cuối cùng ông cũng nói: “Còn một căn cứ DARLAH khác.”

Kể từ khi ở Houston, Midori đã tự hỏi vì sao căn cứ này được gọi là DARLAH 2, nhưng cô quyết định không hỏi vì sợ câu hỏi đó sẽ có vẻ ngu ngốc. Biết đâu nó chỉ là một con số chẳng có ý nghĩa gì quan trọng. Như trên mấy cái xe hơi chẳng hạn. Chúng lúc nào chẳng có số và chữ cái trong tên gọi, như 340 SL hay 240 GTI hay gì gì đó. Với cô tất cả đều vô nghĩa.

“Điều tôi sắp nói là thông tin tuyệt mật, các cháu phải hiểu điều đó. Cho đến tận vừa rồi ngay cả Chỉ huy Nadolski cũng không được biết. Trong hoàn cảnh bình thường tôi sẽ phải xin phép NASA

và cấp trên bên quân đội mới được nói bất cứ lời nào về việc này, nhưng vì tình thế hiện nay, tôi không có điều kiện làm việc đó. Vì vậy tôi chỉ có thể yêu cầu, và nhấn mạnh một cách đặc biệt, rằng các cháu sẽ không bao giờ nói một lời nào với bất cứ ai về điều tôi sắp nói. Nếu các cháu nói ra, chính phủ sẽ phủ nhận hoàn toàn và các cháu sẽ bị coi là kẻ thù của quốc gia. Các cháu sẽ không được nhập cảnh vào Hoa Kỳ, và mọi cánh cửa sẽ đóng lại với các cháu. Không ai trong chúng tôi sẽ có thể đảm bảo an toàn cho các cháu.”

Trong giây lát Mia thấy hoang mang. Có lẽ cô nên ra khỏi phòng chẳng? Liệu việc họ sắp biết này có thực sự là mối đe dọa chết người với chính phủ Mỹ không? Cô tưởng tượng việc phải tồn tại trong vị trí là kẻ thù số một của nước Mỹ, suốt cuộc đời chui lủi, chạy trốn, luôn luôn sợ hãi rằng bất cứ lúc nào cũng có thể có người xuất hiện ở ngưỡng cửa, sẵn sàng thủ tiêu mình. Nhưng cô còn lựa chọn nào khác đây? Cô chẳng còn nơi nào để đi.

“DARLAH 1 là một căn cứ quân sự NASA đã xây dựng cho Không lực Hoa Kỳ vào năm 1974. Nó nằm dưới mặt đất ở độ sâu hơn ba mươi mét, cách đây khoảng bảy dặm. Nó được xây cùng lúc với mô-đun ba của DARLAH 2. Cơ sở này gồm có sáu tên lửa hạt nhân, mỗi quả có sức nổ tương đương với năm mươi triệu tấn TNT. Nếu các cháu không hiểu con số đó có nghĩa là gì, tôi có thể nói rằng nó mạnh gấp ba ngàn lần quả bom đã được ném xuống Hiroshima. Những tên lửa này được chính phủ của Nixon chế tạo trong thời gian Chiến tranh Lạnh và định dùng làm phòng tuyến tự vệ cuối cùng nếu chiến tranh nổ ra giữa Mỹ và Liên Xô. Nói cách khác, nếu chiến tranh lan ra ngoài không gian. Thời đó người ta tin rằng khả năng đó có thể xảy ra.”

Coleman dừng lại và hít sâu một hơi. *Tin rằng khả năng đó có thể xảy ra.* Ông nghĩ gì mà lại nói thế chứ? Ông đã tập dượt lời giải thích này từ rất lâu, và ông thực sự đang cố gắng không nói quá nhanh, để khỏi lộ cho mọi người biết rằng ông chỉ học thuộc lòng tất cả. Bởi vì không phải mọi thứ ông đang nói đều là sự thật. Những thông tin về mấy quả tên lửa thì chắc chắn là thật, nhưng cả chúng lẫn mọi thứ khác tại DARLAH 1 đều không hề được xây dựng để bảo vệ họ khỏi quân Xô Viết. Cả căn cứ lẫn mấy quả tên lửa đều được lắp đặt để xóa sổ toàn bộ Mặt Trăng trong trường hợp cần thiết. Một giải pháp cuối cùng.

Nhưng ông sẽ không hé răng về điều đó vào lúc này.

“DARLAH 1 còn có chứa cả một tàu sơ tán nhỏ,” ông nói tiếp, “một tàu vũ trụ mini được chế tạo với mục đích rời khỏi Mặt Trăng và trở về Trái Đất nếu có trục trặc xảy ra. Không may cho chúng ta là con tàu mini này chỉ có chỗ cho ba người, là số lượng phi hành gia mà người ta nghĩ sẽ có thể sống lâu dài trên này. Điều đó có nghĩa chúng ta không thể sử dụng nó được. Hơn nữa ta cũng không chắc liệu nó còn trong tình trạng hoạt động tốt hay không.”

Midori tự hỏi nếu vậy thì tại sao ngay từ đầu Coleman không tỏ ra không chắc về “tình trạng hoạt động” của mọi thứ còn lại trong cái căn cứ ngu ngốc này.

“Và giờ là phần cuối và cũng là phần quan trọng nhất,” ông nói tiếp vào điểm mấu chốt. “DARLAH 1 vốn là một trạm phát điện, và cả bộ phóng tên lửa lẫn con tàu sơ tán đều chỉ là thiết bị bổ sung mà thôi. Trên nguyên tắc phải có một đường điện cao thế chạy thẳng từ DARLAH 1 đến DARLAH 2, một đường dây cáp khẩn cấp dùng trong trường hợp DARLAH 2 bị rơi vào tình trạng mà chính chúng ta đang lâm vào hiện giờ đây. Vì vậy chúng ta cần cử một

đội sang DARLAH 1 để kích hoạt trạm điện này. Khi đó chúng ta sẽ có điện trở lại và hi vọng cả đường liên lạc radio nữa để ta có thể gọi cứu viện. Nhưng tôi khuyên các cháu chuẩn bị tinh thần là chúng ta có thể sẽ phải ở trên này khá lâu.”

Mia hỏi điều rõ ràng là ý nghĩ chung của cả ba người. “*Khá lâu* là bao lâu ạ?”

“Có thể vài tháng, có khi gần một năm. Cho đến khi NASA cử được một đội cứu viện lên.”

Mia thấp thỏm nghe Coleman nói, và câu cuối cùng đó như một tảng đá nặng trĩu thả tồm vào lòng cô. Sẽ không có ai lên cứu họ trong suốt một năm nữa. Cô nghĩ đến mọi thứ mình sẽ bỏ lỡ trong thời gian đó, về những thứ cô sẽ không được thấy trong tương lai gần: rừng cây, đại dương, bờ biển, đường phố, đô thành, xe cộ, người... Cô nghĩ đến bạn bè, những người sẽ sống tiếp cuộc sống của họ mà không có cô. Đến ban nhạc, đến những buổi biểu diễn cô sẽ không thể tham gia. Và chẳng bao lâu nữa, khi chiếc iPod của cô hết pin, cô sẽ không còn được nghe chút âm nhạc nào nữa trong suốt một năm trời. Ý nghĩ ấy thật khó mà chịu đựng nổi, và thực sự khiến cô cảm thấy khổ sở hơn cả ý nghĩ rằng cô sẽ không bao giờ trở về được nữa.

Cô đưa tay lên vuốt tóc Antoine. *Ít nhất vẫn còn có cậu ấy ở đây*, cô nghĩ. Cả Midori nữa. Và Caitlin. Ít ra như vậy cũng còn tạm. Và có lẽ, chỉ có lẽ, mọi việc sẽ ổn, nếu lời hứa rằng họ sẽ được cứu là thật. Ít nhất cô sẽ trốn được một vài năm học.

Cần phải lạc quan.

Nhưng lạc quan có một mặt trái cay đắng là thường dẫn đến thất vọng.

Vài giờ sau họ vẫn đang ngồi trong nhà bếp. Nadolski chuẩn bị chọn một người đi cùng với mình tới DARLAH 1.

“Không may là tại thời điểm này chúng ta không có nhiều lựa chọn,” ông mở lời. “Tôi... tôi hi vọng các cháu hiểu phải nói điều này chẳng dễ dàng gì, nhưng... chúng ta cần Caitlin và Coleman ở lại DARLAH 2. Ngay khi tôi kích hoạt trạm phát điện, họ sẽ phải cùng làm việc để ngay lập tức nối lại liên lạc với NASA để cho họ biết tình hình của chúng ta. Đây là một nhu cầu cấp bách, và nếu một trong hai người bọn họ đi cùng tôi thì chúng ta sẽ mất những phút quý giá chúng ta có thể dùng để nhận chỉ thị từ Houston. Như vậy nghĩa là...” Ông nhắm mắt và để điều mình vừa nói ngấm vào đầu mọi người. “Nghĩa là tôi sẽ phải yêu cầu một trong các cháu đi cùng tôi.” Ông nhìn ba thiếu niên. “Đây không phải là một tình huống lí tưởng. Đáng lẽ không ai trong các cháu phải bị yêu cầu làm một việc thế này. Lạy Chúa, đáng lẽ không ai trong các cháu phải lâm vào tình trạng này mới đúng. Nhưng tôi nghĩ mọi người đều sẽ đồng ý rằng vấn đề hiện nay cần những biện pháp chắc chắn. Và tôi đi một mình trên mỗi một xe thì sẽ là quá bất cẩn, nếu chẳng may có chuyện gì xảy ra...”

Antoine đột nhiên đứng dậy. “Để cháu đi.”

Mia không suy nghĩ nắm ngay lấy áo cậu và kéo cậu ngồi lại xuống ghế. “Cậu *làm* cái gì thế?” cô cuống quýt thì thầm, cảm thấy cổ họng mình như nghẹn lại. “Không được.”

Antoine nhìn cô dịu dàng. “Nhưng Mia, cậu không nhớ chú Coleman đã nói gì sao? Chúng ta sẽ đều phải nỗ lực hết sức mình. Đây sẽ là phần đóng góp của tớ. Tớ phải đi, cậu biết mà.”

Nadolski quan sát kĩ cậu bé người Pháp. Cậu ta có vẻ hiểu tình hình. Ông tin rằng cậu ta đang sợ hãi. Nhưng tất cả bọn họ đều sợ, và điều cậu ta nói là sự thật.

“Cảm ơn cháu, Antoine.” Nadolski quay sang Coleman. “Coleman, anh sẽ phụ trách nhóm còn lại trong khi tôi đi. Caitlin, đảm bảo cho mọi người ăn uống đầy đủ. Và mọi người nên ngủ một chút, mỗi người bốn tiếng cho đến khi tôi quay lại. Coleman và Caitlin sẽ ngủ luân phiên theo ca. Antoine Devereux, trình diện ở chỗ xe thám hiểm Mặt Trăng tại mô-đun bốn sau bốn mươi lăm phút nữa.”

Cuộc họp đến đó là tạm dừng.

SIMONE

Trời chưa sáng hẳn trên bầu trời Paris thì cơn mưa đã đánh thức cô gái mười bảy tuổi. Cô không nhớ rõ mình đã ngủ bao lâu, nhưng bên ngoài vẫn còn lờ mờ tối và cô cảm thấy mệt mỏi kinh khủng, kiểu cảm giác mỗi khi cô thức dậy sau khi mới ngủ được một hai tiếng đồng hồ. Nhưng gần đây cô đã quen dần với nó. Cô đã bị thiếu ngủ như vậy hơn hai tuần nay mà không hiểu vì sao. Cô đi ngủ sớm, ăn uống điều độ, và tập thể dục ba lần một tuần. Cô đi dạo khắp thành phố cùng Noël và uống trà nửa tiếng trước khi đi ngủ. Tất cả đều không giúp ích gì. Cơn mất ngủ của cô chỉ càng ngày càng trầm trọng hơn.

Cô dụi đôi mắt đau nhói vì thiếu ngủ, rồi lết ra khỏi giường.

Trời đã mưa liên tục bốn ngày, chẳng mấy chốc mà công viên quanh tháp Eiffel sẽ biến thành một vùng nước khổng lồ.

Cô và Noël đã ở bên nhau hơn một năm, và tình cảm giữa hai người vẫn đang tốt đẹp. Nói chung thì cô nghĩ vậy. Anh ta đã tới sống với gia đình cô hơn một tháng. Không rời cô một phút. Quần áo của anh treo trong tủ hoặc rải khắp sàn nhà; cả đồng sách của anh cũng vậy. Rồi những chiếc cốc anh mang từ dưới bếp lên nhưng không bao giờ mang xuống. Các buổi tối anh luôn ngồi trên ghế của cô và xem tivi của cô, với chiếc điều khiển trong tay.

Giờ đây nghĩ lại, dường như anh ta đã lảng lạng dọn đến, dần dần nhưng chắc chắn chiếm lấy căn phòng của cô, đẩy cô ra khỏi nó. Cô đứng đó bên cửa sổ tự hỏi phải chăng, rốt cuộc chính là tại

Noël mà cô không thể ngủ được nữa? Nhưng cô lập tức bác bỏ suy nghĩ đó.

Không phải anh ta. Mà là một chuyện khác. Một người cô nghĩ đã ra khỏi cuộc đời cô từ lâu.

Là vì Antoine.

Và có thể nói rằng cô đã biết thế ngay từ đầu. Nhưng vì sao chứ? Thật vô lí. Họ đã chia tay từ hơn một năm trước, và cô không còn yêu cậu ấy nữa. Cô đã vượt qua chuyện đó từ lâu, và hi vọng cậu cũng vậy. Họ đã yêu thật lòng, nhưng chuyện giữa họ không thành. Những chuyện không như ý vẫn xảy ra. Người ta phải chấp nhận và tiến lên.

Cơn mưa mau thêm, cùng với tiếng ồn từ Noël. Simone bước ngang căn phòng, ngồi xuống chiếc ghế thấp cạnh dàn stereo. Cạnh đó có một sọt đựng rượu chứa đầy những đĩa nhạc cũ của cô. Simone vẫn luôn thích tiếng nhạc ấm áp, trong trẻo phát ra từ những đĩa hát nhựa cô bật bằng chiếc máy thu bố cô tặng. Cô lật giở qua chồng đĩa, hầu hết đều của bố cô tặng, lơ đãng nhắc một chiếc ra khỏi sọt rượu và bật máy thu. Và khi cô nhận ra mình vừa vô tình chọn chiếc đĩa nào, cô bất chợt thấy man mác buồn.

Đó là album nhạc jazz *Somethin' Else* của Cannonball Adderley, một món quà từ Antoine. Trong khoảnh khắc cô do dự, nhưng rồi vẫn đặt nó lên máy.

Tiếng dương cầm và trống bắt đầu thận trọng, ngập ngừng, như thể đang rón rén lén quanh căn phòng, trước khi một nhạc công bộ hơi giận dữ tiến vào trong một giây phút ngắn ngủi. Âm thanh ấy biến mất rồi lại xuất hiện trong vài nhịp, rồi đến một quãng dừng ngắn, một khoảng lặng âm nhạc. Rồi nó ào đến: tiếng kèn

trompet nghẹn ngào vang lên như thứ nhạc cụ buồn bã nhất trên đời, và trong bản nhạc này nó quả thật là như vậy. *Les feuilles mortes*, những chiếc lá khô. Như thể mùa hè đã qua và mùa thu đã bước chập chững qua vùng ngoại ô, để rồi bắt gặp mùa đông ở giữa con đường.

Bản nhạc tuôn ra khỏi loa và đọng lại thành một lớp màng mỏng bọc quanh các bức tường mà không đánh thức Noël dậy, và Simone ngồi sâu vào ghế, vớ bao thuốc lá trên sàn nhà gần đó, châm lửa rồi khép hờ đôi mắt. Đó là bản nhạc hay nhất trong tất cả, khiến cô nhớ lại ngày Antoine tặng nó cho cô. Họ vừa đến rạp trên phố Laplace để xem một bộ phim cũ của Pháp tên là *À bout de souffle*, và đó chính là cảm giác của họ - nghẹt thở - như thể họ vừa khám phá ra một điều gì hoàn toàn mới.

Những ngày đó của họ hạnh phúc biết bao, mà cũng ngán ngủi biết bao.

Cậu ấy là người bị tổn thương nặng nề hơn, tội nghiệp chàng trai. Sau khi chia tay cô đã phát hiện ra cậu thường đứng trên tháp Eiffel, trên tầng quan sát đầu tiên, bên chiếc kính viễn vọng tự động to tướng ấy. Cô biết cậu thường hướng về phía tòa nhà của cô. Đêm hôm ấy cô đã lẻn ra và leo lên tháp, tìm đúng chiếc kính viễn vọng ấy, vặn để nguyên vị trí sau khi cậu đi. Cô nhét vào một đồng euro và không ngạc nhiên khi thấy mình đang nhìn vào chính phòng mình. Cô còn làm thế một vài lần sau nữa, chỉ để khẳng định nghi ngờ của mình rằng đêm nào cậu cũng đến. Lần nào cô leo đến bên ống kính, nó cũng chỉ thẳng vào phòng cô.

Một ngày vài tháng sau, khi cô quyết định kiểm tra ống kính lần nữa, nó được chỉ đi một hướng hoàn toàn khác. Tất nhiên điều đó có thể có nghĩa là đã có người dùng ống kính trong thời gian

sau khi Antoine đi, nhưng không hiểu sao cô lại chấp nhận rằng đó là dấu hiệu nói với cô rằng cậu đã tìm được việc khác để giết thời gian. Và giờ đây, khi cô gần như ước gì cậu đang đứng dưới cơn mưa ngoài kia quan sát mình, cô biết rằng cậu đã đi xa. Cậu đã gửi cô một tin nhắn ngay trước khi đi New York. Đó là tin duy nhất cô nhận được từ cậu kể từ khi họ chia tay.

Chào Simone. Tháng Bảy mình sẽ lên Mặt Trăng. Sự thật hoàn toàn đấy. Hi vọng cậu khỏe. Hẹn gặp lại từ mặt tối của Mặt Trăng.

Giờ thì cậu đã ở đâu đó trên kia, xa thật là xa. Tất nhiên cô đã nghe về cuộc rút thăm và về chuyến bay vào vũ trụ, như bất kì ai khác. Cô cũng từng nghĩ đến chuyện tham gia nhưng cuối cùng đã không làm. Cô nghĩ cơ hội thắng quá nhỏ nhoi nên chẳng đáng thử. Vậy mà cậu đã làm. Chỉ nghĩ đến thôi cũng thấy lạ lùng.

Ngay lúc này cậu đang làm gì?

Ai đang ở đó cùng với cậu? Cô nhớ mình đã được nghe rằng hai người thắng cuộc còn lại là con gái. Cô có thấy ảnh của họ không? Đã có quá nhiều điều về họ được đăng lên mạng kể từ khi tên của họ được thông báo. Và tờ báo *Le Figaro* đã cập nhật mọi thứ từ Mỹ hầu như hằng ngày. Nhưng không, cô không sao hình dung ra họ.

Có lẽ cô nên liên lạc với cậu khi cậu quay trở lại chẳng? Hay việc đó sẽ khiến cô có vẻ như thấy người sang bắt quàng làm họ? Không, cậu sẽ hiểu, cô nghĩ. Cô sẽ gọi. Ngay khi cô nghe được cậu đã trở về Paris.

Cô trở lại giường và kéo chăn đắp lên mình. Cuối cùng cô cũng lại ngủ thiếp đi – nhưng đó là một giấc ngủ ác mộng đầy những hình ảnh quá chân thực mà cô có thể thể chúng đã xảy ra.

Cô bị mắc kẹt trong một hành lang tối. Xung quanh thật khó thở. Có ai đó đang đuổi theo cô. Cô không nhìn thấy ai nhưng có thể nghe thấy tiếng động kẻ đó gây ra, ai đó hay thứ gì đó đang tiến đến gần từng bước một. Và đâu đó từ đằng xa cô nghe thấy Antoine hét gọi tên mình. Và cả điều gì khác nữa. Cô căng tai lắng nghe xem cậu có nói gì. Nhưng dường như giọng của cậu vọng đến từ dưới nước, như thể không có gì cho âm thanh truyền qua. Có thứ gì tiến lại càng lúc càng gần. Cậu lại hét lên, và cô nghĩ lần này mình đã nghe thấy. Cái bóng kia tiến gần hơn nữa. Có thứ gì vượt qua tay cô. Antoine lại hét lên và cô nghe rất rõ. *Chạy mau đi!* Cậu hét. Ngay lúc đó cả hành lang được chiếu đèn sáng rực, và Simone đang nhìn thẳng vào...

Cô giật mình choàng tỉnh, toàn thân ướt đẫm mồ hôi lạnh. Hơi thở tắc nghẽn.

Sáng ngày hôm đó cô nghe tin xấu. Nhiệm vụ trên Mặt Trăng đã lâm vào khủng hoảng.

Antoine...

Simone và Noël ngồi cứng đờ trước màn hình tivi suốt từ sáng đến chiều, trong khi bản tin trực tiếp cố gắng rọi ít nhiều ánh sáng lên điều đã xảy ra ngoài vũ trụ. Các chuyên gia đi theo những giả thuyết phức tạp, còn Nhà Trắng thì tổ chức buổi đầu tiên trong chuỗi họp báo do tổng thống đích thân đứng ra phát biểu, nhưng chẳng thể đem lại bất cứ điều gì ngoài hi vọng mọi chuyện sẽ tốt đẹp. Không ai biết chắc điều gì, và họ chỉ biết phỏng đoán, vẽ những biểu đồ, đưa ra dự đoán về điều có thể đã xảy ra. Nhưng dù thế nào đi nữa, kết luận cũng chỉ có một: Trừ khi các phi hành gia

và các thiếu niên kia có thể tự trở về, chẳng ai làm được gì để giúp họ.

Noël, biết rằng Antoine là bạn trai cũ của Simone và là một trong ba thiếu niên kia, cũng chú tâm không kém vào bản tin trên truyền hình, nhưng giờ đây anh ta đã không chịu thêm được nữa. Anh ta đã phát chán tất cả mớ chuyện này. Không một nỗ lực nào trong việc nối lại liên lạc với DARLAH thu được kết quả, và chẳng thể làm gì hơn là chờ đợi.

“Sao mình không làm gì khác một chút đi, Simone? Anh không biết anh còn nghe mấy thứ này được bao lâu nữa. Mình ra ngoài đi dạo một lúc chẳng hơn à? Hay là đi xem phim hay gì đó đi? Cứ ngồi đây cả ngày thì phí lắm, em nghĩ sao?”

Simone tiếp tục dán mắt lên màn hình tròn một phút nữa rồi mới quay lại nhìn anh ta. Một ý nghĩ đã hình thành từ lâu giờ nổi rõ trong đầu cô.

“Noël” cô nói. “Kết thúc rồi. Em nghĩ tốt nhất là anh dọn về chỗ của anh đi.”

LIÊN LẠC

Mấy chiếc xe thám hiểm Mặt Trăng trông chẳng có gì hấp dẫn. Chúng không có thân xe để giảm thiểu trọng lượng, và Antoine đưa mắt nhìn hai chiếc xe với một vẻ ngỡ vực không giấu giếm. Về phần Nadolski, ông biết rằng mấy chiếc xe sẽ làm được nhiệm vụ của chúng; chúng chắc chắn đã đưa được các phi hành gia của Apollo 15 và Apollo 16 đến nơi họ cần đến.

Antoine đứng bên chiếc xe chờ Nadolski hoàn tất công việc tính toán. Trong chiếc mũ bảo hiểm và bộ đồ bảo hộ kền càng, trông cậu chẳng khác gì vị chỉ huy trưởng thành kia. Cả hai đều trông như những phi hành gia dày dặn kinh nghiệm khi họ lội bước quanh hai chiếc xe. Nhưng bên trong bộ đồ của Antoine chẳng phải người đàn ông trưởng thành nào cả. Chỉ có một thiếu niên người Pháp mười bảy tuổi vừa gặp thiếu nữ xinh đẹp nhất trên thế giới. Cuộc đời của cậu ở Paris bên Simone như đã lùi xa cả trăm năm trước. Cậu đột nhiên nhận ra mình khó mà nhớ ra được khuôn mặt bạn bè của mình. Cậu đã quên con đường ngắn nhất từ ga tàu điện ngầm Clemenceau đến Lafayette, con đường mà trước đây có bị bịt mắt cậu cũng đi được. Mọi thứ cậu từng quen đường như đang biến mất dần khỏi ý thức của cậu, chậm rãi mà chắc chắn. Và tất cả đều bị thay thế bằng thứ duy nhất còn có ý nghĩa với cậu lúc này: sống sót trở về. Sống sót trở về cùng Mia.

“Cháu sẵn sàng chưa?” Nadolski nói qua bộ đàm, cắt ngang dòng suy nghĩ của Antoine. “Nếu rồi thì lên cái xe bên trái kia đi.”

Tựa như mộng du, Antoine lững lờ bước tới chiếc xe bên kia và ngồi xuống sau bánh lái.

“Đi sát sau tôi, nếu có việc gì thì gọi lên nhé,” Nadolski ra lệnh. “Tránh xa đá tảng và miệng hố. Chúng ta sẽ đi về hướng bắc!”

Dứt lời, họ xuất phát không một tiếng động trên vùng đồng bằng xám mịn, bỏ lại DARLAH 2 phía sau. Chỉ có chiếc ghế rung rung là cho thấy chiếc xe đang được động cơ đẩy về phía trước. Antoine không khỏi cảm thấy rờn rợn vì trải nghiệm lần đầu lái xe trên Mặt Trăng này.

Họ nhanh chóng tiến về phía trước, dù mỗi giờ hai chiếc xe chỉ đi được hơn mười dặm. Vì trọng lực thấp nên chúng gần như lơ lửng trên mặt đất, và tốc độ có vẻ nhanh hơn thực tế. Antoine chầm chậm lắc lư sang hai bên như đang đi trên biển mỗi khi chiếc xe đi qua địa hình gồ ghề. Cậu bắt đầu thấy say xe.

Mấy phút sau, Nadolski cho xe chạy lên một triền dốc thoải. Antoine quay lại đúng lúc họ lên tới đỉnh dốc. Cậu thoáng nhìn thấy một lần cuối cùng khu căn cứ Mia đang ở trước khi hai người cho xe lăn bánh xuống mặt dốc bên kia.

Họ đã đi bao lâu rồi nhỉ?

Nadolski không chắc, nhưng chắc chắn là phải đủ lâu rồi mới đúng. Ông vẫn liên tục kiểm tra bản đồ trên đường. Có lẽ hai chiếc xe chạy chậm hơn ông nghĩ. Dù sao thì chúng đã nằm đắp chiếu ở đây suốt bốn mươi năm. Nhưng mặt khác, chúng đâu có bị phơi mưa phơi gió gì đâu, nên nói đúng ra chúng phải còn nguyên hiện trạng như lúc đầu.

Ban đầu ông cố tình lờ đi cảm giác bất an canh cánh trong lòng và đi tiếp qua vùng địa hình trống trải, vượt một thung lũng sâu

dưới lòng hồ. Nhưng cảm giác kia vẫn không tan đi, và cuối cùng cảm giác hoài nghi buộc ông phải kiểm tra đồng hồ. Ông đưa tay lên ra hiệu cho Antoine dừng lại.

Nadolski kiểm tra chiếc đồng hồ được gắn cố định vào bộ đồ du hành. *Cái quỷ gì...?* Đúng vậy, đáng lẽ họ phải đến nơi rồi mới đúng. Đáng lẽ ít nhất họ phải nhìn thấy khu vực mà Coleman đã chỉ trên bản đồ trước khi đi. Ông vẫy Antoine lại gần.

“Đồng hồ của cháu bảo sao?” Ông hỏi.

“Chúng ta đi gần năm mươi phút rồi ạ,” Antoine đáp. “Có chuyện gì sao?”

“Chúng ta đi quá rồi,” Nadolski thông báo.

“Đi quá ấy ạ?”

“Hoặc là đi nhầm đường, tôi không biết nữa. Có gì đó không đúng.”

“Cái gì ạ?” Antoine hỏi, giọng đầy hoang mang.

Nadolski không biết phải trả lời thế nào. “Chúng ta... ừm... chúng ta gặp chút vấn đề với bản đồ. Nhưng sẽ ổn thôi. Không có gì phải lo cả.”

“Chú đang trấn an cháu hay chính chú vậy?” Antoine đáp lại, cố nặn một nụ cười có vẻ dũng dũng, nhưng không thành công cho lắm.

Nadolski giả bộ không nghe thấy và quay lại tập trung nhìn bản đồ. Ông càng khó tập trung hơn vì Antoine vẫn đang đứng bên cạnh chờ ông cho biết họ phải đi hướng nào. Ông đã được huấn luyện cho nhiệm vụ này suốt nhiều năm, và ông biết rằng

Antoine chẳng thể làm gì được. Chỉ mình Nadolski có thể đưa họ ra khỏi mớ lộn xộn này.

Nhưng điều đó cũng không thay đổi được một sự thật khó chấp nhận: Ông không hề nhận ra bất cứ điểm tương đồng nào giữa tấm bản đồ mình đang xem xét và cảnh vật thực tế mình đang nhìn thấy trên Mặt Trăng.

“Antoine, cháu có thấy ngọn đồi nào gần đây không, cao khoảng hơn bảy mươi mét gì đó?”

Antoine nhìn quanh quất khắp vùng đất hoang vu. “Không ạ.”

“Cháu bảo chúng ta đã lái xe suốt năm mươi phút, đúng không?” Nadolski hỏi, Antoine gật đầu. “Được rồi. Xem nào... Giả sử tốc độ chạy của chúng ta là khoảng chín hay mười dặm một giờ... thì nghĩa là chúng ta đã đi được khoảng trên dưới tám dặm rồi, đúng không?”

“Có vẻ thế ạ.”

“Được, bây giờ thế này: Chúng ta quay lại đúng con đường chúng ta vừa đi qua trong khoảng mười phút, rồi dừng lại xem lần nữa. Có lẽ chúng ta đã đi quá cổng vào mà không biết. Dù sao thì cái căn cứ đó nằm dưới lòng đất mà.”

Họ bước lại xe và khởi động, quành xe rồi theo vết bánh xe trở lại đúng con đường mình đã đi.

Trong khi đó Caitlin đang ngồi cùng Coleman trong ánh sáng đỏ của hệ thống điện khẩn cấp trong nhà bếp của DARLAH 2. Mia và Midori đã được cho về phòng và được lệnh ngủ lấy vài tiếng. Coleman cố gắng đun chút nước để pha thứ cà phê sấy đông ông tìm thấy trong kho ở mô-đun một. Có gì đó trong mùi hương của

cà phê khiến mọi thứ có vẻ an toàn hơn. Dường như nỗi sợ ông cảm thấy khi biết rằng *Demeter* không dùng được nữa đã được đẩy lùi nhờ hương vị của món cà phê sấy đông này. Chắc hẳn là vì mùi hương đó gợi ông nhớ về Trái Đất, về quán cà phê ở góc Đại lộ Số Hai và Phố Bảy Mười Chín, nơi ông luôn ăn sáng mỗi khi về nhà ở New York. Họ sẽ an toàn trở về. Họ sẽ được cứu. Chắc chắn phải thế.

Ý nghĩ của ông xoay sang Nadolski và Antoine. Họ sẽ tới DARLAH 1 sớm thôi. Với chút may mắn, Nadolski sẽ kích hoạt được trạm điện và lên đường quay về mà không gặp... vấn đề gì. Và sau khi ông và Caitlin nối lại được liên lạc với Trái Đất, Coleman biết ông sẽ làm gì. Ông sẽ mời mọi người vào bếp, và họ sẽ cùng nhấm nháp từng ngụm cà phê ấm nóng. Cả lũ trẻ nữa. Tập uống cà phê không bao giờ là quá sớm cả.

Thấy nước đã sôi ông liền rót nó từ ấm đun vào hai chiếc tách mình đã mang ra bàn. Caitlin lấy một túi cà phê và đổ vào tách của mình. Coleman đưa cô một chiếc thìa, và cô lơ đãng khuấy vài lần trước khi nhấp một ngụm.

“Trời ạ, Coleman, cả vị cà phê cũng cũ nữa.”

Ông thấy thoáng bực mình trước nhận xét của cô. *Người phụ nữ này làm sao vậy? Giờ lại còn phàn nàn cả mấy chuyện lẻ tẻ nữa sao? Giá mà cô biết mình đang đối mặt với thứ gì, Caitlin Hall. Tin tôi đi, cà phê cũ chẳng là gì cả đâu.*

“Phải rồi, cả thuốc kháng sinh và morphin trong phòng y tế cũng cũ đấy,” ông lạnh nhạt trả lời. “Nếu phải dùng đến chắc cô không phàn nàn đâu nhỉ?”

Caitlin đặt tách cà phê xuống bàn và đẩy sang một bên để nhấn mạnh ý kiến của mình. Rồi cô nói thêm, “Tôi biết chuyện này chẳng mới mẻ gì với anh nữa, Coleman. Tôi biết anh đã biết hết về DARLAH 1 và DARLAH 2 suốt nhiều năm rồi. Nếu anh còn biết gì hơn chúng tôi về vụ mất điện hay mất liên lạc này, thì anh nên nói luôn đi.”

Coleman cố ra vẻ cười khẩy nhưng không mấy thành công.

“Chẳng có gì để mà biết cả, Caitlin ạ. Chúng ta đang gặp vấn đề ở đây. Chúng ta cố gắng hợp lực giải quyết nó. Thế thôi.”

“Tôi không thích kiểu của anh, Coleman ạ. Tôi chẳng thích tí nào. Cái kiểu lính già đầy lòng trung thành và danh dự ấy. Nếu anh biết điều gì về vũng bùn mà chúng ta đang sa vào ngay lúc này ấy, Coleman... Nếu anh cố tình giữ bí mật...”

“Caitlin, tôi không thể nói được. Có thể tôi đã đọc vài báo cáo không được công bố rộng rãi, đã nghe được vài tin đồn ở chỗ này chỗ khác, nhưng những chuyện đó chẳng giúp được gì cho chúng ta đâu.”

“Tin đồn về cái gì?”

Coleman nhấp cà phê để kéo dài thời gian. “Nói ngắn gọn là tin đồn rằng chúng ta không phải những phi hành gia đầu tiên gặp phải vấn đề khó giải thích trên Mặt Trăng.”

“Gì cơ?”

“Tôi không thể nói gì hơn với cô được. Tôi không muốn. Việc đó chẳng có ích lợi gì cả mà chỉ khiến cô lo lắng thêm thôi. Có khi lúc này họ đã đang lên kế hoạch giải cứu chúng ta rồi.”

Caitlin dõi theo vẻ mặt ông. Cô thấy vẻ thụ động như thường lệ, cùng nụ cười nửa miệng bí hiểm quen thuộc. “Anh tin thế thật à, Coleman?”

“Không, Caitlin.” Coleman gục đầu vào hai tay. “Họ nghĩ chúng ta chết cả rồi, cô có hiểu không?”

Cô lắc đầu. “Anh nhầm rồi. Họ sẽ không bao giờ giả định như vậy. Họ sẽ nỗ lực hết sức... đấy là chưa kể chính anh cũng biết vụ này sẽ thành một vụ bê bối ác mộng nếu họ không...”

Coleman bỏ ngoài tai những hi vọng hão huyền của Caitlin. Ông biết rằng trong những phòng họp kín, cả nhiệm vụ này – và mọi người trong nó – đều bị coi là đã chết chừng nào NASA chưa nhận được một tín hiệu nào đó khẳng định điều ngược lại.

Bởi vì trong những phòng họp kín đó, họ biết trong quá khứ đã có chuyện gì xảy ra ở nơi này.

Cái cảm giác ngán ngủi, gần như kì diệu mà ông từng có khi ngửi mùi cà phê rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn đột nhiên biến mất.

Nadolski đi theo sát vệt bánh xe, nhưng vẫn không nhận ra thứ gì cả. Thậm chí ông còn không nhớ mình đã từng đi qua khu vực này vài phút trước. Ông định kiểm tra lại bản đồ thì nghe thấy tiếng chửi thề qua bộ đàm. Là Antoine.

“Devereux, có chuyện gì thế?”

Mấy giây sau cậu mới trả lời. “Hình như cháu cán phải cái gì đó.”

“Ở yên đấy, tôi quay lại ngay.”

“Vâng.”

Nadolski quành một vòng rộng sang bên trái và nhận ra chiếc xe của Antoine cách đó chừng một trăm mét ở phía sau. Khi quay lại ông nhận ra ngay vấn đề là gì. Antoine đã va bánh trước bên trái vào một tảng đá lớn và làm gãy trục xe. Chiếc bánh xe nằm bẹp trên nền đất xám.

“Cháu vô cùng xin lỗi. Thật đấy. Cháu không biết chuyện gì đã xảy ra nữa.”



Nadolski nhìn cái xe hỏng. Ông không thể làm gì được ở ngoài này.

“Làm thế nào bây giờ?” Antoine tuyệt vọng hỏi, bước vòng qua chiếc xe để nhặt bánh xe bị rời ra lên.

Thiết bị cũ. Nadolski thầm nghĩ. *Mọi thứ trên cái chuyến đi này đều cũ nát cả ra.*

“Không có gì nghiêm trọng cả,” Nadolski trấn an. “Cả hai chiếc xe đều được lắp ráp để chở thêm hơn bốn trăm năm mươi cân, nên cháu có thể ngồi chung xe với tôi. Đây đúng là chuyện tôi đã dự...”

Ông không kịp nói hết câu. Có một thứ trên nền đất lọt vào mắt ông. Ông quỳ sụp xuống và cảm thấy mồ hôi lạnh chảy dọc sống lưng trong bộ đồ du hành. Giờ thì ông đã hiểu.

“Devereux!”

Antoine thả cái bánh xe xuống và quay lại chỗ Nadolski thật nhanh, nhưng bộ đồ công kênh cộng thêm trọng lực yếu khiến cậu cử động thật chệch choạc, khó khăn lắm mới giữ được thăng bằng.

“Cháu có thấy những vệt bánh xe này không?” Nadolski hỏi. Antoine gật đầu. “Tốt. Tôi chỉ hỏi lại cho chắc thôi. Đã lâu chúng ta không được ngủ tử tế. Giờ tôi hỏi tiếp: Cháu có thấy những vệt bánh xe này không?” Nadolski chỉ vào một cặp vệt bánh xe khác chạy song song hai vệt trước.

Antoine lại đáp rằng có.

“Đây là những vệt xe chúng ta bám theo từ khi quay trở lại,” Nadolski giải thích.

“Và ý của chú là...?” Antoine hỏi.

Nadolski nhìn cậu. Có thể thấy ngay cậu đang lo lắng, như thể cậu đã biết rằng mình sắp nhận tin xấu.

“Đây không phải vết bánh xe của chúng ta.”

“Nghĩa... nghĩa là sao ạ? Cháu không hiểu. Trông giống hết nhau mà?” Antoine hỏi.

“Không, nhìn kĩ lại đi,” Nadolski đáp. “Đây là vết xe của chúng ta, thấy không? Giờ nhìn cái kia xem. Cháu thấy đường vạch ở giữa không? Không chiếc xe nào của chúng ta để lại vết bánh xe như vậy.”

“Có lẽ là từ một nhiệm vụ khác chẳng?” Antoine thử góp ý. “Như khi họ xây dựng cái trạm điện chẳng hạn.”

Nadolski vung tay. “Không, Antoine. Theo Coleman nói thì nó được xây dựng từ xa chứ không có phi hành gia nào trực tiếp xuống đất làm cả. NASA chưa bao giờ đến chỗ này. Và cả chúng ta cũng vậy, dù chỗ này là đâu đi nữa. Cách đây một giờ những vết bánh xe này còn chưa tồn tại.”

“Chú muốn nói gì?” Antoine đáp, giọng run rẩy.

“Tôi muốn nói rằng chúng ta đang gặp nguy hiểm.”

Chỉ vài giây sau họ nhìn thấy hai cái bóng cách họ chừng ba trăm mét. Chúng đang tiến về phía họ, chậm rãi, nhưng càng lúc càng gần.

Cả hai đều không hề đội mũ hay mặc đồ du hành.

Chúng không phải vật lộn trong trọng lực yếu của Mặt Trăng.

Chúng đang bước đi tự nhiên như thể đang bước trên Trái Đất.
Và chúng đang tiến lại gần.

Không còn nơi nào để trốn. Không thể chạy thoát.

Điều cuối cùng Antoine nhận ra là một trong số chúng trông giống hệt Nadolski.

Và tên còn lại trông giống hệt cậu.

Rồi mọi thứ biến thành một màn trắng đầy tiếng ồn, rồi Antoine Devereux mất dần ý thức.

Coleman vừa uống cà phê vừa gõ ngón tay vào cạnh bàn. Đáng lẽ họ phải về lâu rồi mới phải. Ông đã cho họ khoảng thời gian dài gấp đôi cần thiết mà vẫn chưa thấy hay nghe hồi báo gì từ họ cả. Ông đã gọi họ liên tục qua bộ đàm, nhưng chừng nào họ còn ở xa ngoài một dặm, họ sẽ không nghe thấy.

Chắc chắn đã có gì không ổn. Chắc chắn họ đã thất bại trong việc vận hành lại trạm điện. *Có thể nào... không...*

Cổ họng Coleman nghẹn lại và trí óc ông tối sầm, như thể có kẻ vừa đổ hắc ín ấm nóng và nhầy nhụa vào đầy đầu ông. Ông phải cố sức trấn tĩnh mới có thể hít thở bình thường. Đã năm mươi năm rồi ông chưa từng có cảm giác thế này, từ khi ông chín tuổi.

Năm đó, vào một ngày thứ Bảy của tháng Bảy, ông còn nhớ như in. Mẹ ông đã cho phép ông đến thăm bạn sống ở phố Đông Sáu Mươi Lăm, dù khi đó ông còn chưa đủ lớn để có thể lang thang một mình quanh thành phố New York. Bà đã đưa ông tiền đi taxi và nhờ người gác cửa gọi xe cho ông. Nhưng ông quyết định đi bộ để dành tiền mua thứ khác. Kẹo chẳng hạn. Ông quyết định đi tắt qua Công viên Trung tâm, có lẽ sẽ ghé vào sở thú để xem có con

vật nào mới không. Nhưng trên đường ngang qua công viên, một bóng người đột nhiên trườn ra khỏi bụi cây và tóm lấy ông. Coleman bị kéo vào sau một thân cây, và điều tiếp theo ông nhớ được là một người đàn ông dí súng lục vào đầu ông. Coleman lôi chỗ tiền taxi từ trong túi ra đưa cho hắn, nhưng người đàn ông nọ chỉ cười nhạt và lên cò súng.

“Mày sẽ chết năm bao nhiêu tuổi nhỉ?” Hắn hỏi.

Coleman không trả lời, chỉ cảm thấy họng súng dí sát vào thái dương mình và nước tiểu chảy dọc xuống hai ống quần.

“Mày sẽ không lớn được thêm ngày nào nữa đâu,” hắn nói và nổ súng.

Coleman nghe tiếng khẩu súng kêu “cách” một tiếng và biết rằng ổ đạn trống rỗng.

“Mày cảm thấy không?” Hắn ấn khẩu súng mạnh hơn vào đầu ông.

Coleman tin chắc rằng nòng súng sẽ chọc thủng đầu ông. “Có,” ông thì thầm.

“Khẩu súng này đựng được sáu viên đạn. Nhưng chỉ được nạp có một viên thôi. Mày nghĩ mày sẽ sống được bao lâu?”

“Cháu không biết.”

“Mày cùng đếm với tao nhé?”

Coleman không đáp.

“Mình qua số một rồi, đúng không?”

Người đàn ông lại bóp cò. Một lần nữa, khẩu súng lại kêu lách cách.

“Hai.”

Cách.

“Ba.”

Cách.

“Bốn”

Cách.

“Năm. Đến rồi đấy.”

Đó chính là lúc ông cảm thấy cùng cảm giác ông đang có lúc này, khi đứng trong một hành lang của DARLAH 2. Thứ cảm giác rằng chẳng còn hi vọng gì nữa. Rằng mọi điều tốt đẹp trên đời cũng không thể cứu được ông khỏi cái ác đang đứng ngay bên cạnh.

Lần thứ sáu chẳng bao giờ đến. Người đàn ông đó dí súng vào đầu ông một lúc lâu, rồi đột nhiên hạ xuống và bỏ đi. Coleman ngồi sụp xuống bãi cỏ, và điều tiếp theo ông nhớ được là khuôn mặt của một phụ nữ trẻ, hỏi ông có làm sao không. Cô ta đưa ông về nhà và mẹ ông mời cô ta uống cà phê. Coleman vẫn còn nhớ rõ, mùi hương cà phê tỏa khắp căn hộ và chậm chậm kéo thế giới của ông về bình thường.

Ông dừng lại trong hành lang tối, không biết mình đang đi đâu. Từ đâu đó đằng xa ông nghe tiếng bước chân, tiếng gót giày nện trên sàn kim loại. *Chắc là hai cô bé con, ông nghĩ. Chúng nó đang làm gì thế? Lẽ ra chúng nó phải đang ngủ chứ.* Không buồn suy nghĩ ông quay đầu trở lại gian bếp ở mô-đun hai. Caitlin vẫn đang ngồi cạnh chiếc bàn lớn hình tròn.

“Tôi sẽ ra ngoài tìm họ,” Coleman nói.

Cô lo lắng nhìn ông. “Coleman, anh nói gì thế?”

“Họ đi hơn bốn tiếng rồi,” ông nói. “Đáng lẽ họ phải về từ lâu rồi. Tôi sợ rằng họ đã thất bại.”

“Họ lấy cả hai chiếc xe đi rồi, Coleman.”

“Tôi sẽ đi bộ. Để mắt đến lũ nhỏ nhé,” ông nói rồi quay bước ra khỏi căn phòng.

Coleman bước nhanh đến phòng thiết bị, lấy một bộ đồ xuống mặc vào. Ông nhấc một bình ôxy lên đeo trên lưng rồi bước vào phòng giảm áp.

Lần này đến lượt ông.

Coleman mở chiếc hộp kim loại bên cạnh cánh cửa và ấn mã mở lên bảng số. Đó là một mã số chỉ mình ông biết. Đèn cạnh bảng số bật xanh rồi ông nghe thấy tiếng động cơ khe khẽ vang lên. Ông ấn nút trên tường, cánh cửa đóng lại sau lưng ông. *Tốt, ít nhất vẫn còn có thứ hoạt động được*, ông nghĩ. Rồi ông bật một công tắc trên tường, không khí trong phòng nhanh chóng bị hút ra. Cánh cửa dẫn ra bề mặt Mặt Trăng bật mở và ông bước ra ngoài.





Mia thấy chóng mặt khi tỉnh dậy. Cô đã ngủ bao lâu rồi nhỉ? Cô không biết nữa. Đầu đó trong đầu cô vang lên tiếng nhạc. Có ai đó đang hát. Mất một lúc cô mới nhận ra rằng mình vẫn đang đeo tai nghe. Mia thong thả ngồi dậy trên giường và cầm iPod lên. Là Talking Heads. Bài hát có tên “(Không có gì ngoài) Những đóa hoa,” và cô thuộc nó gần như nằm lòng. Đó là một thế giới sau ngày tận thế. Nhân vật trong bài hát đang thả bộ trong một vùng rộng mở, nhớ lại mọi thứ lúc này không còn tồn tại nữa: Cửa hàng tiện lợi, bánh nướng anh đào, bánh quy sô-cô-la, trung tâm thương mại, và nhà cửa. Cô có thể tưởng tượng ra anh ta loạng choạng bước trên một hành tinh hoang vu cỏ dại mọc đầy. “*Nếu đây là thiên đường, tôi ước mình có máy xén cỏ,*” Cô tưởng tượng anh ta tìm kiếm trong tuyệt vọng những dấu hiệu của một thứ gì mình có thể nhận ra. “*Đây từng là Pizza Hut, giờ chỉ còn hoa cúc phủ bạt ngàn.*”

Mặt Trăng còn tệ hơn thế, cô thầm nghĩ, vì ở đây chẳng có gì mọc lên. Nếu cô phải ở đây cả năm thì sẽ ra sao? Cô có thể chịu đựng được không đây?

Tiếng nhạc đột nhiên dừng bật.

Cô nhìn xuống chiếc máy nghe nhạc. Dòng chữ Low battery hiện lên vài giây rồi chiếc máy tắt ngấm. Cô đã dự liệu chuyện này sẽ xảy ra. Cô đã chuẩn bị tinh thần, nhưng nó vẫn khiến cô đau khổ. Từ giờ thế giới của cô sẽ không còn âm nhạc nữa.

Cô vội vợ lấy giấy bút để ghi lại ca từ vào cuốn sổ của mình. Như vậy ít nhất cô còn có thể giữ cho bài hát sống thêm ít lâu nữa. Nhưng ý nghĩ đó bị cắt ngang bởi một suy nghĩ khác: *Họ phải về rồi chứ nhỉ? Antoine và Nadolski hẳn phải đến DARLAH 1 trở về rồi.*

Nghĩ vậy cô lập tức ra khỏi giường và mặc quần áo vào. Cô nôn nóng bước đến ô cửa sổ nhỏ nhìn ra ngoài, hi vọng biết đâu sẽ nhìn thấy dấu hiệu nào đó cho thấy họ đang trở về. Nhưng chẳng có gì cả. Không một thứ gì. Chỉ có mặt đất xám xịt tang tóc trải dài ngút mắt.

Nhưng rồi, có một thứ gì đó.

Ban đầu cô nghĩ bộ não thiếu ngủ của mình đã đánh lừa mình. Nhưng khi dí sát mặt vào ô kính và nhìn kỹ cái thứ cô nghĩ mình vừa nhìn thấy...

Dấu chân.

Ngoài đó rõ ràng có dấu chân.

Nhưng chưa hết.

Những dấu chân đó quá rõ, cô có thể nhận ra ngay những đường nét nổi bật của chúng.

Bốt lính dù, cô từng sống sót nghĩ. Giống hệt của mình.

“Midori? Midori!” Mía kéo cô bạn cùng phòng đang ngủ say trên giường. “Dậy đi!”

Midori chậm chạp mở mắt ra và bối rối hỏi: “Gì thế?”

“Có người ở đây!”

Midori ngáp và dụi mắt. “Nghĩa là sao? Họ quay về rồi hả? Chúng ta được cứu chưa?”

“Không, có ai đó ngoài kia!” Mia chỉ ra ngoài cửa sổ.

Vài giây sau Midori đã đứng bên cạnh Mia, nhìn trân trân xuống lớp bụi Mặt Trăng. Cô cũng đã nhìn thấy.

Những dấu giày rõ nét trên nền đất.

Họ chạy qua các hành lang.

Họ chạy qua phòng máy tính, qua các cánh cửa vào mô-đun một, và vẫn chạy tiếp cho đến khi tìm thấy Caitlin trong phòng thông tin liên lạc. Cô đang ngồi gục trên máy truyền tín hiệu radio, cố gắng bắt nó hoạt động. Họ hỗn hển kể với cô về thứ họ đã thấy ngoài cửa sổ phòng ngủ và chờ xem cô phản ứng. Cô ngẩng đầu nhìn họ chờ đợi.

“Ồ. Phải, cô thấy rồi,” cô đáp, rồi quay lại với máy radio.

“*Cô thấy rồi* là sao!” Mia kinh hoảng gào lên. “Cái quái gì đang xảy ra thế này?”

Caitlin nhìn Mia bằng ánh mắt thất thần và nhún vai. Cô đáp, “Cô thấy nó khi đưa máy đĩa về phòng.”

“Nhưng...” Midori lên tiếng. “Thế nghĩa là gì? Chúng ta phải làm gì đây?”

“Chẳng có gì mà làm cả, thật đấy. Chẳng còn gì nữa.”

Mia nổi điên. “Caitlin, cô làm sao thế? Có ai đó ngoài kia, cô có hiểu không? Cánh cửa bị khóa trái bên ngoài, Wilson và Stanton bị nhốt. Cái tàu đổ bộ bị phá.”

“Nadolski và Antoine, không trở về,” Caitlin ủ rũ nói thêm.

Mia cảm thấy trái tim mình thắt lại như thể có vật nhọn cào xé cô từ bên trong. “Họ không... quay về ư?”

“Không.”

“Nhưng... cô đã thử liên lạc với họ chưa?”

“Bộ đàm của họ ở ngoài vùng phủ sóng. Coleman đã đi tìm họ rồi.”

“Tạ ơn Chúa,” Midori nói cùng một hơi thở dài đầy hi vọng.

Nhưng Mia nhìn quanh rồi chậm rãi hỏi, “Chú ấy đi bao lâu rồi, cô Caitlin?”

Đôi mắt Caitlin mờ mịt.

“Cô không biết... chắc là nhiều giờ rồi.” Dường như Caitlin đang bị thôi miên. Cô không có vẻ cảnh giác, hay hi vọng, hay buồn bã, hay lo sợ. “E là quá muộn để làm được gì cho Coleman thân mến rồi. Anh ta là người tốt đấy.”

Mia chớp lấy vai Caitlin lắc mạnh. “Cái quái gì *xảy ra* thế này? Sao cô lại nói như thể chú Coleman đã *chết*? Còn Nadolski và Antoine thì sao?”

“Chẳng có lí do gì để cho rằng họ còn sống. Bất cứ ai rời khỏi cái căn cứ này đều một đi không trở lại. Cô xin lỗi, các bé ạ. Giờ chỉ còn ba chúng ta thôi. Chúng ta phải cùng dũng cảm lên.”

Hai cô bé sững sờ nhìn Caitlin. Người phụ nữ này đang *phê thuốc* sao? Cô đột nhiên đổi đề tài và mỉm cười. “Các cháu muốn ăn uống gì trong khi chờ đợi không?”

“Chờ *cái gì* cơ chứ?” Mia hỏi, gần như hoảng loạn.

“Ừ thì... nguồn điện khẩn cấp rồi cũng cạn kiệt, rồi cái máy cấp oxy sẽ tắt. Sau đấy vài giờ thì oxy sẽ hết. Có lẽ chúng ta nên ăn một bữa. Hoặc chúng ta có thể kể chuyện cho nhau nghe. Cô không biết nữa.” Đường như Caitlin đã khóa chặt mọi cảm xúc và chỉ còn tồn tại trong trạng thái lơ mơ.

“Cô mất trí rồi, cô Caitlin!” Mia rầu rĩ kêu lên.

Caitlin phớt lờ. “Mia, máy nghe nhạc của cháu còn pin không?”

“Không!”

“Thôi được. Chúng ta đành không có nhạc vậy. Tất nhiên là chúng ta có thể hát...”

“Cô chịu trách nhiệm về bọn cháu cơ mà, cô có hiểu không vậy?” Midori hét lên. “Cô phải làm mọi thứ trong khả năng của mình chứ!”

Caitlin đáp lại với vẻ lãnh đạm và lặng lẽ. “Chẳng có gì để làm.”

“Vậy là cô cứ thế bỏ cuộc, ý cô là thế phải không?” Midori gào lên.

Caitlin giương mắt nhìn Midori chăm chăm khiến cô phát sợ. “Phải đấy. Cháu còn chưa bỏ cuộc sao?” Cô trả lời thành tiếng lầm bầm.

Midori tuyệt vọng dấn vào vai cô. “Không *công bằng!* Thật không công bằng!”

Caitlin đứng dậy túm lấy cánh tay Midori và đẩy ra xa, miệng rít lên, “Chà, tẻ quá nhỉ. Tội nghiệp ghê. Lẽ ra cháu nên ở nhà mới phải chứ!”

Hai cô bé chán nản rời phòng liên lạc. Mia khẳng định rằng họ nên rẽ vào phòng y tế dù chính cô cũng không rõ mình đang tìm kiếm thứ gì. Nhưng cô có một giả thuyết, và sau một vài phút lúng lúng đã tin chắc vào giả thuyết đó: Vài hộp thuốc Coleman chỉ cho họ trong thùng thuốc đã trống rỗng. *Caitlin. Caitlin đã đến đây. Cô ấy đã dùng thuốc làm mình tê liệt để vượt qua chuyện này.*

Mia kiểm tra các lọ thuốc Caitlin đã lấy, và thấy chúng gồm morphin và một vài loại giảm đau khá mạnh. Cô chỉ cho Midori xem, cô bạn chỉ lắc đầu không nói gì. Nói cho cùng thì họ chẳng thể làm gì cho Caitlin ngoại trừ việc để mặc cô trong trạng thái lãnh đạm mơ màng của mình. Ít nhất là ngay lúc này. Nhưng liệu điều đó có nghĩa là Caitlin nói đúng? Rằng họ không thể làm gì để cứu chính mình ngoài việc chờ đợi? Đợi nguồn điện phụt tắt? Đợi dưỡng khí biến mất khỏi các căn phòng và hành lang? Đợi cho họ ngạt thở và chết?

Hai người hầu như không nói chuyện trong khi quay lại nhà bếp. Họ đã lên kế hoạch, nhưng không phải bàn bạc lâu – chỉ vài câu từ người này và vài cái gật đầu từ người kia.

Ngay khi họ cảm thấy khó thở, họ sẽ tiến đến phòng thiết bị. Rồi họ sẽ mặc bộ đồ du hành vào và bước ra ngoài.

Họ sẽ tìm một địa điểm thích hợp, có thể là một ngọn đồi, một nơi có thể phóng tầm mắt nhìn ra khắp không gian. Rồi họ sẽ ngồi ôm nhau cho đến khi dưỡng khí cạn kiệt và khí ôxít carbon đầu độc họ, êm ả đưa họ đến với cái chết.

CAITLIN

Cô chỉ muốn ngủ. Cô muốn ngủ rồi thức dậy ở một nơi hoàn toàn khác. Bất cứ nơi nào cũng được. Dù là giữa một sa mạc ở của Mehico, không đồ ăn thức uống, với một tên tâm thần sát nhân hàng loạt đuổi sau lưng. Dù cô phải bò bằng hai đầu gối đầm máu qua vùng đất hoang đầy rắn rết và lang sói. Bất kì điều gì cũng tốt hơn phải ngồi giam mình ở cái nơi mà mọi việc đều bất khả thi này.

Điều duy nhất Caitlin mong đợi trong khi ngồi phủ phục trên chiếc bàn trong phòng liên lạc, là những viên thuốc có thể giúp cô vượt qua phần khủng khiếp nhất của nỗi sợ.

Sau khi Coleman rời căn cứ trong nỗ lực vô vọng nhằm tìm kiếm Nadolski và Antoine, cô đã đi lại qua các hành lang của DARLAH để đẩy lùi cơn lo sợ. Cuối cùng trong vô thức cô dừng lại ở phòng y tế, và hộp thuốc lớn với chữ thập đỏ tươi trên nó gần như mỉm cười với cô, như thể nó đang muốn nói: *Không sao đâu, cô không cần phải cảm thấy như thế này.* Cô mở nó ra và tìm thấy đủ thứ thuốc từ penicilin cho đến ống tiêm adrenaline, morphin, valium, và một đồng các loại thuốc gây mê và giảm đau khác, cùng những thiết bị sơ cứu thông thường.

Căn phòng cô đang ngồi khá lớn. Phòng y tế là một phần của mô-đun bốn và được thiết kế để vài bệnh nhân có thể nằm cùng lúc. Ở giữa phòng có bốn cái bàn, vừa để làm giường bệnh vừa để làm bàn mổ. Những ngăn tủ treo đầy trên các bức tường chạy

theo hình bầu dục của căn phòng. Trông nó như thể được nhắc ra từ một bộ phim khoa học viễn tưởng cũ kỹ, nơi cô thấy mình đóng vai nữ chính chuẩn bị thét văng lên trước một cảnh cao trào.

Tất cả những thứ này để làm gì chứ? Đồng dao mổ, kính hiển vi, áo khoác phẫu thuật, ủng cao su này? Đồng khoan, búa, cửa xương rùng rợn này?

NASA đã nghĩ chuyện quái gì sẽ xảy ra với những người được cử lên đây thế nhỉ?

Và vì sao lại có nhiều ngăn tủ bị khóa mà không thấy chìa khóa đâu?

Cô tin chắc rằng cái căn cứ này chứa đựng nhiều bí mật mà cô sẽ không bao giờ tìm ra đáp án. Mà thực tình cô cũng chẳng muốn tìm ra. Những câu trả lời ấy chắc chắn sẽ khiến cô khiếp hãi. Mà ngay lúc này cô chỉ muốn được yên.

Caitlin tóm lấy một lọ thuốc và một ống morphin, siết chặt chúng trong tay. Ngay lập tức cô cảm thấy tội lỗi.

Nếu uống những thứ này mình sẽ mất kiểm soát.

Kiểm soát gì chứ? Mà đã mất kiểm soát từ lâu rồi.

Mình không thể chịu đựng được nữa.

Mày phải giữ đầu óc tỉnh táo, Caitlin.

Tỉnh táo để làm gì? Làm gì có ai đến cứu chúng ta đâu?

Mày có trách nhiệm đối với mấy đứa trẻ!

Nhưng mình không thể làm được gì cho chúng. Mình cũng chẳng khác gì chúng. Mình muốn về nhà.

Nếu mày uống mấy thứ này, mày sẽ phá hỏng cơ hội cuối cùng mày có để trở về.

Cơ hội nào? Chẳng có cơ hội nào hết. Không còn nữa.

Những ý nghĩ hoảng loạn và mâu thuẫn bắt đầu khiến đầu óc cô choáng váng. *Thế là đủ rồi.* Cô bỏ nắm thuốc và ống morphin vào túi áo rồi quay trở về phòng liên lạc.

Caitlin biết rằng cô phải coi sóc Mia và Midori, nhưng chỉ riêng việc nghĩ rằng hai cô bé đang ở cạnh nhau ở đâu đó trong căn cứ đã đủ khiến cô thêm trầm uất. Đáng lẽ chúng không nên có mặt ở đây. Chúng nên ở Trái Đất cùng bạn bè và gia đình của chúng, chứ không phải ở cái nơi bị ruồng bỏ này. Nhưng mặt khác cô lại có phần ghen tị với chúng; chúng sần sần tuổi nhau, và còn có nhau làm bạn. Cô thì chỉ có một mình, chẳng có ai để nương tựa.

Cô trở lại mô-đun một với những bước chân trĩu nặng.

Caitlin ngồi xuống một chiếc ghế đối diện với bức tường lắp các thiết bị liên lạc và phát tín hiệu radio. Vô số bóng đèn nhỏ và màn hình hiển thị mà bình thường phải sáng nhấp nháy liên tục thì lúc này lại tối đen và im lìm. Đúng như cô dự đoán, không có gì xảy ra. Chán nản, cô ngồi sụp trên ghế, vùi đầu vào hai tay.

Mày đang làm gì ở đây hả Caitlin?

Cô cố gắng truy ngược lại kí ức để tìm hiểu xem mọi chuyện bắt đầu từ đâu.

Mùa hè năm ấy cô mười tám tuổi, đang đi nghỉ ở Mehico cùng George, người bạn trai hơn cô sáu tuổi. Họ đã thức cả đêm trên bờ biển, nằm ngắm nhìn bầu trời. Không có lấy một gợn mây, và không có ánh đèn của thành phố nên họ có thể nhìn thấy hằng hà

sa số những vì sao. Đôi khi họ thấy một vệt sao băng vắt ngang trên đầu.

“Ước đi,” George thăm thì.

“Gì cơ?” Caitlin hỏi.

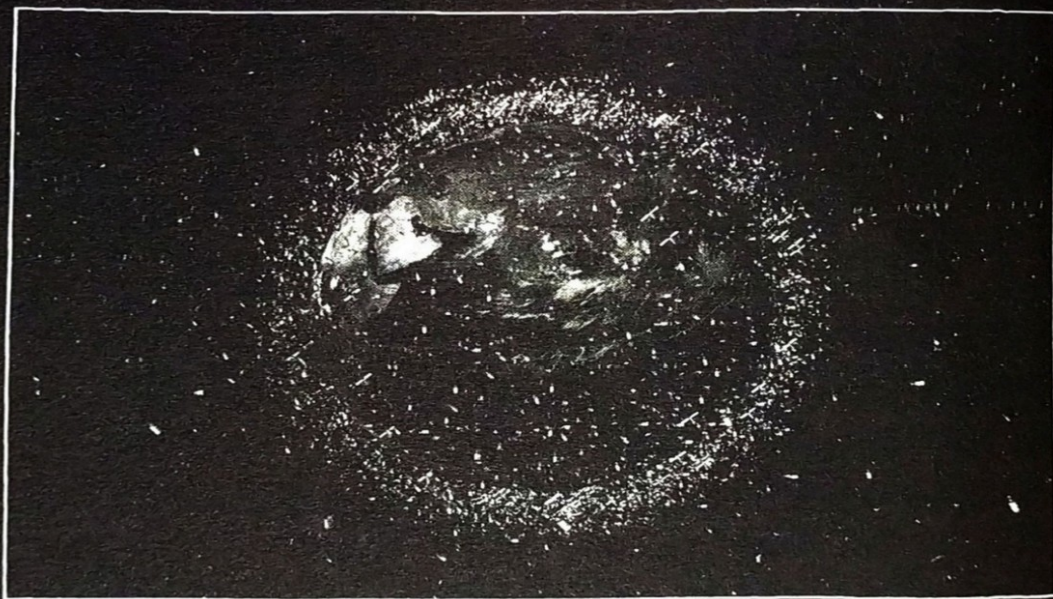
“Em có biết sao băng thực chất là gì không?”

“Thiên thạch.”

George gật đầu nhồm dậy, chống người lên hai khuỷu tay. “Đúng một phần. Nhưng hầu hết chúng là các mảnh vụn từ ngoài vũ trụ. Em biết đấy, tàu vũ trụ, vệ tinh, đủ thứ linh tinh chúng ta gửi lên trên đó từ cả thế kỷ trước ấy. Ngay lúc này có cả đồng máy quay với cờ-lê mỗ lết quay xung quanh Trái Đất. Chính vì thế nên bây giờ phóng tên lửa lên mới khó thế. Chính vì mớ mảnh vụn đó đấy.”

“Anh đùa phải không? Ý em là, nếu chỉ có máy quay với cờ-lê ốc vít thôi thì còn thiếu gì chỗ?”

“Mớ đồ nghề đó đang quay xung quanh Trái Đất với vận tốc mười bảy ngàn dặm mỗi giờ, tức là gần năm dặm mỗi giây. Và nếu đâm phải một thứ đang bay với vận tốc mười bảy ngàn dặm mỗi giờ thì chẳng hay ho gì, đúng không? Mà không chỉ có một đâu. Có hàng trăm thứ đang trôi nổi vô định, theo những quỹ đạo không xác định, nên không thể biết chắc được chúng đang ở đâu. Điên loạn lắm, Caitlin ạ.”



Nhiều năm sau, khi Caitlin đã trở thành một phi hành gia làm việc tại NASA và đang chuẩn bị cho nhiệm vụ lên Mặt Trăng, cô được xem một bản khảo sát do Cơ quan Vũ trụ Châu Âu, ESA, thực hiện, về mọi loại vật thể nhân tạo đang quay xung quanh Trái Đất.

George đã nói đúng. Quả thực có *rất nhiều thứ*. Quá nhiều. Nhưng anh cũng nói sai. Vì số lượng vệ tinh và thiết bị và đủ thứ khác không phải là hàng trăm, mà là hàng nghìn. Chỉ riêng vệ tinh đã có tới hai ngàn ba trăm, cung cấp cho các cư dân trên Trái Đất tín hiệu truyền hình, định vị GPS, và nhiều thứ khác. Và có lẽ đó là điểm khởi đầu cho niềm hứng thú của cô đối với vũ trụ, thứ sẽ theo cô suốt cuộc đời.

Cô vẫn thường nghĩ về nó, về cuộc trò chuyện đêm hôm ấy. Nếu không phải vì nó, có lẽ cô đã không bao giờ trở thành một phi hành gia, mà là một ai đó hoàn toàn khác. Một bác sĩ chẳng hạn, hoặc một kiến trúc sư.

Đột nhiên một máy radio phát ra tiếng lạo xạo. Trong khoảnh khắc Caitlin bừng tỉnh khỏi hồi suy nghĩ miên man và trở lại với hiện thực.

Radio đã hoạt động!

Radio đã hoạt động!

Toàn thân cứng lại vì căng thẳng, cô ngồi lắng nghe tiếng rè rè và mớ âm thanh vô nghĩa. Bóng đèn nhỏ màu đỏ trên thiết bị đã tự bật sáng. Máy thu tín hiệu đã hoạt động. Cô không hiểu vì sao, nhưng đó không phải là vấn đề cô quan tâm ngay lúc này. Điều quan trọng nhất là nó đang hoạt động. *Cô có thể liên lạc với Trái Đất!*

Vui mừng và phấn khích khiến cô run rẩy không sao dừng lại được. *Được rồi, cẩn thận, cẩn thận nào...*

Cô với tay phải ra và khẽ khàng vặn núm dò kênh. Tiếng lao xao ngừng bật ngay lập tức, và trong một giây cô đã sợ rằng mình vừa phá hỏng thứ gì đó. Nhưng rồi khi cô vặn núm dò kênh được nửa đường, nó lại xuất hiện, rõ ràng hơn. Giọng nói. Cô nghe thấy những giọng nói.

Không bỏ phí một giây, cô chộp lấy micro và chỉnh tín hiệu radio ở tần số khẩn cấp.

“Houston, đây là DARLAH 2, chúng tôi gặp một vấn đề!”

Cô chờ nghe tiếng trả lời trong vài giây, nhưng chẳng có gì.

Cô thử lần nữa. “Houston, Houston, đây là DARLAH 2, chúng tôi gặp một vấn đề! Căn cứ bị mất điện, và *Demeter* bị hỏng. Houston, các vị nghe thấy không? Đây là Caitlin Hall từ DARLAH 2. Alô?”

Không có gì.

Cô đổi sang các tần số khác và lặp lại lời nhắn vừa rồi tới máy thu tín hiệu ở Houston. Nhưng cả nơi đó cũng hoàn toàn yên lặng. Cô lập cập thử mọi tần số và kênh liên lạc. Thỉnh thoảng tiếng lao xao ban đầu lại vang lên, đôi khi đi kèm với những tiếng nói mơ hồ từ đằng xa, đôi khi chỉ là âm thanh rè rè vô nghĩa. Chán nản, cô ngồi lại trên ghế. Và ngay lúc đó giọng nói nổi lên rõ mồn một trên máy tiếng ồn. Nó đến từ một kênh tin tức. Cô thấy giọng của người phát thanh viên nghe quen quen.

“... NASA vẫn đang trốn tránh những cáo buộc gay gắt rằng cơ quan này đã hành động quá chậm trễ trong việc xúc tiến một kế hoạch giải cứu cho năm phi hành gia và ba thiếu niên đang bị mắc

kẹt trên Mặt Trăng. Tổng thống Mỹ cũng đang phải đối mặt với những lời chỉ trích nặng nề do ông đã kêu gọi mọi người dành một phút mặc niệm cho các thành viên của nhiệm vụ Mặt Trăng này. Lời phỏng đoán rằng cơ quan này đang giấu giếm thông tin đã làm nảy sinh những tin đồn rằng các quan chức của NASA có thể đã có những bằng chứng xác thực rằng không còn thành viên nào sống sót...”

“Không! *Không!*” Caitlin hét vào radio, bắn loạn vồ mạnh lên chiếc máy. “Đừng bỏ cuộc, chúng tôi vẫn còn đây, chúng tôi vẫn còn sống, các người *nghe thấy* không?” Bản tin bị cắt đứt giữa chừng, và chiếc loa phát ra một tràng tiếng kêu chói tai trong vài giây trước khi đột ngột tắt ngấm.

Cô xô ghế đứng bật dậy, đá vào chiếc máy radio. “Mình không thể chịu được nữa!” Cô rít lên, nước mắt chảy xuống mặt. Những tia lửa điện bắn ra khỏi ống thông hơi, và một mùi khói khét lẹt bắt đầu tuôn vào phòng.

Không buồn suy nghĩ, hai bàn tay run rẩy của cô lục tìm thuốc và morphin trong túi áo. Cô móc ra hai viên và nuốt chửng không cần nước.

Trong một giây cô cân nhắc mình nên làm gì, xem có còn lựa chọn nào khác hay không. Nhưng không có. Quả quyết, cô bẻ đầu ống morphin và cắm kim tiêm vào đùi xuyên qua lớp quần ngoài, ấn mạnh.

Chỉ sau vài giây morphin đã bắt đầu có tác dụng. Một tấm màn ấm áp nặng nề trùm khắp người cô và bọc cô trong lớp chăn dày dịu dàng của sự lãnh đạm vô tư lự.

TÍN HIỆU

Họ đã chờ đợi nó xảy ra. Nhưng khi nó thực sự xảy ra, họ vẫn thấy cực kì ngạc nhiên.

Nguồn điện khẩn cấp vụt tắt.

Midori và Mia đang ngồi trong bếp thì ánh sáng đỏ mà họ đã gần làm quen trong một ngày vừa qua cũng biến mất. Trong nháy mắt, nó bị thay thế bằng bóng tối mịt mù.

Midori đã tìm được mấy chiếc đèn pin trong kho từ vài giờ trước và đã đặt chúng lên bàn trước mặt họ trong khi chờ bóng tối tràn đến. Nhưng ánh sáng của chúng yếu hơn họ mong đợi rất nhiều. Để di chuyển được an toàn từ nơi này sang nơi khác họ phải cùng soi hai luồng ánh sáng chập chờn vào cùng một nơi. Những hành lang dài giống hệt nhau mà họ đã làm quen đột nhiên biến thành một mê cung xa lạ và vô tận. Nhưng họ vẫn tiến bước vào trong đó, dù không hiểu vì sao.

Với mỗi bước chân, Mia lại càng thấy nhớ Antoine, nhớ bạn bè, quê hương, cậu em trai Sander, và cả bố mẹ mình. Nhưng cô dồn những ý nghĩ đó vào sâu trong óc, ẩn chúng đi thật xa.

Mia và Midori không nói nhiều, cũng không ai nhắc đến việc họ đang đi loanh quanh vô mục đích, không dự định. Tốt nhất là không nói đến. Cứ đi tiếp, và đi mãi. Ít nhất như vậy cũng có vẻ bạn đang làm *gì đó* để giúp bản thân còn sống.

Vì chẳng bao lâu nữa sẽ đến lúc phải ngồi xuống. Và khi họ đã ngồi xuống, đó sẽ là lần cuối cùng.

Họ thấy Caitlin trong phòng khách, đang ngủ trên một chiếc sofa. Midori bước tới kiểm tra xem cô còn thở không, rồi họ để mặc cô ở đó và trở lại các hành lang.

Mia đề nghị đến phòng máy tính. Trước đây đó là khu vực cấm, nhưng hiện giờ khi chỉ còn lại hai người, chẳng có lí do gì phải tuân theo điều luật đó nữa. Cánh cửa khóa căn phòng đó giờ đã mở ra, và họ chỉ việc bước thẳng vào.

Mia nhìn quanh căn phòng bát giác và thấy đúng như mình lo ngại. Mọi thiết bị trong này có lẽ đều có từ đầu những năm bảy mươi. Máy chủ được đặt giữa phòng. Một chiếc ghế cố định vào sàn nhà đối diện màn hình, và các bức tường cùng trần nhà chi chít màn hình video cùng những bóng đèn nhỏ và nút bấm mà Mia nghĩ nếu sáng cùng lúc sẽ khiến cả căn phòng bùng lên như một công viên trò chơi. Cô ngồi xuống ghế và rên lên.

“Bọn mình chả có cơ hội nào với cái máy tính này đâu, Midori ạ.” Cô ấn tay vào nút trên máy tính vài lần. Chiếc máy phát ra một tiếng *xììì* khe khẽ, rồi một màn hình nháy lên trong khoảng khắc rồi tối đen trở lại. “Đây đúng là chuyện nực cười nhất trên đời. Họ nghĩ gì thế không biết? Chẳng lẽ không có ai phản đối hay sao? Họ thực sự nghĩ cái máy tính cổ lỗ sĩ này có thể hoạt động được mà không trục trặc gì sau cả trăm năm chắc? Thật không công bằng!” Cô thò chân đá chiếc máy, lần này rõ mạnh. Nó lại phát ra tiếng và sáng lên.

Nhưng lần này đèn máy tính không tắt đi.

“Midori, nhìn này,” Mia sửng sốt kêu lên. “Thứ này vẫn có điện!”

Một dòng chữ trắng sáng hiện trên màn hình đen.

HỆ THỐNG ĐÃ KÍCH HOẠT

“Mia, cậu làm gì thế? Đừng động vào nó.”

“Cậu không hiểu à? Tớ bật được nó lên rồi! Cả DARLAH này bị mất điện, nhưng máy chủ vẫn hoạt động. Cậu giải thích chuyện này thế nào?”

Midori không biết nói gì.

“Chắc chắn phải có thứ gì khác khiến nó chạy được,” Mia nói. “Nó có nguồn điện riêng, ở đâu đó.”

“Thử hỏi nó xem có ra được thông tin gì không?”

“Tớ hỏi gì bây giờ?”

“Tớ không biết. Hừm... thử hỏi về nguồn điện xem? Làm sao để có điện trở lại?”

“Được rồi, chờ chút.” Mia rướn người tới bàn phím và gõ.

TÌNH TRẠNG NGUỒN ĐIỆN

Cô ấn *enter*, và một giây sau câu trả lời xuất hiện.

NGUỒN ĐIỆN CHÍNH BỊ NGẮT BẰNG TAY

NGUỒN ĐIỆN KHẨN CẤP NGỪNG HOẠT ĐỘNG

VÀO LÚC 23:41 GIỜ MIỀN ĐÔNG

Ôi, khốn kiếp. Cô cảm thấy nỗi sợ hãi đè lên ngực mình, một cơn buồn nôn dâng lên cổ.

“Midori... nguồn điện không tự tắt. Có người đã tắt nó đi.”

“Làm sao cậu biết được?”

“Nhìn đây này. Nó nói rành rành ở đây này.”

BẰNG TAY

Hai từ đó sáng lên như chế nhạo. *Bằng tay*. Không còn nhầm lẫn gì nữa. Có ai đó, thứ gì đó, đã ở đây và cài cho nguồn điện tắt đi.

Mia lại cúi mình trên bàn phím.

BẬT ĐIỆN LÊN

Và câu trả lời lại nhanh chóng xuất hiện như lần trước.

MỆNH LỆNH VÔ HIỆU

MỨC ĐỘ ƯU TIÊN DP7 0271DE

TẮT CẢ NHÂN SỰ RỜI KHU VỰC

“Cậu nghĩ thế nghĩa là gì, Mia?”

“Nghĩa là cái máy tính không muốn bật điện lên. Hoặc là... nó *không thể*.”

“Cậu nghĩ Mức độ ưu tiên DP7 0271DE là gì?”

Mia đợi một lúc rồi mới trả lời. “Tớ không biết. Dù là gì đi nữa... tớ đoán nó cũng có nghĩa là chúng ta phải tự lo thôi.”

Midori lắc đầu như thể không thể hiểu nổi đoạn thông điệp này. Cô đổi chủ đề. “Thử hỏi xem làm thế nào để ra khỏi đây. Sơ tán, giải cứu, gì cũng được. Làm đi!”

Mia gồ.

TRÌNH BÀY KẾ HOẠCH SƠ TÁN

Cô nhấn *enter*, nhưng chẳng có gì xảy ra. Họ chờ đợi. Chiếc máy tính bắt đầu phát ra một tiếng ồn rầm rì khe khẽ, như thể nó sắp bị quá nhiệt. Màn hình nháy lên một loạt chữ số, nhưng không từ ngữ nào xuất hiện. Tiếng rầm rì biến thành tiếng o o rất lớn khiến hai cô bé phải bịt tai. Chiếc máy rung ngày càng mạnh. Cả khối máy móc lắc lư khiến đầu họ như bị dội thành thành cho đến khi âm thanh đột ngột dừng lại, và chiếc máy trở về đen ngòm.

Sau gần hai mươi giây yên lặng, câu trả lời xuất hiện.

KHÔNG CÓ LỐI THOÁT

Rồi màn hình lại tối đen trong một giây trước khi có thêm dòng chữ xuất hiện.

NGUỒN DƯỠNG KHÍ SẼ

NGỪNG TRONG 224 PHÚT

“Ai đang viết cái đó vậy?” Midori bực bội hét lên, đẩy Mia ra khỏi ghế. Cô bổ câu hỏi lên bàn phím.

AI ĐÓ??

Câu trả lời xuất hiện ngay lập tức.

011101110110010100100000

011000010111001001100101

001000000110110001100101

011001110110100101101111

011011100111001100101110

“Chẳng có nghĩa gì cả. Hỏi lại đi, Midori.”

AI ĐÓ?

Những kí tự mới xuất hiện trên màn hình.

ĐÂY LÀ 6EQUJ5

Mia đang định đổi cách hỏi với hi vọng nhận được một câu trả lời rõ nghĩa hơn, nhưng một câu mới lại xuất hiện trên màn hình trước khi cô kịp gõ. Một câu khiến Mia sợ hãi hơn hết thảy:

DERE KOMMER IKKE TIL Å OVERLEVE

Cô bất giác giật lùi ra xa màn hình, như thể những từ đó sẽ tấn công cô vậy.

“Tiếng gì vậy?” Midori nhìn vào hàng chữ hỏi.

“Đó... đó là tiếng Na Uy. Có nghĩa là...” Cô nhìn Midori với vẻ mặt nặng nề. “Nghĩa là ‘*Các người sẽ không thể sống sót.*’” Midori thở gấp một hơi, còn Mia lắc đầu trong hoang mang. “Sao nó biết tớ nói tiếng Na Uy nhỉ?”

Dòng chữ lưu lại vài giây rồi được thay thế bằng một dòng khác.

キミタチハシヌ.

Midori chỉ vào màn hình.

“Tiếng Nhật kìa! Trời ơi, nó biết chúng ta là ai.”

Đúng vào giây phút đó, màn hình tắt ngấm. Midori đá chiếc máy vài lần để bật nó trở lại, nhưng giờ đây nó như thể chưa bao giờ hoạt động. Họ cố gắng tìm khắp căn phòng thêm mười hay mười lăm phút nữa mà không thấy bất cứ thứ gì có thể làm nó hoạt động trở lại. Nhưng chiếc máy tính trong DARLAH 2 đã phát ra thông điệp của nó.

Hai người rời khỏi phòng máy tính với cảm giác bất an rằng có kẻ đang theo dõi họ từ trong bóng tối. Midori túm chặt tay Mia, và họ tiến từng bước trong căn cứ.

“Mình đi đâu bây giờ?” Midori hỏi.

“Đi khỏi đây,” Mia thăm thì, quả quyết kéo bạn mình theo sau.

Midori rơm rớm nước mắt. “Chẳng có nơi nào mà đi cả. Cậu biết mà.”

“Có đấy,” Mia đáp, dù chính cô cũng không rõ mình đang nói gì. “Đi nào. Không xa đâu.”

“Cái gì không xa?” Midori thút thít. “Bọn mình đang đi đâu?”

“Cứ bám chặt lấy tớ, được không?”

“Được.”

Họ bước vào một hành lang mà chưa ai trong hai người từng vào. Không khí có vẻ khác lạ. Có vẻ chứa sự sống. Mia nhận thấy rõ ràng mùi của cây cối, và của đất. “Cái gì thế nhỉ?” Cô thăm thì.

Mia và Midori cùng rọi đèn pin xuống sàn. Cây xanh mọc lên trước mặt họ. Cà chua. Bắp cải. Cỏ. Tất cả đã mọc um tùm và có mùi thối rữa.

“Bọn mình đang ở trong nhà kính. Ngoài máy cấp ôxy.”

“Dừng chân trong này một lúc được không?” Midori phàn nàn rất khẽ, gần như không nghe thấy. “Tớ không muốn đi nữa. Tớ không thể đi được nữa.”

Họ dừng lại lắng nghe. Chẳng có gì. Mia cúi xuống bứt hai quả cà chua và đưa một quả cho Midori.

“Này, ăn đi.”

“Gì thế?”

“Cà chua đây. Ăn đi.”

Hai người cùng cắn quả cà chua trong tay rồi nhả ra cùng một lúc.

“Eo,” Midori nói. “Để lâu quá rồi. Còn có mùi thép nữa.”

Mia chiếu ánh đèn pin lên hai quả cà chua. Một con sâu xám ngoét ngoạy chui qua một lỗ lớn trên lớp vỏ.

“Oe!” Midori ré lên, vứt quả cà chua đi. Nó va vào tường phát ra một tiếng *bụp* trầm đục, ướt nhẹp. Cô có thể nghe thấy tiếng nước quả thối rở xuống sàn.

“Midori? Cháu đấy phải không?”

Một giọng nói vang lên từ hành lang. Chờ câu hỏi lặp lại vài lần Mia và Midori mới rời nhà kính và bước ra. Trong ánh sáng yếu ớt từ hai chiếc đèn pin họ nhận ra ông ngay lập tức.

Đó là Coleman. Midori thở ra một hơi dài nhẹ nhõm. *Ông chưa chết!* Caitlin đã nhầm. Và nếu Coleman vẫn còn sống, có lẽ...

Trong một khoảnh khắc quý giá tinh thần Mia phấn chấn hẳn lên.

“*Chú Coleman!*” Cô reo lên. “Tạ ơn Chúa chú đã về!” Ông gật đầu nhưng có vẻ không biết phải nói gì. “Bọn cháu tưởng chú ra ngoài tìm chú Nadolski và Antoine?” Mia hỏi ngay.

“Đúng vậy,” ông vừa khẽ trả lời vừa tiến lại. “Nhưng chú không tìm thấy họ.”

Trái tim Mia như tan vỡ vì tin tức ấy trong khi Coleman vẫn nói tiếp. “Vệt bánh xe của họ dừng cách đây ba dặm rưỡi, nhưng chẳng thấy cả họ lẫn hai chiếc xe đâu. Thế nên chú quay trở lại, vừa đến nơi thì nguồn điện khẩn cấp bị tắt. Từ lúc ấy chú cứ mò mẫm tìm mấy đứa.” Ông đưa tay lên vỗ nhẹ đầu Mia. Cô không biết mình có thích thế hay không. “Và hai đứa đây rồi.” ông nói thêm.

Midori tỏ vẻ hoài nghi. “Nhưng sao chú lại quay về làm gì? Sao chú không đi tiếp đến DARLAH 1?”

“Một mình ư? Không có hai cháu ư? Không, Midori, chú có trách nhiệm đối với những người còn lại. Cháu quên rồi ư?”

Rõ ràng là ông đang cư xử rất lạ. Chẳng lẽ Coleman cũng đã dùng thuốc trong phòng y tế rồi ư? Hay là ông đã mất trí? Khó mà nói được. Mia không chắc cô có thể tin ông, nhưng vẫn quyết định đánh liều. Dù sao thì đó là cơ hội cuối cùng cô có.

“Bọn cháu phát hiện ra một việc,” cô nói.

“Thế à? Việc gì?” Ông có vẻ tò mò nhưng không mấy quan tâm.

“Trong phòng máy tính ạ,” Mia đáp.

“Chú đã cấm các cháu vào đó rồi cơ mà.” Coleman nghiêm khắc nói.

Mia nhún vai. “Chuyện đó còn nghĩa lí gì nữa đâu ạ?”

Coleman chậm chạp gật đầu. “Nhưng các cháu vẫn không nên làm thế.”

“Bọn cháu đã bật được máy tính. Sau khi nguồn điện khẩn cấp tắt.”

“Không thể thế được,” Coleman nói ngay. “Phòng máy tính được nối trực tiếp với máy phát điện và nguồn điện khẩn cấp.”

“Rõ ràng là không rồi,” Midori khô khốc bình luận. “Nói chung là nó đã nói với bọn cháu vài chuyện.”

“Ví dụ?”

“Chẳng nhẽ chú không biết ư?” Mia không còn biết mình có tin được vào ông không nữa. “Cháu tưởng chú phải biết mọi việc về căn cứ này chứ.”

“Chú cũng tưởng thế, nhưng đây là trước khi máy tính bắt đầu hoạt động mà không cần nguồn điện.” Coleman cảm thấy nỗi lo sợ vốn đã rất lớn trong mình đang tăng lên.

“Nó nói về mức độ ưu tiên DP7 0271DE.”

Coleman cau mày. Dòng mã đó không nằm trong số mã ông đã học trong chương trình huấn luyện. Không một mã số nào của căn cứ này có chứa chữ cái, ông chắc chắn như vậy.

“Không quen,” ông đáp.

“Bọn cháu cũng không biết nó là gì. Nhưng nó bảo bọn cháu rời khỏi căn cứ.”

“Chú e là chú không hiểu...”

“Cháu chỉ đang nhắc lại những gì nó nói trên màn hình thôi. Mà còn nữa cơ.”

“Còn nữa ư?”

Midori kể với ông về những điều khác mà họ đã biết. Thông tin về thời điểm nguồn dưỡng khí sẽ hết. Thông điệp rằng không có một kế hoạch sơ tán nào, rằng nguồn điện đã bị ngắt bằng tay, và rằng cái máy biết họ đến từ Na Uy và Nhật Bản. Cuối cùng họ kể với Coleman về dòng mã mà chiếc máy hiển thị để trả lời câu hỏi nó là ai.

Họ có thể thấy thông tin cuối cùng đó khiến ông lập tức sửng sốt.

“Cháu vừa nói gì?” Ông hỏi.

“6EQUJ5”, Mia lặp lại.

“Các cháu có chắc không? Chắc rằng các chữ số và chữ cái theo đúng thứ tự đó? Việc này rất quan trọng, các cháu hiểu không? Liệu có khả năng các cháu đã nhớ lộn thứ tự chữ và số không?”

“Không ạ,” cả hai trả lời đồng thanh.

Coleman lặng im một hồi lâu.

“Chú sợ rằng chúng ta gặp phải vấn đề lớn hơn ta nghĩ.”

Đến lúc đó Coleman chợt nhận ra còn thiếu một người. “Caitlin đâu rồi?” Ông hỏi.

Mia và Midori kể với ông về mối nghi ngờ của họ rằng cô đã uống giảm đau từ phòng y tế. Coleman cầm đèn pin và dẫn hai cô bé đến phòng khách, nơi họ hi vọng Caitlin vẫn đang ngủ. Họ theo ông ra khỏi khu vực nhà kính và lần theo hành lang trống trải đến mô-đun ba.

Họ dừng lại ở kho trên đường đến phòng khách. Coleman tìm thấy mấy chiếc đèn pin tốt hơn trong một ngăn tủ khóa.

“Mấy cái này có thể hoạt động trong tối đa là mười lăm giờ liền,” ông nói vừa đưa cho mỗi người một chiếc. Mấy chiếc đèn pin mới vừa to vừa nặng, khiến Mia nhớ đến những ngọn đèn sân khấu cỡ nhỏ mà ban nhạc của cô dùng trong các buổi biểu diễn. Họ chặt vật nhấc chúng bằng một tay. Coleman lấy thêm hai chiếc từ giá xuống và bật cả lên.

“Chú cần nói với hai cháu việc này,” ông lên tiếng. “Việc này có thể quan trọng. Nó có liên quan đến dòng mã máy tính cung cấp, 6EQUJ5. Nó không phải một dòng mã hay dòng báo lỗi thông thường. Đó là một chữ kí. Một tín hiệu.”

“Một tín hiệu à?” Mia thắc mắc.

“Đúng vậy, một tín hiệu. Nó thường được gọi là ‘tín hiệu Wow!’, theo câu cảm thán mà nhà thiên văn học phát hiện ra tín hiệu này đã ghi lại trên lễ tờ biểu đồ. Để chú giải thích từ đầu: Ở Delaware, Ohio, từng có một kính thiên văn vô tuyến khổng lồ được gọi là Big Ear. Chiếc kính thiên văn này nằm tại Đài Quan sát Thiên văn Perkins thuộc Đại học Wesleyan Ohio. Nó được đặt ngoài trời trên một mặt phẳng nhôm rất rộng, cỡ một sân bóng đá. Và có hai bức tường phản xạ đặt ở hai đầu để thu và khuếch đại các tín hiệu nó bắt được. Từ năm 1963 đến năm 1998, kính Big Ear được dùng để tìm kiếm nguồn sóng vô tuyến có thể đến từ sự sống ngoài trái đất. Trên năm mươi kênh được điều khiển bằng máy tính, các nhà thiên văn học có thể nghe thấy những tín hiệu của trí thông minh ngoài vũ trụ.”

Mia và Midori chăm chú lắng nghe.

“Trong mười bốn năm đầu tiên chẳng có gì xảy ra. Tuyệt đối không có gì. Họ không thể phát hiện được một tín hiệu vô tuyến chưa xác định nào. Các bản in từ máy tính mà họ nghiên cứu hằng ngày không cho thấy bất kì điều gì ngoài những dãy số 1, 2 và 3 nhàm chán. Điều đó có nghĩa là các tín hiệu mà chiếc kính thiên văn bắt được đều thuộc về những tần số và nguồn tín hiệu mà họ đã biết, như các hành tinh hay tiểu hành tinh. Vì tất nhiên là vật thể có khối lượng nào cũng sẽ phát ra sóng vô tuyến. Cả con người cũng vậy. Nhưng rồi vào ngày 15 tháng Tám năm 1977, ngay sau mười một giờ đêm, có một chuyện xảy ra.

“Tiến sĩ Jerry R. Ehman đang ngồi xem bản in thì đột nhiên nhận ra rằng các chữ số trên trang giấy đã thay đổi. Đầu tiên một số bốn xuất hiện, rồi một số sáu. Rồi đột nhiên có cả dãy chữ số, một dòng mã, một tín hiệu chưa ai từng biết đến, với một tần số hoàn toàn khác. Kim trên các máy đo nhảy loạn xạ. Thay vì ghi lại nguồn âm thanh thành một dãy một và hai, dòng kí tự này lại hiện ra: 6EQUJ5.”

Ban đầu Mia và Midori kinh ngạc, sau đó thấy ớn lạnh, khi nhận ra dòng mã họ vừa nghe.

“Không ai có thể giải thích tín hiệu đó đến từ đâu. Nó kéo dài chính xác bảy mươi hai giây trước khi biến mất. Và sau đó nó không bao giờ xuất hiện nữa. Trong gần hai mươi năm họ đã cố gắng định vị lại tín hiệu đó. Họ đã dùng những thiết bị tân tiến hơn, dùng nhiều người và nhiều thời gian, nhưng cứ như thể nó chưa từng tồn tại. Tiến sĩ Ehman mất nhiều năm nghiên cứu bản in và những chữ số đó. Dần dần, ông loại bỏ hầu hết những cách lí giải tự nhiên. Tín hiệu đó không thể đến từ các hành tinh, tiểu hành tinh, vệ tinh nhân tạo, máy bay, hay Trái Đất. Chúng không

khớp với tần số âm thanh của tín hiệu đó. Ông chỉ còn lại một câu hỏi cuối cùng: Có thể nào tín hiệu đó đến từ một thứ có trí tuệ, như từ một ngọn hải đăng chiếu đi nhiều hướng khác nhau và vô tình tới Trái Đất? Ít nhất điều đó cũng giải thích được việc Ehman chỉ theo dõi được tín hiệu trong bảy mươi hai giây là vì có lẽ sau đó nó bị gửi đi một hướng khác. Dù thế nào thì câu hỏi 6EQUJ5 có nghĩa gì đã được bàn luận suốt hơn bốn mươi năm. Nhưng bây giờ thì sao? E rằng cuộc thảo luận đã đến hồi kết.”

Mia nhìn Coleman trong ánh sáng từ ngọn đèn pin. Đột nhiên cô cảm thấy khiếp hãi.

“Chú muốn nói gì ạ?” Cô hỏi.

Giọng Coleman trở nên nghiêm trọng. “Chú muốn nói rằng chúng ta phải rời khỏi đây.”

BÓNG TỐI

Coleman biết mình phải làm gì. Đứng bên Caitlin trong phòng khách, ông tiêm cho cô một mũi. Mia không biết trong ống tiêm chứa thứ gì, nhưng rõ ràng là thứ đó có hiệu quả, vì chỉ vài phút sau Caitlin đã ngồi dậy trên sofa. Đôi mắt cô không còn đờ đẫn nữa và thần sắc đã trở lại trên khuôn mặt. Coleman thầm thì với cô điều gì đó. Cả Mia lẫn Midori đều không nghe thấy ông nói gì, nhưng những lời đó dường như đã kéo Caitlin ra khỏi bóng tối.

Bốn người tập trung lại quanh bàn. Coleman đặt mấy chiếc đèn pin bên cạnh để họ có thể nhìn thấy nhau.

“Tôi sẽ không đưa ra hi vọng hão huyền nào cả. Tình huống đã rất nghiêm trọng, và giờ là lúc chúng ta phải hành động. Máy cấp oxy sẽ ngừng hoạt động trong vòng chưa đến hai giờ nữa. Từ lúc đó trở đi điều kiện trong này sẽ nhanh chóng trở nên không thể chịu đựng được. Điều đó có nghĩa là tất cả các bạn sẽ phải rời khỏi căn cứ.”

“Nhưng... chú bảo bọn cháu đi đâu?” Midori hỏi.

“DARLAH 1.”

“Coleman,” Caitlin lên tiếng, “hai người trong chúng ta đã cố gắng đến đó, và từ lúc ấy không ai nghe được tin gì từ họ nữa. Anh có thực sự nghĩ...”

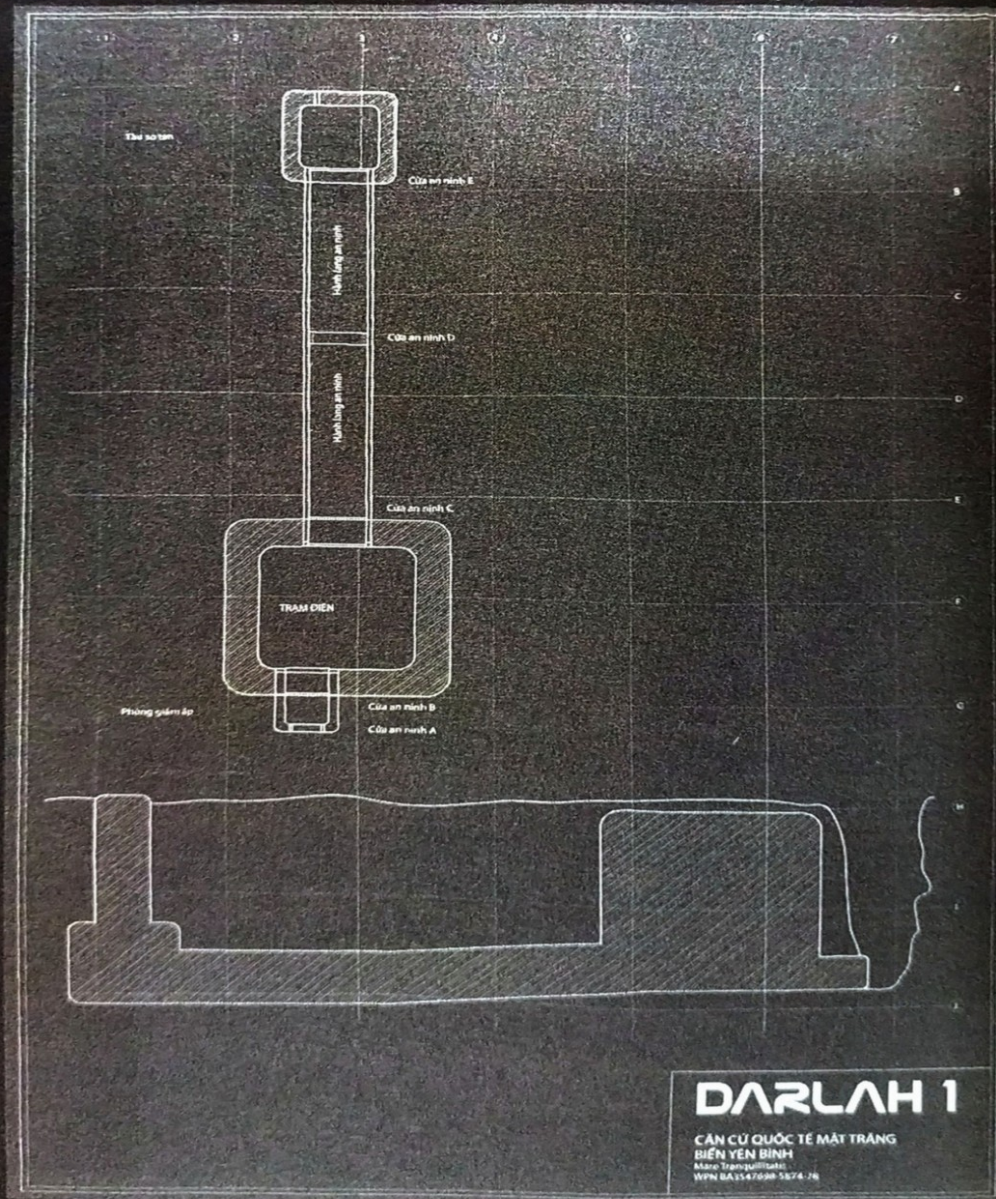
“Đó là lựa chọn duy nhất của chúng ta,” ông ngắt lời cô. “Chúng ta phải chấp nhận rủi ro nó mang lại. Nếu có ai có ý kiến

nào hay hơn thì tôi sẵn sàng lắng nghe, nhưng ngay lúc này thì đó là điều hợp lí duy nhất.”

Midori nhìn sang phía đối diện xem Mia có vẻ sợ hãi như mình hay không. Nhưng cô ngạc nhiên thấy Mia có vẻ hoàn toàn ngược lại: điềm tĩnh, quyết đoán, tập trung. Và điều đó giúp cô an lòng hơn. Chừng nào Mia còn chưa bỏ cuộc thì còn có hi vọng.

“Được rồi,” Midori nói. “Giả sử chúng ta đến được DARLAH 1. Chúng ta sẽ làm gì ở đó ạ?”

Coleman rút một tấm bản đồ ra khỏi túi áo trong. Nó cũng lớn bằng tấm bản đồ vẽ DARLAH 2. “Có một tàu sơ tán ở cuối DARLAH 1. Để đến được đó, các cháu phải đi xuyên qua trạm phát điện và hai hành lang an ninh. Tất cả là năm cánh cửa. Không may là tôi chưa từng tận mắt nhìn thấy nó, nên tôi không thể giải thích chính xác nó hoạt động như thế nào. Nhưng hẳn là nó phải đơn giản và có chỉ dẫn đầy đủ. Nó đã được lập trình sẵn để trở về Trái Đất, một chuyến đi kéo dài bốn ngày. Khi kích hoạt hệ thống đốt tên lửa trên tàu, con tàu sẽ bay lên khỏi DARLAH 1 và đạt tới độ cao khoảng mười lăm ngàn mét. Rồi nó sẽ bay quanh Mặt Trăng cho đến khi đạt vận tốc đủ để bắt đầu hành trình tới Trái Đất. Hệ thống điều khiển con tàu sẽ điều chỉnh góc độ và tốc độ xâm nhập khi nó chạm tới bầu khí quyển của Trái Đất và dù sẽ bật ra ở độ cao sáu ngàn mét để giảm tốc độ rơi. Một số ra đa trên Trái Đất chắc chắn sẽ phát hiện ra con tàu trước khi các bạn tiếp đất. Nó còn có một máy phát tín hiệu radio sẽ kích hoạt khi tiếp đất để giúp nó dễ được định vị hơn. Nếu may mắn, ba người sẽ được đón trong vòng vài giờ.”



DARLAK 1

CĂN CỨ QUỐC TẾ MẬT TRĂNG
BIỂN YÊN BÌNH
Mã số: Trùng Khánh
WPN BA114/000 3874 /B

“Ba người?” Mia hỏi, nhìn Coleman với ánh mắt ngập tràn sợ hãi. “Sao không phải là *chúng ta*?”

Coleman mỉm cười buồn bã. “Con tàu sơ tán chỉ có chỗ cho ba người thôi.”

“Vậy thì chúng ta phải tìm cách khác!” Caitlin nói lớn, đột nhiên tỉnh hẳn khỏi cơn say thuốc. “Tôi không chấp nhận đâu!”

“Các cô phải chấp nhận. Không còn cách nào khác đâu.”

Mia không thể tin vào điều Coleman nói. “Chắc chắn phải có cách nào đó! Có thể chúng ta... phải có cách nhét bốn người vào con tàu đó chứ, hoặc là...”

“Không, Mia. Chú e rằng không có chỗ đâu.” Rồi Coleman nói thêm, “Tôi đã quyết định rồi. Giờ là lúc ba người phải rời khỏi đây.”

Midori đã hoàn toàn tê liệt vì những điều Coleman nói, nhưng lúc này cô cũng buộc mình thốt lên thành tiếng: “Chúng cháu sẽ không rời khỏi đây mà không có chú đâu.”

Ông dành cho cô một nụ cười sâu xa.

“Chú e rằng chú không xứng đáng nhận một vé về nhà, Midori ạ. Vì vậy mà chú chọn ở lại. Đây là việc đúng đắn chú phải làm. Phải có người chèo xuồng cùng con tàu chứ. Mà chú là ai?” Ông nhìn quanh căn phòng như thể mình thực sự thích nơi này. “Chú là chỉ huy của DARLAH cơ mà.”

Mia định nói nữa, nhưng Coleman đã ra hiệu cho cô im lặng.

“Chúng ta sắp hết thời gian rồi. Hãy tập trung vào việc mình phải làm đi.”

Ông rút ra một tấm bản đồ chi tiết vẽ đường từ DARLAH 2 đến DARLAH 1. Ông chậm rãi đẩy nó về phía Mia. Cô tự hỏi mình có nên đưa nó cho Caitlin hay không, nhưng một cái liếc nhanh cho cô biết rằng đó không phải ý hay. Dường như Caitlin đã lại thu mình vào vỏ.

“Cháu chịu trách nhiệm giữ cái này, Mia. Đừng bao giờ rời mắt khỏi nó. Cháu sẽ thấy trang phục du hành và bình dưỡng khí đầy trong phòng thiết bị ở mô-đun bốn. Từ đây đến trạm điện chỉ khoảng hơn bảy dặm, các cháu chỉ mất nhiều nhất là ba tiếng để đến đó thôi. Cố gắng duy trì tốc độ và đừng nhìn lại. Nhớ dùng phòng giảm áp trước khi vào trong trạm. Caitlin?”

“Gì?” Caitlin ngồi đó, cứng đờ và bất động, nhìn chăm chăm xuống sàn nhà.

“Trước khi đi hãy vào bếp ăn một chút và lấy đủ nước uống. Các cô sẽ cần nước trên đường đi.” Ông đứng dậy. “Giờ thì đã đến lúc nói tạm biệt rồi.”

Đáng lẽ Mia phải rất ghét ông vì đã khiến họ lâm vào tình cảnh này. Nói cho cùng thì đó là lỗi của ông. Ông và người của ông đã nói dối từ đầu đến cuối. Nhưng cô không thể. Cô nhìn ông, và chỉ thấy một người đàn ông đã đưa ra những lựa chọn sai. Cô đột nhiên nhận ra mình rất quý mến ông, quý mến tất cả những người đã lên đây cùng cô. Stanton, Nadolski, Wilson, Antoine... và giờ cô sắp mất thêm một người nữa. Cô không biết mình có thể chịu đựng được không.

Coleman vòng qua bàn về phía cô và choàng tay ôm lấy cô. “Chú biết cháu đang nghĩ gì,” ông thì thầm. “Nhưng chú hứa, các cháu sẽ làm được. Sau bốn ngày nữa cháu sẽ là người vui mừng

nhất Trái Đất từng chứng kiến. Cháu sẽ hít thở không khí trong lành theo một cách hoàn toàn mới. Cháu sẽ đứng trên bờ biển và cảm nhận muối biển tấp vào mũi. Rồi cháu sẽ được ở bên những người cháu biết và yêu thương, và cháu sẽ biết trân trọng vẻ đẹp của mọi thứ. Khi cháu nhìn thấy ô tô ở phía sau qua kính chiếu hậu, có thể cháu sẽ cười vì khuôn mặt của lái xe. Vì họ sẽ có vẻ bức bối, buồn chán, giận dữ. Cháu sẽ nhận ra họ đang bỏ lỡ điều gì. Cháu sẽ sống một cuộc sống dài và hạnh phúc, Mia ạ. Vì khi về đến nhà, cháu sẽ nhận ra *mọi thứ* đều có thể. Cháu đừng bao giờ quên điều đó.”

Ông buông cô ra và cũng bước tới ôm Midori trước khi tiến đến chỗ Caitlin.

“Tôi e rằng Mặt Trăng còn kém thân thiện hơn dự kiến của tôi, Caitlin ạ. Tôi nghĩ tốt nhất là cô bảo họ đừng cử ai lên nữa. Tôi thực sự, thực sự xin lỗi vì chuyện này.”

“Đừng tự trách mình,” cô sụt sùi.

“Cô là một phi hành gia giỏi, cô Hall ạ. Những cô bé này cần kỹ năng của cô. Đây sẽ là nhiệm vụ quan trọng nhất trong đời cô. Hãy chăm sóc bản thân mình cho tốt, cả ba người.”

Nói xong những lời đó, ông nhắc một chiếc đèn pin lên và rời khỏi phòng.

Ba cô gái đứng lại trong yên lặng.

Coleman đi tuần vòng cuối quanh những hành lang tối tăm của DARLAH 2. Với những bước chân quả quyết, ông bước tới phòng ngủ của mình ở mô-đun hai. Ông mở tủ, với lấy khẩu súng lục và

đút nó vào trong áo khoác trước khi quay đầu tiến về nhà kính. Ông ngồi xuống bên một cây táo lớn và đặt đèn pin bên cạnh.

Ông sẽ đợi ở đây. Đợi đến khi chắc chắn rằng ba người kia đã an toàn ra khỏi căn cứ và đang trên đường đến DARLAH 1. Ông sẽ ngồi đây, đứng tại vị trí này, với vũ khí trong tay, cho đến khi lượng ôxy xuống thấp đến mức ông chắc chắn không còn sinh vật nào sống được trong những bức tường này nữa.

Và khi đó ông sẽ kết thúc tất cả.

DƯỠNG KHÍ

Mia thấy đầu óc lùng bùng như chìm trong màn sương. Mới chỉ một giờ trôi qua kể từ lúc máy cấp ôxy ngừng hoạt động, nhưng cô đã cảm thấy khó thở. Mỗi hơi thở cho cô cảm giác rằng có ai đó đã hít thở trước bầu không khí này và hút hết dưỡng chất trong nó. Sau khi nguồn điện bị ngắt, nhiệt độ đã từ từ tăng lên. Nhiệt lượng hơn hai trăm độ mà Mặt Trời phả xuống bề mặt Mặt Trăng đang từ từ len từ bên ngoài vào qua lớp cách nhiệt của căn cứ. Và lúc này khi hệ thống làm mát không còn hoạt động nữa, chẳng có gì nhiều để ngăn cách họ với cái nóng.

Midori đang ngồi một mình trong góc bếp, cố ăn một quả táo. Caitlin thì đang nghiên cứu tấm bản đồ. Chính cô là người đưa ra ý kiến họ nên ở lại thêm vài giờ nữa trước khi rời bỏ căn cứ để lên đường đến DARLAH 1. Mặt trời ngoài kia vẫn còn quá mạnh. Không có bầu khí quyển sẽ chẳng có gì bảo vệ họ khỏi bức xạ mặt trời và vì thế ra ngoài sẽ là quá nguy hiểm. Hơn nữa, Caitlin muốn cho họ cơ hội để tranh thủ uống đủ nước trước khi đi. Một khi đã lên đường họ sẽ không thể trở lại.

Mia đang đứng bên cửa sổ lớn nhìn ra ngoài. Trong hình phản chiếu từ mặt trời lên ô cửa kính, cô nhìn thấy hình ảnh của chính mình, mờ nhạt và ảm đạm. Cô bật đèn pin lên và rọi vào mặt mình. Hình phản chiếu trên cửa sổ hiện rõ hơn. Cô có thể thấy vẻ kiệt quệ của chính mình. Những ngày vừa qua đã để lại dấu ấn rõ ràng trên mặt cô. Mia nghĩ trông mình chẳng khác gì một thầy ma sống. Những vết thâm quầng nổi bật quanh mắt, còn mái tóc

thì rũ rượi sang một bên. Một cảnh tượng sâu thẳm. Cô hạ đèn xuống, khuôn mặt liền biến mất khỏi tầm kính.

“Mia? Cháu chắc chắn đã uống đủ rồi chứ?” Caitlin hỏi. Mia quay lại phía cô và lơ đãng gật đầu. Cô không thể chịu đựng được ý nghĩ phải uống thêm một giọt nước nào ở nơi này nữa. Thứ nước đó có vị tanh của kim loại, cũ kỹ, mục rữa. Như cái chết từ từ.

Cô đang rất nóng ruột. Sao họ không thể đi ngay? Kết thúc mọi chuyện cho sớm? Cô muốn ra khỏi đây càng nhanh càng tốt và không bao giờ trở lại. Ngay từ đầu việc đến đây đã là một sai lầm, một sai lầm lớn nhất đời. Ngay từ đầu nơi này đã gặm nhấm cô từng chút một, và đến giờ hầu như chẳng còn gì nữa. Người con trai duy nhất cô từng có cơ hội yêu đang ở đâu đó ngoài kia với Nadolski, hoặc một mình. Và cô gần như có thể ngửi thấy mùi thối rữa phảng phất trên tường. Cô phải tập trung sức lực để ngăn mình khỏi tưởng tượng đó là mùi của Wilson, Stanton, và Coleman. Cô không biết họ đang ở đâu, nhưng cô biết họ ở gần đây. Cô có thể cảm thấy như vậy.

Một lần nữa cô ngước mắt và rọi đèn vào gương mặt mình. Cô nhìn ra cửa sổ. Những đường nét trên mặt cô còn hiện rõ hơn lần trước. Cô có thể thấy từng chi tiết quanh mũi, miệng, và tóc mình. Trông chẳng đẹp để gì. Chán nản, cô tắt đèn pin và hạ xuống.

Đó là lúc cô nhận ra.

Hình phản chiếu của cô không biến mất.

Nó vẫn ở trên ô cửa sổ, còn rõ hơn lúc này.

Trong giây lát cô lấy làm thích thú về nó. Cô làm mặt xấu.

Nhưng hình phản chiếu không thay đổi.

Và trong một phần của giây tiếp theo cô nhận ra: *Đó không phải là ảnh phản chiếu. Đó là mình. Là chính mình.*

Ngoài kia.

Mia thét lên. Cô đánh rơi chiếc đèn và loạng choạng lùi lại khi nhìn thấy khuôn mặt của chính mình trên ô cửa sổ đang nhếch miệng cười chế nhạo. Cô mất thăng bằng, va vào chiếc bàn, xô đổ vài chiếc đĩa rồi ngã xuống sàn.

Midori nhảy khỏi ghế và chạy đến: “Mia, sao vậy?” Cô hét lên. “Mia?”

Mia chỉ ra cửa sổ, Midori liền thận trọng bước về phía đó nhìn ra ngoài.

“Có gì ngoài này đâu Mia? Chẳng có gì cả.”

“Tớ thấy...” Mia không dám nói hết câu. Cô nhắm nghiền mắt lại.

Caitlin đứng dậy bước đến bên Midori.

“Có chuyện gì thế Mia?” Caitlin đứng bên cửa sổ. “Cháu nhìn thấy gì sao? Là cái gì thế?”

Nhưng Mia không kịp trả lời. Ở bên ngoài, cách căn cứ khoảng ba mươi đến bốn mươi mét, Caitlin đã nhìn thấy Antoine. *Antoine!*

Cậu đang đứng đó nhìn cô. Cậu đang mặc bộ quần áo màu nâu giống như ngày đầu cô gặp cậu. Cậu vẫy tay.

“Antoine!” Caitlin hét lên. “Antoine! Cậu bé ở ngoài kia! Cậu ấy vẫn còn sống!”

Mia nghe thấy cái tên nhưng không hiểu ý nghĩa của nó. Sau đôi mắt nhắm nghiền, cô vẫn thấy khuôn mặt của chính mình

đang cười chế nhạo đầy độc địa. Như thể nó biết một điều gì đó mà cô không biết.

Caitlin đông cứng người nhìn cậu bé bên ngoài. Cậu lại vẫy tay, rồi đột nhiên quay lưng bước đi.

“Không, đợi đã!” Caitlin hét lên rồi quay lại chạy vụt qua hai cô bé ra ngoài hành lang.

“Cô Caitlin, dừng!” Mia hét lên. “Không phải cậu ấy đâu, cô nghe thấy không? Không phải đâu. Không thể là cậu ấy được. *Hắn không mặc đồ du hành!*”

Nhưng Caitlin không nghe. Trong cô đang hừng hực adrenaline cùng niềm hi vọng mới và những ảo giác của chính mình. Cô chạy như chưa bao giờ được chạy, ra khỏi mô-đun một, qua phòng máy tính và tiến vào phòng thiết bị. Không bỏ lỡ một giây, cô mặc một bộ đồ du hành vào, đeo bình ôxy lên lưng, và thắt chặt mũ bảo hiểm trước khi bước vào phòng giảm áp. Nguồn điện đã bị cắt nên các cánh cửa không còn hoạt động nữa, cô phải mở cửa trong bằng tay. Cô giữ chặt một tay vịn dọc theo tường và đẩy cánh cửa ngoài ra vài centimet. Một giây sau cô cảm thấy chân không bên ngoài đang hút toàn bộ không khí ra khỏi căn phòng và ép chặt cô vào tường.

Khi cô cảm thấy áp suất đã cân bằng, cô nâng cửa ngoài đủ rộng để bước ra.

Caitlin đi qua cánh cửa đóng chặt nơi Wilson và Stanton chết bên trong và đi tiếp quanh mặt ngoài mô-đun hai. Cô phải cố gắng để không thở gấp. Khi đi vòng qua góc nhà, cô liền thấy cậu đứng ngoài gian bếp.

Antoine.

Cô gọi tên cậu qua máy bộ đàm và vẫy hai tay. Nhưng cậu cứ đứng đó bất động, nhìn cô trống trống. Cô đứng lại ngập ngừng trong giây lát. Sao cậu ta lại nhìn cô như thế? Sao cậu ta không vui mừng khi thấy cô?

Rồi cậu ta bắt đầu chậm rãi bước về phía cô bằng những bước chân đều đặn nhịp nhàng. Caitlin đứng sững như trời trồng, không sao cử động được.

Ôi lạy Chúa, cô thầm kêu lên. Cái gì...?

Mia đã bật dậy đứng cùng Midori bên cửa sổ.

Họ thấy Caitlin hoàn toàn bất động bên ngoài trong khi Antoine lao về phía cô với một tốc độ đáng kinh ngạc. Cậu ta gần như lướt trên mặt đất, như thể không bị bó buộc bởi những quy luật vật lí. Trong chớp mắt, cậu ta biến mất ngay sau lưng Caitlin. Mia căng mắt tìm cậu ta, nhưng không thấy đâu.

“Đó không phải là Antoine,” cô nghe thấy Midori thầm thì. “Đó là một bản sao!”

Nhưng giây tiếp theo dài như cả giờ đồng hồ. Mia nghe giọng Midori nhưng không hiểu cô đang nói gì. Chợt khuôn mặt Antoine không biết từ đâu nhảy xổ ra trước cửa sổ, cái miệng nhếch thành một nụ cười giễu đầy ghê tởm, rồi lại biến mất ngay.

Caitlin chầm chậm quay lại nhìn vào mắt Mia đúng lúc có thứ gì đó túm chặt lấy cô và giật phăng hai chân cô ra từ dưới thân mình. Khuôn mặt cô có vẻ ngạc nhiên hơn là đau đớn. Môi cô mấp máy một từ gì không rõ. Rồi cô lập tức bị kéo đi, biến mất dưới nền căn cứ, để lại mặt đất hoang vu và trống trải như chưa từng có người đặt chân.

Midori đã giàn giụa nước mắt, cả thân hình run lẩy bẩy và hơi thở đứt quãng. Cảnh tượng khủng khiếp về cái chết đột ngột của Caitlin đã khiến cô bị sốc hoàn toàn. Mia muốn ôm lấy cô, nói với cô rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn. Nhưng đó không phải là sự thật. Mọi chuyện sẽ ngày càng tệ hơn, tệ hơn rất nhiều, nếu họ không mau thoát khỏi nơi này.

Mia biết rằng mình phải hành động thật nhanh. Đã quá muộn để làm bất cứ điều gì cho Caitlin, nhưng vẫn còn sót lại một tia hi vọng. Midori đang ngồi thu lu dưới khung cửa sổ, đầu gục giữa hai chân, khóc thút thít. Từ miệng cô còn có nước miếng chảy ra.

“Đợi ở đây nhé,” Mia ra lệnh. “Khóa cửa lại và đừng mở ra cho đến khi tớ quay lại, rõ chưa?”

“Cậu đi đâu?” Midori lắp bắp.

“Tớ phải tìm chú Coleman, nếu chú ấy vẫn còn sống.”

“Tớ không muốn ở đây một mình!” Midori van vãn.

“Không sao đâu. Cứ khóa chặt cửa lại và ở yên.”

Mia vớ lấy một con dao làm bếp và chạy ra sảnh lớn, vượt qua các phòng ngủ và phòng tắm, qua các hành lang. Luồng sáng từ đèn pin nhảy nhót trên khắp các bức tường và sàn nhà trong khi cô chạy thục mạng. Cô kiểm tra phòng máy tính rồi chạy đến phòng y tế ở mô-đun bốn, nhưng chẳng có ai ở đó cả.

Rồi cô chợt khựng lại.

Tiếng nhạc. Cô nghe thấy tiếng nhạc.

Không thể thế được. Đang mất điện cơ mà.

Mia bắt đầu run rẩy. Cô biết bài hát đó. Một bài hát của Talking Heads.

Đâu đó không xa vẳng đến giọng một cô gái hát theo bài hát: *“Hãy ngồi yên... đợi đến khi tiệc tàn. Hãy ngồi yên... ta chờ giông bão đến...”*

Tiếng nhạc chợt ngưng bật, cũng đột ngột như khi nó bắt đầu. Một thứ gì đó đang di chuyển trong hành lang; cô có thể nghe rõ tiếng bước chân. Rồi kẻ đó dừng lại.

Mia căng tai lắng nghe. Cô chậm rãi bước theo hành lang, xuyên qua phòng máy tính để quay trở lại, và tiếp tục tiến về mô-đun hai, cố ý đặt từng chân một xuống, nâng cao đèn pin trước mặt. Nhưng cô chẳng thấy gì. Cô quay đèn pin về hướng ngược lại. Và lúc này ánh sáng soi tỏ một người ở tận cuối hành lang.

Một người giống cô như đúc.

Kẻ đó mặc đúng bộ quần áo cô thường mặc, chiếc quần jean đen, chiếc áo khoác cô mua từ chợ đồ cũ ở Luân Đôn năm ngoái, chiếc áo ngày nào cô cũng mặc. Nó có mái tóc giống cô. Khuôn mặt giống hệt cô. Chỉ khác là nụ cười chế giễu luôn thường trực trên mặt nó. *Và nó đi đôi bốt lính dù Ý giống của mình*, cô nghĩ.

“Chào Mia,” kẻ đó nói, tiến một bước lại gần. “Mày sợ à? Tao đây mà. Mày không nhận ra tao sao?”

Mia nói không nên lời.

“Không chào nhau được một câu sao?”

Cô vẫn không trả lời.

“Xin lỗi về lũ bạn của mày nhé. Nhưng không còn cách nào khác.” Ngay cả giọng nói của nó cũng giống hệt giọng cô, chỉ bình tĩnh hơn, với một âm điệu hơi khác biệt. Nó tiến thêm một bước nữa.

“Dừng lại!” Mia quát lên, chĩa dao vào nó.

“Không việc gì phải sợ,” nó nói, tiếp tục tiến tới. “Mày không mừng khi gặp lại Antoine à? Tao làm thế chỉ vì mày thôi đấy.”

Mia quỳ gối xuống, giữ chặt con dao trước mặt, và để kẻ kia đến gần hơn nữa. Cô đang chờ cho đến khi nó ở trong tầm với. Cô lấy hết can đảm đợi nó vào thật gần.

Rồi cô tấn công. Cô dồn sức đâm con dao thật mạnh vào đùi kẻ kia, và có thể cảm nhận mũi dao xuyên qua lớp da thịt.

Nhưng kẻ đó chỉ thản nhiên lùi lại một bước, rút con dao ra và quẳng nó đi. “Sao mày lại làm thế?” Nó hỏi, giọng ngạc nhiên. “Lại đây, Mia. Lại đây nào.”

Mia xoay người bật dậy, đánh rơi cả đèn pin và chạy về phía gian bếp. Chợt một cơn đau khủng khiếp dội đến khi cô lao sầm mặt vào cánh cửa an ninh và bị gãy mất một chiếc răng.

“Tao đã biết thế nào mày cũng định chạy,” giọng nói của nó vang lên. “Nên tao đã đóng cửa lại.”

Nó đến gần hơn nữa. Mia thấy có thứ gì ươn ướt lại dính dính chảy xuống trán và nhận ra đầu mình đã bị thương. Vết thương khiến cô nhức nhối.

“Tao cũng chính là người đã ngắt điện đấy. Và tao đã đóng cánh cửa ngoài kia để ngăn hai anh bạn của mày sửa máy phát điện. Tao cũng gặp cậu bạn Antoine của mày cách đây vài dặm

nữa. Cậu bé xinh trai thật. Cậu ta đi cùng một người nữa. Không may là tao không thể để họ hoàn thành nhiệm vụ được, nên tao... chặn họ lại.”

Trong cơn hoảng loạn, hai tay Mia lần theo mép cửa và cố mở nó ra.

Tiếng bước chân đến gần hơn.

Gần hơn nữa.

Nó chỉ còn cách vài bước chân.

Mia lao người xuống sàn và lăn qua cánh cửa trước khi nó hạ xuống và đóng lại trong một tiếng *sầm* khô khốc. Cô đứng dậy và chạy như bay nốt mấy bước còn lại để về gian bếp.

“Midori, nhanh lên! Giúp tớ đóng cửa lại mau!”

Mia đẩy lưng vào cánh cửa trong khi Midori ra sức vịn tay nắm cho đến khi nó đóng chặt lại.

“Chuyện gì xảy ra thế?” Midori nhìn Mia thì thầm, lắng nghe mọi động tĩnh bên ngoài, đôi mắt dán vào cánh cửa.

Mia không trả lời vào câu hỏi, mà đáp lại gọn lỏn. “Chúng ta phải biến khỏi đây.”

DOPPELGÄNGER

“Đi” Midori thì thầm. “Tớ biết một chỗ để trốn.”

Sinh vật ngoài hành lang hình như đã biến mất hoặc đang án binh bất động. Mia và Midori bò qua sàn nhà không một tiếng động. Họ trượt mở chốt cửa dẫn vào kho lương khô và trườn vào trong. Midori đóng cánh cửa sau lưng họ và đặt đèn pin lên sàn nhà trong khi Mia xé một ống tay áo để cầm máu vết thương đang nhức nhối trên trán.

Midori đã lấy lại bình tĩnh, nhưng cả hai đều kiệt sức, và lượng ôxy đang giảm dần khiến họ càng mệt mỏi hơn. Trong ánh sáng tù mù của hai chiếc đèn pin trên sàn nhà, trong họ xanh rớt và hốc hác như hai hồn ma.

“Chuyện gì thế này Mia?” Midori khẽ hỏi. “Có phải bọn mình bắt đầu bị ảnh hưởng vì thiếu ôxy không? Bọn mình đang bị ảo giác phải không? Hay là trong căn cứ này có thứ gì...”

“Muốn giết chúng ta? Cậu định nói thế phải không?” Mia ngắt lời. “Đúng đấy. Không biết nó là cái gì nhưng nó có thật đấy.”

“Nhưng cậu vừa làm quái gì ngoài kia?” Midori tiếp tục thì thầm, giọng vừa sợ hãi vừa trách cứ. “Sao cậu cứ thế mà chạy đi vậy được?” Cô nâng chiếc đèn pin lên chĩa thẳng vào mặt Mia.

“Tớ định đi tìm chú Coleman”, Mia đáp.

“Tại sao? Chắc gì chú ấy còn sống, Mia. Cậu không nghe chú ấy nói gì lúc nãy à? Chú ấy bỏ cuộc rồi.”

“Chắc chắn chú ấy còn sống. Chú ấy đang ở loanh quanh đâu đây thôi. Một nơi mà chú ấy biết chắc *chúng* sẽ không tìm ra.”

Midori đặt lại chiếc đèn xuống sàn giữa hai người. “Nhưng tớ không hiểu sao cậu còn muốn nói chuyện với chú ấy. Nếu có gì chú ấy có thể làm hoặc nói để giúp chúng ta thì chú ấy đã nói từ trước rồi.”

“Tớ nghĩ chú ấy vẫn biết nhiều hơn những gì đã kể với bọn mình,” Mia điềm tĩnh nói. “Mà nếu không có thông tin đó thì bọn mình đừng hòng sống sót rời khỏi đây.”

“Thế cậu bảo bọn mình phải làm gì bây giờ?” Midori hỏi.

“Chắc chú ấy phải ở đâu đó trong mô-đun một.”

“Từ đây đến đấy xa lắm, Mia.”

Mia không nghe. “Chuẩn bị đi.”

Vài giây sau họ nghe thấy tiếng cào từ mặt bên kia cánh cửa thép mở vào gian bếp.

Mia bịt chặt tay lên miệng Midori...

Tiếp theo là tiếng xoay của tay nắm đang khóa chặt cánh cửa. Hay đúng hơn là *đã* khóa chặt nó.

Cánh cửa mở ra.

Mia và Midori không cử động. Họ nghe tiếng bước chân trong bếp. Ai đó đang từ từ tiến về phía họ. Mia bịt miệng Midori chặt hơn. Bản thân cô cũng muốn hét lên, bật tung cánh cửa ra, kết thúc tất cả cho nhanh. Nhưng cô vẫn ngồi đó, lưng gồng cứng đến nỗi đôi vai mỗi nhừ. Không phát ra một tiếng động dù là nhỏ nhất, cô với tay tắt đèn pin đi.

Họ ngồi trong bóng tối và chờ đợi.

Sầm. Sầm.

Hai tiếng gõ trên sàn bên ngoài kho lương khô.

Tiếng bước chân.

Mia nhìn chăm chăm cánh cửa, chờ đợi nó mở ra. Đầu cô đau đến mức cô gần như không thể tập trung được.

Sầm. Sầm. Tiếng gõ lần này còn rõ hơn.

Rồi tất cả trở về yên lặng.

Tim Mia đập mạnh đến mức cô tin chắc rằng kẻ ở ngoài cửa kia cũng nghe thấy. Cô dè một tay lên ngực để giảm bớt âm thanh ấy đi.

Nhưng rồi họ nghe thấy sinh vật nọ bước vài bước ra xa cánh cửa. Yên tĩnh trở lại. Rồi có tiếng di chuyển vội vã, và cánh cửa gian bếp đóng sập lại.

Có lẽ sinh vật đó đã rời khỏi phòng, nhưng cả Mia lẫn Midori đều không dám cử động trong vài phút sau đó.

Cuối cùng Mia là người phá vỡ sự yên lặng. Cô thầm thì thật khẽ: “Tớ nghĩ bọn mình nên tranh thủ cơ hội này đi.”

“Đợi thêm một lát nữa có hơn không?”

“Bọn mình không có thời gian đâu, Midori. DARLAH sắp hết dưỡng khí đến nơi rồi – cậu không nhận thấy sao?”

“Có,” Midori cuối cùng cũng đáp lại.

Mia cúi xuống nhặt một chiếc đèn pin lên.

“Được rồi, Midori. Đi nào. Bọn mình sẽ đi qua hành lang đến mô-đun một. Cố gắng bước càng nhẹ càng tốt. Nếu gặp ai trên đường, cậu hãy chạy theo hướng ngược lại và cố gắng đến DARLAH 1, dù có tớ đi cùng hay không. Được không? À, còn một chuyện nữa – đừng cố tấn công chúng làm gì. Tớ đã thử rồi. Tớ đã dùng dao to đâm thử một đứa. Chẳng có tác dụng gì hết.”

Midori lặng lẽ gật đầu và đáp lại. “Cậu cũng vậy nhé. Nếu có ai tấn công tớ, cậu phải chạy ngay đấy.”

Họ rón rén nhắc chốt cửa lên và mở cửa kho.

Họ chiếu đèn pin ra ngoài căn bếp. Không có lấy một ai. Cả căn phòng có vẻ hoang vắng bất thường, như thể chưa từng có ai đặt chân vào đó cả.

Mia bước ra trước và tiến dần về cánh cửa dẫn ra hành lang cùng Midori theo sát phía sau.

Cứ đi được năm bước họ lại dừng chân nghe ngóng, quét đèn pin khắp hành lang rồi mới đi tiếp, và mỗi lần họ thấy hành lang trống không là một lần họ thấy nhẹ nhõm như trút được gánh nặng.

Và rồi một nỗi sợ mới lại tràn đến, rằng thứ mà họ khiếp sợ kia vẫn đang chờ đợi họ ở đâu đó trong bóng tối phía trước.

Khi họ đi qua cửa an ninh M thì Mia chợt nảy ra một ý và dừng lại.

“Cậu làm gì vậy?” Midori lo lắng hỏi.

“Tớ muốn kiểm tra một nơi lần trước tớ quên mất.” Cô quay lại soi đèn vào con đường họ vừa đi.

“Chúng ta quay lại sao?” Midori hỏi.

“Quay lại một đoạn thôi,” Mia đáp. “Theo tớ.”

Mia tiến về phòng máy tính, men theo hướng bên trái và đi tiếp dọc hành lang. Cô không biết điều gì đã khiến cô chắc chắn như vậy, nhưng ngay từ trước khi đặt chân vào nhà kính, cô đã biết rằng mình đoán đúng.

Cô nghe tiếng thở nặng nề của một người đàn ông.

Cô chậm chậm soi đèn qua tầng lá rậm rạp.

Và quả nhiên ông đang ngồi đó.

Coleman. Dựa lưng vào gốc táo, với khẩu súng lục trên tay. Ông ngẩng lên nhìn họ vẻ buồn bã.

“Hai đứa không nên ở đây vào lúc này. Sao các cháu vẫn chưa đi? Chú đã bảo mấy đứa rời khỏi nơi này rồi cơ mà?”

Họ thấy ông vung vẩy họng súng trên đầu. Trông ông có vẻ thất vọng hơn là ngạc nhiên khi nhìn thấy họ.

“Có ai đó ở đây,” Mia nói với ông. “Một kẻ khác.”

“Cháu có ý gì?”

Và Mia giải thích tất cả. Về chuyện Antoine đã xuất hiện ngoài cửa sổ như thế nào. Về chuyện Caitlin đã ra ngoài đón cậu và biến mất ra sao. Về bản sao của Mia mà cô gặp trong hành lang ngoài mô-đun hai. Coleman lắng nghe, và khi cô nói xong, ông gục đầu xuống.

“Chà, vậy là nó đã bắt đầu rồi đấy,” ông tự nói với chính mình.

“Cái gì đã bắt đầu? Chú đang nói gì vậy?” Mia hỏi. Cô bước chậm rãi quanh thân cây, vừa đi vừa khom người như thể sẵn sàng chồm tới vỗ mồi. Mắt cô dán chặt vào cánh cửa đang mở dẫn vào phòng máy tính. Midori co người ngồi dưới một tán lá cọ lớn sát tường. Thỉnh thoảng cô lại đột ngột quay ngoắt lại nhìn tấm kính đen sau lưng, như thể có ai vỗ vào vai cô.

“Cái mà chúng ta đã e sợ suốt những năm qua. Cái chúng ta lên đây để ngăn chặn.”

Câu trả lời úp mở của ông khiến Mia sốt ruột, khiến cô nhớ đến thái độ của Caitlin sau khi uống mớ thuốc giảm đau. Như thể Coleman cũng đã không còn quan tâm nữa. Nhưng Mia hiểu rõ rằng không phải ông không quan tâm mà ông chỉ đang cố giấu giếm một điều gì đó.

“Chú còn đang giấu bọn cháu chuyện gì vậy?” Cô chất vấn. “Có kẻ muốn giết chúng ta, chú có hiểu không? Mọi điều chú đã nói đều là dối trá và chú biết rõ như thế. Chú sợ người ta phát hiện ra cái gì cơ chứ?”

“Ồ,” ông đáp. “Có nhiều thứ phải sợ lắm. Đến giờ cháu phải hiểu rồi chứ.”

Coleman đưa tay quệt mồ hôi trên trán. Tán lá rậm rạp phía trên khiến khuôn mặt ông trông càng tăm tối hơn.

“Chú lo cho danh tiếng của NASA hay gì? Lo người ta sẽ phát hiện ra rằng nhiệm vụ này đã thất bại? Rằng các chú có nhiều ý đồ khác trên Mặt Trăng hơn những gì các chú nói với công chúng, đúng thế không? Chắc chắn là đến giờ người ta cũng tự hiểu điều đó rồi.”

“Không,” ông đáp. “Đó chẳng phải lí do đâu.”

“Vậy thì là cái gì cơ chứ? Chú đã biết tất cả rồi, đúng không? Chú đã biết ngay từ đầu. Và nếu chú còn một chút xiu lương tâm nào sót lại, thì cháu nghĩ chú nên kể cho bọn cháu những gì chú biết để chúng ta có thể thoát khỏi đây.”

“Chú e rằng chú không biết hết tất cả đâu, Mia ạ. Chẳng ai biết cả. Sự thật là chúng ta hầu như chẳng biết gì.”

“Nhưng?” Mia gặng hỏi.

Ông hít một hơi thở sâu. Mùi thối rửa nồng nặc trong căn phòng ẩm ướt um tùm. “Chú vốn nghĩ tốt nhất là các cháu không được biết gì cả. Cháu phải hiểu rằng điều chú sắp kể là thông tin nhạy cảm, tối mật. Điều quan trọng là các cháu phải hiểu như vậy.”

Vẻ mặt Midori và Mia cho thấy rõ rằng họ cảm thấy việc coi bất kì điều gì là tối mật vào lúc này thật là lố bịch. Và Coleman cũng phần nào đồng ý với họ.

Ông nặng nhọc thở dài và đặt vũ khí xuống cỏ. “Các nhiệm vụ lên Mặt Trăng kết thúc vào năm 1972 không phải vì thiếu ngân sách hay thiếu sự quan tâm của công chúng như mọi người vẫn nghĩ. Sự thật là chúng ta không còn dám cử ai lên Mặt Trăng nữa. Các cháu đã nghe về *Apollo 13* chưa?”

Họ đã nghe. Nadolski đã giảng cho họ nghe về tất cả các chuyến bay vào vũ trụ trong chương trình Apollo. Sau lần hạ cánh đầu tiên lên Mặt Trăng của *Apollo 11* thì *Apollo 13*, nhiệm vụ suýt biến thành thảm họa vào năm 1970, là chuyến bay nổi tiếng nhất, và chắc chắn là chuyến bay li kì nhất. *Apollo 13* vướng phải một

vụ nổ bình ôxy sau khi xuất phát hai ngày. Hầu như không có điện và dưỡng khí, các phi hành gia buộc phải đi tiếp đến Mặt Trăng nhằm lợi dụng trọng lực yếu của nó để quăng họ trở lại Trái Đất. Việc họ còn sống sót chắc chắn là một phép màu. Và câu *Houston, chúng tôi gặp vấn đề* đã mãi mãi được khắc ghi vào lịch sử thám hiểm không gian.

“Cả thế giới đã nín thở trong những ngày chuyến bay diễn ra,” Coleman nói tiếp. “Nhưng vì một lí do giả. Bởi vì chẳng hề có vụ nổ nào trên tàu *Apollo 13* cả. Toàn bộ câu chuyện đó là một màn dối trá tinh vi, kín kẽ, lớp lang để che giấu sự thật. Sự thật đó là *Apollo 13* đã đáp xuống khu vực Fra Mauro theo đúng kế hoạch. Nhưng một điều bất ngờ đã xảy ra.”

“Điều gì ạ?” Mia ngờ vực hỏi, mắt liếc vào bóng tối để tìm kiếm dấu hiệu rằng có kẻ đang theo dõi họ. Nhưng cô không thấy gì.

“Phi công của tàu đổ bộ, Fred Haise, đã tiếp xúc với... *một thứ gì đó* dưới miệng núi lửa Fra Mauro. Chuyện bắt đầu khi anh ta quan sát thấy một... hiện tượng dị thường... từ cửa sổ của con tàu đổ bộ, và NASA ra lệnh cho anh ta đi điều tra.”

“Nhưng chuyện này chẳng khớp với những gì chính các phi hành gia đó đã kể,” Midori phản bác. “Cháu đã xem các buổi phỏng vấn đó. Cháu đọc cả những đoạn tiểu sử chú Nadolski đưa cho. Cháu còn nghe những đoạn băng từ tàu điều khiển nữa. Chú nói dối.”

“Giá mà chú đang nói dối. Và chú tin chắc Haise cũng ước những gì mình kể cho thế giới nghe mới là sự thật. Nhưng không phải. Mọi điều cháu đã đọc, đã nghe, đã xem đều là dàn dựng. Fred

Haise đã lên Mặt Trăng, và anh ta đã tìm thấy một thứ đáng ra không nên có ở đó.”

“Là thứ gì?”

“Ừm, các báo cáo đều không rõ ràng... cho đến tận hôm nay. Nhưng chúng đều có nhắc đến một kẻ nào đó. Một ai đó hay một cái gì đó trông giống... hết như... anh ta.”

“Giống cái bọn cháu đã thấy!” Midori kêu lên.

“Phải... Fred Haise may lắm mới thoát được về đến tàu đổ bộ, và rời khỏi bề mặt Mặt Trăng cùng Jim Lovell chỉ sau đó vài giờ. Một cuộc sơ tán khẩn cấp. Nhưng chưa hết. Chuyện đó xảy ra với vài nhiệm vụ Mặt Trăng khác nữa. Đây chỉ là một trong nhiều chương của câu chuyện. Đã từng có vấn đề từ tận thời của *Apollo 11*. Midori, cháu đã nhật được đôi ủng của Buzz Aldrin, đúng không?”

Cô gật đầu.

“Đôi ủng đó không phải bị vứt lại Mặt Trăng để giảm cân nặng cho tàu như cháu được biết đâu. Ông ấy đã ném chúng về phía thứ gì đó, một thứ đang tiến đến gần ông. Sự thật là trong suốt những năm qua, hầu hết người ở NASA đều tin rằng bản miêu tả của các phi hành gia về những bản sao giống hệt họ trên Mặt Trăng có liên quan đến một loại phản xạ, một ảo ảnh do môi trường nơi này sinh ra. Mọi người tin như vậy cho đến tận vụ việc của Haise vào năm 1970. Sau đó, mọi người có liên quan tại Trung tâm Điều khiển Mặt đất ở Houston đều được lệnh phải kí một thỏa thuận bảo mật, và từ đó họ bị loại khỏi mọi kết quả nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này. Các quan chức đứng đầu NASA đã bắt đầu hợp tác với bên quân đội để xây dựng một căn cứ trên Mặt Trăng

có thể được dùng để nghiên cứu và thậm chí nếu cần thì xóa sổ hiện tượng này. NASA còn lôi cả các nhà nghiên cứu của SETI vào.”

“SETI?”

“Đó là tên gọi tắt của Dự án Tìm kiếm Trí tuệ ngoài Trái Đất¹⁸. Nhưng đó không phải là thứ chúng ta gặp phải ở đây. Chú cũng vừa mới hiểu ra điều đó lúc ở ngoài kia. Chúng ta đang phải đối mặt với một thứ nguy hiểm hơn rất, rất nhiều. Một thứ mà chúng ta hoàn toàn chưa biết. Nó không giống với bất cứ thứ gì chúng ta biết, vì hoạt động của nó hoàn toàn nằm ngoài những quy luật thông thường, hoàn toàn vô cảm. Nó nằm ngoài thiện và ác. Nó chỉ là nó thôi. Và có vẻ như nó không có bất cứ mục đích nào khác ngoài phá hoại.”

“Chú nói rằng nó không phải là người ngoài hành tinh? Sao chú dám chắc thế?”

Coleman im lặng hồi lâu.

“NASA đã bắt được một tên vào năm 1972. Đúng hơn là một bộ phận của nó. Apollo 17 bị tấn công và đang chuẩn bị cất cánh khỏi Mặt Trăng, và khi họ cố gắng đóng cửa, một cánh tay của thứ bản sao đó đã bị cắt rời.”

“Vậy chúng là người ă?” Mia hỏi, cảm thấy một nguồn hi vọng kì lạ dâng lên trong khoảnh khắc.

“Không. Các nghiên cứu về cánh tay đứt lìa đó cho thấy nó không hề chứa bất kì vật chất hữu cơ nào. Nó không phải là sinh vật sống, chưa bao giờ sống cả.”

“Vậy thì nó là gì chứ?”

Lúc này họ đang ngồi cạnh Coleman. Mia vẫn liên tục dõi mắt về cánh cửa dẫn đến phòng máy tính. Trong bóng tối như thế này đáng lẽ họ nên núp thật kĩ hoặc liên tục di chuyển. Nhưng họ không làm cả hai việc đó. Họ có thể bị phát hiện bất cứ lúc nào. Nhưng cô có linh cảm rằng điều Coleman sắp kể với họ rất quan trọng nếu họ muốn có cơ may sống sót về nhà.

“Các cháu đã bao giờ nghe thấy từ ‘doppelgänger’ chưa?” Coleman hỏi.

Mia không hề biết ông đang nói về thứ gì. Từ đó nghe như tên một loài côn trùng. “Cái gì cơ ạ?”

“Doppelgänger. Đó là tiếng Đức, có nghĩa là “người đôi,” một bản sao huyền bí của một người đang sống, một bản nhân đôi, một bóng ma. Từ này được dùng khi người ta thấy những bản sao của chính họ hoặc của những người họ biết, dù không có bất cứ một cách lí giải logic nào. Ví dụ như khi cháu gặp một người quen trên phố, nhưng lại biết chắc rằng họ đang ở nhà. Hoặc khi cháu thấy chính mình trong gương rồi đột nhiên nhận ra một bản sao của chính cháu đứng ngay đằng sau. Chuyện như vậy đã từng xảy ra. Đã có hàng trăm báo cáo về hiện tượng này. Và chú không nói về trường hợp người giống người đâu, mà là những *bản sao*.”

“Nhưng chúng muốn gì?” Midori hỏi.

“Vấn đề là không ai biết chúng thực ra là *cái gì*. Là một loại ảo ảnh, hay những doppelgänger này thực sự tồn tại? Trong một thời gian dài người ta tin rằng chúng chỉ là ảo giác, cho đến khi xuất hiện một báo cáo của Pháp về trường hợp của Emilie Sagée.”

Midori đột nhiên đứng lên và nép sát vào tường, như thể đang cố dìm hai tay xuyên qua lớp kính để chạm vào bóng tối bên

ngoài. Cô đang nhìn chăm chăm vào cánh cửa dẫn ra chỗ máy cấp ôxy.

“Nhờ đâu nó ở trong đó thì sao?” Midori ra hiệu về phía đó và hỏi.

“Ngồi xuống đi, Midori. Nếu muốn vào đó nó phải đi qua trước mặt chú trước,” Coleman nói.

“Bản báo cáo của Pháp làm sao ạ?” Mia giục.

“Đúng rồi. Một phụ nữ người Pháp, Emilie Sagée, là giáo viên tại một trường nữ thực có tên là Pensionat von Neuwelcke ở Latvia vào thế kỉ mười chín. Người đầu tiên kể về chuyện này là Julie von Güldenstubbe, một nữ sinh trong lớp của Sagée. Emilie Sagée rất được các nữ sinh yêu quý. Nhưng không lâu sau khi cô ta đến ngôi trường này, bắt đầu có tin đồn rằng Sagée có thể ở hai nơi cùng một lúc. Chẳng hạn có lần một số nữ sinh nói rằng họ vừa gặp cô ta ở ngoài cổng chính, trong khi những người khác lại khẳng định họ vừa thấy cô trong thư viện, ở đầu kia của tòa nhà. Những chuyện kiểu như thế thường bị các giáo viên khác gạt đi.

“Nhưng mọi chuyện đã thay đổi vào ngày hai mươi hai tháng Ba năm đó. Güldenstubbe và mười hai cô bé khác đang ngồi trong lớp học toán thì một Sagée *nữa* xuất hiện ngay bên cạnh cô giáo thật. Hai người phụ nữ trông giống hệt nhau. Sagée đang đứng quay lưng về phía lớp và viết lên bảng, vì vậy cô ta không thấy có một người giống mình như đúc đang đứng ngay cạnh mình và làm cùng một động tác, chỉ không có phấn trong tay. Sau khi Güldenstubbe rời lớp học và báo lại việc này với hiệu trưởng, tất cả các nữ sinh đều được đưa ra khỏi lớp học. Họ bị thẩm vấn riêng

từng người về chuyện này và tất cả đều kể giống nhau đến từng chi tiết.”

Cả Mia và Midori đều thấy sốt ruột. Ở một chỗ quá lâu là một việc rất nguy hiểm, họ hiểu rõ điều đó. Và mỗi phút trôi qua trong bóng tối thiếu ôxy này lại giảm đi một phần cơ hội cho họ sống sót thoát khỏi đây. Nhưng họ cũng hiểu rằng họ không còn lựa chọn nào khác. Mia đã đoán đúng rằng Coleman rõ ràng đã giấu giếm thông tin, và nếu họ muốn có một cơ hội nào đó, thì họ cần biết càng nhiều càng tốt trước khi rời khỏi DARLAH 2.

Coleman nhận ra rằng hai cô bé không tập trung lắng nghe điều ông nói, nhưng ông vẫn tiếp tục: “Trong mấy tuần sau đó, doppelgänger của Sagée xuất hiện ngày càng thường xuyên. Một lần chuyện đó xảy ra trong nhà ăn. Người ta thấy doppelgänger ngồi cạnh Sagée, nhưng cũng như khi ở trong lớp học, trên tay nó không có gì. Khi cô giáo thật ăn uống, bản sao kia bắt chước các cử động của cô ta. Nhưng không giống lần trước, không chỉ có các nữ sinh chứng kiến việc này mà cả các nhân viên phục vụ trong nhà ăn cũng nhìn thấy bản sao đó.

“Trong mùa xuân năm đó, cách hành xử của doppelgänger bắt đầu thay đổi. Nó có vẻ đã có ý thức riêng. Ví dụ khi cô giáo đứng dậy trước lớp, thì doppelgänger vẫn ngồi yên. Nhưng sự kiện quan trọng nhất xảy ra vào cuối tháng Năm. Tất cả bốn mươi hai nữ sinh của trường đều đang ngồi học thêu trong một giảng đường lớn, và qua các cửa sổ lớn chạy dọc theo tường họ có thể thấy rõ ràng Emilie Sagée đang ở ngoài vườn, vừa đi vừa hái hoa giữa các luống. Mấy phút sau người giáo viên đang đứng lớp giờ thêu của các nữ sinh rời khỏi giảng đường để đến phòng mình lấy đồ. Nhưng ghế của ông ta không trống không, mà một giây sau các

nữ sinh phát hiện Sagée đang ngồi trên đó. Họ bối rối nhìn ra ngoài vườn. Emilie Sagée vẫn đang hái hoa...”

Coleman cảnh giác dừng lời. Ông lắng nghe xem có tiếng động nào phát ra từ hành lang không và rõ ràng đang lo sợ. Mia và Midori bắt lực nhìn nhau.

“Chú kể tiếp nhé?” Coleman hỏi.

Mia vội gật đầu.

“Sau hôm đó, các nữ sinh cảm thấy không thể chịu được nữa. Từng người lần lượt bỏ học và đến đầu học kì mùa thu, số lượng học sinh đã giảm từ bốn mươi hai xuống mười hai. Nhà trường thấy không còn cách nào khác ngoài việc sa thải Sagée. Một tuần sau cô rời khỏi trường, và không ai biết chuyện gì xảy đến với cô ta nữa. Nhưng đã có rất nhiều nghiên cứu về trường hợp của Sagée, nhiều luận văn về việc đó. Vấn đề là mọi kết luận đều rất mơ hồ. Người ta nghĩ trường hợp này tương tự như một hồn ma. Nhưng không phải loại hồn ma trùm vải trắng đeo xiềng ở cổ chân. Mà là một hồn ma sống. Một thực thể không thực. Lúc này gọi nó là gì cũng không quan trọng. Chú e rằng chúng ta đang gặp phải một thể loại doppelgänger nguy hiểm hơn nhiều.”

“Ý chú là gì?”

“Một bản sao xấu xa có âm mưu chiếm đoạt cuộc sống của cháu mà không ai biết. Nó sẽ giết cháu và bắt chước mọi thói quen của cháu, để dễ dàng tiếp cận những nạn nhân mới. Doppelgänger của Sagée có vẻ đáng sợ nhưng thực ra vẫn vô hại. Nhưng của chúng ta thì sao? Năm trong số tám người đã chết, Mia ạ. Cháu có hiểu chú đang nói gì không?”

“Chà, thế đấy,” Midori kết luận, mặt tái xanh. “Chúng ta sẽ chết cả nút.”

Mia không đáp lại.

“*Thực ra* đã có chuyện gì ngoài hành lang, Mia?” Coleman hỏi.

Mia hít một hơi và kể lại mọi chuyện mình nhớ được. Về tiếng nhạc không hiểu từ đâu đến. Về con người xuất hiện trên hành lang và nói chuyện với cô. Về chuyện nó có hình dáng và giọng nói giống hệt cô. Mia kể lại những gì kẻ đó nói về những người khác.

Họ lắng nghe trong không khí tĩnh lặng của căn cứ. Thứ đang ở ngoài kia có thể đang ẩn nấp tại bất cứ chỗ nào. Nó có thể đang ở ngay trong phòng này với họ, ngay tại đây, ngay lúc này, mà họ không hề biết. Coleman hít vào thứ không khí thiếu ôxy trong phòng. Chẳng mấy chốc điều kiện ở đây sẽ không còn nuôi dưỡng được sự sống nữa.

Ông suy tính về tình huống hiện tại trong một lúc lâu. Rồi ông nói, “Chú... có một người quen làm... mục sư. Chú biết ông ấy từ khi còn nhỏ. Ông ấy... ừm, chú không phải người theo đạo, nhưng chú rất kính trọng và nghe lời ông ấy. Một đêm chú lấy hết can đảm kể với ông ấy về những điều chú biết được về các đợt hạ cánh lên Mặt Trăng, những điều mà chỉ có chú, các phi hành gia có mặt trong những lần hạ cánh đó, và một vài người khác ở NASA được biết. Chú nói liên hồi để đến hơn một tiếng đồng hồ, và khi kể xong ông ấy nhìn chú một lúc rất lâu rồi nói, giọng cực kì nghiêm trọng: ‘Anh biết không, Aldrich, khi Chúa đày Lucifer và những kẻ thù khác ra khỏi thiên đường và xuống một vực sâu nơi người gọi là địa ngục, người không hề nói rõ địa ngục nằm ở đâu?’”

“Thế... chú nghĩ Mặt Trăng là... địa ngục ư?” Midori hỏi.

Coleman nhún vai gạt bỏ ý tưởng đáng sợ đó, “Đó chỉ là một ý kiến thôi. Nhưng nếu là thế thật... và nếu chúng ta có thể xóa bỏ địa ngục mãi mãi... thì cháu có muốn thử không?”

“Đó là việc NASA đang muốn làm sao? Chuyện đó thật... lỗ bịch!” Mia đáp. “Dù sao cháu cũng không theo đạo. Cháu không tin vào mấy chuyện này.”

“Chú cũng không,” Coleman nói. “Nhưng chuyện đó không phải là vấn đề chính. Vấn đề là thứ chúng ta đang gặp ở đây có thể là bất cứ thứ gì,” ông nói tiếp, “một loại... hiện tượng, một hình thái có thật của doppelgänger. Một dạng tồn tại chúng ta chưa biết. Một thứ gì đó đáng lẽ ngay từ đầu chúng ta không được đụng tới. Vấn đề là cuối những năm chín mươi, một số nhân vật quyền lực và có ảnh hưởng lớn ở NASA đã bắt đầu nghiêng về phía những giả thuyết tôn giáo cực đoan này. Chúng ta phải quay lại với tín hiệu Wow! mà kính thiên văn Big Ear bắt được vào tháng Tám năm 1977. Đúng là khi đó cả NASA cũng ngạc nhiên. Nhưng đến tận nhiều năm về sau, khi bọn chú tiếp tục nghiên cứu tín hiệu đó, bọn chú vẫn luôn tin chắc rằng nó đến từ Mặt Trăng. Bọn chú chỉ không dám nói cho ai biết thôi, vì không hề biết lí do là gì. Là do nhầm lẫn? Hay là do cố ý? Hay đó chỉ là một đoạn liên lạc nội bộ ngẫu nhiên lọt ra? Nhưng đến giờ chúng ta đã biết nó là gì: một dấu hiệu. Một chữ kí muốn nhắc nhở chúng ta rằng ngay từ khi đó chúng ta đã không phải là những kẻ duy nhất trong vũ trụ, mà ngoài đó còn có thứ đáng sợ khác. 6EQUJ5. Thứ mà chúng ta đang đối mặt, dù là gì đi nữa, thì cũng có một điều chắc chắn là: Nó không được phép đến Trái Đất. Nếu không thì tất cả sẽ chấm hết.”

Ba người ngồi trong yên lặng một hồi lâu. Làm sao có thể tin được lời Coleman vừa nói đây? Liệu điều ông nói có lí chút nào

hay không? Nếu có thì họ phải sợ thứ gì nhất đây? Sợ nơi này hay sợ những con người trên Trái Đất kia, những kẻ đã quyết định cử thiếu niên lên đây vì những giả thuyết điên rồ và cực đoan của mình?

Đáng lẽ bọn mình không nên đến tìm Coleman làm gì, Mia thầm nghĩ. Ông ấy chẳng giải đáp được vấn đề gì cả, chỉ làm mọi thứ rối rắm hơn.

“Chú Coleman, giờ chỉ còn ba người chúng ta thôi,” Midori lên tiếng trước khi Mia kịp nói ra suy nghĩ của mình. “Có đủ chỗ cho chú trên tàu sơ tán đấy. Xin chú đi cùng bọn cháu. Tất cả đi cùng nhau thì sẽ nhiều khả năng đến được DARLAH 1 hơn.”

Nhưng lòng ông đã quyết, dù lúc này ông đã tin chắc điều gì đang xảy ra quanh họ.

“Xin lỗi Midori. Chú rất xin lỗi. Nhưng chú phải hoàn thành việc chú đã bắt đầu. Đến lúc hai cháu đi rồi. Ở đây với chú thêm phút nào là nguy hiểm thêm phút đó. Chúng có thể tìm thấy chúng ta bất cứ lúc nào, nên từ giờ các cháu phải đi một mạch. Đến DARLAH 1. Về nhà đi!”

Cố thuyết phục ông cũng vô ích. Họ miễn cưỡng đứng dậy ôm lấy ông.

“Còn một điều nữa,” Coleman nói. “Cho đến giờ các cháu mới chỉ thấy doppelgänger của Antoine và của Mia. Nhưng như thế có nghĩa là ngoài kia có thể còn nữa. Nếu các cháu bị chia tách, thì khi gặp lại phải đảm bảo là mình không nhầm. Theo những báo cáo từ NASA và các sách vở khác chú từng đọc về hiện tượng này, thì bóng của doppelgänger quay ngược hướng. Đôi khi các cháu có thể nhìn vào mắt chúng. Đáy lòng đen của chúng cũng chỉ có

một màu đen. Chúng có thể ra vẻ là bạn tốt, cho cháu những lời khuyên chân thành, nhưng những lời khuyên đó thường khiến cháu đi sai hướng hoặc nguy hiểm, cho phép chúng gây hoang mang cho chúng ta. Và đó chính là điều chúng muốn. Vì như vậy chúng sẽ có thêm thời gian để chuẩn bị tấn công. Các cháu đã nhớ kĩ chưa?”

Họ gật đầu. “Còn chú thì sao? Chuyện gì sẽ đến với chú?” Mia hỏi.

“Chú chỉ định ngồi đây thêm một lát nữa, ngẫm nghĩ mọi sự.” Ông khẽ mỉm cười. “Đừng buồn. Số phận của chú là phải chết ở đây. Giờ chú đã hiểu rồi.”

Chẳng còn gì để nói thêm. Coleman phải làm theo cách của ông. Mia và Midori còn có việc phải làm. Nói lời vĩnh biệt sau cùng, họ ra khỏi nhà kính và bước ra hành lang tối om.

“Cậu sẵn sàng chưa Midori? Hay muốn ở lại thêm?”

“Tớ sẵn sàng rồi.”

“Tốt. Vậy bọn mình sẽ chạy đến phòng thiết bị khi tớ ra hiệu. Tớ có bản đồ đến DARLAH 1 đây rồi. Dù cậu làm gì cũng không được rời mắt khỏi tớ. Cậu nghe rõ chưa?”

“Rõ rồi.”

“Ba,” cô thầm thì. “Hai. Một.” Rồi cô hô lên: “CHẠY!”

Họ chạy như điên qua căn cứ, vượt qua bóng tối tiến về mô-đun bốn. Các hành lang hầu như đã cạn sạch ôxy, khiến mỗi hơi thở đều khiến họ thấy mình sắp chết ngạt. Mia chạy thực mạng không

quay đầu lại, không dừng bước kiểm tra xem trên đường mình chạy có gì hay không. Cô cứ chạy, với Midori theo sát phía sau, trong đầu chỉ nghĩ được một điều duy nhất *Mình sẽ không bao giờ quay lại cái căn cứ này nữa, Mình sẽ không bao giờ quay lại đây nữa, Mình sẽ không bao giờ đến đây nữa, Mình sẽ không bao giờ đến đây nữa.*

Họ đến phòng thiết bị, cả hai đều có vẻ ngạc nhiên vì đã đến được đây mà không gặp phải chuyện gì. Không nói một lời, họ giúp nhau mặc đồ vào. Họ nhấc hai bình ôxy đầy nhất lên và đeo lên lưng. Cài ủng và găng tay thật chắc, kiểm tra mọi đường chỉ và khe hở trên bộ đồ du hành. Họ cố gắng thao tác thật nhanh, nhưng từng phút vẫn tích tắc trôi qua, và cả hai đều liên tục nhìn ra hành lang tối đen mình vừa đến với ánh nhìn khiếp sợ.

“Caitlin để cửa ngoài mở sẵn rồi,” Mia hét lên với Midori qua loa bộ đàm. “Bọn mình chỉ có một cơ hội duy nhất lúc mở cửa trong thôi. Khi nào sẵn sàng thì ra hiệu cho tớ.”

Midori giơ ngón tay cái đáp lại.

“Bắt đầu thôi! Bám vào thứ gì đi!”

Midori khóa chặt cánh tay quanh một ống thép gắn trên tường, Mia cũng bám lấy một cái tương tự bên phía mình. Cô dùng tay còn lại nâng cánh cửa phòng giảm áp, và lượng ôxy còn sót lại trong DARLAH 2 bị hút sạch ra ngoài với một lực đáng kể, cuốn theo mọi thứ không được cố định lại. Giấy, ủng, quần áo và mũ bảo hiểm, những đoạn dây thừa, và cả bình ôxy lao vào vùng chân không và trôi nổi bập bềnh trên bề mặt Mặt Trăng. Mia và Midori co người lại thật nhỏ để tránh bị những vật thể bay qua va vào.

“BAO GIỜ NÓ MỚI DỪNG LẠI ĐÂY?” Midori hét lên với Mia.

“Cố chịu đi, Midori! Không còn lâu nữa đâu!”

Nhưng họ vẫn cảm thấy rất lâu. Lâu hơn nữa. Trong khi bám chặt vào ống thép, Mia tập trung nghĩ về nhà. Về ban nhạc của cô, lúc này chắc hẳn đã quyết định để Kari làm ca sĩ chính. Về bố mẹ cô, hẳn đang vô cùng lo sợ cho cô. Họ đã từ bỏ hi vọng hay chưa? Và cả Sander nữa. Không biết bây giờ nó đang làm gì? Nó có đang ngồi ngoài nhà khách ở Trung tâm Vũ trụ Johnson với hai tay vòng quanh chiếc mũ bảo hiểm mà nó luôn đội khi ra ngoài, đôi mắt dõi lên trời, chờ đợi chị gái mình trở lại?

Cuối cùng, họ thấy lực hút giảm dần và họ có thể thả tay ra. Họ cùng nhắc hẳn cánh cửa lên và rời khỏi căn cứ.

“Đi đường này,” Mia gọi, chỉ tay về phía vùng đất bằng phẳng trống trải.

Có một người đang ngồi dưới gốc táo trong nhà kính. Ông không còn chút ôxy nào để thở.

Đến lúc rồi, ông nghĩ trong khi bắt đầu ngạt dần. Aldrich Coleman, mày đã đợi rất lâu để hoàn thành chặng đua này. Sớm muộn gì nó cũng đến, đúng không? Cú bắn thứ sáu cũng là cú cuối cùng.

Lần này sẽ không còn tiếng cách phát ra từ khẩu súng nữa. Ông nhắm mắt tưởng tượng mình đang trở lại Công viên Trung tâm. Ông có thể ngửi thấy hương cỏ của buổi sáng thứ Bảy nhiều năm về trước. Ông cảm thấy sự tồn tại của gã đàn ông đang chĩa súng vào thái dương ông và bóp cò. Năm lần. Nhưng lần này sẽ khác. Ông không còn sợ nữa. Đã đến lượt ông nắm quyền kiểm soát. Ông là người được nói lời cuối cùng.

Coleman nhặt khẩu súng lên từ nền đất khô cứng. Nó nặng hơn trong trí nhớ của ông, sức nặng của nó càng làm tình cảnh thêm phần ảm đạm. Ông kê hòng súng vào thái dương. Bóp cò.

Không có tiếng *cách* nào vang lên.

Nếu trong căn cứ còn chút không khí nào sót lại, âm thanh của phát súng hẳn đã vang vọng khắp không gian.

MIDORI

Họ chạy về hướng bắc. Cả không gian trải rộng xung quanh khiến họ nghĩ đến một thế giới sau trận chiến hạt nhân khi không còn thứ gì tồn tại. Không sự sống. Chỉ có cát bụi. Cát bụi chết chóc im lìm.

Thỉnh thoảng Mia lại quay về phía sau để xem Midori có theo kịp bước chạy của mình hay không. Mặt trong của chiếc mũ bảo hiểm bám đầy hơi nước đọng lại từ hơi thở của cô, chảy thành giọt xuống lớp kính. Mặt trời chiếu thẳng từ trên đầu khiến họ cảm nhận được cái nóng sục sôi, dù đã có hệ thống làm mát trong bộ đồ du hành. Họ tiếp tục chạy. Mia liếc nhìn bản đồ. Họ đang đi đúng hướng.

“Nhanh lên,” cô gọi về phía sau.

“Tớ chạy nhanh hết sức rồi,” Midori thở hổn hển. “Cậu chạy nhanh quá đấy.”

“Bọn mình không thể chậm lại được. Cố lên. Cậu làm được mà, không xa đâu.”

Cô đang nói dối. Đích đến còn *rất xa*. Ít nhất là một giờ, theo như Coleman nói. Theo bản đồ họ phải leo lên ngọn đồi trước mặt. Và sau đấy vẫn còn ba dặm nữa, có khi còn xa hơn.

“Dừng lại!” Midori hét lên. Mia quay phắt lại nhìn. Midori đang nằm trên mặt đất.

“Tớ không dậy được... bộ đồ... nặng quá.”

Mia vội chạy lại kéo tay Midori.

“Từ từ. Đẩy chân đi... nào.” Mia kéo mạnh trong khi Midori cố nhắc mình đứng dậy.

“Cậu phải hơi cúi về đằng trước trong lúc chạy,” Mia nói. “Giống như khi ở dưới nước ấy...”

Cô không kịp nói hết câu. Có thứ gì đó lọt vào tầm mắt khiến cô chú ý. Một thứ gì đó trên lớp bụi Mặt Trăng ở phía trước.

Không phải một vật, mà là một thông điệp. Như thể có ai đó đã dùng ngón tay viết lên nền cát. Cô nhận ra các chữ cái và số, và một cảm giác lợm giọng lan khắp người cô.

6EQUJ5. Cùng dòng mã cô đã thấy trên màn hình máy tính.

Khi đó cô không liên tưởng được ra, nhưng giờ thì đột nhiên mọi thứ trở nên rõ như ban ngày.

“Midori? Tớ nghĩ đã có người theo dõi chúng ta ngay từ đầu.”

“Cậu nói gì vậy?”

“Nhìn kìa” – Mia chỉ dòng chữ trên mặt đất – “vẫn dòng mã đó. Cậu đã nhìn thấy nó bao giờ chưa?”

“Rồi, trong phòng máy tính.”

“Ý tớ là trước đó nữa cơ.”

Mia vội kể với Midori những gì cô biết. Một tối ở Houston cô đã ngồi nói chuyện Antoine trong khi Midori ra ngoài ăn tối cùng bố mẹ. Antoine đã kể cho cô nghe câu chuyện kì quặc trong đó cậu là người duy nhất trên Trái Đất chứng kiến một chiếc máy bay rơi xuống Eo biển Manche. Cô khá ấn tượng với câu chuyện đó, nhưng nếu không phải vì khi đó cô đã yêu mến cậu thì hẳn cô đã nghĩ

cậu hơi điên. Vì điều lạ hơn cả là Antoine bị ám ảnh nặng nề vì hai chữ cái cậu nhìn thấy trên đuôi chiếc máy bay trước khi nó lao xuống mặt nước: *QU*.

Và chỉ đến lúc này cô mới nhận ra sự trùng khớp rợn người đó.

Sao cô không nghĩ ra sớm hơn? Dấu hiệu đột nhiên xuất hiện trên lưng áo của Murray trong Công viên Trung tâm đêm đó chẳng phải chính là 6E sao? Giây trước trên chiếc áo còn chưa có gì, rồi hai kí tự hiện ra, như thể một cánh tay vô hình đã thò vào công viên và vẽ lên áo ông.

“Đó không thể là trùng hợp được, đúng không?” Mia hỏi sau khi kể lại tất cả với Midori. “Có lẽ nó thực sự là một lời cảnh báo? Có thứ gì đó đã cố làm chúng ta đổi ý không lên đây nữa. Nhưng câu hỏi là, phần còn lại của dòng mã đó xuất hiện ở đâu?”

Midori đi đi đôi ủng trên mặt đất, xóa đi vài kí tự trên đó.

“Máy bay chở tớ từ Narita đến New York xuất phát từ cửa J5,” Midori ngẩn ngơ nói. “Bọn tớ phải tìm mãi mới thấy cái cửa ấy. Máy người bọn tớ hỏi đều bảo không có cửa nào đánh số như thế. Và người phụ nữ trong buồng vệ sinh đã bảo tớ đừng đi. Vậy mà chúng ta lại không nghe.”

“6EQUJ5”, Mia nhỏ giọng kết luận. “Đáng lẽ chúng ta không bao giờ nên đến đây. Đáng lẽ chúng ta nên ở nhà, ở lại với thế giới.”

“Nói gì bây giờ cũng thế thôi, Mia ạ.”

“Có thể. Có thể không.”

Mia quay lại nghiên cứu tấm bản đồ. Và khi ngẩng lên cô nhìn thấy một vật màu trắng nổi lên giữa nền xám, ở phía trước cách họ một trăm mét. Họ không thể nhìn ra đó là thứ gì.

“Nào,” cô ra lệnh, hi vọng nó là cửa vào DARLAH 1. “Chúng ta đi tiếp thôi!”

Họ tiến tới gần những vật màu trắng ở phía trước. Trái tim Mia như trĩu xuống.

Đó là thi thể của Nadolski và Antoine, vẫn còn mặc nguyên đồ du hành. Họ nằm cạnh nhau, nhưng mũ bảo hiểm đã biến mất. Hai chiếc xe họ mang theo cũng biến mất nốt. Quanh họ không còn lấy một vật bánh xe.

Mia cúi xuống bên Antoine, gạt bụi xám khỏi khuôn mặt cậu. Nó đã bị biến dạng vì ánh nắng mặt trời thiêu đốt suốt nhiều giờ đồng hồ mà không có tầng khí quyển nào che chắn. Đôi mắt cậu đỏ quạch mở trừng và lồi ra khỏi hộp sọ. Lớp cát bụi đã hút khô nhãn cầu của cậu.

Nadolski cũng trong tình trạng tương tự. Nhưng một tay ông đã bị ngắt đến khuỷu, để lộ phần tay cụt trơ ra trước mắt họ. Toàn bộ ôxy trong cơ thể họ đã bị hút ra ngay giây phút mũ bảo hiểm của họ bị tháo xuống và chân không đã áp đảo họ. Hai thi thể giờ gần như bẹp dí.

Nhưng lạ thay, cảnh tượng trước mắt không khiến cô ghê tởm chút nào. Cô không thấy sợ, chỉ thấy một nỗi buồn mênh mang vắt kiệt sức lực mình đến mức cô chỉ muốn bỏ cuộc. Cô cố gắng vượt mắt cho Antoine, nhưng tròng mắt của cậu lồi ra quá nhiều nên mí mắt không sao đóng lại được. Cô múc một ít bụi bằng hai bàn tay đeo găng to lớn và phủ lên mặt cậu, đặt hai cánh tay cậu khoanh lại trước ngực.

“Ngủ yên nhé, bạn yêu quý,” cô thầm nói, rồi đứng lên. “Bọn tớ phải bỏ cậu lại đây, Antoine. Bọn tớ sắp về nhà.”

Cô nắm lấy tay Midori và bước tiếp.

Sau khi đi suốt quãng đường dường như đã kéo dài nhiều giờ liền, Mia dừng lại, tin chắc rằng mình không còn cách đích xa nữa. “Nó phải ở đâu quanh đây,” Mia nói, ngạc nhiên nhìn tấm bản đồ trong tay. “Midori, cậu nghĩ sao?”

Không có ai trả lời.

Cô quay lại và thấy Midori đang tụt lại phía sau. Cô đang chật vật lội bộ ở cách Mia khoảng năm mươi bước.

“Đến nơi chưa?” Midori hỏi.

Nhưng Midori không phải là người duy nhất đang đến. Trên đường chân trời phía sau Midori, Mia thấy một bóng người nữa đang tiến lại rất nhanh.

Cô biết đó là gì.

Doppelgänger của cô.

“Midori, nhanh lên, nó sắp đến kìa!”

“Tớ không đi nhanh hơn được,” Midori rên rỉ.

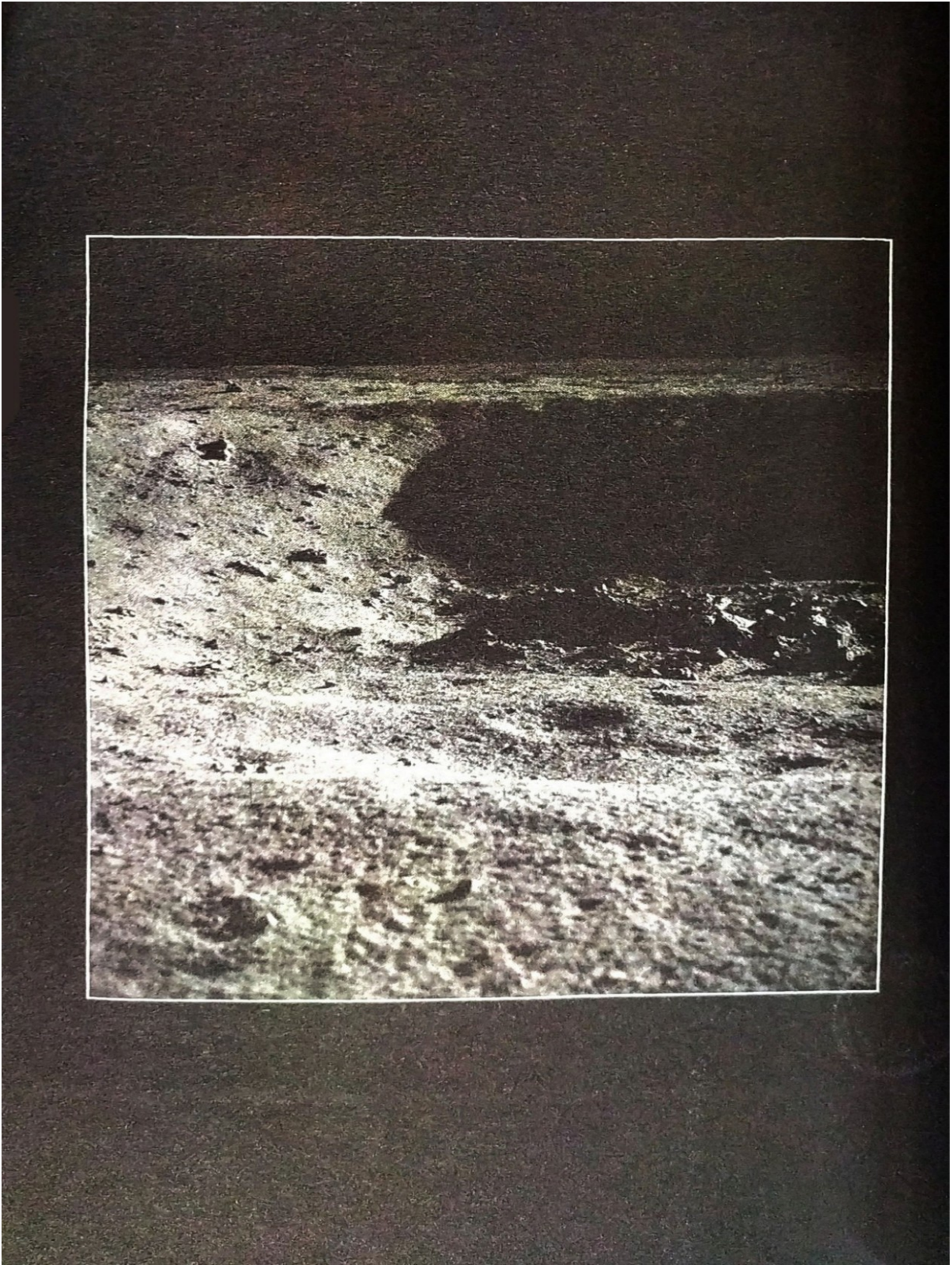
“Chạy đi!”

“Tớ không chạy được!”

Doppelgänger đó đang tiến đến gần. Nó không mặc đồ du hành mà mặc bộ đồ thường ngày của Mia. Nó nhếch môi cười nhạo và tăng tốc.

“Midori!”

Cô quyết định thật nhanh. Mia chạy lại chỗ Midori và kéo cô leo lên quả đồi cuối cùng rồi tụt xuống sườn bên kia. Cô gần như kéo lê cô bạn trên mặt đất như kéo một con búp bê, mắt không rời tấm bản đồ.



Mình chẳng hiểu gì cả. Nó phải ở ngay đây chứ! Mia đã sắp mất bình tĩnh.

Cô tuyệt vọng nhìn quanh để tìm kiếm bất cứ thứ gì có vẻ giống một tòa nhà hay một cửa ra vào. Nhưng chỉ có đá và cát bụi. Thứ vật chất màu xám chết chóc.

Cô nhìn bản đồ lần nữa.

Cô chưa bao giờ tập trung vào thứ gì đến vậy trong đời.

Căn cứ vào đường kẻ mảnh trên tấm sơ đồ, thì căn cứ này nằm dưới mặt đất. Chỉ có một lỗ hổng đào quanh cửa vào cho biết vị trí của nó.

Cô tóm Midori và kéo cô quay lại nơi họ dừng chân lúc đầu.

Trước mặt cô, trên quả đồi, doppelgänger xuất hiện. Nó vẫn đang tiến về phía họ.

“Midori, cậu phải tự chạy đi. Tớ không thể chạy thay phần cậu được. Midori? Midori!” Mia hét gọi.

Cô đâm mạnh vào sườn Midori.

“Ui da! Được rồi, tớ đến đây!”

Mia thả tay cô ra và quét mắt ra mọi hướng xung quanh. Không có gì. Không có gì. *Không có gì.*

Nhưng kìa.

Nó kia rồi.

Một lỗ hổng trên mặt đất.

“Midori, tớ thấy rồi! Nó *đây rồi!* Đi nào!”

Tin này đã tiếp thêm cho Midori nguồn sinh lực mới, và cô hỗn hển chạy đến bên Mia. Họ chạy về phía cửa vào và ngay lập tức phát hiện ra chiếc thang dẫn từ mặt đất xuống sâu hơn mười tám mét.

“Nhanh lên. *Nhanh lên!*” Đột nhiên quê nhà dường như đã nằm trong tầm với. Đó là điều duy nhất Mia nghĩ được. Adrenaline trào khắp cơ thể cô với sự dồi dào cô chưa từng thấy bao giờ.

Mia quăng mình xuống hố, bám vào một bậc thang và trèo xuống. Cô ngẩng lên để xác định Midori đang ở ngay trên đầu mình. Rồi cô nhảy khỏi thang và đáp ngồi xuống mặt đất.

Đầu óc còn choáng váng, cô đứng dậy dò xét cánh cửa thép khổng lồ. Nó lớn gấp hai lần cánh cửa của DARLAH 2, nhưng ngoài ra thì trông giống hệt. Cô ấn nút bên cạnh nó, và thở phào nhẹ nhõm khi thấy cánh cửa trượt mở êm ru. Cô đợi thêm vài giây cho Midori xuống đến nơi, và đẩy cô vào phòng giảm áp trước rồi mình vào theo.

“Đóng cửa lại!” Cô hét lên với Midori. “Đóng nó lại ngay!” Midori ấn tay lên cái nút bên trong, cánh cửa liền đóng lại.

“Chúng ta vào được rồi,” Mia nói, hỗn hển vì kiệt sức.

“Đúng vậy,” Midori nói với sự bình tĩnh bất ngờ, nhìn Mia. “Giờ chúng ta vào được rồi.”

Midori đặt hai tay lên một tay nắm ở giữa bức tường có biển đề ôxy rồi ấn nó xuống. Một luồng khí phun vào căn phòng qua những ống thông hơi lớn, cho phép họ tháo mũ bảo hiểm ra. Khi căn phòng đã đầy không khí, cô mở cánh cửa dẫn vào trạm điện. Đèn đã bật, nhưng vẫn tối so với ánh sáng mặt trời chói chang bên ngoài. Mia bật đèn của mình lên và theo sau Midori.

Trạm điện được xây dựng thành một căn phòng dạng hang khổng lồ với những tuabin lớn chắt cao hơn ba mươi mét lên tận trần nhà. Hàng dãy máy tính và máy đo xếp kín các bức tường, nhưng chẳng bao lâu họ đã tìm thấy hai công tắc chính. Khi Mia với tay ra định bật chúng lên, Midori đột nhiên hất tay cô đi.

“Sao cậu lại làm thế?” Mia hỏi.

Midori mỉm cười. “Tớ thích thế đấy.”

“Bọn mình không đến đây để chơi đâu nhé.” Mia nhanh chóng gạt cần công tắc lên. Tất cả các nút trên bảng điều khiển sáng lên ngay lập tức, và các tuabin bắt đầu quay, phát ra tiếng rì rầm trầm thấp.

“Vậy sao? Thế thì để làm gì?”

Mia chìa đèn vào Midori để nhìn cô rõ hơn.

Và khi đó cô đã nhận ra. Một cơn hoảng sợ dâng lên trong cô.

Cơ thể Midori tạo thành một cái bóng quay ngược hướng.

Mia lùi lại một bước.

Rồi lại một bước nữa.

Cô chậm chậm lùi về phía phòng giảm áp.

“Mày đi đâu thế?” Ả doppelgänger hỏi.

“Không... không đi đâu cả.”

“Mày không thể rời đi được, Mia. Bạn bè mày đều ở đây cả mà.”

“Mày có ý gì?”

“Caitlin. Nadolski. Antoine. Tất cả bọn họ đều ở đây, tất cả. Mày không nhớ họ sao?”

Mia toát mồ hôi lạnh.

“Tao biết mày đang nghĩ gì,” nó nói, ngoẹo đầu sang một bên. “Mày đang thắc mắc chuyện gì đã xảy ra với Midori, đúng không?”

Mia vẫn tiếp tục lùi về phòng giảm áp.

“Thật không may, nó không thể đến đây được. Khi mày bỏ nó lại trong bếp để đi tìm Coleman, hừm... phải rồi, cứ biết là nó phải đi.” Khuôn mặt Midori biến dạng thành một nụ cười méo mó ghê tởm. “Mà nhân tiện, cái vụ con dao thật là thảm hại nhé. Mày thực sự nghĩ trò đó sẽ có tác dụng gì đấy chắc?” Cô ả lại ngoác miệng cười, và lần này nụ cười mở rộng đến góm ghiếc, gần như ra đến tận mang tai.

“*Watashi kirei?*” Thứ đó hỏi. Giờ Mia có thể nhìn thấy máu chảy ra từ khóe miệng nó. Nó đã *rách toạc*.

“Cái... cái gì cơ?” Mia cố giữ bình tĩnh.

“Giờ tao có đẹp không?”

Ôi lạy Chúa, Mia thậm nghĩ. Làm ơn cho con ra khỏi đây!

“Midori cứ thích mấy cái truyện kinh dị dở dẩn ấy. Nên tao muốn làm thế để gọi là tưởng nhớ đến nó.”

Ả doppelgänger thò hai tay vào miệng và kéo nó ra rộng hơn nữa. Tiếng cơ thịt rách toạc vang lên khi khuôn mặt bị xé đến tận mang tai khiến Mia buồn nôn. Hàm răng ả doppelgänger nhuộm màu đỏ quạch. Những giọt máu đặc quánh rơi xuống sàn nhà thành từng vũng nhỏ.

“Không có đường thoát đâu. Mày biết mà, đúng không Mia?”

Mia mím chặt môi, lùi một bước cuối cùng vào phòng giảm áp.

“Bọn tao sẽ chào hỏi bạn bè mày tử tế khi đến nhà,” ả doppelgänger nói, khụt khịt qua cái miệng nát bét và đưa hai tay về phía Mia. “Bọn tao sẽ chăm sóc chúng nó đàng hoàng, trong ít lâu.”

Mia bình tĩnh đội mũ bảo hiểm lên, trong khi mắt vẫn quan sát ả doppelgänger tiến hẳn vào căn phòng.

Rồi nhanh như chớp, Mia phóng tay ra ấn nút mở cửa trước khi lao xuống sàn bám chặt vào một đường ống. Cánh cửa ngoài mở ra, và chân không hút sinh vật kia ra ngoài.

Nó va mạnh vào vách đá rồi rơi bịch xuống sàn, bất động. Giấy tờ và thiết bị trong trạm điện cũng bay sượt qua cô với tốc độ chết người. Mia gượng dậy và thò chân ra với cái nút trong khi tay vẫn bám chặt vào ống thép. Cô nhắm chuẩn chân đạp một cái và cánh cửa ngoài đóng lại.

Cô chỉ còn lại một mình.

RỜI BỎ

Cô nghe thấy tiếng ồn liên miên không dứt. Cô đã không còn phân biệt rõ chúng là tiếng ồn có thật hay tưởng tượng. Tiếng bước chân vang lên từ mọi hướng, những giọng nói ghê sợ làm bầm những câu vô nghĩa, như những lời niệm chú.

Lực hút trong lúc mở cửa vừa nãy đã lôi đèn pin của cô ra ngoài, và cô không còn nhìn rõ không gian xung quanh mình. Chỉ có ánh đèn tù mù từ trần trạm điện ở cao tít trên đầu giúp cô nhận ra những hình dáng lơ mờ tại nơi cô đứng. Mia dán mắt vào cánh cửa an ninh ở trong cùng gian phòng lớn. Cô tìm thấy nút mở cửa và ấn vào. Cánh cửa mở ra với một âm thanh trống rỗng.

Mia nhìn chăm chăm vào hành lang dài tối tăm. Chỉ riêng cảnh tượng của nó đã khiến cô phát sợ.

Mày phải đi qua đó.

Mày phải đi qua đó, Mia.

Tôi không biết, tôi không biết nữa, tôi không biết...

Con tàu sơ tán nằm ở đâu kia hành lang.

Có xa lắm đâu? Chỉ khoảng một trăm bước thôi. Không thể xa hơn được.

Mày làm được mà. Mày có thể đi được một trăm bước nữa.

Mày sắp về nhà. Mày sẽ thoát khỏi đây để trở về.

Mày làm được.

Chạy đi, Mia!

Cô lao mình vào bóng tối.

Cô mò mẫm tiến lên trong cơn hoảng loạn. Bóng tối bao phủ bốn bề, nhưng ý nghĩ rằng mình không chỉ có một mình đẩy cô tiến nhanh qua hành lang. Để định hướng, cô quơ tay phải dọc theo tường trong khi chạy. Cô tin chắc rằng hai bức tường thu hẹp lại dần theo từng bước chân.

Mình phải đến đó thật nhanh.

Không thể còn xa được.

Cái hành lang này chỉ dài một trăm bước thôi mà?

Dường như có những bàn tay thò ra từ bóng tối, muốn chụp lấy cô.

Cô vẫn tiến sâu hơn. Sâu hơn. Sâu hơn.

Dừng.

Cô đã đến cuối đường.

Hai tay cô sờ thấy cánh cửa. Không thể nhìn thấy gì, nhưng cô mò quanh để tìm tay nắm tròn bằng thép. Nắm chặt rồi xoay. Nó không nhúc nhích. Cô thử lại. Vẫn kẹt.

Không. Không, không, không.

Không công bằng.

Không phải lúc này.

Làm ơn đi!

Cô dồn toàn bộ trọng lượng cơ thể vào nó và đột nhiên nó nghe lời, xoay tròn, và cánh cửa mở ra. Phải nói là dễ dàng. Như thể có ai đó ở bên trong đã giúp cô mở nó. Ánh sáng tù mù chiếu lên cô.

Mia thận trọng đẩy cửa ra và bước vào.

Căn phòng nhỏ hơn trạm điện, chỉ rộng cỡ một phòng học.

Một con tàu hình phễu màu xám đứng giữa phòng.

Con tàu sơ tán.

Con tàu đứng trên một bệ phóng nhỏ, nối với một lô ống dẫn và thiết bị. Mia tiến lại gần quan sát. Nó chỉ cao cùng lắm là ngoài ba mét. Cửa tàu ở phía sau gần đỉnh tàu. Trên mặt đối diện là một cửa sổ nhỏ hình tròn lắp kính dày chống nhiệt.

Cô ghé cổ nhìn vào qua cửa sổ. Trông nó như một buồng lái máy bay nhỏ có hai chỗ ngồi cạnh nhau, trước một bảng thiết bị điều khiển. Một chỗ ngồi nữa ở phía sau, sát với vách tàu. Coleman nói đúng. Nó không có chỗ cho bốn người, chỉ suýt soát đủ chỗ cho ba.

“Mày nghĩ sao? Có thích nó không?”

Mia quay phắt lại khi nghe một giọng nói giống hệt giọng mình, mắt đảo loạn tìm kiếm trong ánh sáng mờ mờ. Chẳng thấy gì cả.

“Tiếc thay tao không thể để mày đi được,” giọng nói lại vang lên. “Thế sẽ là... sai.”

Một thứ gì đó chuyển động trong góc phòng.

Ả doppelgänger bò ra từ một đường ống bảo trì dưới sàn nhà, như thể cô ả là một con nhện khổng lồ.

“Mày... là... ai?” Mia lắp bắp, nhẩy xa ra khỏi con tàu.

Ả doppelgänger lại nhếch miệng cười ghê rợn.

“Tao là Mia. Mà mày không nhớ à? Tao là *mày*.” Cô ả trườn ra từ trong góc tối, tiến về phía Mia. Một bản sao giống hệt, tới từng chi tiết nhỏ nhất. Trừ đôi mắt. Đáy tròng đen trong mắt ả doppelgänger chỉ một màu đen đặc.

Mắt Mia đảo lia lịa từ con tàu đến ả doppelgänger.

Nó đến gần hơn. Trong vài giây nữa nó sẽ đến đủ gần để bắt được cô.

Mia nhìn quanh, tuyệt vọng tìm kiếm một thứ gì đó có thể làm vũ khí. Nhưng ngoài con tàu, căn phòng hoàn toàn trống rỗng.

Cô chỉ có một cơ hội.

Làm ơn, cô tự tử. Mình đã đến được tận đây rồi. Làm ơn để mình về đến nhà. Làm ơn để mình...

Ả doppelgänger lao về phía cô.

Mia nhắm mắt xô tay ra, cảm thấy mình đập mạnh vào mặt nó.

Hai bàn tay túm chặt lấy cô và kéo cô xuống sàn.

Làm ơn.

Cô vung tay lần nữa, không biết mình đánh trúng vào đâu, nhưng đã đứng được dậy – chạy đến con tàu – và mở toang cửa ra. Cô ả doppelgänger đứng ngay sau lưng cô.

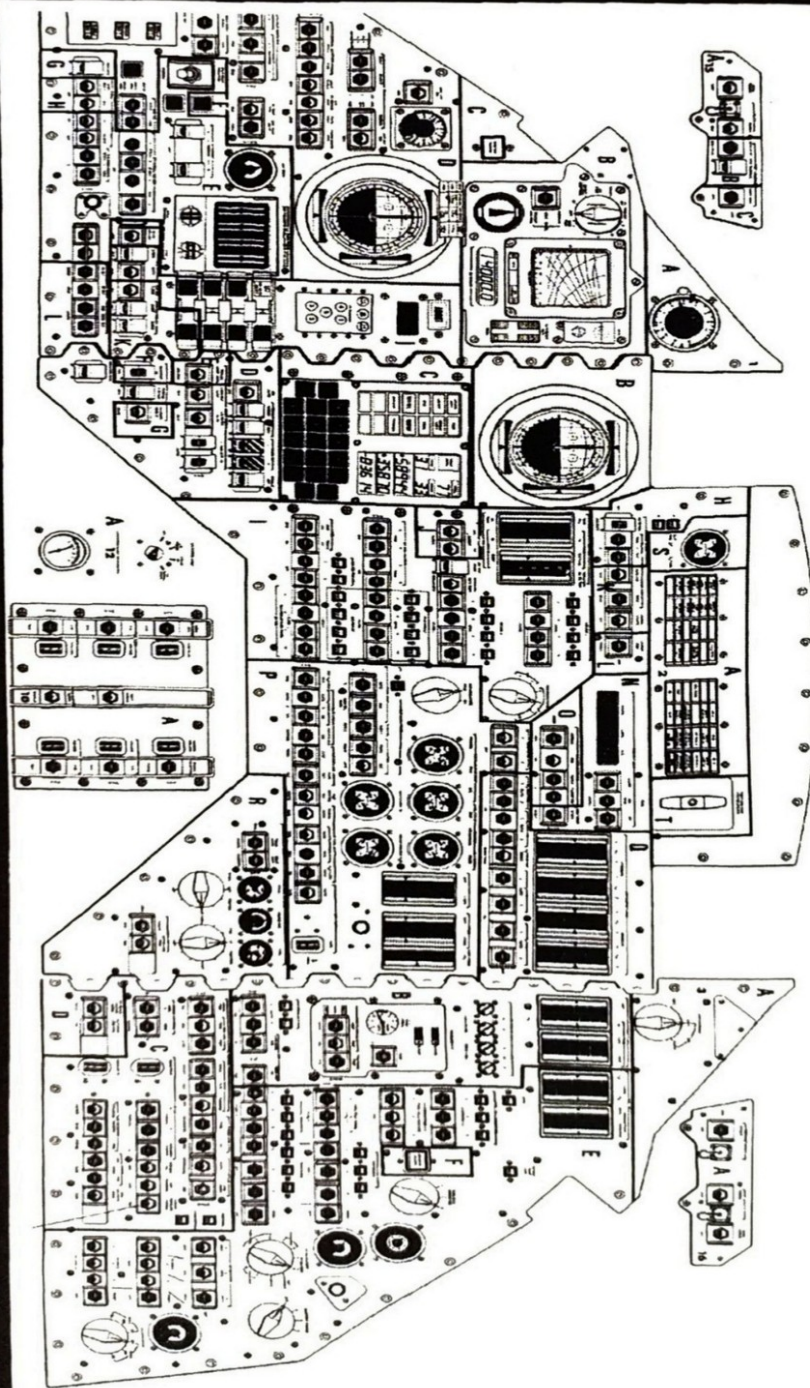
Lao mình vào con tàu, đóng cửa, khóa chặt lại.

Mia còn lại thét lên. Cô nàng đập cửa dữ dội như một con thú hoang.

Mia bấn loạn nhìn bảng điều khiển.

Cái nào đây?

Phải ấn nút nào?



Một khuôn mặt tuyệt vọng áp lên cửa sổ. Một vẻ mặt thù hận cực độ.

Những ngón tay cào vào lớp kính.

Mia ấn loạn xạ lên các nút điều khiển.

Có tiếng đập lên vách con tàu.

Giọng nói.

Tiếng bước chân.

Tiếng thét.

Còn trong con tàu, kia rồi! Một nút đỏ ở phía xa bên phải:

CẮT CÁNH KHẨN CẤP

Cô ấn lên đó, và bảng điều khiển bật sáng. Các động cơ tên lửa bắt đầu rung chuyển. Cô chỉ mất vài giây để thắt chặt mình vào ghế ngồi.

Lại có thêm tiếng thét từ bên ngoài con tàu, thêm những cú đập điên loạn lên thân tàu.

Mia nghe tiếng nổ của động cơ tên lửa. Cả con tàu rung lên dữ dội, Mia bám chặt vào cần điều khiển và nhắm nghiền mắt.

Cô đang bay lên. Cô đang bay lên!

Vài giây sau, con tàu nâng lên khỏi bề phóng. Các dây cáp rời ra, và con tàu phóng ra ngoài không gian với lực bay khủng khiếp.

≡

KẾT

ĐẠI TÂY DƯƠNG

Bộ Chỉ huy Phòng thủ Không gian Bắc Mỹ - NORAD – bắt được tín hiệu con tàu sơ tán trên radar lúc quá mười hai giờ trưa vài phút. Vì NORAD không thể xác định được ngay nó là vật thể gì, trong mấy phút đầu các sĩ quan tưởng nó là một thiên thạch, hoặc một tên lửa của quân địch. Họ liên lạc với Bộ trưởng quốc phòng và Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ, và họ cân nhắc có nên bắn hạ vật thể đó hay không. Nhưng khi quan sát kỹ hơn họ thấy vật đó di chuyển quá nhanh so với tốc độ của tên lửa quân địch. Nó hẳn phải đến từ ngoài vũ trụ.

NASA cũng đã phát hiện ra con tàu, và dù cơ quan này không thể xác định ngay nó là vật thể gì, họ cũng có lí do để hi vọng rằng các thành viên của đội bay mà NASA đã mất liên lạc suốt năm ngày rưỡi qua đã sống sót trở về Trái Đất. Nếu đó là sự thật thì có gọi là phép lạ cũng không ngoa. Nhưng đó chính là thứ mà NASA cần ngay lúc này. Một phép lạ đến từ trên cao. Một thứ có thể dập tắt mọi sự ồn ã từ các kênh truyền hình, báo đài và các chương trình bình luận qua radio đang dồn dập đưa tin về vụ bi kịch này và biến nó thành một vụ bê bối tầm cỡ quốc tế, tuyên bố rằng cơ quan này đã nóng vội, tham lam và vô nhân đạo khi đặt mạng sống của những người trẻ tuổi vào hiểm nguy.

Nhưng giờ tất cả có thể thay đổi. Thay vào đó các kênh truyền thông sẽ tràn ngập những câu chuyện anh hùng. Sẽ có những buổi phỏng vấn và những dòng tít lớn về những phi hành gia quả cảm đã đưa được họ trở về. Sẽ có những thước phim về các ông bố bà

mẹ sụt sùi mừng tủi ôm con của mình. Trong trường hợp tốt nhất, mọi sự chú ý của công luận sẽ càng tăng sự ủng hộ dành cho ngành du hành vũ trụ.

Một giờ sau các nhân vật đầu não của NASA lên một trực thăng cứu hộ của hải quân Hoa Kỳ cất cánh từ trụ sở của họ tiến về vùng lãnh hải bên ngoài Newfoundland, nơi người ta thấy con tàu đáp xuống. Ngay từ trước khi trực thăng lấy đủ độ cao, các thành viên của NASA đã bắt đầu tập dượt những bài phát biểu họ định nói tại buổi họp báo sau khi phi hành đoàn được đưa lên trực thăng an toàn.

Mia gần như ngủ suốt bốn ngày trên đường. Đến tận khi con tàu tiến vào bầu khí quyển cô mới giật mình tỉnh hẳn. Rồi dù bật ra để giảm tốc độ rơi. Con tàu chao liệng nhẹ nhàng trong khi hạ xuống và chạm tới đâu đó trên bề mặt Đại Tây Dương.

Mia tháo dây an toàn và bước đến cửa sổ nhìn ra mặt nước. Cảnh tượng của đại dương xanh thẳm vô tận choáng ngợp tầm mắt cô.

Cô bước những bước cứng đờ đến cửa ra và ấn nút thoát hiểm khẩn cấp. Chốt nổ trong cánh cửa khiến bản lề rời ra và cả cánh cửa rơi xuống, biến mất vào lòng đại dương. Mia ngồi ở cửa tàu và cảm thấy gió thổi trên mặt mình. Cô quay mặt hướng về ánh mặt trời và cảm thấy muối biển ào qua mỗi lần sóng đánh vào con tàu.

Cô cứ ngồi lắc lư như vậy suốt vài tiếng đồng hồ mà không nghĩ về điều gì cụ thể, như thể toàn bộ sự căng thẳng trước đó đã quét

sạch trí não cô. Cô chỉ ngồi đó và nhìn chăm chăm ra ngoài, như thể chưa bao giờ nhìn thấy nước.

Chiều muộn ngày hôm đó con thuyền đánh cá đầu tiên xuất hiện. Những ngư dân râu ria xồm xoàm dạn dày sương gió kinh ngạc đứng trên boong thuyền *Sea Harvest*, sững sờ nhìn cô bé đang ngồi bất động nơi cửa con tàu vũ trụ. Thuyền trưởng Tyne ra lệnh cho thuyền viên thả xuống cứu hộ, và vài phút sau họ nhắc Mia lên thuyền. Cô được bọc trong chăn và đưa tới cabin của thuyền trưởng, nơi Tyne đích thân chăm sóc cho cô.

Mia không nói nhiều. Cô kể với ông nơi cô đã đến và rằng đã có trục trặc xảy ra. Tất cả chỉ có vậy.

Thuyền trưởng Tyne nhìn cô bằng ánh mắt lo lắng.

“Cháu sẽ giải thích tất cả sau,” Mia nói. “Cháu hứa. Cháu chỉ thấy không khỏe lắm ngay lúc này.”

Họ lái thuyền vào bờ, và chiếc trực thăng tuần tra bờ biển bay trên đầu họ một giờ sau đó không hề biết ai đang ở trong con thuyền bên dưới. Cô ở lại nhà thuyền trưởng trong một làng chài nhỏ trên bờ biển Newfoundland trong khi họ cố gắng liên lạc với NASA và đợi đại diện của cơ quan này xuất hiện.

Nhưng sáng hôm sau khi bà Tyne bê khay đồ ăn sáng lên căn phòng trên gác mái nơi Mia ở, cô bé đã biến mất. Chiếc giường được trải phẳng phiu và rèm đã kéo. Không có một dấu vết nào của cô ngoại trừ lời nhắn trên chiếc tủ đầu giường.

Cháu phải đi tiếp đây. Gửi lời cảm ơn tới thuyền trưởng Tyne. Giờ cháu đã ổn rồi.

Mia

Chiếc trực thăng lặng lẽ lơ lửng trong không trung cách con tàu khoảng hơn ba mét trong khi các thợ lặn chuẩn bị nhảy xuống nước. Họ lục soát con tàu và tiến hành vô số đợt lặn trong vùng biển xung quanh để tìm dấu vết của người sống sót. Các đại diện của NASA nhận báo cáo “Không có ai cả” với biểu cảm chán chường.

Thất vọng, một vị lãnh đạo mở chiếc cặp tài liệu và nhìn lần cuối mớ bản nháp về lời chào mừng trở lại mà ông đã viết. Rồi ông kéo cửa trực thăng và ném mớ giấy ra ngoài. Chúng lả tả rơi xuống và nổi lềnh bềnh trên mặt nước như cá chết.

Trước khi quay về căn cứ, hai sĩ quan của NASA thò đầu ra cửa để nhìn con tàu vũ trụ lần cuối.

Thứ đang trôi nổi dưới kia không phải là con tàu điều khiển *Ceres*. Nó được sơn một cái tên khác.

DARLAH 1.

Họ sẽ khó mà giải thích được chuyện này với thế giới.

Đường đến New York dễ dàng hơn cô nghĩ, dù khá mất thời gian. Đêm đó, sau khi thuyền trưởng Tyne và vợ đi ngủ, cô mặc quần áo vào và lẻn ra cửa trước không một tiếng động. Tại bến cảng, cô nấp giữa các thùng hàng cho đến sáng rồi lẻn lên chuyến phà rời bến đầu tiên. Sau khi nhảy vài chuyến xe khác nhau đến

Ottawa, cô đã thuyết phục được một cặp vợ chồng già cô gặp ở bến xe buýt tin rằng cô bị trộm mất ví; họ cho cô đủ tiền để bắt chuyến buýt nhanh đến New York.

Mia đến bến xe trung tâm ở Manhattan vào sáng sớm ngày hôm sau. Cô hỏi xin một bà lão tốt bụng ít tiền lẻ để gọi điện thoại, rồi quay số Trung tâm Vũ trụ Johnson ở Houston.

Cuộc đối thoại diễn ra chóng vánh, khiến Mia rất mừng. Mẹ cô không nói nổi một từ cho rõ ràng mà chỉ thút thít suốt, khiến bố cô phải đón lấy ống nghe. Cô kể với ông mình được tìm thấy ở đâu và việc mình đã ở lại Newfoundland nhưng không hề nhắc đến chuyện đã xảy ra trên chuyến bay. Cô chỉ nhắc đi nhắc lại rằng mình không sao cả.

Bố cô hét vào điện thoại như thể sợ rằng con gái mình sẽ lại biến mất bất cứ giây phút nào. “Đến Khách sạn Bốn Mùa. Bố sẽ gọi điện đặt phòng cho con ngay. Một phòng hạng sang nhé! Bố mẹ đang ở Houston. Bố mẹ sẽ ra sân bay mua vé đến New York ngay sau khi gác máy. Đừng đi đâu cả, rõ chưa? Ở yên trong khách sạn, cần gì cứ gọi phục vụ phòng. Con có chắc con không cần bố nhờ bác sĩ đến khám qua không?”

“Không, con khỏe. Cảm ơn bố.”

“Chậm nhất là tối mai bố mẹ sẽ đến đó. Hi vọng là sớm hơn. Bố mẹ không thể đợi được...”

“Con phải đi đây bố ạ. Ở đây lạnh lắm.”

“Lạnh? À, được rồi, đi đi, con yêu. Đến Bốn Mùa nhé, con nghe rõ chưa?”

Mia gác máy và bước một đoạn đường ngắn đến khách sạn. Cô đi ngang qua một quầy bán báo bên ngoài cửa chính và nhìn thấy dòng tít trên trang nhất *New York Times*.

Nó chẳng hề làm cô nao núng. Sẽ không ai nhận ra cô, và cũng chẳng có gì quan trọng nữa. Họ còn không buồn liếc nhìn cô đến lần hai khi cô bước đến quầy tiếp tân để nhận phòng.

NEW YORK, WEDNESDAY, JULY 20th, 2012

THE NEW YORK PUBLIC LIBRARY

It is also a celebration of mass and grassroots, three local, privately owned restaurants, places through which street towns and big cities share their popular stories of Americans bound in a ban life, in one case, two pieces of water. The subjects include the trademark "hamburger" at Jolly's in Millwaukee, the Goldenburger, a generic, generic hamburger restaurant at the School Lane Drive-in in Seattle, Mo. (it still has carhops), a deep-fried burger at Dyer's in Memphis, a corned burger at Ted's in Memphis.



Mr. Mulla, an ex-convict, went with the multi-
somehow, who clanked nothing of
sprawling two liners out of low way for a good
hunger, took a fairly approach to seeking
the time as well. His wife, Chancy (Bismillah)
Gey, perhaps might have it, a vegetarian.
was the co-product, the couple released
friends and relatives in visit for-filing
various when they could not. To witness the
last for established criteria, the place that

No New York or Los Angeles restaurants made it into the lists (including one of his local favorites, the Conquer Station in the West Village). "Anybody can go to New York or L.A. and get a burger," he said. "But I want people to go to Milwaukee and eat a burger."

"I bet like I was three to see the record straight, to stand up for the small business owners," said Mr. Maki, who estimated that he ate at least 500 burgers in the two and a half years it took him to complete the film. "I wanted to guarantee the citizens that some-

Oddly, the screening was held three days before a press party at the East Village, the 30th anniversary includes beer and chips. (Information: 212-361-6324, for details) we have promised to offer handbags

ĐÀO CONEY

Bố Mia đã đặt sẵn một phòng cho cô, và với một hơi thở dài hài lòng cô ấn thang máy lên căn phòng hạng sang trên tầng năm mươi hai với tầm nhìn tuyệt đẹp ra công viên. Nhưng Mia không ở lại trong phòng đợi gia đình như cô đã hứa.

Cô đã chờ đợi đủ rồi. Sau khi ở trong phòng vài phút và tắm rửa qua, cô rời khỏi khách sạn, tiến về Công viên Trung tâm.

Đến gần mười một giờ đêm Murray mới xuất hiện. Ông đẩy chiếc xe mua hàng của mình tới mà không nhìn thấy cô cho đến khi cô chặn ông lại.

“Chào ông,” cô nói.

Ông nhìn cô một hồi lâu, như thể đang lục tìm trong cuốn catalog của cái thư viện khổng lồ trong não mình. Và cuối cùng ông đã tìm thấy một tấm thẻ có tên cô trên đó.

“Mia?” Ông kinh ngạc thốt lên. “Cô đã về?”

Cô mỉm cười. “Cháu muốn đến chào ông một tiếng.”

“Tôi đã nghe về cô trên đài,” ông nói. “Ở chỗ Salvation Army¹⁹ ấy. Họ nói mấy người các cô chết cả rồi. Họ nói các cô chẳng có cơ hội nào đâu.”

“Đúng vậy. Nhưng cháu đã sống sót.”

“Đúng, tạ ơn trời đất,” ông nói, choàng tay ôm lấy cô. “Còn người nhà cô đâu?”

“Sớm nhất là tối nay họ sẽ đến.”

“Bốn Mùa, đúng không?”

“Đúng vậy,” Mia đáp. “Cũng như lần trước.”

“Tốt lắm. Tôi sẽ đưa cô về đó.”

“Cháu có ý khác cơ. Đi nào.”

Murray để chiếc xe mua hàng của mình lại nơi mọi khi và đi theo cô đến ga tàu điện ngầm trên đại lộ Lexington.

“Ông có tiền mua vé không?” Cô hỏi.

“Cô đùa à? Trông tôi có vẻ có tiền không?”

Họ chờ đến khi không ai chú ý rồi bò qua dưới cửa quay, và chạy xuống sân ga. Cô căn dặn Murray không được đọc bất kì biển hiệu nào dọc đường đi để ông không đoán ra mình sẽ đi đâu. Mỗi lần tàu dừng tại bến, cô lại đưa một tay lên bịt mắt ông và dùng tay còn lại cùng vai ông bịt tai ông lại để biết chắc rằng ông không gian lận. Họ đi tàu đến tận ga cuối cùng, rồi Mia nắm tay Murray trong khi ông nhắm mắt theo cô bước vào không gian ấm áp của buổi tối.

“Giờ ông mở mắt được rồi,” cô nói. Murray mở mắt ra.

“Đảo Coney,” ông thốt lên. “Cô đưa tôi đến Đảo Coney! Tôi chưa được đến đây suốt... bao năm rồi!”

“Ông còn nhớ đã kể với cháu các ông thường ngủ trên bờ biển này không?”

“Có, tôi nhớ chứ. Giờ người ta không làm thế nữa. Không ai ngủ trên bờ biển nữa.”

Mia kéo ông theo mình bước xuống nước. “Nhưng tối nay thì khác. Tối nay sẽ có người ngủ ở trên bờ biển đảo Coney này.”

Murray rơm rớm nước mắt. “Cám ơn cô,” ông nói. “Cám ơn cô. Đây là món quà tuyệt vời nhất tôi từng được tặng.”

Con đường ra bờ biển la liệt rác. Quanh họ là những gì còn lại của một nơi từng là công viên vui chơi – vòng quay ngựa gỗ đổ nát, những bộ phận của xe tải cũ, một vòng đu quay cô đơn nằm bất động.

Họ tìm được một chỗ cạnh một con thuyền gỗ cũ kĩ trên bờ biển, và Murray trải rộng áo khoác của mình lên cát để hai người nằm lên.

“Chào mừng cô trở lại,” ông nói.

“Ông cũng vậy,” cô đáp lại.

Murray ngủ thiếp đi nhanh hơn bất cứ ai ở New York đêm hôm đó. Chỉ một phút sau khi đặt đầu xuống nền cát ông đã ngủ say sưa. Nhưng Mia không ngủ.

Cô ngồi thức suốt đêm, ngửa cổ nhìn chăm chăm lên trời, cho đến khi mặt trời nhô lên khỏi mặt nước. *Mình đang ở Trái Đất*, cô nghĩ. *Mình đang ở nhà*.



Murray thấy hơi chũnh choáng khi tỉnh dậy. Mới đầu ông không biết mình đang ở đâu và thốt vài tiếng chửi thề không nhằm vào ai cho đến khi nhìn thấy Mia và nhớ ra chuyện tối hôm trước.

Ông đứng dậy và thong thả bước xuống mép nước đứng cạnh cô.

“Thế nào rồi?” Ông hỏi.

Cô quay sang nhìn ông. “Sẽ rất tuyệt. Với tôi mà nói.”

Rồi cô nhếch miệng cười nhạo. Một nụ cười gớm ghiếc.

Ông nhìn kĩ khuôn mặt cô, rồi đột nhiên cảm thấy không ổn. Ông không thể nói rõ được là không ổn ở đâu. “Mặt cô,” cuối cùng ông nói. “Cô phải đi kiểm tra đi. Trông có vẻ gì không ổn với... với... mặt cô. Chúng... *đen kịt*.”

Cô nhún vai, nụ cười càng giãn ra rộng hơn. “Đáng tiếc là, tôi không thể cho ông đi cùng về Manhattan được.”

“Tôi... ừ. Khoan đã, ý cô là gì?” Murray bối rối đáp lại. Theo bản năng ông bước ra xa cô một bước rồi loạng choạng ngã ngối ra sau.

Trong chớp mắt Mia đã đứng sát bên cạnh ông. Ông thấy mình bắt đầu hoảng sợ.

Mặt trời nhô lên khỏi đại dương và chiếu lên họ, khiến cả bờ biển sáng bừng và dường như trả lại màu sắc cho đảo Coney.

Murray chỉ kịp nhìn thấy hai tay cô vươn về phía mình, rồi ông thấy một cơn đau dữ dội, choáng váng trong đầu, như thể xương sọ trên trán ông vỡ toác ra rồi tách làm hai nửa.

Rồi mọi thứ chìm vào màu đen.



Cô ta bỏ ông lại đấy, không buồn chớp mắt. Cô chậm rãi quay người bước về phía vòng đu quay và đồng hoang tàn còn lại của công viên vui chơi lừng lầy một thời. Trên bờ Sông Đông ở đằng xa, cô có thể thấy toàn cảnh Manhattan in trên nền trời, ngay khi những tia nắng mặt trời đầu tiên chiếu xuống.

Cô đứng đó ngăm nhìn thành phố trong chốc lát trước khi cất bước tiến về cửa ga tàu điện ngầm.

NHỮNG KẺ XA LẠ

Người gác cửa khách sạn Bốn Mùa cúi đầu chào khi cô ta bước vào tòa nhà. Không nói với ai một lời, cô bước qua đại sảnh vào thang máy riêng và lên tầng năm mươi hai. Cô nhét chìa khóa vào ổ và bước vào căn phòng xa hoa.

Trông nó không giống một phòng khách sạn mà giống một căn hộ lớn hơn: căn phòng hạng Ty Warner Penthouse với chín phòng trải rộng trên hơn một nghìn hai trăm mét vuông, chiếm toàn bộ cả tầng năm mươi hai của tòa khách sạn. Đây là căn phòng lớn nhất nhìn ra toàn cảnh Công viên Trung tâm, và bất kì con người nào cũng sẽ hoàn toàn choáng ngợp khi đứng tại nơi này ngắm nhìn ánh ban mai tươi tắn chiếu qua những tầng cây của công viên. Nhưng cô ta còn chẳng hề nhận ra. Cô ta chỉ đi từ phòng nọ sang phòng kia, rồi vào thư viện, nơi cô ta thấy một chiếc ghế bành màu đỏ và ngồi xuống đó.

Chờ đợi.

Ngồi lặng yên và chờ đợi.

Nhiều giờ đồng hồ trôi qua.

Và nếu trong phòng có bất cứ ai khác, thấy cô lúc này, họ hẳn sẽ sợ chết khiếp. Vì cô ta không chỉ ngồi yên, mà là ngồi hoàn toàn bất động, đôi mắt vô hồn nhìn trân trân về phía trước.

Sáu giờ sau điện thoại đổ chuông. Như thể mới chỉ một vài phút vừa trôi qua, cô ta đứng dậy, bước đến chiếc bàn nhỏ và nhắc máy.

“Cô Nomeland, quầy tiếp tân đây ạ. Bố mẹ cô đã đến.”

“Cho họ lên đi,” cô đáp lại.

“Tất nhiên rồi ạ.”

Cô bước đến cửa, nhìn vào gương. Đôi mắt cô ta đen kịt, đôi tay xương xẩu như cơ thể của một người năm mươi tuổi. Cô ta sẫm soi các đường nét trên cơ thể mình với vẻ thích thú rồi quay ra cửa nhìn chăm chú.

Có tiếng gõ cửa. Một tiếng, rồi hai tiếng.

Rồi cô nghe tiếng chìa khóa nhét vào ổ, và cánh cửa mở ra. Họ đứng đó. Ba người: một người đàn ông, một người đàn bà, một đứa bé trai. Bố mẹ và em trai cô ta.

Mẹ cô ta đánh rơi cả túi xách và chạy đến, ôm choàng lấy cô khóc nức nở.

“Bố mẹ lo cho con biết chừng nào, Mia. Bố mẹ sợ đến chết đi được.” Người mẹ chỉ có thể nói được như vậy. Nhiều ngày trời không biết con gái mình sống chết ra sao rõ ràng đã để lại dấu ấn trên khuôn mặt bà. Trông nó thật xám xịt, khô khốc, như một tờ báo với toàn những dòng tíu bi thảm, còn mái tóc bà thì bù xù và hơi hám. Rõ ràng bà đã không ngủ suốt mấy ngày. “Mẹ yêu con nhiều lắm, con có biết không?” Mẹ cô ta sụt sùi, lại ôm cô chặt hơn nữa. “Mẹ cứ nghĩ sẽ không bao giờ được gặp lại con nữa.”

Bố cô ta đứng sau lưng người mẹ, cũng ôm cô với đôi mắt ầng ậc nước. Rồi đến đứa bé.

Sander là tên nó. Nó đứng cách họ vài bước chân, quan sát cô với ánh nhìn ngờ vực. Tay nó nắm chặt một con sư tử bông sờn rách.

“Mắt lạ quá,” Sander lẩm bẩm. “Mắt lạ.”

Nhưng không ai khác nghe thấy lời nó.

“Sander mệt lắm rồi,” cô nghe tiếng người mẹ nói. “Nó đã không ngủ gần hai mươi tư tiếng rồi, khổ thân thằng bé. Bọn mẹ gặp trục trặc ở sân bay, bị hoãn chuyến hay đình công gì đó, mẹ cũng không rõ. Thế rồi NASA đề nghị đưa bố mẹ và em đi bằng máy bay riêng, chà... đúng là một ngày dài.”

“Sander, con có mệt không? Con có muốn đi nằm một lát không?” Người bố hỏi. “Ở đây họ có giường siêu bự dành riêng cho con đấy. Từ giờ con có thể yên tâm ngủ ngon rồi nhé, vì chị Mia đã an toàn về với chúng ta rồi. Con có vui không?”

“Có ạ,” nó đáp, ôm chặt lấy con sư tử.

“Con phải ôm cả chị Mia nữa chứ nhỉ?”

“Không,” nó vội đáp rồi quay đi.

Người mẹ nhìn ngắm cô ta, đưa tay vuốt má cô.

“Khá lâu Sander không gặp con rồi mà. Nó không quen việc con đi vắng lâu như thế. Có lẽ con muốn giúp em chuẩn bị đi ngủ chẳng,” bà gợi ý, “cho nó đánh răng chẳng hạn? Chắc hẳn chuyện đó sẽ rất có ý nghĩa với thằng bé. Rồi bố mẹ sẽ gọi ít đồ ăn. Con muốn ăn gì?”

“Không gì cả.”

“Không ăn gì sao? Con chắc không? Hay là con ăn rồi?” Cô gái lắc đầu. “Thôi được rồi, mẹ cứ gọi cái gì đó, rồi con có muốn ăn hay không thì tính sau nhé.”

Cô ta bước một bước về phía Sander và chìa tay ra. Cậu bé miễn cưỡng nắm lấy nó, nhận ra nó thật lạnh lẽo.

“Đi nào, Sander.”

Cậu bé ngoan ngoãn theo sau cô vào phòng tắm. Cô đóng cửa và vặn vòi nước. Cô tìm thấy một chiếc bàn chải của khách sạn và bóc vỏ, bóp kem đánh răng lên.

“Để chị cầm con sư tử cho em đánh răng nhé?” Cô nói.

Cậu bé lắc đầu và nhìn chằm chằm cánh cửa phòng tắm đang đóng chặt. Cậu chậm chạp nhận lấy chiếc bàn chải từ tay cô và bắt đầu chải nó lên cái miệng sần rách của con thú bông.

“Lúc chị đi xa em có nhớ chị không?”

“Em sợ lắm, chị Mia ạ,” cậu bé đáp.

“Tao không phải là Mia.”

Con sư tử bông rơi khỏi tay cậu khi cô ta tóm lấy cậu. Cậu bé không kịp kêu lấy một tiếng.

Sau đó cô ta tiến đến mở cửa phòng tắm và bước ra phòng khách, nơi bố mẹ cậu bé đang chờ.

“Thế nào rồi?” Người mẹ hỏi.

“Tốt lắm,” cô ta trả lời, mỉm cười, trong khi một cô gái khác giống hệt cô ta tiến ra từ phòng tắm sau lưng.

Ả doppelgänger nhanh nhẹn lách ra khỏi phòng. Bốn bản sao giống hệt nhau của Mia tiến từ phòng này sang phòng khác, dễ dàng, tàn khốc, đến độ chỉ chốc lát sau đã có cả quân đoàn bản sao tỏa đi khắp khách sạn. Hầu hết các khách trọ trong khách sạn đều mở cửa khi nghe tiếng gõ. Họ nhìn ra lỗ trên cửa và chỉ thấy một cô gái trẻ đứng ngoài hành lang. Họ không sao ngờ được rằng mình sắp bị tấn công không thương xót.

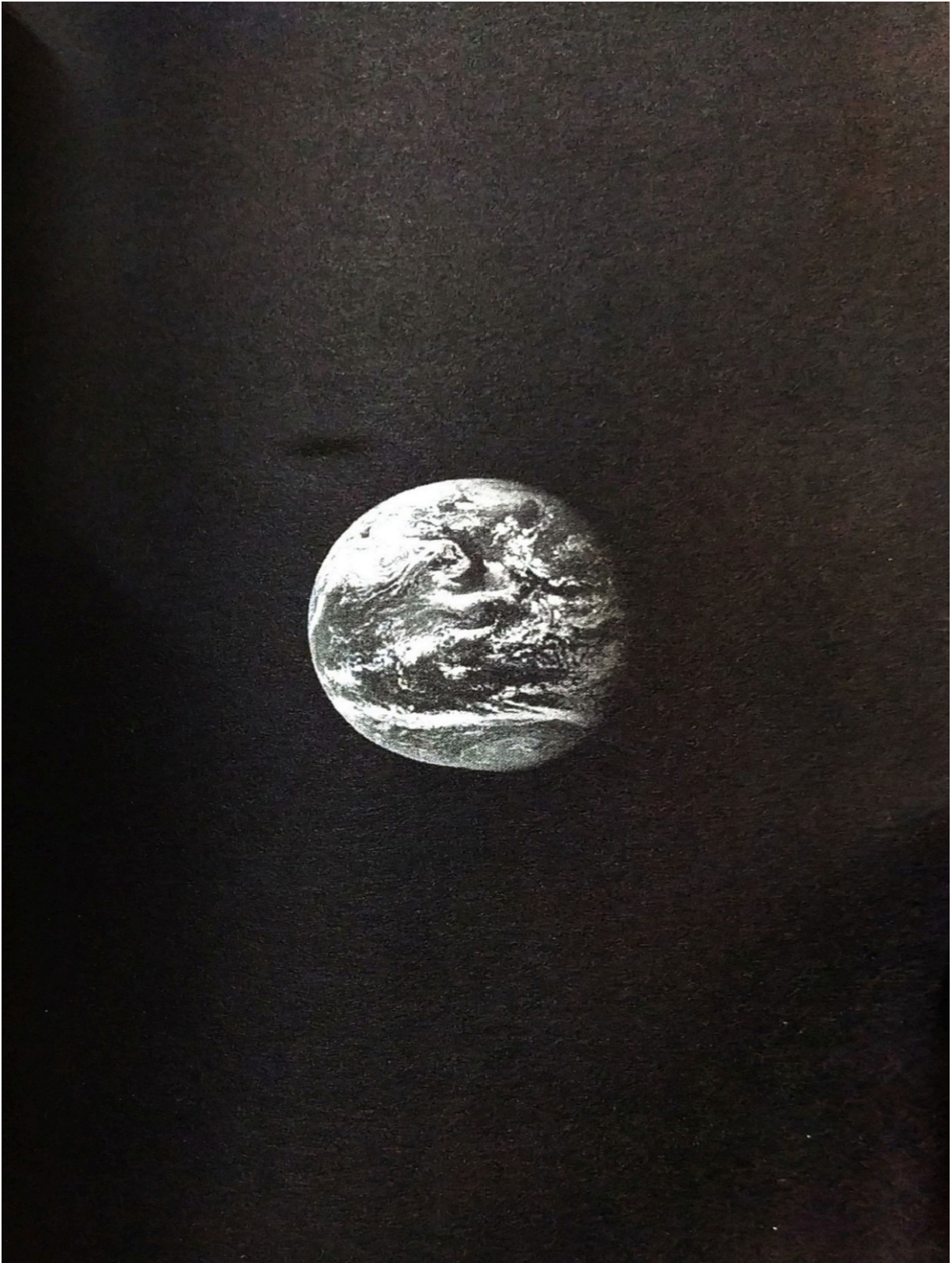
Lần lượt từng doppelgänger đi thang máy hoặc cầu thang bộ xuống tầng một và ra khỏi sảnh khách sạn, trèo lên một chiếc taxi hoặc thản nhiên đi bộ trên hè phố. Không một nhân viên khách sạn hay người khách đang mãi nhận phòng nào để ý thấy cùng một người đã xuất hiện và rời khỏi sảnh Khách sạn Bốn Mùa liên tục hết lần này đến lần khác.

Chỉ trừ một người.

Một nhân viên khuân vác, đang sốt ruột chờ mang hành lí của một cặp vợ chồng người Nhật rề rà lên phòng, nghĩ hình như mình đã nhìn thấy một thiếu nữ đi qua trước mặt mình ba lần. Anh ta hơi băn khoăn về điều đó nhưng rồi lại gạt đi cho là ảo giác. Anh ta cũng đã thấm mệt rồi. Rồi sau đó người ta bảo anh mang hành lí lên một phòng trên tầng ba mươi mốt.

Người nhân viên khuân vác ấn nút gọi thang máy và liếc mắt nhìn lên bảng hiển thị số tầng. Nó báo rằng thang máy đang trên đường xuống, một điều anh ta đã nhìn thấy cả trăm ngàn lần. Nhưng đó sẽ là lần cuối cùng.

Một tiếng *ding* khe khẽ vang lên khi thang máy xuống đến sảnh và hai cánh cửa mở ra.



NHẬT KÍ LỘ TRÌNH SỐ_88.723.

TÊN TÀU: RV PROVIDENCE

PHI HÀNH ĐOÀN: 8 NGƯỜI

ĐIỂM XUẤT PHÁT: KHU VỰC 12, TRÁI ĐẤT

ĐÍCH ĐẾN CUỐI: EUROPA

ĐỊA ĐIỂM HIỆN TẠI: MẶT TRĂNG, GÓC 60 (MARE TRANQUILLITATIS)

NGÀY: 17/8/2081

THỜI GIAN TRUYỀN TÍN HIỆU: 21:14 GIỜ QUỐC TẾ

NHIỆM VỤ CHÍNH: ĐIỀU TRA ĐÁY BIỂN CỦA MẶT TRĂNG EUROPA, KHU VỰC #878

NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT: ĐIỀU TRA GÓC CUNG 60, BỀ MẶT MẶT TRĂNG

1.

BẮT GẶP MỘT SỐ THI THỂ ĐƯỢC CHO LÀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ KIỆN DP7 TRÊN MẶT TRĂNG VÀO NĂM 2019.

THI THỂ SỐ 1: NỮ, KHOẢNG 16 TUỔI. TÌM THẤY CÁCH CỦA CHÍNH CĂN CỨ MẶT TRĂNG DARLAH 2 183 MÉT. TRANG PHỤC: ĐỒ DU HÀNH NASA. MŨ BẢO HIỂM VỖ ĐƯỢC TÌM THẤY CÁCH THI THỂ 1,5 MÉT. NGUYÊN NHÂN TỬ VONG: TIẾP XÚC VỚI CHÂN KHÔNG. THI THỂ CÓ HÌNH DÁNG GIỐNG HẾT NHỮNG

MẪU QUAN SÁT ĐẦU TIÊN CỦA DP7 TRÊN TRÁI ĐẤT. MẪU TẾ BÀO CHO THẤY THI THỂ THUỘC GIỐNG NGƯỜI. DẤU CHÂN (KHÔNG CÓ GIÀY) CỦA MỘT ĐỐI TƯỢNG KHÔNG XÁC ĐỊNH ĐƯỢC TÌM THẤY GẦN XÁC CHẾT.

2.

ĐIỀU TRA NGOẠI VI CĂN CỨ MẶT TRĂNG DARLAH 2: CĂN CỨ CÓ VẼ KHÔNG HƯ HẠI, KHÔNG THẤY DẤU HIỆU PHÁ HOẠI BÊN NGOÀI. TÌNH TRẠNG CÒN NGUYÊN VẸN. PHÁT HIỆN THI THỂ SỐ 2 GIỮA MÔ-ĐUN 2 VÀ 3. NGUYÊN NHÂN TỬ VONG: KHÔNG RÕ. THI THỂ SỐ 2 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ TRUNG ÚY HALL (PHI CÔNG TÀU ĐỔ BỘ).

ĐIỀU TRA TRONG CĂN CỨ MẶT TRĂNG DARLAH 2:

CỬA CHÍNH MỞ. MÁY THU TÍN HIỆU RADIO TỰ CHẾ ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRÊN SÀN TRONG PHÒNG GIẢM ÁP. KHÔNG CÓ ĐIỆN HOẶC DƯỠNG KHÍ TRONG TOÀN BỘ CĂN CỨ. THI THỂ SỐ 3 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ ĐẠI ÚY COLEMAN (CHỈ HUY TẠI CĂN CỨ) ĐƯỢC TÌM THẤY TRONG MÔ-ĐUN 3/ NHÀ KÍNH. NGUYÊN NHÂN TỬ VONG: TRÚNG ĐẠN Ở ĐẦU DO TỰ SÁT. NGOÀI RA CĂN CỨ KHÔNG HƯ HẠI, KHÔNG CÓ DẤU HIỆU VẬT LỘN RÕ RỆT. CẠNH MÁY PHÁT ĐIỆN NGẦM (MÔ-ĐUN 4) PHÁT HIỆN THI THỂ SỐ 4 VÀ SỐ 5, ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ S. WILSON VÀ R. STANTON, NGUYÊN NHÂN TỬ VONG: NGẠT THỞ.

XE THÁM HIỂM MẶT TRĂNG CÓ VẼ ĐÃ MẤT TÍCH TỪ MÔ-ĐUN 4.

ĐỀ NGHỊ MỞ RỘNG ĐIỀU TRA.

RY PROVIDENCE ĐI TIẾP ĐẾN EUROPA,

»»»»»»»»»»»»»»»» BẢO CÁO KẾT THÚC...

XEM PHỤ LỤC TRANG BÊN

PHỤ LỤC NHẬT KÍ LỘ TRÌNH SỐ_88.723.

MIÊU TẢ: VẬT THỂ TÌM THẤY TRONG TÚI ÁO TRÁI CỦA THI THỂ SỐ 1: VẬT THỂ ĐƯỢC VIẾT TAY, DO NGƯỜI QUÁ CỐ KÍ TÊN.

NHIỀU ĐOẠN TRONG LỜI NHẮN KHÓ HOẶC KHÔNG THỂ GIẢI MÃ.

NỘI DUNG NHƯ SAU:

CON NHỚ RỒI. ĐIỀU KÌ LẠ LÀ VÌ SAO NHIỀU LOÀI VẬT LẠI MUỐN CHẾT MỘT MÌNH, TRỐN THẬT XA KHỎI GIA ĐÌNH, BẦY ĐÀN CỦA CHÚNG, CHÚNG CỨ THỂ BỎ ĐI LANG THANG RỒI BIẾN MẤT KHI CHÚNG CẢM THẤY THỜI KHẮC ĐÃ GẦN KỀ, SAO CHÚNG KHÔNG CHỊU ĐỂ AI Ở BÊN TRONG NHỮNG GIỜ PHÚT CUỐI CÙNG? CON VẪN LUÔN THẤY THẬT KHÓ HIỂU, CHO ĐẾN GIỜ, CON KHÔNG CÒN TIN LÀ CHÚNG LÀM THỂ ĐỂ TRÁNH CHO BẦY ĐÀN CỦA CHÚNG KHỎI NỖI BUỒN PHẢI CHÚNG KIẾN CHÚNG CHẾT. CON NGHĨ CHÚNG LÀM THỂ ĐỂ GIẢI THOÁT CHO CHÍNH CHÚNG THÔI. PHẢI NHÌN NHỮNG ÁNH MẮT TRÌU MẾN CỦA NHỮNG NGƯỜI MÌNH YÊU THƯƠNG, NHỮNG NGƯỜI MÌNH ĐÃ CHIA SẺ NHỮNG NGÀY TƯƠI ĐẸP VÀ CẢ NHỮNG

NGÀY ĐEN TỐI NHẤT CÙNG NHAU TRONG KHI MÌNH ĐANG DẦN TRÔI XA SẼ RẤT KHÓ KHĂN, VÀ RỒI MÌNH SẼ CỐ GẮNG SỐNG THÊM ÍT LÂU NỮA, SẴN SÀNG KÉO DÀI SỰ SỐNG KHỔN KHỔ CỦA MÌNH CHỈ ĐỂ CHO HỌ ĐỖ BUỒN PHIỀN. NẾU VẬY THÌ THÀ RẰNG LẶNG LẼ RỜI BỎ HỌ, KHÔNG AI HAY BIẾT, ĐI VÀO ĐÊM ĐEN. MỘT MÌNH. NÓI CHUNG CON THẤY MỪNG VÌ KHÔNG CÓ AI Ở ĐÂY KHI CON (KHÔNG THỂ GIẢI MÃ) CÓ LẼ NHƯ THẾ LÀ TỐT NHẤT VÌ NHIỀU LÍ DO. (KHÔNG THỂ GIẢI MÃ) LÚC NÀY NÓ ĐANG TRÊN ĐƯỜNG ĐẾN CHỖ BỐ MẸ, VÌ THẾ (KHÔNG THỂ GIẢI MÃ, CÓ HAI DÒNG BỊ GẠCH XÓA RẤT MẠNH) BỐ, CON CẢM ƠN BỐ RẤT NHIỀU VÌ ĐÃ DẠY CON CÁCH (LẮP?) MỘT CÁI RADIO. CÓ LẼ BỐ SẼ MUỐN CON NHỚ ĐẾN MÌNH VÌ NHIỀU ĐIỀU HƠN THẾ, NHƯNG HÌNH ẢNH ĐÓ DƯỠNG NHƯ ĐÃ (MẮC LẠI?) TRONG ĐẦU CON, VẼ MẶT CỦA BỐ KHI LÀM RA CHIẾC RADIO ĐÓ, TRÔNG MỚI TỰ HÀO LÀM SAO. NHƯ MỘT ĐỨA TRẺ. VÀ CON YÊU BỐ VÌ ĐIỀU ĐÓ. (CON?) ĐÃ TỰ LẮP ĐƯỢC MỘT CÁI, TRÔNG KHÔNG ĐẸP BẰNG CÁI CỦA BỐ ĐÂU. NHƯNG CON ĐÃ LÀM NÓ HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC. VÀ VÌ THẾ CON ĐƯỢC BIẾT RẰNG SẼ KHÔNG CÓ CUỘC GIẢI CỨU NÀO HẾT VÀ RẰNG “MỘT MỤC SƯ SẼ TIẾN HÀNH NGHI LỄ GIỐNG NHƯ LỄ TANG Ở TRÊN BIỂN, NGỢI CA LINH HỒN CỦA HỌ VỚI ‘SỰ CHÂN THÀNH SÂU SẮC NHẤT’, KẾT LẠI VỚI LỜI CẦU CHÚA.” CON E RẰNG SẼ CHẴNG CÓ LỜI CẦU NGUYỆN NÀO LÀM ĐƯỢC GÌ CHO BẤT KÌ AI NỮA. XIN LỖI VÌ CHỮ VIẾT CẦU THẢ THẾ NÀY. DÙNG BÚT CHÌ BẰNG ĐÔI GĂNG TAY NÀY (KHÔNG THỂ GIẢI MÃ) NHƯ CON MUỐN. HOẶC CÓ LẼ LÀ VÌ ĐẦU (CON), CON ĐANG SẮP CẠN KHÍ ÔXY, ĐAU ĐẦU TÌM ĐÚNG TỪ CŨNG MẤT THỜI GIAN LẮM. SẼ RỜI DARLAH 2 BÂY GIỜ, TÌM MỘT CHỖ THẬT ĐẸP BÊN NGÔI (KHÔNG THỂ GIẢI MÃ) CÓ THỂ NGẤM TRÁI ĐẤT CHO ĐẾN KHI

CON (KHÔNG THỂ GIẢI MÃ) SẼ LÀ MỘT (CẢNH?) ĐẸP CUỐI CÙNG. CON KHÔNG CÒN GÌ ĐỂ NÓI THÊM NỮA. ĐÂY LÀ MỘT HÀNH TRÌNH TUYỆT VỜI. TẤT CẢ. TẤT CẢ MỌI NGƯỜI ĐỀU ĐẸP. KHÔNG CON NÓI ĐỐI ĐẤY. CON ƯỚC BỐ MẸ Ở ĐÂY. KHÔNG GIỐNG LỮ ĐỘNG VẬT.²⁰ BỨC THƯ. MẸ, SANDR, CON XIN LỖI CON RẤT XIN LỖI. CON PHẢI (ĐI?) ĐÂY.

MIA (KÍ TÊN)

>>>>>>>>>> LỜI NHẮN KẾT THÚC...

CHẤM DỨT TRUYỀN TÍN HIỆU

LỜI TÁC GIẢ

Tín hiệu 6EQUJ5 quả thực đã được ghi lại vào ngày 15 tháng Tám năm 1977 tại Đài Quan sát Thiên văn Vô tuyến Big Ear (bây giờ là Đài Quan sát Thiên văn Vô tuyến Trường đại học bang Ohio) ở Delaware, Ohio – và những chi tiết trong câu chuyện Coleman kể từ trang 276 đến 279 về việc bắt được tín hiệu này đều là sự thật. Cũng cần lưu ý rằng vào ngày 20 tháng Tám và 5 tháng Chín năm 1977, hai con tàu vũ trụ tên là *Voyager 1* và *Voyager 2* đã được phóng lên từ Trung tâm Vũ trụ Kennedy ở Florida. Ngoài việc chụp ảnh và đo hệ mặt trời, chúng còn mang theo một thông điệp: một cuốn băng mạ vàng chứa các hình ảnh, âm nhạc và tiếng động từ hành tinh của chúng ta, được gửi đi để phòng trường hợp hai con tàu được một nền văn minh ngoài Trái Đất tìm ra. Mười ba năm sau khi phóng lên, *Voyager 1* bay vượt ra ngoài quỹ đạo của sao Hải Vương và rời khỏi hệ mặt trời của chúng ta. *Voyager 1* và *2* vẫn đang tiếp tục hành trình của chúng trong vũ trụ với vận tốc mười bảy ki-lô-mét mỗi giây, và hiện giờ chúng vẫn đang là những vật thể nhân tạo đi xa Trái Đất nhất. Nếu không có ai phát hiện ra, thì phải sau ít nhất bốn mươi ngàn năm nữa, *Voyager 1* mới đến được Alpha Centauri, ngôi sao gần nhất tính từ hệ mặt trời của chúng ta.

VỀ TÁC GIẢ



Johan Harstad (sinh năm 1979 tại Stavanger, Na Uy) ra mắt lần đầu tiên vào năm 2001 với tuyển tập văn xuôi *Herfra blir du bare eldre* (*Từ đây bạn sẽ chỉ già đi*). Năm tiếp theo anh xuất bản một tập truyện ngắn có tên gọi *Ambulanse* (*Xe cấp cứu*), và vào năm 2005 anh xuất bản *Buzz Aldrin, hvor ble det av deg I alt mylderet?* (*Buzz Aldrin, điều gì đã xảy ra với ông trong cơn lộn xộn?*), tác phẩm đã được xuất bản tại mười ba nước, bao gồm Mỹ, Pháp, Đức, Nga, và Hàn Quốc, và được giải *Bình luận Kirkkus* cho tiểu thuyết xuất sắc nhất vào năm 2011. Năm 2007, Harstad xuất

bản cuốn tiểu thuyết *Hässelby*, cuốn sách đem lại cho anh Giải thưởng Phê bình Văn học Trẻ Na Uy. Ngoài ra anh còn từng viết bốn vở kịch. *172 giờ trên Mặt Trăng* (được xuất bản ở Na Uy với tên *DARLAH 2: 172 timer på månen*) là cuốn tiểu thuyết cho thanh thiếu niên đầu tiên của anh, và đã đem lại cho anh Giải thưởng Brage năm 2008, một trong những giải thưởng văn học danh giá nhất Na Uy. Cuốn sách hiện đã được xuất bản tại mười nước châu Âu, châu Á và châu Mỹ.

172 GIỜ TRÊN MẶT TRĂNG

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Chịu trách nhiệm xuất bản - Giám đốc: PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo - Phó Giám đốc: NGUYỄN HUY THẮNG

Biên tập: NGUYỄN HƯỜNG LÝ

Trình bày: NGUYỄN KIM ĐIỆP

Chế bản: TRẦN THỊ HẠNH

Sửa bài: NGUYỄN THỊ NHUNG

In 2.000 bản - Khổ 14 cm x 22,5 cm - Tại Công ty TNHH In và
DVTM Phú Thịnh. Đăng kí kế hoạch xuất bản số: 03-2014/CXB/95-
208/KĐ cấp ngày 03/12/2013. Quyết định xuất bản số:
272/QĐKĐ kí ngày 31/7/2014. In xong và nộp lưu chiểu tháng
8/2014.

[1] Tantalum (Ta): Nguyên tố hóa học có số nguyên tử bằng 73, là một nguyên tố hiếm được sử dụng trong nhiều ngành chế tạo khác nhau như linh kiện điện tử, động cơ phản lực, bộ phận tên lửa hay dụng cụ phẫu thuật, v.v. (ND)

[2] Nguyên văn: Sea of Tranquility, tên La tinh là Mare Tranquillitatis, tên của một vùng tối trên Mặt Trăng, còn được gọi là Biển Mặt Trăng, là các đồng bằng tối trên bề mặt Mặt Trăng có thể nhìn thấy rõ bằng mắt thường.

[3] Talking Heads: Ban nhạc Mỹ thành lập năm 1975 và hoạt động đến năm 1991, với phong cách âm nhạc pha trộn nhiều thể loại khác nhau.

[4] Nguyên văn: *"I don't know what you expect staring into the TV set. Fighting fire with fire."* (ND)

[5] Roppongi là một quận của đặc khu Minato, Tokyo, Nhật Bản, nổi tiếng với các quán bar và hoạt động giải trí về đêm. (ND)

[6] David Letterman (1947): diễn viên hài kịch và dẫn chương trình truyền hình người Mỹ, nổi tiếng với talk show *Late Show with David Letterman* của đài CBS. (ND)

[7] Pink Floyd: ban nhạc rock của Anh thành lập vào giữa những năm 60. Một trong những album nổi tiếng nhất của họ có tên *The Dark Side of the Moon* (tạm dịch: Góc tối của Mặt Trăng), phát hành năm 1973. (ND)

[8] Chó lab: Chính là labrador, một giống chó rất trung thành, tình cảm và dễ huấn luyện. (BT)

[9] Thượng lộ bình an!

[10] Adrenaline: là một hormone có tác dụng kích thích máu chảy về tim. (BT)

[11] Tạm dịch: Cuộc sống thời chiến.

[12] Nguyên văn: “*This ain’t no party, this ain’t no disco, this ain’t no fooling around.*”

[13] Nguyên văn: “*Magnificent. Magnificent desolation.*” (ND)

[14] Oui: vâng (tiếng Pháp). (BT)

[15] Gió mặt trời: một luồng hạt mang điện tích được giải phóng từ tầng thượng quyển của Mặt Trời. Đây là nguyên nhân gây ra bão từ cũng như có liên hệ trực tiếp tới hiện tượng cực quang trên Trái Đất và các hành tinh khác.

[16] Plinius: Tên một hồ va chạm (hồ tạo thành trên bề mặt thiên thể do va chạm với một thiên thể nhỏ hơn) nằm trên đường biên giữa Biển Yên Bình và Biển Thanh Thản.

[17] Nguyên văn: Sea of Serenity, tên La tinh là Mare Serenitatis.

[18] Nguyên văn: The Search for Extraterrestrial Intelligence. (ND)

[19] The Salvation Army: Tên một tổ chức từ thiện quốc tế có tính chất tôn giáo và được tổ chức theo kiểu quân đội.

[20] Lúc này tâm trạng Mia rất hoảng loạn nên thư viết bị gạch xóa và sai chính tả. (BT)